BAIRD T. SPALDING

HÀNH TRÌNH VỀ PHƯƠNG ĐÔNG

LIFE AND TEACHING
OF THE MASTERS
OF THE FAR EAST





 NHÀ XUẤT BẢN VĂN HOÁ - THÔNG TIN

Hành Trình Về Phương Đông

Tác giả: Dr. Blair Thomas Spalding

Thể loại: Du ký, Văn học phương Tây

Nguồn: www.dtv-ebook.com
Ebook: Đào Tiểu Vũ eBook - www.dtv-ebook.com
Giới thiệu:

"Đông du" ngày nay đã trở thành một từ quen thuộc. Không chỉ đối với các nhà thám hiểm, khách du lịch, người khảo sát văn hóa, mà cả những nhà khoa học, nhà triết học. Nhưng chỉ chừng cách đây một thế kỷ thì vấn đề không còn đơn giản như vậy. Bấy giờ, với thói duy khoa học và các nhìn Âu tâm luận, người ta coi phương Đông mà phần lớn là thuộc địa của người châu Âu, là một xứ sở lạc hậu, cần được khai hóa văn minh. Bởi thế, mọi tiếp xúc, nghiên cứu học hỏi nền văn hóa thấp kém bản địa đều bị coi là kỳ quặc, thậm chí là xúc phạm.

"Hành trình về phương Đông" của giáo sư Baird Thomas Spalding (1857 - 1953) kể chuyện một đoàn khoa học kia gồm các chuyên môn khác nhau được Hội Khoa học Hoàng gia Anh (tức Viện Hàn lâm khoa học) cử sang Ấn Độ nghiên cứu về "huyền học". Sau hai năm trời lang thang khắp các đền chùa Ấn Độ, chứng kiến nhiều cảnh mê tín dị đoan, thậm chí "làm tiền" du khách, của nhiều pháp sư, đạo sĩ rởm, họ được tiếp xúc với những vị chân tu sống ẩn danh ở thành phố hay trên rặng Tuyết sơn. Nhờ thế, họ được chứng kiến, hiểu biết đúng đắn về các khoa học cổ xưa và bí truyền của văn hóa Ấn Độ như yoga, thuật chiêm tinh, các phép dưỡng sinh và chữa bệnh, quan niệm về cõi sống và cõi chết...

Hành trình về phương Đông nay đã trở thành một thông lộ. Tây và Đông đã gặp nhau. Khoa học và minh triết đã gặp nhau. Cái hiện đại và cổ xưa đã gặp nhau. Thế giới, vì vậy đã trở nên hài hòa hơn, phẳng hơn và, do đó, nhân văn hơn.

Chương 0: Mở Đầu: Một Người Ấn Lạ Kỳ

Trong cuộc sống vội vã, quay cuồng hiện tại, nhiều người đã mất đi niềm tin. Họ quan niệm rằng sống để thụ hưởng, thỏa mãn các nhu cầu vật chất vì chết là hết. Không có Thượng Đế hay một quyền năng siêu phàm gì hết. Cách đây không lâu, một tờ báo lớn tại Hoa Kỳ đã tuyên bố: "Thượng Đế đã chết." Tác giả bài báo công khai thách đố mọi người đưa ra bằng chứng rằng Thượng Đế còn sống. Dĩ nhiên, bài báo đó tạo nên một cuộc bàn cãi rất sôi nổi. Một nhà Thiên Văn Học tại trung tâm nghiên cứu Palomar cũng cho biết: "Tôi đã dùng kính viễn vọng tối tân nhất, có thể quan sát các tinh tú xa trái đất hàng triệu năm ánh sáng mà nào có thấy Thiên Đường hay Thượng Đế cư ngụ nơi nào?" Sự ngông cuồng của khoa học thực nghiệm càng ngày càng đi đến chỗ quá trớn, thách đố tất cả mọi sự.

Tuy nhiên, trong lúc khoa học đang tự hào có thể chứng minh, giải thích tất cả thì một sự kiện xảy ra: Một phái đoàn ngoại giao do Tiểu Vương Ranjit Singh cầm đầu sang thăm viếng nước Anh. Trong buổi viếng thăm Đại Học Oxford, vua Ranjit đã sai một đạo sĩ biểu diễn. Vị đạo sĩ nầy đã làm đảo lộn quan niệm khoa học lúc bấy giờ. Không những ông ta có thể uống tất cả mọi chất hóa học, kể cả những chất cường toan cực mạnh mà không hề hấn gì, ông ta còn nhịn thở hàng giờ đồng hồ dưới đáy một hồ nước. Sau khi để một phái đoàn y sĩ do Bác Sĩ Sir Claude Wade khám ngiệm ông ta còn chui vào một quan tài để bị chôn sống trong suốt 48 ngày. Khi được đào lên, ông ta vẫn sống như thường. Đạo sĩ còn biểu diễn nhiều việc lạ lùng, dưới sự kiểm chứng nghiêm khắc của các khoa học gia. Điều này gây sôi nỗi dư luận lúc đó, Hội Khoa Học Hoàng Gia đã phải triệu tập một ủy ban để điều tra những hiện tượng này. Một phái đoàn gồm nhiều khoa học gia tên tuổi được chỉ thị sang Ấn Độ quan sát, sưu tầm, tường trình và giải thích những sự kiện huyền bí. Phái đoàn khoa học đã đặt ra những tiêu chuẩn rõ rệt để giúp họ quan sát với một tinh thần khoa học tuyệt đối: Không chấp nhận bất cứ một điều gì nếu không có sự giải thích rõ ràng, hợp lý. Để soạn bản thảo tường trình, mỗi khoa học gia trong phái đoàn phải tự mình ghi nhận những điều mắt thấy, tai nghe vào sổ tay cá nhân. Sau đó, tất cả cùng nhau so sánh chi tiết và kiểm chứng cẩn thận. Chỉ khi nào tất cả đều đồng ý thì điều đó mới được ghi nhận vào biên bản chính. Điều này đặt ra để bảo đảm cho sự chính xác, không thành kiến đến mức tối đa. Tất cả những điều gì xảy ra mà không có sự giải thích khoa học, hợp lý đều bị loại bỏ.

Khi ra đi, họ không mấy tin tưởng nhưng khi trở về, họ đều đổi khác. Giáo sư Spalding đã cho biết: "Phương Đông có những chân lý quan trọng đáng để cho người Tây Phương nghiên cứu, học hỏi. Đã đến lúc người Tây Phương phải quay về Đông Phương để trở về với quê hương tinh thần." Điều đáng tiếc là sự trở về của phái đoàn đã gặp nhiều chống đối mãnh liệt từ một dư luận quần chúng đầy thành kiến hẹp hòi. Các khoa học gia bị bắt buộc phải từ chức, không được tuyên bố thêm về những điều chứng kiến. Sau đó ít lâu, Trưởng phái đoàn, giáo sư Spalding đã cho xuất bản bộ sách "Journey to the East" và nó đã gây ngay một dư luận hết sức sôi nổi. Người ta vội tìm đến những người trong phái đoàn thì được biết họ đã rời bỏ Âu Châu để sống đời tu sĩ trong dãy Tuyết Sơn. Tuy thế, ảnh hưởng cuốn sách nầy đã tạo hứng khởi cho nhiều người khác trở qua Ấn Độ để kiểm chứng những điều ghi nhận của phái đoàn. Thiên ký sự của Sir Walter Blake đăng trên tờ London Scientific cũng như loạt điều tra của ký giả Paul Brunton, Max Muller đã vén lên tấm màn huyền bí của Đông Phương và xác nhận giá trị cuộc nghiên cứu này.

Ấn Độ là xứ có rất nhiền tôn giáo. Tôn giáo gắn liền với đời sống và trở nên một động lực rất mạnh làm chủ mọi sinh hoạt người dân xứ này. Người Ấn hường tự hào rằng văn hóa của họ là một thứ văn minh tôn giáo và dân xứ nầy được thừa hưởng một kho tàng minh triết thiêng liêng không đâu có. Vì thế Hội Khoa Học Hoàng Gia đã bảo trợ cho phái đoàn đến nghiên cứu những hiện tượng huyền bí này.

Tuy nhiên, sau hai năm du hành khắp Ấn Độ từ Bombay đến Calcutta, thăm viếng hàng trăm đền đài, tiếp xúc với hàng ngàn giáo sĩ, đạo sĩ nổi tiếng, phái đoàn vẫn không thỏa mãn hay học hỏi điều gì mới lạ. Phần lớn các giáo sĩ chỉ lập đi lập lại những điều đã ghi chép trong kinh điển, thêm thắt vào đó những mê tín dị đoan, thần thánh hóa vài huyền thoại để đề cao văn hóa xứ họ. Đa số tu sĩ đều khoe khoang các địa vị, chức tước họ đã đạt. Vì không có một tiêu chuẩn nào để xác định các đạo quả, ai cũng xưng là Hiền Triết (Rishi), Sư Tổ (Guru) hay Đại Đức (Swami), thậm chí có người xưng là Thánh Nhân giáng thế (Bhagwan). Ấn Độ giáo không có một chương trình đào tạo tu sĩ như Thiên Chúa giáo, bất cứ ai cũng có thể vỗ ngực xưng danh, ai cũng là tu sĩ được nếu y cạo đầu, mặc áo tu hành, xưng danh tước, địa vị để lôi cuốn tín đồ. Ấn giáo không

phải một tôn giáo thuần nhất mà có hàng ngàn tông phái khác nhau, mỗi tông phái lại chia làm nhiều hệ phái độc lập chứ không hề có một tổ chức hàng dọc như các tôn giáo Âu Châu. Các giáo sĩ mạnh ai giải thích kinh điển theo sự hiểu biết của họ. Phần lớn cố tình giảng dạy những điều có lợi cho họ nhất, ngoài ra họ còn tụ họp để phong chức tước lẫn nhau hay chống đối một nhóm khác. Sự tranh luận tôn giáo là điều xảy ra rất thường, nhóm nào cũng tự nhận họ mới là chính thống, mới là đúng với giáo lý của Thượng đế. Do đó, cuộc nghiên cứu tôn giáo của phái đoàn không mang lại một kết qủa mong ước, nhiều lúc mọi người thấy lạc lõng, rối rắm không biết đâu là đúng, là sai. Hội Khoa Học Hoàng Gia chỉ thị việc nghiên cứu phải đặt trên căn bản trên một nền tảng khoa học, hợp lý nhưng lấy tiêu chuẩn nầy áp dụng sẽ gặp nhiều trở ngại vì văn hóa Ấn Độ và Âu Châu khác hẳn nhau. Người dân xứ nầy chấp nhận các tông phái như một điều hiển nhiên, không ai chất vấn khả năng các giáo sĩ hay suy xét xem lời tuyên bố của họ có hợp lý hay không? Họ sùng tín một cách nhiệt thành, một cách vô cùng chịu đựng.

Thất vọng về cuộc du khảo không mang lại kết quả như ý muốn, giáo sư Spalding một mình lang thang đi dạo trong thành Benares. Giữa rừng người hỗn tạp ồn ào, một thuật sĩ cởi trần đang phùng má thổi kèn gọi rắn. Một con rắn hổ to lớn nằm trong sọt ngững cổ lên cao, phun phì phì. Tiếng kèn lên bổng xuống trầm, con rắn cũng lắc lư, nghiêng ngả. Đám đông xúm lại xi xầm coi bộ khâm phục lắm. Nếu họ hiểu con rắn đã bị bẻ răng, nuôi bằng bã á phiện và được luyện tập cẩn thận... Khắp xứ Ấn, các trò bịp bợm nầy diễn ra không biết bao nhiêu lần trong ngày, nó sẽ kết thúc khi một vài tên "cò mồi" đứng trong đám đông vỗ tay, ném tiền vào rổ và khuyến khích dân chúng ném theo... Đang mãi mê suy nghĩ, Spalding bỗng thấy một người Ấn to lớn, phong độ khác thường chăm chú nhìn ông mỉm cười. Người Ấn lễ phép cúi đầu chào bằng một tiếng Anh hết sức đúng giọng, ông cũng đáp lễ lại. Câu chuyện dần dần trở nên thân mật, Spalding bèn lên tiếng hỏi người bạn mới quen nghĩ sao về những trò bịp bợm này. Người Ấn trả lời:

"Các vị minh sư đâu có cư ngụ trong đền thờ lộng lẫy, họ đâu in danh thiếp với các chức tước, địa vị to lớn, trọng vọng. Họ đâu cần phải quảng cáo các quyền năng, đạo quả hoặc in tên trong điện thoại niên giám. Một vị minh sư không nhất thiết phải có đông đệ tử, muốn tìm gặp họ phải biết phân biệt. Các đạo sĩ mà ông đã gặp sở dĩ nổi tiếng, có đông giáo đồ vì họ biết thu tập đệ tử qua các hình thức quảng cáo, biết hứa hẹn những điều giáo đồ muốn nghe, họ chả dạy điều gì ngoài một số "từ chương" trong kinh sách. Điều này một người thông minh có thể tự đọc sách, nghiên cứu lấy. Phải chăng ông thất vọng vì các đạo sĩ ông đã gặp chưa từng có các kinh nghiệm tâm linh?"

Giáo sư Spalding ngạc nhiên:

"Tại sao ông biết rõ như thế?"

Người Ấn mỉm cười:

"Các ông đã bàn cãi với nhau rằng cuối tháng này, nếu không thu thập thêm điều gì mới lạ, phái đoàn sẽ trở về Âu Châu và kết luận rằng Á Châu chả có diều gì đáng học hỏi. Giai thoại về các bậc hiền triết, thánh nhân chỉ là những huyền thoại để tô điểm cho vẻ huyền bí Á Châu."

Giáo sư Spalding mất bình tĩnh:

"Nhưng tại sao ông lại biết những điều này? Chúng tôi vừa bàn định với nhau như thế, ngay trong phái đoàn còn có nhiều người chưa rõ kia mà?"

Người Ấn nở một nụ cười bí mật và thong thả nhấn mạnh:

"Tư tưởng, ông bạn thân mến có một sức mạnh thần giao vượt khỏi thời gian và không gian. Thái độ của ông bạn là lý do mà hôm nay tôi đến đây để chuyển giao một thông điệp ngắn ngủi, chắc hẳn ông bạn rất thuộc thánh kinh: 'Hãy Gõ Cửa Rồi Cửa Sẽ Mở, Hãy Tìm Rồi Ngươi Sẽ Gặp.' Đó là thông điệp của một vị chân sư nhờ tôi chuyển giao."

Sự kiện người Ấn đứng giữa chợ Banares nhắc đến một câu trong Thánh Kinh làm giáo sư Spalding ngây ngất như say vừa tỉnh. Toàn thân ông như rung động bởi một luồn điện cao thế. Ông lắp bắp:

"Nhưng làm sao chúng tôi biết các Ngài ở đâu mà tìm? Chúng tôi đã bỏ ra suốt hai năm trời đi gần hết các đô thị, làng mạc xứ Ấn..."

Người Ấn nghiêm nghị trả lời:

"Hãy đến Rishikesh, một thị trấn bao phủ bởi dẫy Hy-Mã-Lạp-Sơn, các ông sẽ gặp những đạo sĩ hoàn toàn khác hẳn những người đã gặp. Những đạo sĩ này chỉ sống trong các túp lều sơ sài hoặc

ngồi thiền trong các dộng đá. Họ ăn rất ít và chỉ cầu nguyện. Tôn giáo đối với họ cần thiết như hơi thở. Đó mới là những người dành trọn cuộc đời cho sự đi tìm chân lý. Một số người đã thắng đoạt thiên nhiên và chinh phục được các sức mạnh vô hình ẩn tàng trong trời đất... Nếu các ông muốn nghiên cứu về các quyền năng, phép tắc thần thông thì các ông sẽ không thất vọng."

Người Ấn im lặng một lúc và nhìn thẳng vào mặt giáo sư Spalding:

"Nhưng nếu các ông muốn đi xa hơn nữa để tìm gặp các đấng chân sư (Rishi) thì các ông còn mất nhiều thời gian nữa..."

Giáo sư Spalding thắc mắc:

"Ông vừa dùng danh từ Chân Sư, vậy chứ Chân Sư (Rishi) và Đạo Sĩ (Yogi) khác nhau thế nào?"

"Nếu ông tin ở thuyết tiến hóa của Darwin thì tôi xin tóm tắc: Sự tiến hóa của linh hồn đi song đôi với thể xác. Chân Sư là một người đã tiến rất xa trên mức thang tiến hóa trong khi Đạo Sĩ chỉ mới bắt đầu..."

"Như thế thì các vị chân sư có thể làm các phép lạ được chứ?"

Người Ấn mỉm cười khẽ lắc đầu:

"Chắc chắn như thế, nhưng phép thuật thần thông đâu phải mục đích tối hậu của con đường đạo. Nó chỉ là kết quả tự nhiên do sự tập trung tư tưởng và ý chí. Đối với các bậc chân sư, sử dụng phép thuật là điều ít khi nào các Ngài phải làm. Mục đích của con đường đạo là giải thoát, là trở nên toàn thiện như những đấng cao cả mà đức Chúa Jesus là một."

Giáo sư Spalding cãi:

"Nhưng Chúa Jesus đã từng làm các phép lạ."

Người Ấn bật cười trả lời:

"Ông bạn thân mến, bạn nghĩ rằng đức Jesus làm vậy vào mục đích khoe khoang hay sao? Không bao giờ, đó chỉ là những phương tiện để cảm hóa những người dân hiền lành, chất phác và đem lại cho họ một đức tin mà thôi."

Một lần nữa, người Ấn lạ lùng này lại nói về một đấng giáo chủ mà gần như mọi người Tây Phương đều biết đến. Giáo sư Spalding suy nghĩ và hỏi:

"Thế tại sao các đấng Chân Sư không xuất hiện dạy dỗ quần chúng?"

Người Ấn nghiêm nghị:

"Ông nghĩ rằng các ngài sẽ tuyên bố cho người đời biết mình là ai chăng?

Nếu đấng 'Christ' hay đức Phật hiện ra tuyên bố các giáo điều, liệu ông có chịu tin không? Có lẽ các Ngài phải biểu diễn các phép thần thông như đi trên mặt nước hay biến ra hàng ngàn ổ bánh mì cho dân chúng thì các ông mới tin sao? Điều này chắc rồi cũng sẽ có một số đạo sĩ Hắc Đạo biểu diễn để lôi cuốn tín đồ nhưng các Đấng cao cả đâu có làm thế phải không ông bạn?"

"Nhưng... nhưng các ngài sống ẩn dật như thế có lợi gì cho thế gian đâu?"

Người Ấn mỉm cười:

"Vì không biết rõ các Ngài nên thế gian không thể xét đoán các Ngài một cách đứng đắn. Ai bảo rằng các Ngài không giúp ích gì cho nhân loại? Nếu tôi quả quyết rằng đấng 'Christ' vẫn thường xuất hiện và vẫn giúp đỡ nhân loại không ngừng thì ông có tin không? Có lẽ ông sẽ đòi hỏi một bằng chứng, một hình ảnh hoặc một cái gì có thể chứng minh được. Bạn thân mến, những tư tưởng sâu xa của các Đấng cao cả không dễ gì chúng ta hiểu thấu. Có lẽ câu trả lời giản dị nhất là các Ngài phụng sự thế gian một cách âm thầm, lặng lẽ bằng cách phóng ra các tư tưởng thương yêu, bác ái, tốt lành mà sức mạnh có thể vượt thời gian và không gian. Tuy mắt ta không trông thấy nhưng hiệu lực của nó vô cùng mạnh mẽ. Khi xưa, nhân loại còn ấu trĩ nên các Ngài đã xuất hiện để đặt một nền móng, căn bản, hướng dẫn loài người. Đến nay, nhân loại đã ít nhiều trưởng thành và phải tự lập, sử dụng khả năng của mình, chịu trách nhiệm về những việc họ làm."

Giáo sư Spalding suy nghĩ và hỏi:

"Lúc nãy bạn nói rằng có một vị chân sư nhờ bạn chuyển giao một thông điệp cho chúng tôi. Bạn có thể cho tôi biết địa chỉ của Ngài được không?"

"Bạn thân mến, tất cả đều do nhân duyên, đến khi nào đủ duyên bạn sẽ gặp các Ngài."

Nói xong, người Ấn Độ cúi đầu chào và biến mất trong đám người đông đúc, ồn ào giữa ngôi chợ thành phố Benares.

Chương 1: Chương 1: Người Đạo Sĩ Thành Benares

Thành phố Benares là một nơi có nhiều di tích lịch sử và có rất nhiều tu sĩ. Bất cứ một người Âu Mỹ nào đến đây cũng ngạc nhiên về thành phố dân cư đông đúc, nhà cửa san sát và khắp nơi nhan nhản những đền thờ, lăng tẩm đồ sộ. Có những ngôi đền trông thì thật cổ kính, trang nghiêm nhưng khi bước vào trong bạn sẽ thấy gì? Một số tín đồ hành lễ ngây ngô vừa cầu nguyện vừa rung một cái chuông nhỏ để lời cầu xin của họ thấu đến tai các vị thần. Một số khá đông đạo sĩ ngồi trong các tư thế Yoga cực kỳ lạ lùng, khó tập luyện để tín đồ đến bỏ tiền vào trong bát nhỏ bầy trước mặt họ. Chúng tôi có cảm tưởng như họ làm xiếc biểu diễn kiếm ăn hơn là thực hành một pháp môn tu hành chân chánh.

Trong khi mọi người trong phái đoàn đang quay phim những đạo sĩ ngồi trên bàn đinh, các đền thờ to lớn thì giáo sư Spalding thong thả đi dạo ngoài bờ sông. Ông nhìn thấy một đạo sĩ vóc người lực lưỡng đang đi gần đó. Như có một mãnh lực vô hình nào đó thúc đẩy, Spalding muốn vượt lên để nhìn cho rõ, ông bèn rẽ qua một lùm cây rậm rạp để bắt cho kịp vị đạo sĩ nọ. Vừa đi vài bước, ông đã giựt mình vì gặp một con rắn hổ mang to lớn chặn lối. Rắn hổ là một loại rắn cực độc, hàng năm có hàng ngàn người bị rắn cắn chết vì xứ Ấn giống rắn này có nhiều vô kể, xuất hiện khắp nơi. Tiến thoái lưỡng nan, chưa biết phải làm gì thì con rắn đã trườn tới ngửng cao cổ phun phì phì. Bất ngờ, vị đạo sĩ ở đâu đi đến, ông chẳng nói gì chỉ bước thẳng vào giữa con rắn và giáo sư Spalding. Vị đạo sĩ dơ tay vuốt nhẹ, con rắn từ từ bò vào trong bụi rậm, mất hút trước sự ngạc nhiên của giáo sư Spalding. Vị đạo sĩ mỉm cười thong thả tuyên bố:

"Cái phàm ngã hữu hình, hữu hoại không thể làm việc này mà đó là cái Chân Ngã thâm diệu, cái mà ta gọi là Thượng Đế ngự trong tôi và muôn loài đã khiến con rắn bỏ đi, khi hoàn toàn gạt bỏ cái phàm ngã bên ngoài để cho cái Chân Ngã tự biểu lộ và hành động thì không chuyện gì có thể xảy ra nữa. Bằng cách phát triển toàn vẹn tình thương và bác ái của Thượng Đế cho nó xuyên qua mình và ban rải cho muôn loài ta sẽ cảm hóa được các thú dữ. Khi ông vừa gặp con rắn, một tư tưởng sợ hãi phát ra và tôi đã nhận được tư tưởng này. Ngoài ra hình như ông có ý muốn gặp tôi?"

Giáo sư Spalding ấp úng:

"Chúng tôi đang suy tầm các hiện tượng huyền bí Á Châu---thú thật là tôi đang cảm thấy hoang mang và thất vọng về những điều nhìn thấy ngoài chợ nhưng khi vừa nhìn thấy ông tôi linh cảm có một sự gì khác thường---Hình như có một mãnh lực vô hình nào xui khiến..."

Đạo sĩ chăm chú nhìn giáo sư rồi ra dấu cho ông này ngồi xuống bên gốc cây cổ thụ gần đó. Đạo sĩ lên tiếng:

"Sáng nay trong cơn thiền định, tôi nhận được một thông điệp về các ông, do đó tôi mới rời am thất đi dạo bên ngoài. Phải chăng các ông muốn tìm hiểu về phép tu Yoga? Đáng lý không bao giờ tôi tiết lộ điều này nhưng tôi đã nhận thông điệp phải giúp đỡ các ông vậy thì ông cứ hỏi, tôi sẽ cố gắng trả lời tùy theo sự hiểu của mình."

"Xin ông cho chúng tôi được biết về khoa Yoga."

Đạo sĩ yên lặng trong chốc lát và lên tiếng:

"Không ai biết rõ pháp môn Yoga bắt đầu từ lúc nào trong lịch sử. Kinh sách Ấn Độ Giáo nói rằng thần Shiva truyền dạy môn này cho hiền triết Gheranda. Nhà hiền triết dạy lại cho các đệ tử của ông nhưng chỉ có Marteyanda là lãnh hội được các tinh túy và phổ biến trong giới trí thức thời đó.

Yoga là một khoa học bao gồm nhiều thứ từ Thiên văn, Địa lý, Triết học, Toán học v.v... Pháp môn tôi được truyền dạy gọi là Hatha Yoga chỉ là một phần nhỏ của toàn bộ Yoga. Theo lời sư phụ tôi thì trong thời cực thịnh Yoga phát triển khắp nơi và lôi cuốn giới hiền triết, trí thức rất đông. Theo thời gian, thời hoàng kim đã qua. Nhân loại đã sa vào hố thẳm của sa đọa vật chất, bị lôi cuốn vào các cám dỗ xác thịt. Để chống lại sự phá sản tâm linh này, các hiền triết đã hội thảo để tìm một giải pháp. Sau cùng họ đi đến kết luận là cho phép truyền dạy một phần của môn Yoga cho quần chúng nhằm đem lại một giải pháp cho giai đoạn lúc đó. Phần được truyền dạy này trích ở chương Yuj (cái ách) gồm các phương pháp trói buộc tinh thần lẫn thể xác trong một kỷ luật khắt khe để đạt mục đích tập trung Tâm và Thân làm một với bản thể trời đất. Từ đó

phần này được truyền bá khắp nơi và tồn tại đến ngày nay. Vì trích ở chương Yuj nên nó được gọi là Yoga. Nên nhớ đây chỉ là một phần rất nhỏ của môn Yoga nguyên thủy vậy mà phần nhỏ này cũng chỉ rất ít người hiểu rõ một cách đứng đắn. Đa số đã hiểu sai nên mới có các lối tập luyện kỳ dị, các lối tu khổ hạnh điên rồ, các tư thế lố bịch. Như các ông thấy, có các đạo sĩ nằm bàn đinh, dơ cánh tay lên trời cho đến khi nó khô liệt. Sự luyện tập như thế không có ích gì mà cũng chả mang lại một kết quả gì. Đó là những kẻ đã làm hoen ố danh dự một khoa học như Yoga. Đối với đa số, Yoga đã bị hạ thấp xuống thành một môn thể dục để thân thể khỏe mạnh cường tráng.

Tuy thế, nếu luyện thế đúng cách nó vẫn mang lại nhiều kết qủa tốt cho thể xác. Nhưng các đạo sĩ Yogi lại khác, họ biết rằng luyện tập môn này sẽ giúp họ khám phá các năng lực tiềm tàng, mầu nhiệm, giúp họ đạt các phép thần thông biến hóa.

Để luyện ý chí, họ tập trung năng lực vào các việc như hành xác, bắt nó chịu các thử thách cực độ như phơi nắng, dầm sương, ngồi trên than hồng, đứng bằng tay, tréo chân lên cổ, nhịn đói, nhịn khát, lấy gươm xiên vào da thịt, v.v...

Để chứng minh quyền năng ý chí, họ đem trò này ra biểu diễn cho quần chúng để tìm cách vừa kiếm tiền, vừa hưởng sự kính trọng của đám dân chúng khờ khạo.

Mục đích của Yoga đâu phải làm trò lạ mắt cho người đời kính phục."

Giáo sư Spalding ngắt lời:

"Nhưng ta có nên trách họ không? Nếu các đạo sĩ chân tu dấu kín các phép tu chân truyền thì sự hiểu lầm làm sao tránh khỏi."

Đạo sĩ mỉm cười thong thả giải thích:

"Một ông vua có khi nào phơi bày ngọc ngà, châu báu cho mọi người coi chơi. Ông ta cất dấu cẩn thận có phải thế chăng? Pháp môn Yoga còn gì quý bằng nên người tu chân chính không khi nào đem rao bán ngoài chợ. Kẻ nào thành tâm muốn học hỏi phải ra công tìm kiếm và đó là phương pháp duy nhất. Một danh sư không cần quảng cáo rầm rộ vì không cần các đệ tử xúm vào xưng tụng. Trái lại, ông tuyển chọn đệ tử gắt gao và chỉ tryền dạy các giáo lý bí truyền khi người đệ tử tỏ ra xứng đáng. Khoa Yoga bí mật vì cách luyện rất nguy hiểm đối với người non kém, chưa đủ khả năng. Khai mở các bí huyệt đâu phải trò chơi tầm thường.

Có rất nhiều môn Yoga khác nhau nhưng tôi tu luyện theo môn Hatha Yoga nhằm việc chủ trị xác thân trước khi chủ trị tinh thần.

Lúc đầu ta phải luyện tập bắp thịt và bộ máy hô hấp cho thật thuần thục sau đó mới đi vào thần kinh, não tủy. Nếu tập đúng cách, sức khỏe sẽ tăng cường, sống lâu và có ý chí mạnh mẽ. Đó chỉ là giai đoạn nhập môn, nó đòi hỏi ít nhất từ một đến bốn năm mới đáng kể. Thân thể có cường tráng, tinh thần có dũng mãnh mới có thể tiếp tục bước vào giai đoạn kế tiếp."

Giáo sư Spalding gật gù:

"Như thế môn này khác phương pháp thể dục của người Âu Mỹ thế nào? Chúng tôi cũng có các cách khiến thân thể khỏe mạnh."

Đạo sĩ bật cười lớn:

"Người Âu Mỹ biết cách làm thân thể nẩy nở trên bộ da, bắp thịt, làm sao so với lối luyện tập của người Á Châu vốn chú trọng từ bên trong ra ngoài.

Trước hết có bốn cách thức căn bản: Nghĩ ngơi làm xoa dịu thần kinh, cân não. Tĩnh tọa để tập trung ý chí. Điều tức để tẩy uế thân thể, khu trục các chất cặn bã và khí công để kiểm soát hơi thở. Hãy lấy một thí dụ giản dị như việc nghỉ ngơi, hãy quan sát con mèo khi nó nằm yên hay rình bên lỗ chuột. Con mèo biết cách dưỡng sức, bảo tồn sinh lực không hao phí chút nào. Mọi cử động tư thế là cả một sự suy nghĩ, kiểm soát để thoải mái tối đa. Người Âu các ông tưởng mình biết nghỉ ngơi nhưng thật ra, các ông không biết gì cả. Các ông ngồi trên ghế một lúc rồi quay bên nầy, ngả bên nọ. Khi thì tréo chân, lúc lại dang tay, coi thì thoải mái nhưng trí óc các ông hoạt động liên miên từ việc này đến việc nọ. Như thế chỉ là hoạt động âm thầm chứ đâu phải nghỉ ngơi.

Loài vật biết cách dưỡng sức bởi vì chúng có bản năng dìu dắt mà bản năng là tiếng nói tự nhiên. Loài người được hướng dẫn bằng lý trí nhưng thay vì làm chủ lý trí họ đã không kiểm soát được bộ óc của họ nên hậu quả là cả hệ thống thần kinh lẫn xác thể đều bị ảnh hưởng. Sự nghỉ ngơi hoàn toàn gần như không có.

Giáo sư Spalding thở dài thú nhận:

"Đó là điều chúng tôi không bao giờ nghĩ đến nhưng liệu ông có thể nói rõ hơn về khái niệm sơ đẳng môn Hatha Yoga không?"

"Tôi chỉ có thể nói một vài tư thế giúp con người tăng cường sức khỏe thôi. Có hai mươi tư thế (Asana) mà ai cũng có thể tập luyện để tăng cường sinh lực. Các tư thế này có ảnh hưởng đến một số bí huyệt khiến nó tác động lên các cơ quan suy yếu, giúp nó hoạt động trở lại mạnh mẽ hơn. Khoa học Tây Phương đã chứng minh rằng ngoài các mạch máu chính, thân thể con người còn có hàng triệu các vi ti mạch chạy khắp nơi để đưa dưỡng khí nuôi cơ thể. Nếu một cơ quan hay bắp thịt ít hoạt động hay suy yếu thì số lượng các vi ti mạch (cappilaries) cũng giảm bớt đi. Tập thể thao hay bơi lội có thể làm các mạch máu nhỏ nầy gia tăng hoạt động khiến cơ quan phục hồi. Cũng như thế, tập các tư thế Yoga sẽ làm luồng Hỏa hầu (Prana) lưu chuyển, kích động các cơ quan từ trong khiến nó hoạt động đúng với hiệu năng của nó. Ông nên nhớ, tập thể thao có thể làm các cơ quan hoạt động nhưng tập Yoga làm nó hoạt động đúng với hiệu năng sẵn có. Do đó, nó mang lại nhiều hiệu qủa thần diệu hơn. Con người không cò lo bệnh tật gì nữa, nếu có bệnh cũng sẽ khỏi hoàn toàn.

Giáo sư Spalding lắc đầu:

"Tôi không tin người Âu Mỹ sẽ chấp nhận việc tập Yoga chữa được hết bệnh tật."

Đạo sĩ mỉm cười:

"Một thân thể khỏe mạnh, cường tráng làm sao có thể bị bệnh được? Bệnh tật là do sự mất quân bình trong cơ thể. Người Âu Mỹ các ông chỉ biết hoạt động chứ đâu biết nghỉ ngơi, thế đã là lý do gây nên các bệnh thần kinh rồi."

"Thôi được, xin ông nói thêm về cách tập luyện ra sao?"

Đạo sĩ thong thả giải thích:

"Việc đầu tiên là phải ngồi cho thoải mái, ngồi trên ghế, nhất là các ghế bành êm ấm rất có hại cho xương sống, con đường vận hà chính của luồng Hỏa hầu Prana, và là nguyên nhân gây nên các chứng đau lưng, bại xuội, phong thấp. Phép ngồi thật ra rất dễ, chỉ cần ngồi xếp bằng dưới đất, không dựa vào đâu, không nghiêng ngả bên nào, giữ cơ thể thật thăng bằng, xương sống phải thật thẳng và thở nhẹ, đều đặn. Ai cũng có thể thở nhẹ trong vài phút nhưng sau đó sẽ lại thở loạn xạ ngay. Đó là vì bộ óc quen hoạt động, quen náo nhiệt. Hãy giữ cho lòng yên tĩnh, vắng lặng không bận rộn vào mọi chuyện vớ vẩn. Lúc đầu chưa quen chủ trị tư tưởng thì hãy nghĩ đến một cái gì đẹp đẽ, mỹ lệ như bông hoa, giòng suối. Đó là bước đầu cho việc nghỉ ngơi."

Giáo sư Spalding buột miệng:

"Như thế đâu có gì khó khăn lắm."

Đạo sĩ bật cười:

"Nghỉ ngơi cần gì phải khó khăn, phiền phức. Khi giữ được xương sống thẳng và thở hít đều đặn thì luồng chân khí sẽ lưu thông khắp cơ thể và từ đó sẽ điều chỉnh các chỗ bế tắc, ứ đọng trong châu thân. Cách thứ hai là nằm ngửa trên mặt đất, chân duỗi thẳng, đưa hai ngón chân cái ra ngoài. Hai tay buông xuôi bên thân mình, mắt nhắm lại để sức nặng toàn thân phân phối đều trên sàn gạch. Nên nhớ phải nằm trên sàn chứ không phải trên giường, nhất là giường nệm vì giường mềm mại khiến thân thể lệch lạc không đều. Hãy nằm cho thoải mái, không nên cố gắng thái qúa, đầu óc phải thảnh thơi, chớ suy nghĩ hay mong mỏi điều gì. Tư thế này sẽ xoa dịu bộ thần kinh khiến nó lấy lại trạng thái quân bình. Nên nhớ nền tảng chính của Hatha Yoga dựa trên sự nghỉ ngơi, dưỡng sức chứ không phải hành xác với các tư thế vặn vẹo kỳ cục."

"Nhưng Yoga có các tư thế đó cơ mà?"

"Vấn đề đứng ngồi một tư thế đặc biệt trong một khoảng thời gian không quan trọng nhưng sự tập trung ý chí để thi hành tư thế đó một cách đứng đắn sẽ thúc đẩy các mãnh lực tiềm tàng trong cơ thể con người. Những mãnh lực này là bí mật của thiên nhiên, nó chỉ phát triển khi người luyện tập phải kèm theo một phương pháp thở (Khí Công). Tư thế giúp con người chủ trị giác quan, hơi thở giúp con người mở cửa vào thế giới tinh thần. Nên nhớ tinh thần và thể xác luôn đi song đôi. Không thể có một tinh thần bạc nhược trong một thể xác tráng kiện hay tinh thần minh mẫn trong một thể xác bệnh hoạn. Trong giai đoạn cao của Hatha Yoga thì hành giả sẽ phải tham thiền nhập định rất lâu, thế ngồi của thể xác là điều quan trọng vì nó giúp sự tập trung tư tưởng được dễ dàng, giúp hành giả tinh tấn, tăng cường ý chí..."

"Nhưng tôi vẫn thắc mắc về các tư thế kỳ lạ, vặn vẹo thân mình của Yoga như chổng ngược đầu, vắt chân lên cổ..."

"Bạn nên nhớ, trung tâm bí mật của hệ thần kinh rải rác nhiều chỗ trong cơ thể. Mọi tư thế có công dụng riêng, ảnh hưởng đến một bí huyệt nhất định. Nhờ kích động các bí huyệt đó mà ta có thể ảnh hưởng các bộ phận trong cơ thể cũng như hoạt động trí não. Các tư thế lạ lùng chỉ dùng để kích động các bí huyệt mà thôi. Ngoài ra không còn gì khác nữa. Bạn phải nhớ kỹ rằng ngoài các tư thế còn có phương pháp khí công nữa chứ không phải chỉ vận động các bắp thịt thôi.

Người Tây Phương tập thể thao, vận động thể xác mạnh mẽ, tiêu phí sinh lực để làm nẩy nở bắp thịt. Người Á Châu tin rằng chính cái sức mạnh ở trong mới điều khiển và chỉ huy các bắp thịt. Bạn cho rằng phương pháp chổng ngược chân lên trời (trồng cây chuối) là lố bịch ư? Tư thế này dồn máu xuống bộ óc do trọng lượng của nó. Bình thường máu được đưa lên óc do sức vận động của tim. Sự khác biệt ở chỗ để máu tự nhiên dồn xuống óc xoa dịu cân não rất có lợi cho ai làm việc nhiều bằng trí óc và giúp quả tim ngơi nghỉ không phải cố gắng để đưa máu lên óc. Nhờ tim được ngơi nghỉ mà tránh được các chứng đau tim. Khi thực hành các tư thế này phải cẩn thận, làm chậm rãi, từ từ, có ý thức, giữ vững tư thế trong một thời gian, không nên cố gắng thái quá. Nên nhớ chìa khóa là ở sự nghỉ ngơi thong thả chứ không phải hùng hục. Môn Yoga giúp thân thể tự động điều hòa trong sự yên tĩnh, thăn bằng, khác hẳn các lối tập thể thao co tay, múa chân ào ạt của người Âu. Làm thế tuy bắp thịt cơ thể nẩy nở nhưng thân thể náo động, có hại cho thần kinh."

Giáo sư Spalding im lặng không thốt nên lời nào, tất cả những gì người đạo sĩ này nói ra đều hợp lý, rất khoa học, không hề có tính chất mê tín dị đoan như ông đã nghe các tu sĩ khác thần thánh hóa. Một người Âu trung bình vốn coi rẻ dân tộc Á Châu như loại người chậm tiến, di sản một miền nóng bức, thiếu ăn, chắc phải ngạc nhiên khi thấy từ thời xưa người Ấn đã được giáo dục một cách tập thể dục tối tân, tinh vi, và khoa học như thế.

Đạo sĩ Ấn nhìn ông mỉm cười như đoán được ý nghĩ:

"Yoga là khoa học của vũ trụ, nó không những chỉ áp dụng riêng đối với dân Á Châu mà khắp nơi. Tôi không thể đi sâu vào chi tiết nhưng dù sao duyên hội ngộ lần này cũng tốt đẹp. Tôi giúp ông bạn một chìa khóa bí truyền này: Luật thiên nhiên định rằng trung bình con người thở với số nhịp là 21.600 lần mỗi ngày. Sự hô hấp quá nhanh làm gia tăng nhịp điệu nói trên và thu ngắn sự sống. Sự hô hấp chậm rãi, kéo dài, đều đặn là tiết kiệm sinh lực và kéo dài sự sống, đó là bí quyết khoa Khí công. Mỗi hơi thở tiết kiệm sẽ tích tụ lại thành một số dự trữ giúp ta kéo dài sự sống. Các đồ ăn có chất kích thích hay hút thuốc làm cho hơi thở dồn dập, giảm số lượng dưỡng khí vào phổi tất nhiên làm ta giảm thọ nhanh. Có lẽ ông bạn còn nghi ngờ...? Khoa Yoga ý thức rất rõ sự liên quan chặt chẽ giữa cơ quan hô hấp và tuần hoàn. Cả hai cơ quan này liên hệ mật thiết với hệ thần kinh. Bộ thần kinh là chìa khóa vào cánh cửa tâm linh, do đó, hơi thở chính là lối vào tinh thần. Nhưng hơi thở chỉ là sự biểu lộ trên địa hạt vật chất của một sức mạnh tế nhị hơn. Sức mạnh này mới là cột trụ sinh hoạt xác thể và chính cái sức mạnh vô hình, vô ảnh ẩn tàng trong cơ thể chúng ta mới thực sự điều khiển đời sống. Khi nó rời xác thân thì hơi thở ngừng lại và sự chết đến. Sự kiểm soát hơi thở giúp ta làm chủ một phần nào luồng sinh lực vô hình này. Khi sự chủ trị thân xác được thực hiện đến mức cao siêu, con người sẽ kiểm soát được sự vận động các cơ quan trong thân thể như tim, gan, bao tử, phổi..."

"Làm sao có thể được, tim ngừng đập là chết rồi còn gì?" Giáo sư Spalding kêu lớn.

"Bạn không tin ư, được bạn hãy để tay lên ngực tôi."

Giáo sư Spalding để tay lên ngực đạo sĩ và tay kia bắt mạch. Một sự rung động lạ lùng xảy ra, nhịp tim đập của đạo sĩ từ từ chậm dần và ngưng hẳn. Đây là một ảo tưởng? Giáo sư vội đưa tay xem đồng hồ, đúng một phút im lặng rồi quả tim bỗng bắt đầu đập trở lại. Đạo sĩ mỉm cười giải thích:

"Bây giờ thì ông tin rồi chứ? Có lẽ ông nghĩ rằng điều này phản khoa học, tôi xin lấy thí dụ sau mà ông có thể kiểm chứng được: Con voi thở chậm hơn con khỉ do đó nó sống lâu hơn. Quan sát lối hô hấp loài vật như con rắn chẳng hạn, nó thở rất chậm nên sống lâu hơn con chó. Nếu nghiên cứu kỹ bạn sẽ thấy sự liên hệ mầu nhiệm giữa hơi thở và sự sống lâu. Một kẻ sống đời êm đềm, sống lâu hơn người có đời sống vội vã, náo nhiệt. Có các giống dơi ngủ suốt mùa đông. Chúng treo cẳng trên vách đá ngưng thở nhiều tháng và chỉ tỉnh giất khi xuân đến. Con gấu cũng ngủ suốt mùa đông như thế. Tại sao loài vật làm được mà loài người lại không làm được? Đó đâu phải phản khoa học hay phản thiên nhiên. Vì các khoa học gia kết luận rằng điều này không thể xảy ra nên không bao giờ họ nhìn thêm điều gì nữa. Đối với người Á Châu, bất cứ việc gì cũng có thể xảy ra và thiên nhiên là ông thầy rất tốt."

"Nhưng như thế đâu có lợi gì, sống lâu thêm vài tháng, vài giờ..."

Đạo sĩ mỉm cười một cách bí mật trả lời:

"Một ngày nào đó bạn sẽ hiểu lời tôi nói. Tôi không thể giải thích gì thêm lúc này. Bạn có tin rằng nếu luyện tập pháp môn này đến mức cao siêu ta có thể thắng đoạt tử thần không? Bạn đồng ý rằng ngưng thở là chết và nếu ta giữ được hơi thở thì ta bảo tồn sự sống có đúng không?"

"Dĩ nhiên như thế."

"Bạn thân mến, một đạo sư có thể cầm giữ hơi thở không những trong nhiều tuần, nhiều tháng, nhiều năm và nhiều thế kỷ tức là họ có thể kéo dài sự sống theo ý muốn có đúng không? Ông bạn đã đồng ý rằng hơi thở ở đâu tức là sự sống ở đó kia mà."

"Nhưng làm sao có ai giữ được lâu như thế?"

"Khi bạn lên dãy Hy-Mã-Lạp-Sơn, bạn sẽ gặp những người này và điều này không lạ lùng như bạn nghĩ. Khoa Yoga chân truyền có thể đem lại nhiều quyền năng bất ngờ, lạ lùng nhưng đã mấy ai khổ công tập luyện. Trong thời buổi điên đảo hiện nay, con người mê mải trong danh lợi, phù phiếm, các ảo ảnh cuộc đời, làm gì có thì giờ suy nghĩ đến sinh hoạt tâm linh. Đó cũng là lý do những người thực sự mong muốn một trạng thái tâm linh thường ẩn mình nơi hoang vắng, các bậc đó không bao giờ phải đi tìm đồ đệ mà người tìm đạo phải đi kiếm các ngài..."

Giáo sư Spalding thắc mắc:

"Nhưng sống lâu trong hoang vắng để làm gì chứ?"

"Hiện giờ đầu óc bạn vẫn còn suy nghĩ như người Âu nghĩa là lý luận theo một chiều. Muốn học hỏi bạn phải cởi bỏ các thành kiến sẵn có thì mới mong học hỏi những điều mới lạ. Một thời gian nữa bạn sẽ hiểu điều tôi muốn nói.

Dĩ nhiên, các bậc chân sư kéo dài đời sống vì những lý do chính đáng, cao cả chứ đâu tham sống sợ chết như người thường. Trên dẫy Tuyết Sơn có những vị đã sống cả trăm năm, có vị sống đến cả ngàn năm. Tất cả đều có những sứ mạng riêng nên họ giữ nguyên thể xác. Một đạo sĩ thấp kém như tôi không đủ kiến thức để có ý kiến. Tôi cho bạn biết trước một điều, bạn sẽ cầm về Anh móng tay của một vị Lạt Ma đã sống hơn bốn trăm năm."

"Liệu ông có thể cho chúng tôi biết làm cách nào để kéo dài đời sống như thế được?"

"Có ba phương pháp kéo dài sự sống. Phương pháp thứ nhất là luyện tập tất cả các tư thế (asana) cùng với môn khí công bí truyền cho thật thuần thục tuyệt hảo. Phương pháp này chỉ có thể thực hiện dưới sự chỉ dẫn của một vị danh sư đã có kinh nghiệm vì sai một ly đi một dặm, đó là chưa kể người tập phải có một nếp sống tinh khiết, trong sạch hoàn toàn. Một ý niệm xấu khi thiền định có thể làm loạn động hơi thở đưa đến tình trạng "Tẩu hỏa nhập ma," điên loạn hoặc chết ngay.

Phương pháp thứ hai là sử dụng dược chất, pha chế các loại thuốc đặc biệt các loại cây cỏ hiếm hoi, phương pháp này cũng chỉ một thiểu số biết cách bào chế và chỉ truyền lại cho các đệ tử riêng. Phương pháp luyện đơn này chỉ được dùng trong trường hợp đặc biệt vì nó có các hiệu quả không thể lường được.

Phương pháp thứ ba là lối mở các kinh kỳ bát mạch, sinh tử huyền quan rất khó giải thích theo khoa học thực nghiệm. Tôi chỉ có thể nói như thế còn tin hay không là quyền của ông. Trong óc con người có một lỗ trống rất nhỏ nằm sâu bên trong và có một nắp đậy bên ngoài. Nơi cuối cùng của đốt xương sống là sào huyệt của luồng hỏa hầu Kundalini. Sự trụy lạc, trác táng làm tiêu hao sinh lực khiến con người trở nên già nua, cằn cỗi. Trái lại nếu biết kiểm soát ta có thể tiết kiệm sinh lực. Khi một người làm chủ toàn xác thân, y sẽ kiểm soát được luồng Hỏa hầu này. Chỉ những đạo sĩ Yogi thượng thặng mới dám luyện đến luồng Hỏa hầu khiến nó thức tỉnh đi ngược lên trên theo xương sống khai mở các bí huyệt, các trung tâm quan trọng nằm dọc theo lộ trình. Khi mở được nắp đậy lỗ hổng ngay trong óc để luồng Hỏa hầu chui vào cư ngụ nơi đây ta sẽ khai mở nhiều quyền năng, cải lão hoàn đồng kéo dài sự sống. Sự khó khăn nhất là việc mở được cái nắp đậy trên óc, việc này có khi cần sự trợ giúp của một danh sư sử dụng nội lực giúp y đả thông kinh kỳ bát mạch. Việc này rất khó vì kẻ táo bạo luyện công dễ mất mạng như chơi.

Người thành công có thể kéo dài sự sống như ý muốn và khi chết thể xác họ vẫn tươi tốt như khi còn sống. Không hề hư hại..."

Giáo sư Spalding im lặng, tất cả những điều vị đạo sĩ tiết lộ thật lạ lùng, ngoài tầm hiểu biết của khoa học. Chắc chắn khoa sinh lý học không thể chấp nhận luồng sinh lực vô hình này. Có lẽ nó

xuất phát từ trí tưởng tượng của các đạo sĩ chất phác, mê tín chăng? Có nên tin hay không?

Như đọc được tư tưởng giáo sư, đạo sĩ mỉm cười:

"Tôi biết ông bạn nghi ngờ vì các điều trên hoàn toàn trái với lý thuyết khoa học nhưng bạn hỡi, minh triết bao trùm mọi khoa học, nó là khoa học vũ trụ, so với môn khoa học thực nghiệm thì môn này chỉ là một mãnh vụn.

"Một ngày nào đó, khoa học sẽ tiến đến vấn đề tôi vừa trình bày, lúc đó trình trạng hiểu biết của nhân loại đã tiến hóa cao hơn bây giờ nên có thể hiểu biết một cách chính xác hơn. Bạn nên hiểu luật vũ trụ định rằng khoa học thực nghiệm phải luôn luôn đi song song với sự tiến hóa của nhân loại. Vài trăm năm trước có phải khoa học lúc đó thật là ấu trĩ so với bây giờ hay không? Nếu đi ngược dòng lịch sử, bạn có thấy rõ mực tiến hóa của khoa học và nhân loại luôn luôn bổ túc cho nhau không? Thời tiền sử, nói về nguyên tử lực là điều vô lý và có nói cũng chả ai hiểu. Thời Trung cổ, nếu có giảng giải về không gian sẽ bị kết án là phù thủy. Lịch sử Âu châu đã chứng minh rằng những người thông minh quá đều bị chế nhạo là điên khùng rồi bị thiêu sống. Đó cũng là lý do các bậc danh sư không hề xuất hiện và các phương pháp tu hành được gìn giữ cẩn thận, bí mật, chỉ những người thành tâm mới được dạy bảo."

"Nhưng có cách nào một người Âu như tôi được truyền dạy các điều này không?"

"Được lắm chứ, nhưng liệu bạn có sẵn sàng từ bỏ chốn phồn hoa đô hội để ẩn mình nơi hoang vu, tịch mịch tu học không?"

"Điều này... cũng được, nhưng tôi phải thu xếp công việc đã..."

"Bạn có sẵn sàng từ bỏ mọi hoạt động vui thú phàm tục để hoàn toàn dành cho việc thực hành pháp môn Yoga-- không phải vài ngày, vài giờ mà trọn đời."

"Nhưng không lẽ trọn đời chỉ làm có thế thôi... có lẽ khi tôi già đã..."

Đạo sĩ bật cười:

"Bạn mến, Yoga không phải một trò tiêu khiển trong lúc nhàn rỗi hoặc khi tuổi già bóng xế. Người Âu các ông sao ham hoạt động và tham lam quá vậy?"

Giáo sư Spalding đỏ mặt cãi:

"Nhưng tập Yoga để làm gì? Kéo dài đời sống khổ hạnh thêm vài năm có ích lợi gì đâu?"

Đạo sĩ nghiêm mặt:

"Ai bảo mục đích Yoga là cầu sống lâu? Sống khổ hạnh mà không có ý nghĩa để làm gì? Phần lớn các đạo sĩ luyện thân thể cường tráng sống lâu hơn người khác chưa thấu hiểu mục đích tối hậu. Bạn nghĩ các bậc Chân Sư chỉ lo sống thêm ít lâu hay sao? Người đời thường chỉ hiểu một chiều và đi ngay đến kết luận. Chinh phục thể xác chỉ là bước đầu đưa con người đến việc chinh phục tinh thần. Giữ cho mình không hành động xấu thì dễ nhưng giữ cho tâm không nghĩ xấu mới khó khăn gấp bội và đòi hỏi nỗ lực phi thường. Đời người quá ngắn, việc tập luyện kiểm soát thể xác đã đòi hỏi nhiều năm, không đủ để tu tập tinh thần, do đó, các đạo sĩ mới kéo dài thêm đời sống. Môn Hatha Yoga như tôi nói chỉ nhằm mục đích chủ trị xác thân, khi thành công phải tu tập thêm Raja Yoga nhằm chủ trị tinh thần nữa chứ. Hatha Yoga dọn đường cho Raja Yoga..."
"Thế tại sao không tập Raja Yoga ngay có hơn không?"

Đạo sĩ lại bật cười"

"Người Âu thật hấp tấp, muốn đi xa phải đi từ từ, phải tập đi trước khi tập chạy chứ. Đốt giai đoạn là bảo đảm thất bại. Khi thể xác chưa làm chủ nổi thì làm sao đã đòi làm chủ tinh thần..."

Giáo sư spalding nôn nóng:

"Nhưng làm sao tôi có thể học môn Raja Yoga, bạn có thể chỉ cho tôi thêm về môn này không?"

"Này ông bạn, việc gì cũng có duyên phận, nếu đủ duyên bạn sẽ gặp thầy hay bạn giỏi. Hãy có một lòng khao khát chân lý rồi định mạng sẽ dẫn dắt bạn."

"Nhưng tôi đâu quen biết ai, các bậc chân sư đâu có tên trong điện thoại niên giám--- tôi làm sao gặp các ngài?"

Đạo sĩ mỉm cười một cách bí mật"

"Hãy vững niềm tin, lòng khao khát cầu đạo có một tư tưởng mạnh mẽ và chắc chắn sẽ được đáp ứng. Hãy gõ cửa rồi cửa sẽ mở, hãy tìm rồi ngươi sẽ gặp, bạn quên rồi sao?

Giáo sư Spalding giựt mình, một lần nữa câu nói quen thuộc trong Kinh Thánh lại được nhắc

nhở bởi một đạo sĩ xứ Ấn. Ông bối rối không biết nói gì. Đạo sĩ mỉm cười nói tiếp:

"Người Âu có tính tò mò cái gì cũng muốn biết. Thực hành mới là quan trọng chứ biết để làm gì? Phương pháp rèn luyện tinh thần cũng giống như thể xác thôi. Nếu tập luyện thể thao đều đặn bắp thịt sẽ nẩy nở, rắn chắc thì tập rèn luyện tinh thần cũng vậy. Nhiều người có các tính xấu như ích kỷ, tham lam, hà tiện, đa nghi... do đó, họ hành động không tốt với người khác. Đa số cho rằng đó là bản tính tự nhiên, không đổi được. Thật ra, nếu muốn ta có thể sửa đổi mọi tính tình.Nếu một tập luyện đúng cách làm bắp thịt nở nang thì sự kiểm soát thích nghi sẽ tạo các đức hạnh cần thiết. Kinh Rig Veda đã ghi rõ: Kẻ nào quan niệm sự tiến hóa một cách rõ ràng chính xác sẽ ý thức được quyền lợi và hạnh phúc của mình. Muốn trở nên một bậc toàn thiện ta phải có các đức hạnh và can đảm. Người nào muốn cải thiện xã hội phải biết cải thiện mình trước đã. Phải biết quên quyền lợi riêng để chú tâm vào phận sự chung. Phải hiểu rằng các cơ hội tiếp xúc với mọi người đều tạo cho ta cơ hội phụng sự. Phụng sự mọi người chính là phụng sự Thượng Đế.

Những người nhiệt tâm sửa mình phải ý thức quyền năng vô hạn của tư tưởng vì hành động phát sinh từ tư tưởng. Người tìm đạo phải biết kiểm soát tư tưởng của mình và sử dụng chúng một cách hợp lý và bác ái.

Kiểm soát tư tưởng là mục đích môn Raja Yoga. Trở ngại lớn nhất của những người luyện tâm, rèn chí là sự kiêu ngạo và óc chỉ trích. Với óc chỉ trích, con người công kích tất cả họ sẵn sàng bôi nhọ mọi đức hạnh, tìm sự sai quấy ở khắp mọi người. Người tu pháp Raja Yoga phải có thái độ ngược lại, phải tìm thấy điều thiện ở tất cả mọi người và nhìn thấy mọi sự đều có cái lý riêng của nó. Có thế họ mới giúp mình và người khác được. Trở ngại thứ hai là sự nông nổi, làm điều này chưa xong đã nhảy sang việc khác. Vừa bắt tay vào việc đã mong thấy kết quả và nếu kết quả chưa như ý muốn liền bỏ điều theo đuổi để nhảy sang một điều khác. Rốt cuộc không có điều gì xong cả. Thái độ này không thể chấp nhận được. Sự bền tâm kiên chí là điều cần thiết để chủ trị tư tưởng. Dĩ nhiên, kiếp người ngắn ngủi không ai có thể trừ hết thói hư, tật xấu trong một kiếp, do đó, việc tu hành cũng kéo dài trong nhiều kiếp sống.

Điều quan trọng là khi đã nhận thức con đường phải đi, cần tập trung nỗ lực để đi đến cùng. ý chí con người tồn tại từ kiếp này qua kiếp khác, những điều đã học hỏi sẽ không bao giờ mất cả. Cho đến khi cả tâm hồn lẫn thể xác đều đặt dưới sự kiểm soát của ý chí thì con người sẽ trở nên một bậc thánh nhân.

Khi đó họ sẽ ý thức các sự kiện vĩ đại của sự sống vô cùng và rời bỏ cái bản ngã để hòa mình vào giòng tiến hóa vũ trụ, hòa nhập với chân ngã bất diệt."

"Như thế môn này sẽ giúp ta trở nên một vị Thánh?"

"Này ông bạn, đừng nên kết luận vội vàng. Con đường dẫn đến quả vị tiên thánh đâu phải chỉ có một. Có nhiều con đường đưa đến chân lý và không đường nào hơn đường nào. Đây là một điều vô cùng quan trọng mà bạn phải ghi nhớ mãi mãi: Không một con đường nào hơn đường nào dù là Hatha Yoga hay Raja Yoga hay là môn gì chăng nữa. Tại sao ta cứ nghĩ pháp môn này mới hay, tôn giáo kia mới tốt? Không một đường nào có thể là duy nhất được. Tốt hơn cả hãy tự biết mình. Thay vì tìm một chân lý tuyệt đối hãy tìm sự tuyệt đối nơi mình vì chân lý để sống chứ không phải để dạy."

Giáo sư Spalding im lặng không thốt lên câu nào. Lời nói của Đạo sĩ như có một sức mạnh vang dội trong lòng ông. Các thành kiến từ trước bỗng tan biến hết và ông cảm thấy xúc động vô cùng.

Đạo sĩ mỉm cười:

"Này ông bạn, không một vị thánh nào vỗ ngực xưng danh mà chỉ có các kẻ còn u mê trong bản ngã mới tha thiết đến danh vọng, địa vị. Khi họ đeo đầy mình những chức tước thì làm sao họ giải thoát được? Thượng Đế ban cho ta trí thông minh để nhận xét thì ta phải biết phân biệt chứ. Hãy nhìn thành Benares với cả trăm đền thờ khác nhau, hàng ngàn giáo sĩ, tông phái. Ai cũng tự nhận rằng phe mình gần Thượng Đế nhất. Tại sao suốt hai năm nay phái đoàn các ông đã đi khắp nơi, thăm viếng khắp chỗ mà vẫn không thỏa mãn? Phải chăng vì sự hiểu biết phân biệt các ông đã cao, không chấp nhận sự mê tín, mù quáng nữa.

Kinh Gita nói rõ: "Thầy nào, trò nấy, một tu sĩ chân chính không có đệ tử bất hảo và một đệ tử thông minh không tìm thầy bất lương." Luật thiên nhiên đã dạy "đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu." Một người sáng suốt đâu thể đi theo kẻ u mê... Một tu sĩ hiểu biết phải lo làm chủ chính mình để cầu giải thoát chứ đâu phải lo lôi kéo đệ tử cho đông, xây cất các đền đài cho đẹp để tự hào về các thành quả nầy. Như thế là phô trương bản ngã, kiêu căng, ngã mạn làm sao còn

giải thoát được.

Bạn hãy sử dụng lý trí và trực giác để phân biệt những người này, nếu bạn tha thiết mong cầu chân lý thì chắc chắn điều mong ước sẽ thành sự thật. Chúng ta gặp nhau thế này cũng đã quá đủ, đã đến lúc tôi phải trở về am thất."

"Nhưng làm sao tôi sẽ gặp lại ông... tôi chưa biết tên ông."

"Hãy gọi tôi là Bramananda."

Giáo sư Spalding yên lặng nhìn vị đạo sĩ khuất dần qua hàng cây rậm rạp. Bóng chiều từ từ rơi xuống trên sông Hằng.

Chương 2: Chương 2: Khoa Học Thực Nghiệm Và Khoa Học Chiêm Tinh Bí Truyền

Lawrence Keymakers là một người Anh giàu có, sống tại Benares nhiều năm. Ông làm chủ nhiều xí nghiệp lớn và có một kiến thức rất rộng về xứ này. Thương gia Lawrence khoản đãi phái đoàn trong toà biệt thự rộng, xây cất bên sông Hằng.

Sau câu chuyện xã giao, giáo sư Allen lên tiếng:

"Bạn nghĩ sao về những điều người Ấn gọi là Minh Triết thiêng liêng và những sự kiện mê tín dị đoan xảy ra ngoài chợ?"

Lawrence lắc đầu:

"Xứ này vẫn có những trò biểu diễn như thế, nhưng ngoài những cái mà ta cho là ảo thuật hoặc mê tín dị đoan còn ẩn náu những ý nghĩa tâm linh rất ít ai biết được. Muốn tìm hiểu phải nghiên cứu cặn kẽ chứ không thể kết luận vội vã..."

Giáo sư Olivers bật cười:

"Bạn cho rằng những trò ngồi bàn đinh, thổi kèn gọi rắn còn ẩn dấu những ý nghĩ tâm linh hay sao?"

"Tùy tâm trạng của mình mà xét đoán sự kiện, nếu ta nhìn nó dưới cặp mắt của người Âu thì ta sẽ chỉ thấy nó là một trò múa rối, không hơn không kém nhưng nếu ta gạt bỏ các thành kiến, biết đâu ta chẳng học hỏi thêm được nhiều điều."

Giáo sư Allen châm biếm:

"Bạn ở Ấn đã lâu, chắc đã học hỏi được nhiều điều mới lạ..."

Lawrence mỉm cười:

Đúng thế, tôi đã học hỏi rất nhiều và điều đầu tiên tôi học được là sự khiêm tốn. Chỉ có sự khiêm tốn mới giúp ta học hỏi thêm những điều mới lạ. Các bạn hãy nhìn ly nước đầy trên tay tôi đây, nếu tôi tiếp tục rót thêm thì nước sẽ tràn ra ngoài. Trừ khi tôi đổ bớt nước trong ly đi thì tôi mới rót thêm nước vào được. Kiến thức cũng thế, chỉ khi ta khiêm tốn gạt bỏ những thành kiến có sẵn ta mới tiếp nhận thêm được những điều mới lạ. Các bạn muốn nghiên cứu học hỏi những minh triết của xứ Ấn nhưng vẫn giữ thành kiến của người Âu, khinh bỉ mọi sự thì có khác chi ly nước đầy, làm sao rót thêm nước vào được nữa?

Mọi người im lặng, câu nói thẳng của vị thương gia ít nhiều đã va chạm tự ái phái đoàn. Dù sao họ cũng là những khoa học gia nổi tiếng nhất của Hoàng Gia lúc nào cũng được nể vì, kính trọng. Để phá tan bầu không khí nặng nề, giáo sư Morimer chỉ một hình vẽ lạ lùng treo trên tường:

"Đây là hình vẽ gì vậy? Trông như các tinh tú thì phải...?

"Bạn nói đúng, đó là số tử vi của tôi."

Mọi người bật cười, giáo sư Allen khôi hài:

"Lá số tử vi? Lawrence thân mến, bạn đã trở thành người Ấn hồi nào vậy?"

Lawrence nghiêm mặt:

"Đây là một món quà vô giá của Sudeih Babu, nhà chiêm tinh giỏi nhất Ấn Độ."

Toàn thể phái đoàn phá lên cười vì nghĩ đến những gã thầy bói ngồi xổm bên lề đường. Khắp xứ Ấn, chỗ nào cũng có thầy bói, thầy tướng kiếm ăn qua sự mê tín của dân chúng. Đồ nghề của họ là một vài cuốn sách bẩn thỉu, vài niên lịch lạ lùng. Họ tự hào có thể biết rõ số phận sang hèn mọi người nhưng hình như không biết gì về số phận chính họ.

Lawrence lắc đầu:

"Sudeih là một vị thầy, một người thuộc giai cấp thượng lưu quý phái chứ không phải loại thầy bói hạ cấp. Y nghiên cứu tử vi từ nhỏ và có thể biết trước nhiều điều quan trọng. Các bạn muốn khảo cứu hiện tượng huyền bí sao không đến gặp y biết đâu y chả giúp các bạn. Sudeih có thói quen là không bao giờ tiếp khách lạ nhưng y là bạn thâm giao của tôi, tôi sẽ hết lòng giới thiệu."

Giáo sư Allen lắc đầu:

"Chúng tôi muốn nghiên cứu nền văn minh xứ Ấn chứ không phải xem vận mạng hên xui tốt xấu..."

Lawrence mỉm cười bí mật:

"Như thế các bạn lại càng phải đến gặp nhà chiêm tinh này. Các bạn nên nhớ dù muốn, chưa chắc Sudeih đã chịu tiếp các bạn. Chính tiểu vương xứ Punjab đến xin yết kiến ba ngày, ba đêm mà Sudeih cũng hkông thèm tiếp..."

Nhà chiêm tinh ở một biệt thự rộng lớn, quanh nhà trồng rất nhiều cây cảnh. Đã có hẹn trước nên gia nhân mời tất cả mọi người vào trong phòng khách. Đó là một căn phòng rất lớn, trang trí sang trọng như phòng một ông Hoàng.

Babu là một người Ấn gầy gò, bé nhỏ nhưng có một đôi mắt sáng ngời chứng tỏ một đời sống nội tâm dồi dào. Y di chuyển hết sức chậm rãi như một con mèo và nói bằng một tiếng Anh rất đúng giọng và lich sự:

"Keymakers cho biết các ông muốn tìm hiểu về khoa chiêm tinh?"

Giáo sư Olivers nói ngay:

"Xin ông hiểu cho, chúng tôi muốn sưu tầm các hiện tượng huyền bí chứ không hoàn toàn tin tưởng gì về môn này."

Babu im lặng nhìn mọi người, y lạnh lùng:

"Nếu các ông muốn, tôi có thể lấy lá số tử vi cho các ông."

Giáo sư Olivers nghi ngờ:

"Xin ông đừng dài dòng về tương lai và may rủi. Hãy nói thử về quá khứ của tôi xem sao."

Babu gật đầu hỏi giáo sư Olivers vài câu về ngày sinh rồi y phóng bút vẽ các ký hiệu lạ lùng lên một tờ giấy. Y chậm rãi tuyên bố:

"Ông sinh trưởng trong một gia đình thương gia. Từ nhỏ ông nuôi mộng hải hồ thích du lịch nhưng gia đình ông nghiêm khắc ngăn cấm. Thân phụ ông muốn con mình phải theo học về thương mại tại Oxford để nối nghiệp. Tuy nhiên, ông lại có năng khiếu về khoa học nên chỉ một thời gian ngắn ông đã chuyển qua ngành Vật lý học. Cha ông giận quá nhất định không giúp đỡ gì ông nữa. Gia tài sự nghiệp truyền cho các em ông. Đến khi ông trở nên một khoa học gia lỗi lạc của Hoàng Gia thì cha ông lại bắt ông trở về đi vào con đường chính trị.

Dưới áp lực gia đình, ông thành hôn với một thiếu nữ giòng dõi quý tộc. Cuộc hôn nhân không mang lại hạnh phúc và ông vùi đầu trong phòng thí nghiệm để tìm quên. Người vợ quen thói giao thiệp rộng đã phá nát tài sản, sự nghiệp và còn ngoại tình. Cha ông buồn phiền, thất vọng qua đời. Ông chịu đựng người vợ suốt 18 năm cho đến khi bà ta từ trần. Sau khi thu xếp mọi việc, ông gia nhập phái đoàn với mục đích rời xa Luân Đôn và thỏa mãn giấc mộng hải hồ.

Giáo sư Olivers ngồi im không thốt lên một tiếng chứng tỏ những điều Babu nói không sai. Một không khí nặng nề bao trùm căn phòng. Babu lạnh lùng tiếp:

"Ông có muốn tôi nói thêm chi tiết hay nói về tương lai nữa không?"

Giáo sư Olivers lắc đầu xua tay, mặt mày tái nhợt như người vừa trải qua một điều gì kinh khủng. Giáo sư lên tiếng:

"Nhưng tại sao các tinh tú ở xa lại ảnh hưởng đến từng cá nhân được?"

Babu thong thả trả lời:

"Nếu tinh tú ở xa quá thì khoa học thực nghiệm giải thích thế nào về ảnh hưởng của mặt trăng đối với nước thủy triều lên xuống hoặc chu kỳ trong thân thể đàn bà?"

"Nhưng nếu tôi bị tai nạn thì điều đó ăn nhập gì đến các hành tinh?"

Babu lắc đầu mỉm cười:

"Các ông nên nghĩ thế này, tinh tú chỉ là biểu tượng mà thôi. Tự nó không ăn nhập gì đến chúng ta hết mà chính cái dĩ vãng của ta đã ảnh hưởng đến đời sống hiện tại. Tinh tú chỉ phản chiếu lại cái ảnh hưởng này mà thôi. Không ai có thể hiểu khoa chiêm tinh nếu họ không tin luật Luân Hồi (Reincarnation). Con người chết và tái sinh trở lại trong nhiều kiếp. Định mệnh của y theo dõi và ảnh hưởng lên đời sống của y theo luật Nhân Quả (Karma of cause and effect). Nếu ta không tin con người chết đi và đầu thai lại để học hỏi, để tiến hóa, để trở nên một người toàn thiện thì mọi sự đều là ngẫu nhiên hay sao? Một Thượng Đế công bình, bác ái có lẽ nào dung túng điều này?

Khi qua đời thể xác hư thối tan rã nhưng tính tình, dục vọng, ý chí vẫn còn nguyên cho đến khi ta đầu thai vào một kiếp sống mới thì những tính này sẽ trở nên cá tính (personality) của kiếp

sau. Các hành tinh chỉ là tấm gương ghi nhận các nguyên nhân này và phản chiếu trở lại. Bất cứ một hành động nào cũng tạo nên một nguyên nhân dù xấu hay tốt ví như ta ném một trái bóng lên không trung. Trước sau gì nó cũng rơi xuống vì trọng lượng và ảnh hưởng của sức hút trái đất, nhưng đến khi nào nó rơi xuống còn tùy sức ném của ta nặng nhẹ ra sao. Khoa Chiêm tinh nghiên cứu các vũ trụ tuyến này để đoán được khi nào cái nguyên nhân trước sẽ trở lại. Babu im lặng một lúc và thong thả giải thích thêm:

"Trước khi đi xa hơn, tôi muốn các ông hiểu lịch sử chiêm tinh để có một cái nhìn thật đứng đắn. Từ ngàn xưa, Chiêm tinh học vẫn được coi là một khoa học quan trọng. Chiêm tinh gia chỉ đứng ở địa vị thứ hai sau Giáo Sĩ mà thôi. Đối tượng của khoa chiêm tinh là vũ trụ. Tiếc thay phần này đã bị thất truyền chỉ còn phần nhỏ nói về sự liên hệ giữa con người và các bầu tinh tú còn được lưu truyền đến nay và được xem là khoa bói toán. Khoa chiêm tinh có từ lúc nào không ai biết nhưng hiền triết Bhrigu đã truyền dạy các môn đồ của ông vào khoảng 6000 năm trước. Nòng cốt của nó nằm trong bộ sách Brahma Chinta do ông soạn ra. Bhrigu có bốn đệ tử: Người thứ nhất rất giỏi về khoa học đã đi sang Ba Tư lập nghiệp, từ đó ngành Chiêm tinh đi về hướng Tây và ảnh hưởng đến Hy Lạp và La Mã sau này. Người thứ hai rất giỏi về triết học đi về phương Đông sang Trung Hoa truyền bá ngành này ở đây. Người thứ ba thích nghiên cứu những hiện tượng siêu hình đã lên Tuyết Sơn nhập thất và sau truyền môn này cho dân chúng Tây Tạng. Người thứ tư ở lại xứ Ấn và làm đến chức quốc sư. Bộ sách Brahma Chinta được coi là quốc bảo cất trong cung điện.

Sau này, các hoàng tử tranh cướp ngôi vua đã giành nhau bộ sách quý. Sau mấy chục năm chinh chiến, bộ sách được phân chia làm nhiều phần, mỗi ông Hoàng giữ một mảnh và từ đó khoa Chiêm tinh trở nên thất truyền--- Các mẫu vụn này đã được các thầy bói sưu tầm, ghi chép lại để kiếm ăn nhưng họ chỉ nắm một vài then chốt chứ không sao hiểu hết. Như các ông thấy, căn nhà này rất lớn, gồm có 49 phòng, mỗi phòng đều chứa đầy các sách vở do tôi sưu tầm. Tất cả gia tài sự nghiệp của tôi đều được sử dụng để sưu tầm các sách cổ--- Tôi xuất thân từ một gia đình Hoàng tộc nhưng tôi chỉ ham mê khoa Chiêm Tinh. Tôi bỏ ra mấy chục năm nghiên cứu, theo học các vị Chiêm Tinh Gia nổi tiếng cho đến khi sưu tầm được bộ Brahma Chinta. Dĩ nhiên, bộ sách này nguyên bản mấy ngàn trang nhưng tôi chỉ sưu tầm được có vài trăm trang và tốn gần 20 năm nghiên cứu nó.

Babu mỉm cười nhìn giáo sư Olivers:

"Bạn Olivers thân mến, lá số tôi lấy cho ông rất khác thường so với người Âu. Tin hay không tùy ý bạn, đúng hay sai chỉ bạn biết nhưng tôi muốn nói thêm rằng các nghiệp quả đã trả xong. Đời bạn đã bước vào một khúc quanh quan trọng. Lá số cho thấy bạn đã đến bên thềm Đạo và sẽ được một sự dìu dắt của một hiền giả."

Giáo sư Olivers cảm động xiết chặt đôi tay gầy guộc của nhà Chiêm Tinh. Toàn thể phái đoàn cũng xúc động không kém. Khi trước họ đã nghi ngờ khoa bói toán nhưng sự kiện vừa xảy ra đã thay đổi tất cả. Không ai ngờ giáo sư Olivers lại có một đời sống cá nhân bất hạnh như thế.

Babu đưa toàn thể phái đoàn đi xem những căn phòng chứa sách với những tủ lớn chứa hàng ngàn cuốn sách cổ. Giáo sư Mortimer, một nhà khảo cổ học của trường Harvard đã phải kinh ngạc trước kho tàng sách vở vô giá này. Có những bộ sách viết trên lá buôn (Papyrus) cả ngàn năm trước xen lẫn các tài liệu khắc trên gỗ vào Thế Kỷ Thứ Sáu. Toàn thể phái đoàn có cảm tưởng như phần lớn kho Minh Triết xứ Ấn đều tập trung nơi đây. Giáo sư Mortimer lên tiếng:

"Những sách vở này nói về những gì vậy?"

"Đó là những sách về vấn đề Tôn Giáo, Minh Triết cổ truyền, Triết Học Ấn Độ."

"Như thế ông cũng là một triết gia?"

Babu mỉm cười:

"Một người không hiểu về triết lý sẽ chỉ là một hạng chiêm tinh tồi hay thầy bói hạ cấp."

"Ông có thu nhận đệ tử không?"

"Có rất nhiều người đến xin tôi dạy dỗ nhưng tôi từ chối vì thấy họ không đủ thiên tư để lĩnh hội hay ý chí để đi đến cùng. Tôi nghĩ mình chưa đủ sức làm thầy ai hết mà chỉ là một người ham mê nghiên cứu cũng như các ông là những khoa học gia say mê kiến thức khoa học."

"Nhưng ông cũng dùng Chiêm Tinh để hướng dẫn đời mình chứ? Ông có thể xem được quá khứ vị lai kia mà."

Babu lắc đầu:

"Không đâu, tôi đã tìm thấy ánh sáng Chân Lý và không cần đến khoa Chiêm Tinh. Khoa học này chỉ hữu ích cho những kẻ còn lần mò trong bóng tối. Tôi đã hoàn toàn trao trọn đời mình vào tay Thượng Đế. Không còn lo nghĩ, ưu phiền gì về tương lai nữa. Bất cứ điều gì xảy ra tôi cũng chấp nhận như ý muốn của Ngài."

"Nếu ông bị kẻ hung dữ hãm hại làm lâm nguy tính mạng thì ông có cho đó là Thiên Ý không? Ông sẽ làm gì để tự vệ chứ?"

"Tôi biết rằng trong khi nguy cấp chỉ cần cầu nguyện là đủ. Cầu nguyện là cần thiết vì lo âu chẳng ích gì. Nhiều khi tôi gặp khó khăn và lúc đó tôi ý thức sự giúp đỡ của Thượng Đế hơn bao giờ hết. Các bạn có biết rằng tôi đã xé bỏ lá số tử vi của mình từ khi tìm thấy ánh sáng Chân Lý. Tôi tin chắc rằng con người có thể cải tạo tinh thần để hòa hợp với Đấng Toàn Năng còn các việc xảy ra do hậu quả của quá khứ ta không thể thoát được thì lo lắng có ích gì?"

Ý niệm về Thượng Đế là điều phái đoàn luôn luôn nghe nói đến: Người dân Á Châu có một tinh thần tôn giáo rất mạnh, tôn sùng Thượng Đế quá nhiệt thành. Họ đâu hiểu rằng người Âu vốn có óc hoài nghi, thường thay thế cái đức tin đơn giản bằng cái lý trí phức tạp. Làm sao họ có thể hiểu rằng Thượng Đế chỉ là một quan niệm, một giả thuyết cũng như trăm ngàn giả thuyết khác nghĩa là cần phải chứng minh cụ thể.

Babu mỉm cười như đọc được ý nghĩ mọi người:

"Này các bạn, cái lý trí tự cao tự đại của con người không có ích gì cả. Chỉ khi nào họ đạt đến trạng thái tĩnh lặng của tâm hồn họ mới ý thức các luật huyền bí vũ trụ và sự nhỏ bé của con người. Khi tách khỏi trạng thái u mê của lý trí họ mới ý thức sự an lạc tuyệt vời khi hòa hợp với Thượng Đế.

Giáo sư Allen lắc đầu:

"Tại sao ông không nghĩ rằng đó là một ảo ảnh? Một sự tưởng tượng?"

Babu bật cười:

"Này các bạn, một bà mẹ sinh con có khi nào lại nghi ngờ rằng đứa con đó không có thật. Khi hồi tưởng lúc lâm bồn có khi nào bà ấy cho rằng đó chỉ là một sự tự kỷ ám thị? Khi nhìn đứa con mỗi ngày một lớn khôn làm sao bà mẹ lại nghĩ rằng đứa bé không hiện hữu? Sự giác ngộ tâm linh là một biến cố vô cùng quan trọng trong đời người mà không ai có thể quên được vì từ đó, con người hoàn toàn thay đổi, trở nên một người mới."

Babu liếc mắt nhìn toàn thể phái đoàn, tất cả đều là những giáo sư, khoa học gia danh tiếng nhất... Y mỉm cười tuyên bố:

"Chúng ta chỉ mới ở vào một buổi bình minh của khoa học nhưng mỗi khám phá mới, mỗi kiến thức mới đều đem lại cho chúng ta một bằng chứng rằng vũ trụ nầy là công trình của một Đấng Hóa Công.

Hãy lấy một thí dụ Toán học cho dễ hiểu: Nếu ta bỏ vào túi 10 thẻ nhỏ, mỗi thẻ có ghi từ số 1 đến 10 và tuần tự rút ra từng cái một. Sau khi rút xong ta lại bỏ thẻ vào túi, trộn đều và rút ra lần nữa. Làm sao ta có thể rút tuần tự từ số 1 dến số 10? Theo toán học ta phải rút mười lần mới có một lần rút được thẻ mang số 1. Phải rút 100 lần mới có một lần rút được số 1 và 2. Phải rút 1000 lần mới được số 1,2,3 liên tiếp. Nếu muốn rút theo thứ tự từ 1 đến 10 thì trường hợp đặc biệt này chỉ có thể xẩy ra một lần trong mười tỷ lần có đúng không? Nếu áp dụng Toán Học vào các điều kiện tạo đời sống ở quả đất này thì ta thấy nguyên lý ngẫu nhiên không sao hội đủ các điều kiện cần thiết. Vậy thì ai đã tạo ra nó?

Trái đất quay quanh trục của nó với vận tốc 1600 cây số một giờ ở giữa đường xích đạo. Nếu nó quay chậm 10 lần thì ngày sẽ dài gấp 10 và dĩ nhiên sức nóng cuả mặt trời cũng gia tăng gấp 10 lần. Thế thì cây cối, sinh vật đều bị thiêu sống hết còn gì. Nếu cái gì chống được sức nóng cũng chết lạnh vì đêm cũng dài ra gấp 10 và sức lạnh cũng tăng lên gấp 10 lần kia mà. Ai đã làm trái đất quay trong một điều kiện tốt đẹp như thế?

Mặt trời là nguồn sống của quả đất phải không? Mặt trời nóng khoảng 5500 độ bách phân. Quả địa cầu ở đúng một vị trí tốt đẹp không xa quá mà cũng không gần quá. Vừa vặn đủ để đón nhận sức nóng của mặt trời. Nếu sức nóng mặt trời gia tăng một chút, ta sẽ chết thiêu và ngược lại nếu sức nóng mặt trời giảm đi một chút, ta sẽ chết rét. Tại sao trái đất nằm ở điều kiện thuận lợi như vậy? Trục trái đất nghiêng theo một tà độ là 23 độ. Nếu trái đất đứng thẳng không nghiêng theo bên nào thì sẽ không có thời tiết bốn mùa. Nước sẽ bốc hơi hết về hai cực và đông thành băng giá cả.

Mặt trăng là một vệ tinh của trái đất điều khiển thủy triều biển cả. Nếu nó không cách xa trái đất 380000 cây số mà xích lại gần hơn 80000 cây số thì một cuộc hồng thủy sẽ xảy ra. Nước sẽ bị sức hút dâng lên ngập tất cả các lục địa mỗi ngày hai lần. Tóm lại tất cả mọi đời sống trên mặt địa cầu sẽ biến mất nếu các điều kiện trên sai lệch đi một ly. Nếu nói rằng đời sống chỉ là một sự ngẫu nhiên thì trong tỷ tỷ lần may ra mới có một điều kiện tốt đẹp hoàn toàn để có sự sống như thế được."

Babu yên lặng nhìn mọi người. Không ai có thể ngờ nhà chiêm tinh xứ Ấn lại có thể sang sảng chứng minh một cách khoa học và hùng biện trước một cử tọa toàn những khoa học gia nổi tiếng nhất ở Âu Châu.

Babu quay sang nhìn giáo sư Allen, một nhà sinh vật học của trường Havard:

"Nếu toán học xem có vẽ trừu tượng quá hãy thử quan sát thiên nhiên dưới cái nhìn của khoa Sinh Vật Học (Biology) xem sao:

Với khả năng sinh tồn của mọi vật, ta thấy sự hiện diện của tạo hóa rất chu đáo. Sự sống không có sức nặng hay bề đo mà mạnh mẽ làm sao? Bạn hãy nhìn một rễ cây non nớt, mềm yếu, vậy mà nó có thể soi nứt một tảng đá cứng rắn. Sự sống chinh phục không khí, đất, nước. Nó thống trị mọi nguyên tố, nó bắt buộc vật chất tan rã rồi lại kết hợp thành các hình thể mới. Sự sống là nhà điêu khắc nặn thành những hình thể mới lạ, là họa sĩ vẽ những cảnh vật thiên nhiên tô điểm cho tạo hóa. Sự sống cũng là nhạc sĩ dạy chim hót thánh thót, dạy côn trùng ngân nga, là nhà hóa học chế các hương thơm, quả ngọt. Sự sống từ các loài thảo mộc thu hút thán khí biến thành dưỡng khí nuôi muôn loài. Hãy nhìn những giọt Nguyên sinh chất (Protoplasm) trong suốt gần như vô hình, mắt ta không thể nhìn thấy mà nó di động nhờ hấp thụ sinh khí thái dương. Chính cái tế bào đơn độc này chứa mầm sống của muôn loài và là cội nguồn của toàn sự sống theo khoa học thực nghiệm. Tự nó không tạo ra sự sống vậy thì sự sống ở đâu đã đến?

Này các ông bạn, cá hồi (Salmon) sinh ra ở nước ngọt, theo dòng nước ra biển và sống ở đây cho đến khi trưởng thành rồi lại trở về nguồn. Hãy nhìn nó lội ngược dòng về sinh quán, nó bơi một mạch đâu hề phân vân lưỡng lự. Nếu ta bắt nó đem đến một chỗ khác, nó vẫn trở lại nơi xưa. Ai đã dạy cho nó phân biệt một cách chắc chắn như vậy? Loài lươn biển cũng thế, chúng rời sinh quán từ các ao hồ, sông lạch khắp nơi trên thế giới để bắt đầu một cuộc du hành đến tận ngoài khơi quần đảo Bermuda. Muốn đến đây một con lươn Âu Châu phải đi gần 4000 cây số, lươn Á Châu phải đi xa hơn có khi gần 8000 cây số. Chỉ tại đây chúng mới sinh sản và chết. Các con lươn con sinh ra tại đây không biết gì về sinh quán mà vẫn trở về quê hương xa xôi của cha mẹ chúng nó. Biết tìm về một cái lạch ở Pháp hay một cái hồ ở Nam Dương. Giống nào về nhà giống đó, một con lươn Pháp không bao giờ bị bắt ở Ấn Độ và một con lươn giống Thái Lan không bao giờ đi lạc sang Phi Châu. Ai đã ban cho loài lươn nguồn cảm kích phân biệt như thế? Ai đã hướng dẫn những con lươn bé bỏng trên đường phiêu du ngàn dặm như vậy? Chắc chắn không thể do ngẫu nhiên phải không các bạn?

Toàn thể phái đoàn kinh ngạc trước kiến thức quảng bác của nhà chiêm tinh gầy gò, bé nhỏ. Không ai ngờ một xứ chậm tiến như Ấn lại có một nhà bác học uyên thâm như vậy. Babu mỉm cười nói tiếp:

"Có lẽ các ông còn nhiều phân vân, thôi được hãy nói về yếu tố di truyền cho thực tế hơn. Yếu tố này là một mầm sống nguyên thủy rất nhỏ chứa đựng trong tất cả các tế bào. Mọi sinh vật đều có đặc điểm di truyền khác nhau. Yếu tố này cho ta thấy rõ sự sống đã được trù định từ trước vì một cái cây sẽ tạo ra một cái cây chứ không phải con vật. Từ các loại sinh vật bé nhỏ như con kiến đến các loài sinh vật to lớn như cá voi đều chịu sự chi phối của yếu tố này.

Điều này chắc chắn không phải ai nghĩ ra hay ngẫu nhiên phải không? Chỉ có Đấng Sáng Tạo mới có đủ quyền năng làm các việc đó. Này các bạn, khắp nơi trong vũ trụ đâu đâu cũng có một sự quân bình tuyệt đối, không loài nào lấn át loài nào. Hãy nhìn loài côn trùng, chúng sinh sản rất nhanh mà sao không chiếm quả đất? ấy là vì chúng không có bộ phổi như loài có vú (Mamma). Vì chúng thở bằng khí quản (Trachea) và khi chúng lột xác lớn lên, khí quản không lớn lên theo nên thân thể chúng bị giới hạn trong khuôn khổ nhất định. Con người hơn loài thú ở điểm lý trí. Bản năng con thú tuy kỳ diệu nhưng bị giới hạn. Bộ óc con người tuyệt vời ở chỗ nó có thể vượt xa tầm giới hạn của nó. Muốn quan niệm sự hiện hữu của Thượng Đế, cần phải có một năng khiếu mà chỉ loài người mới có. Ta có thể gọi nó là trí tưởng tượng cũng được nhưng nhờ nó mà con người mới thu nhận các sự kiện vô hình, vô ảnh. Trí tưởng tượng mở cho ta một chân trời bao la và nhờ thế ta mới ý thức một thực tại tuyệt diệu rằng Thượng Đế là tất cả, ngài ở khắp mọi nơi nhưng không ở đâu Ngài hiện rõ như trong tâm hồn chúng ta."

Toàn thể phái đoàn yên lặng, thán phục những dẫn chứng hoàn toàn khoa học và giản dị của nhà chiêm tinh. Vài giờ trước đây, ai cũng nghi ngờ khả năng của "Gã thầy bói" nhưng hiện giờ mọi người đều công nhận y là một nhà bác học với kiến thức uyên bác không thua ai.

Babu mỉm cười nhìn tất cả mọi người và nói:

"Là khoa học gia, các ông hãy suy nghĩ về những điều tôi vừa trình bày. Hãy quan sát vũ trụ, hãy dẹp bỏ các thành kiến sẵn có và sự ngông cuồng của khoa học thực nghiệm rồi các ông sẽ thấy tất cả đều diễn ra trong một trật tự, mỹ lệ và điều hòa. Các ông sẽ ý thức sự bé nhỏ của con người trước vũ trụ bao la vì khoa học xây dựng trên căn bản của giác quan vốn rất giới hạn, sao có thể cảm xúc vũ trụ được? Nếu ta cứ khăng khăng cho rằng những cái gì không nghe được, không nhìn được đều không hiện hữu thì thật là một sai lầm tai hại. Có biết bao nhiêu sự kiện xảy ra mà giác quan giới hạn không thể cảm nhận cho đến một ngày nào họ khai mở các giác quan khác..."

"Làm sao ông biết như thế?"

"Tôi đã nghiên cứu trực tiếp các vấn đề này trong khi Thiền Định. Các sách vở bí truyền cũng đều nói rất rõ như vậy..."

Giáo sư Mortimer hấp tấp:

"Chúng tôi có thể nghiên cứu hay phiên dịch những sách này không?"

Babu mỉm cười:

"Liệu ông có muốn bỏ ra vài chục năm để phiên dịch không? Sách vở huyền môn đâu phải loại sách phổ thông để mọi người coi chơi. Theo tôi hiểu thì chỉ một thiểu số người thích nghiên cứu nó vì trong tiền kiếp họ đã có những hứng khởi tâm linh, đã từng nghiên cứu vấn đề này, đã có đủ trí tuệ để xét suy một cách tường tận. Họ là những người đã đến bên thềm Đạo và sắp bước vào. Chỉ những người này mới thích thú để tâm nghiên cứu những quyển sách khô khan như những sách trong nhà tôi."

Toàn thể phái đoàn im lặng, mỗi người theo đuổi một ý nghĩ riêng nhưng tất cả đều đồng ý rằng nhà chiêm tinh nói không sai. Giáo sư Allen lên tiếng:

"Tại sao thấy ánh sáng Chân Lý rồi mà ông vẫn tiếp tục hành nghề chiêm tinh. Tại sao ông còn chỉ vẽ cho người đời quá khứ, vị lai?"

Babu hãnh diện tuyên bố:

"Tôi sống và phụng sự thế gian bằng nghề nghiệp này. Đâu phải ai tôi cũng tiếp. Dù bạn là Tiểu Vương hay Thủ Tướng, nếu thấy bạn không có tâm hướng thiện, sửa đổi thì không đời nào tôi hé môi nói một điều gì. Biết bao người đã đến cổng nhưng mấy người vào được đến đây. Cách đây ít lâu, một Tiểu Vương cho khuân đến một rương ngọc chỉ để hỏi tôi một điều nhưng tôi không trả lời. Nếu không nhận được một thông điệp bằng tư tưởng thì dễ gì tôi tiếp các ông và nếu không xem qua lá số của giáo sư Olivers dễ gì tôi tiết lộ các bí mật cho những người lạ, nhất là người Âu Mỹ.

Từ xưa đến nay khoa Chiêm tinh vẫn bị người đời hiểu lầm và diễn tả sai lạc rất nhiều. Nhờ nghiên cứu bộ sách nguyên thủy Brahma Chinta nên tôi có thể nói cho các ông biết chút ít về khoa học này với hy vọng sẽ đánh đổ phần nào thành kiến sai lầm của người Âu.

Khi sinh ra đời, mỗi cá nhân đều mang sẵn một tài sản khác nhau đó là Nghiệp Báo. Tài sản này có thể tốt đẹp do các nguyên nhân hợp với Thiên Ý hoặc xấu xa bởi các lỗi lầm trong tiền kiếp. Tất cả nguyên nhân này đều chứa chấp trong Tàng Thức (A Lại Da thức) và trở nên một động lực chi phối đời ta. Động lực này được phân phối bởi các mãnh lực trong vũ trụ một cách vô cùng phức tạp và biến thành một thứ gọi là Vũ Trụ Tuyến (Cosmic rays). Những vũ trụ tuyến này không ồ ạt ảnh hưởng đến ta ngay mà tùy theo sự thay đổi của tinh tú để phản chiếu xuống trần gian. Điều này rất hợp lý vì trải qua vô lượng kiếp sống, con người đã làm biết bao điều xấu xa, đâu thể nào trong vài ba kiếp mà trả hết được. Đó cũng là lý do con người cứ trầm luân trong luân hồi sinh tử.

Chiêm tinh học nghiên cứu sự xê dịch, vận hà của tinh tú mà đoán biết được các ảnh hưởng con người trong kiếp sống này. Nhờ nghiên cứu Chiêm Tinh mà người ta hiểu rõ rằng không hề có một Đấng Thần Linh thưởng phạt hay kiểm soát các hành động của ta. Tất cả chỉ là hậu quả của những gì do ta tạo nên và phải gánh chịu."

"Nhưng chính ông đã đề cập đến Thượng Đế và sự hiện hữu của Ngài kia mà?" Babu bật cười:

"Các ông vẫn còn quan niệm rằng Thượng Đế là một ông già ngồi trên cao nắm quyền sinh sát, định đoạt số phận con người - đó là một quan niệm rất ấu trĩ. Thượng Đế cao cả hơn nhiều - Ngài sáng tạo và đặt tất cả vào một trật tự trong vũ trụ. Làm gì có việc ngài định đoạt số phận từng người như các ông nghĩ. Tất cả diễn tiến theo luật vũ trụ - nhân nào quả nấy, một lực nào cũng có một phản lực đi kèm đó là khoa vật lý chứ đâu phải gì xa lạ? Làm gì có việc số mệnh đã định sẵn, nếu thế ta cứ tiêu cực, bất động mặc cho số phận run rủi hay sao? Này các ông bạn, Chiêm Tinh Học là một khoa học thực tiễn và tiến bộ không thể có vấn đề mê tín. Lá số tử vi không có nghĩa là con người chỉ là nô lệ của quá khứ mà chỉ cho ta thấy rõ sự tuần hoàn của vũ trụ mà trong đó con người có thể thay đổi tính mạng.

Chiêm Tinh Học nghiên cứu phản ứng của con người dưới ảnh hưởng tinh tú. Các tinh tú chỉ là những khí cụ trung gian biểu lộ một cách trung thực các tác động quân bình của nghiệp quả gây nên trong quá khứ. Mỗi người sinh ra đời vào một ngày giờ mà ảnh hưởng của tinh tú hòa hợp với nghiệp quả cá nhân của y. Các vũ trụ tuyến được tinh tú phản chiếu xuống làm mạch máu di chuyển, tế bào thay đổi dĩ nhiên ảnh hưởng đến cuộc đời con người. Mặc dù con người không thể thay đổi việc đã xảy ra trong quá khứ nhưng nhờ ý chí tự do, y có thể vượt khỏi tầm ảnh hưởng này và chiến thắng ảnh hưởng tinh tú.

Tôi lấy một thí dụ như thương gia Keymakers bạn của các ông. Đáng lý theo số mạng thì ông ta phải chết trong cuộc chiến vừa qua. Nhưng vì một mầm thiện nẩy sinh, thấy chiến tranh quá ư tàn khốc ông động lòng trắc ẩn mang tài sản ra giúp đỡ rất nhiều nạn nhân chiến cuộc. Dĩ nhiên, khi đó ông ta không hề biết gì về số mạng của mình nhưng hành vi bác ái này đã tạo một phản lực mạnh mẽ thúc đẩy các vũ trụ tuyến xê dịch sang một bên và nhờ thế ông ta thoát chết. Số mạng của ông ta hoàn toàn thay đổi từ đó. Các ông hiểu rằng hoán cải số mạng không có nghĩa việc quá khứ sẽ bị xóa bỏ nhưng đáng lý một biến cố lớn sẽ xẩy ra trong kiếp này lại không xảy ra. Khi ta phát tâm làm một việc hợp với Thiên Ý thì một ảnh hưởng tinh tú bỗng chói sáng và các từ điện mạnh mẽ đẩy ngược luồng vũ trụ tuyến sang hướng khác. Do đó, con người có thể cải mệnh số dễ dàng nếu biết làm các việc tốt lành, đẹp đẽ. Dĩ nhiên, ảnh hưởng xấu không mất đi nhưng sẽ tiềm ẩn, chờ một cơ hội khác sẽ phát hiện lại. Nói một cách khoa học thì đời người có thể ví như một phương trình toán học A * B equals C. A và B là nguyên nhân và C là hậu quả nhưng nếu ta thêm vào đó một nguyên nhân X thì A * B * X sẽ không thể bằng C nữa vì đã có thêm nguyên tố X. Đó là nguyên lý hoán cải số mạng mà tôi vừa trình bày.

Đời người thực ra đã ghi khắc trên tinh tú nhưng các tinh tú khi sáng khi mờ và sự mờ tỏ do chính ta quyết định. Khi ta có các hành vi xấu xa nó tạo ra những động lực xấu và sẽ thu hút các điều xấu ghi khắc trên tinh tú phản chiếu xuống mau lẹ hơn. Dĩ nhiên hậu quả không thể lường. Trái lại, nếu ta ý thức điều này, phát tâm làm việc hữu ích tự nhiên phát sinh các động lực tốt đánh bật các ảnh hưởng xấu sang một bên. Nhờ nghiên cứu Chiêm Tinh Học một cách đứng đắn, khoa học, con người sẽ hiểu biết mệnh trời, biết tin tưởng ở mình và sống cuộc đời thoải mái, không bi quan, không lạc quan, an vui tự tại."

"Như thế người đi trên đường Đạo sẽ gặp gì khi đã có nghiệp quả xấu?"

"Nghiệp quả xấu ví như một án treo, bất động - nhưng không ai có thể tránh được nó. Đối với những người đã vào cửa Đạo, đã hiểu biết thì họ lại cầu xin được trả quả cho lẹ. Tuy họ không gây các nhân xấu nữa nhưng họ đủ can đảm để chịu đựng nghiệp quả. Có thế họ mới rút ngắn thời gian trong sinh tử luân hồi. Hiểu biết mệnh trời để sống thoải mái chính là mục đích khoa Chiêm Tinh chân chính."

Babu im lặng suy nghĩ sau cùng y bước đến một tủ lớn mang ra một cái hộp nạm vàng rất đẹp. Trong hộp chứa một quyển sách cổ viết trên lá Buôn (Papyrus) y long trọng tuyên bố:

"Đây chính là một phần của bộ Brahma Chinta mà tôi sưu tầm được. Các ông nên biết huyền môn có hai phần: Công truyền (Exoteric) và bí truyền (Esoteric). Loại bí truyền chỉ được dạy cho các đệ tử đã bước vào cửa Đạo, đã được tuyển chọn rất kỹ. Hiền triết Bhrigu chỉ truyền cho 4 đệ tử bộ sách này. Tôi tiếc rằng mẫu nhỏ này còn nhiều thiếu sót và rất khó hiểu, mất hơn 20 năm nghiên cứu mà tôi chỉ hiểu chút ít thôi. Gặp gỡ các bạn bữa nay là một nhân duyên hiếm có tôi xin dịch vài trang để làm quà cho các bạn:

"Vạn vật trong vũ trụ dù ở cõi vô hình hay hữu hình đều được sắp hạng và phân loại theo quy mô của số 7. Tất cả mọi hình thức sinh hoạt trong dãy hành tinh hiện tại đều thuộc một trong 7 cung. Mỗi cung có 7 phân bộ hay 49 nhóm.

Toàn thể Thái Dương hệ của chúng ta đều là sự biểu lộ của Thượng Đế, mỗi phần tử trong đó

đều là một phần của Ngài. Ngoài ra có 7 vị tinh quân (Logoi) mỗi vị kiểm soát một cung. Thật ra các vị này chỉ là những trung tâm thần lực những con đường vận hà để thần lực Thượng Đế ban rãi ra. Con người có ba thể chính là thể xác, thể vía và thể trí tương ứng với ba cõi giới Hạ Giới, Trung Giới và Thượng Giới. Thượng Đế cũng thế. Tất cả vật chất trong Hạ Giới hợp thân thể xác của Ngài. Tất cả vật chất cõi Trung Giới hợp thành Vía của Ngài và tất cả vật chất cõi Thượng Giới hợp thành thể Trí của Ngài. Tóm lại, tất cả đều là thành phần của Thượng Đế từ hạt bụi đến các dãy Thiên Hà. Mọi nguyên tử vật chất cấu tạo nên chúng ta đều là một phần của Thượng Đế xuyên qua 7 cung - khi qua đây nó bị thay đổi ít nhiều tùy ảnh hưởng các cung. Khoa chiêm tinh có thể phân biệt người nào chịu ảnh hưởng cung nào tùy số lượng nguyên tử cấu tạo xuất phát từ cung liên hệ."

Babu nhìn mọi người thấy cũng có vẻ ngơ ngác. Y mỉm cười giải thích:

"Đề tài này rất khó hiểu, thôi để tôi giải thích rộng ra vậy. Nói theo danh từ Thiên Chúa Giáo thì Bảy vị Tinh Quân (Logoi) này đã xuất hiện trong linh ảnh (Vision) của Thánh Jean. Sách Khải Huyền 4.5 nói rõ: "Có 7 ngọn đèn thắp trước Ngài, đó là 7 vị Đại Thiên Thần của Chúa Trời." Lúc khởi thủy mọi người chúng ta đều là thành phần của Thượng Đế nghĩa là cùng bắt nguồn từ một nơi. Sau đó, chúng ta tách rời ra xuyên qua 7 con đường vận hà này. Theo sự hiểu biết của tôi thì 7 con đường biểu lộ 7 đức tính của Thượng Đế qua 7 vị Tinh quân: Vị thứ nhất là Thiên Thần Michael (Sức mạnh) liên hệ đến Hỏa Tinh. Vị thứ hai là Gabriel (Toàn tri) liên quan đến Thủy Tinh. Vị thứ ba là Raphael (Quyền năng) liên quan đến Thái Dương. Vị thứ tư là Uriel (Ánh sáng) liên quan đến Mặt Trăng. Vị thứ năm là Zakiel (Hảo ý) liên quan đến Mộc Tinh còn hai vị kia là Jophiel và Chamuel thì tôi không biết rõ hành tinh liên hệ.

Khoa học thực nghiệm tin rằng các hành tinh đều là sự kết hợp ngẫu nhiên của vật chất. Nếu là ngẫu nhiên tại sao chúng nằm ở các vị trí nhất định trong vũ trụ và di chuyển theo một quỹ đạo cố định? Mọi vật dường như tuân theo một định luật thiên nhiên nhưng đằng sau định luật đó luôn luôn có một sức mạnh thiêng liêng cai quản. Tôi cố gắng dùng tên các vị thiên thần và danh từ Thiên Chúa Giáo để giải thích cho các ông. Điều này có thể được diễn tả khác đi tùy quan niệm tôn giáo, văn hóa nhưng sự thật vẫn là một. Muốn hiểu khoa Chiêm Tinh phải đi ngược về nguồn cội. Con người từ một chốn nguyên thủy ví như nước cùng một nguồn chảy theo bảy dòng suối khác nhau để ra biển. Mỗi dòng suối sẽ mang một tính chất khác nhau, do đó nước trong suối cũng chịu ảnh hưởng ít nhiều.

Loài người có thể phân biệt ra 7 đức tính rõ rệt tùy theo con đường vận hà mà họ trải qua. Khoa Chiêm Tinh nghiên cứu con người và ảnh hưởng hành tinh đến các tính nết nhất định. Cũng như khoa Sinh Lý Học phân biệt con người qua tính chất nồng nhiệt, lạnh nhạt, Bạch Huyết chất hay Đa Huyết chất. Thực ra đó chỉ là các phương pháp khác nhau để trình bày tính chất con người.

Dĩ nhiên, không dễ gì tìm ra cung của mỗi người vì y đã đi sâu trong luân hồi sinh tử, tạo các nghiệp quả phức tạp và những nguyên nhân này chế ngự, ảnh hưởng đến tính tình y rất nhiều. Chỉ với sự khai mở các giác quan như Thần Nhãn hay có một kinh nghiệm sâu xa về huyền môn ta mới có thể biết rõ họ thuộc cung nào.

Nếu một người biết rõ cung của mình và tiếp tục trau dồi bản tính sẵn có thì y sẽ tiến rất nhanh vì khí cụ hữu hiệu nhất là phương pháp thuộc về cung liên hệ. Thí dụ như người có khiếu về âm nhạc lại cứ học Toán. Không phải y sẽ không tiến bộ gì nhưng nếu đi về âm nhạc y sẽ tiến nhanh hơn vì hợp với khả năng hơn. Sự hiểu biết mình là ai, có những khả năng tiềm ẩn nào sẽ giúp ta định hướng đi cho chính xác. Đó mới là mục đích của khoa Chiêm Tinh.

Đa số con người hành động không ý thức, chịu ảnh hưởng ngoại cảnh nên luôn bất mãn, không thoải mái. Họ tự đóng kịch với chính mình hoặc sống theo một lề lối khuôn khổ không thích hợp. Trong Kinh Thánh có câu: "Nếu các ngươi không hồn nhiên như trẻ con, các ngươi không thể vào nước Thiên Đàng". Điều này khuyên ta nên sống thật với chính mình. Chiêm Tinh Học có thể giúp ta biết ta là ai, thích hợp với những công việc gì? Sự nghiên cứu Chiêm Tinh như thế mới gọi là đứng đắn chứ không phải chỉ xem quá khứ, vị lai, may rủi.

"Làm sao con người có thể biết họ thích hợp với cung nào?"

"Một nhà Chiêm Tinh giỏi có thể lấy lá số tử vi để xem cá nhân liên hệ với cung nào, điều này đòi hỏi rất nhiều thời giờ, kinh nghiệm. Một phương pháp khác là hãy nhìn hành động mỗi người: Người thuộc cung 1 sẽ đạt đến mục đích bằng sức mạnh ý chí. Người thuộc cung 2 phân tích kỹ lưỡng vấn đề để lựa chọn phương pháp nào hữu hiệu nhất. Người thuộc cung 3 nghiên cứu rất

kỹ về thời gian, giờ khắc thuận lợi nhất v.v... Một thí dụ khác như trong việc chữa bệnh, người thuộc cung 2 sẽ tìm hiểu nguyên nhân và phương pháp nào thích hợp nhất để chữa khi người thuộc cung 3 sẽ nghiên cứu thời gian nào thuận lợi để chữa. Người thuộc cung 6 sẽ tìm cách chữa bệnh bằng đức tin. Người thuộc cung 7 sẽ chữa bằng các nghi lễ, cúng tế v.v... Tuy nhiên, cách tốt hơn hết là tự mình, xét lấy mình. Hãy dẹp bỏ những điều mình vẫn khoác lên bản ngã như danh vọng, địa vị, ham muốn. Hãy thành thật với chính mình thì ta có thể xem được mình thuộc về cung nào. Nếu ta là người có ý chí mạnh mẽ, cương quyết làm việc trong tinh thần khoa học thì có lẽ ta thuộc cung 1. Nếu ta là người khôn khéo, thích lý luận và làm việc một cách hiệu quả thì có lẽ ta thuộc cung 2. Nếu ta là người nhạy cảm, thích hoạt động xã hội, từ thiện thì có lẽ ta thuộc cung 5. Nếu ta là người có đức tin mạnh mẽ, cẩn thận, có thể ta thuộc cung 7 v.v...

Đề tài các cung rất khó giải thích trong một thời gian ngắn. Tôi chỉ có thể nói vắn tắt thôi: Cái vật chất sơ khai nguyên thủy bắt đầu tiến hóa qua 7 con đường vận hà hay 7 đức tính quan trọng. Chỉ khi nào con người phát triển toàn vẹn cả 7 đức tính này y sẽ trở nên toàn thiện. Dĩ nhiên, chúng ta đều bất toàn dù mỗi cá nhân đã nẩy nở các đức tính cần thiết căn bản.

Người Âu Tây đã khai mở rất nhiều khả năng suy luận, khoa học nhưng thiếu khả năng sùng tín, bác ái. Vì lý trí nẩy nở nhiều hơn tình cảm nên họ có vẻ thiếu thiện cảm, lạnh lùng thích chống báng thay vì dung hòa. Trong khi đó, người Á Châu phát triển mạnh về sùng tín và bác ái nhưng thiếu khả năng suy luận, để tình cảm chi phối nên họ có vẻ chịu đựng, nhượng bộ, khoan dung, dễ dãi. Cả hai đều không quân bình tuyệt đối nên trong tương lai sẽ có các biến chuyển mạnh mẽ, xáo trộn để cả hai dân tộc có dịp học hỏi, hòa hợp với nhau."

Babu im lặng suy nghĩ một lúc rồi trầm giọng:

"Trong cuộc đời nghiên cứu sách vở bí truyền của các tôn giáo, tôi không hề thấy có sự khác biệt giữa các giáo lý nếu không nói là giống hệt nhau. Tiếc thay, con người chỉ thích đi tìm sự khác biệt để chỉ trích, phê bình và càng ngày càng đi xa đến chỗ vô minh cùng cực."

"Nhưng các tôn giáo có khác biệt nhau chứ?"

Babu nhẹ nhàng:

"Này các bạn, mỗi quốc gia có phong tục, tập quán riêng biệt. Mỗi thời buổi đều có các thay đổi, giá trị khác nhau do đó, một chân lý cũng có thể được giảng dạy bằng các phương pháp khác nhau. Phương pháp, ngôn ngữ có thể khác nhưng chân lý vẫn là một cũng như Thượng Đế có 7 con đường vận hà khác nhau qua bảy cung. Nguyên tử mỗi cung có các rung động khác nhau, có màu sắc khác nhau, tính chất khác nhau nhưng nó đều là nguyên tử xuất phát từ Thượng Đế. Nếu bạn thay đổi áo mặc khác nhau thì bạn đâu có thay đổi, chiếc áo có thể khác nhưng người mặc áo vẫn chỉ là một. Nếu các ông đi ngược về cội nguồn các ông sẽ hiểu sự thay đổi từng thời kỳ qua ảnh hưởng tinh tú."

Giáo sư Allen thắc mắc:

"Xin ông giải thích thêm về việc này."

Babu trầm ngâm suy nghĩ một lúc rồi trả lời:

"Trong 7 vị Tinh Quân có những biến đổi diễn ra từng thời kỳ giống như sự tuần hoàn của hơi thở trong bộ máy hô hấp hay sự vận động của trái tim. Các sự biến đổi này diễn ra vô cùng phức tạp dưới thiên hình vạn trạng. Vì lẽ thể vía con người được cấu tạo cùng một nguyên tử với thể vía các vị Tinh Quân nên khi vị Tinh quân thay đổi tự nhiên mọi người trên thế gian cũng ít nhiều ảnh hưởng theo. Nói một cách khác, khi vị Tinh Quân cai quản một cung thay đổi thì những người đã đi qua cung đó, nguyên tử cấu tạo có chứa đựng nhiều tỷ lệ của cung đó sẽ thay đổi theo. Trong lịch trình tiến hóa, đã có những sự thay đổi trong đầu óc loài người từng thời kỳ và do đó, văn minh nhân loại cũng đổi thay. Theo sự nghiên cứu của tôi thì mỗi chu kỳ kéo dài khoảng 100 năm, nhưng cứ 25 năm cuối lại có các biến chuyển gây ảnh hưởng cho chu kỳ kế tiếp.

"Như vậy thì sự biến chuyển kỳ này sẽ bắt đầu vào khoảng 1975 cho đến năm 2000 và ảnh hưởng đến thế kỷ 21?"

Babu gật đầu:

"Thật ra chu kỳ không hoàn toàn trùng hợp từng năm, từng tháng vì niên lịch thông thường không chính xác. Khoa Chiêm tinh xử dụng một thứ lịch khác theo sự vận chuyển của các tinh tú. Tuy nhiên, để giản dị hóa vấn đề này ta có thể nói rằng cứ 25 năm cuối của mỗi thế kỷ là buổi giao thời có nhiều sự thay đổi mãnh liệt."

Giáo sư Mortimer buột miệng:

"Nhưng đã có bằng chứng nào rằng cuối thế kỷ này sẽ có các thay đổi lớn?"

Babu mỉm cười nhìn tất cả mọi người:

"Các ông đều là người Âu, tôi xin dẫn chứng bằng lịch sử Âu Châu cho dễ hiểu. Các ông có thể coi nó là sự trùng hợp ngẫu nhiên cũng được:

Năm 1275, Roger Bacon phát động phong trào phục hưng văn hóa rồi suốt 100 năm sau toàn thể Âu Châu đều thay đổi. Năm 1375, Christian Rosenkreuz phổ biến nền văn hóa này khắp từng lớp dân chúng đưa Âu Châu thoát khỏi nền tảng hắc ám của thời kỳ Trung Cổ. Năm 1275 và 1375 chả là 25 năm chót của thế kỷ 13 và 14 hay sao?"

Giáo sư Mortimer, một nhà bác học về Cổ ngữ và Lịch sử Âu Châu suy nghĩ:

"Quả thế, phong trào phổ thông văn hóa bằng đường lối phục hưng đã cứu nguy cho sự suy đồi của Âu Châu nhưng đó chỉ là hai trường hợp. Tôi thiết nghĩ muốn kết luận ta cần nhiều dữ kiện rõ ràng hơn."

Babu mỉm một nụ cười bí mật và xác định:

"Thế thì ông nghĩ sao về việc phát minh ra máy in, kỹ thuật ấn loát vào năm 1473? Nhờ thế tư tưởng các triết gia, giáo sĩ mới phổ thông khắp quần chúng, nâng cao dân trí Âu Châu? Ông nghĩ sao về Francis Bacon và cao trào nghiên cứu khoa học năm 1578, xử dụng Anh Ngữ thay vì Latin để phổ biến kiến thức khoa học. Có phải những việc này đã đem khoa học vào xã hội để cải thiện cuộc sống hay không? Việc này xảy ra vào 25 năm cuối của thế kỷ 15 và 16.

Phải phục hưng văn hóa, đưa Âu Châu khỏi các thành kiến bảo thủ đã rồi cải cách, phát triển khoa học để mọi người biết suy luận sau đó, mới thay đổi xã hội được chứ. Văn hóa đi trước phổ biến tư tưởng để dọn đường cho các thay đổi chính trị, xã hội về sau.

Năm 1675, các Hội kín bắt đầu mọc lên kêu gọi san bằng giai cấp, dẹp tan bất công xã hội gây nên bởi chế độ Bảo Hoàng. Năm 1789, cuộc cách mạng Pháp đã bùng nổ và thay đổi hẳn lịch sử Âu Châu. Hai biến cố này đều xảy ra trong vòng 25 năm cuối của thế kỷ 17 và 18. Từ đó đến nay chắc các ông đã thấy?"

Giáo sư Mortimer toát mồ hôi trán, lịch sử Âu Châu đối với ông nào có xa lạ gì nhưng sự giải thích của Babu đã làm ông bừng tỉnh.

Toàn thể phái đoàn đều bàng hoàng khâm phục Babu. Trong một buổi chiều nhà Chiêm Tinh xứ Ấn đã hùng biện dẫn chứng về Toán Học, Sinh vật Học, Triết Học, Tôn Giáo và cả lịch sử Âu Châu như một học giả uyên bác nhất. Kiến thức của y đã chinh phục tất cả mọi người.

Giáo sư Mortimer run giọng:

"Vậy thì theo ông việc gì sẽ xảy ra cho thế kỷ 20 này?"

Babu im lặng suy nghĩ một lúc rồi trả lời:

"Năm 1875 đánh dấu một bước tiến quan trọng, đó là sự phát triển khoa học văn minh cơ giới cùng thuyết "Tiến Hóa" của Darwin và phong trào Thiên Chúa giáo tự do. Từ đây bắt đầu một cuộc tranh chấp giữa tinh thần và vật chất. Có hai mãnh lực rất mạnh phát xuất từ hai bầu tinh tú đối cực gây nên phong trào Duy Tâm và Duy Vật. Thế kỷ 20 bắt đầu với sự phát triển cực thịnh của thuyết Duy Vật. Con người sẽ bị thúc đẩy vào các sự kiện vật chất, họ sẽ gặp các thử thách mà nhu cầu bao tử, khoái cảm xác thân tranh đấu với nhu cầu tâm linh một cách mãnh liệt. Đến khoảng 25 năm cuối, từ 1975 trở đi thì phong trào Duy Tâm sẽ phát triển mạnh mẽ và được phổ biến sâu rộng để thúc đẩy sự tiến hóa tâm linh. Cuối thế kỷ 20 phong trào Duy Vật sẽ sụp đổ, hiện tượng nghiên cứu các giáo lý bí truyền sẽ bắt đầu.

Này các ông bạn, các bạn đều là những người tiền phong. Trước khi một sự phổ thông Bí Giáo được thực hiện phải có những hạt giống gieo sẵn và nẩy mầm.

Đó là lý do các bạn được thúc đẩy để nghiên cứu các hiện tượng huyền bí Phương Đông. Tôi không thể tiết lộ thêm điều gì nhưng qua lá số tử vi của Olivers tôi qủa quyết những điều tiên đoán đều sẽ thành sự thật.

Chắc chắn trong 25 năm cuối của thế kỷ này sẽ có nhiều thay đổi và có những cố gắng giúp cho sự tiến bộ của nhân loại, giai đoạn này rất quan trọng. Có hai loại người trên thế gian: Một loại đã thấy ánh sáng rực rỡ nơi cuối chân trời và định hướng để tiến tới đó. Dĩ nhiên, họ sẽ phải chiến đấu cam go với các cám dỗ, các hoàn cảnh bất lợi xảy ra chung quanh nhưng ở họ, hy vọng luôn luôn sáng rỡ. Hạng thứ hai không cảm xúc được các tư tưởng thanh cao, không tin tưởng

những điều cao thượng. Họ là những người lạc lõng, đáng thương vì họ sẽ phải học các bài học hết sức đau khổ cho đến khi họ hiểu biết và quay đầu về phía ánh sáng. Điều này đã và đang xảy ra."

"Chuyện gì sẽ xảy ra cho những người không hiểu biết này?"

Babu bật cười:

"Các ông nghĩ rằng Thượng Đế sẽ trừng phạt họ ư? Không đâu, họ sẽ phải tự học lấy những bài học trong lầm lỗi, trong đau khổ. Thí dụ như một người muốn đi từ quê lên tỉnh. Y có thể đi theo các đường lộ xây cất sẵn sàng, theo bản đồ chỉ dẫn. Nhưng có người cứ khăng khăng đi theo ý mình bất tuân theo luật lệ, đường dọn sẵn không đi, bản đồ có sẵn không thèm nhìn. Y sẽ đi vào rừng, dẫm lên gai góc, đau đớn, lạc lối lung tung sau đó mới ý thức sự ngu xuẩn của mình. Đời là một bài học vô cùng qúy giá mà ai cũng phải học. Cõi đời đầy những vô thường, khi thế này, lúc thế khác chứ đâu êm xuôi bằng phẳng.

Babu ngưng nói đưa mắt nhìn về sông Hằng. Bên kia bờ sông là một câu lạc bộ với những ánh đèn màu cùng tiếng nhạc dập dìu. Y thở dài:

"Đó là nơi hội họp của một hội đồng thương mại. Hội này quy tụ toàn các thương gia, các bậc thượng lưu trí thức giàu có bật nhất thành phố này. Tuần nào họ cũng hội họp ăn uống. Đa số đều đã ngoài 60 mà vẫn còn ham vui. Cơ thể họ đã suy nhược ngưng lòng hưởng thụ vật chất còn mãnh liệt. Họ tụ tập nhau để nói chuyện mưa gió, thời tiết, thú vui đời người. Không ai ý thức được rằng chỉ ít lâu nữa, ai cũng phải từ giã cõi trần. Nghe họ vui đùa, tưởng như họ có thể lột da như giống rắn để sống mãi mãi như thế."

Babu nhìn lên bầu trời đầy sao trầm ngâm:

"Mọi vật trong vũ trụ đều quân bình tuyệt đối, không dư, không thiếu, từ hạt bụi bé nhỏ đến những dãy Thiên Hà vĩ đại. Đời người quá ngắn và luôn bị lôi cuốn vào sinh hoạt quay cuồng. Đâu mấy ai ý thức được sự phung phí hôm nay dọn đường cho sự đau khổ ngày mai. Tất cả chỉ là những ảo ảnh chập chờn thế mà người ta cứ coi như thật. Nếu biết thức tỉnh quan sát ta có thể học hỏi biết bao điều hay. Tiếc rằng khi đắc thời người ta quên đi quá khứ rất nhanh, chỉ trong đau khổ, nhục nhã ê chề mới chịu học. Có thể đó cũng là lý do luôn luôn có các biến động vô thường, thúc dục con người học hỏi."

"Ông nghĩ rằng con người sẽ học hỏi trong đau khổ?"

Babu thở dài:

"Đúng thế, chúng ta có tính hay quên nên cứ phải học đi học lại các bài học khổ. Chỉ khi bị khổ sở, bị đàn áp, tự do bị chà đạp con người mới quay về với niềm hy vọng cuối cùng là đức tin. Khi sung sướng ít ai nghĩ đến việc tu thân cầu giải thoát. Khi cơ thể bệnh hoạn ta mới thấy khỏe mạnh là hạnh phúc. Khi bị tù đày ta mới thấy giá trị của tự do. Tiếc rằng khi khỏi bệnh, ta không ý thức nguyên nhân đã gây nên bệnh đó mà lại tiếp tục một đời sống như trước do đó, ta cứ bị bệnh hoài.

"Nhưng con người cũng học hỏi rất nhiều và đã có tiến bộ lớn lao."

Babu ngắt lời:

"Các ông gọi như thế nào là tiến bộ? Trên phương diện vật chất con người ta đã tiến bộ chút ít so với ngững thế kỷ trước nhưng phương diện tinh thần vẫn nghèo nàn như xưa, chả tiến được chút nào, bằng cớ là họ vẫn tiếp tục các lỗi lầm quá khứ."

"Ông muốn nói đến chiến tranh ư?"

Babu im lặng nhìn lên bầu trời đầy tinh tú ngẫm nghĩ một điều gì. Toàn thể mọi người im lặng chờ dợi. Sau cùng, giáo sư Allen lên tiếng:

"Theo ông thì hòa bình có thể thực hiện một ngày gần đây không?"

Babu mỉm cười trả lời:

"Các ông nghĩ rằng với khả năng bé nhỏ của tôi mà có thể biết hết được ư? Từ khi con người có mặt trên trái đất này đã có hết cuộc chiến này đến cuộc chiến khác. Chiến tranh có bao giờ chấm dứt được? Thực ra chiến tranh chỉ là sự biểu lộ trạng thái bên trong chúng ta, là sự phóng đại các động tác hằng ngày của chúng ta. Sở dĩ mỗi ngày nó một trầm trọng hơn là do kết quả các hoạt động kỹ nghệ và óc sáng tạo của con người. Chiến tranh không thể chấm dứt nếu các nguyên nhân gây nên cuộc chiến vẫn còn. Nếu có một cây cổ thụ thật lớn và ta muốn chặt nó. Ta không thể leo lên vặt hết lá cây được, vặt lá này nó lại mọc lá khác phải không các bạn? Cách duy

nhất là đốn tận gốc rễ. Nguyên nhân chiến tranh bắt nguồn từ các tham vọng, giận dữ, oán hận, đầu óc quốc gia, bộ lạc, tinh thần phe phái, đố kỵ, ganh ghét. v.v... Tận diệt được các thói xấu này là chấm dứt chiến tranh. Phương pháp duy nhất là làm một cuộc cách mạng trong tâm hồn. Chỉ khi nào loài người ý thức điều này và thay đổi quan niệm sống, xóa bỏ lòng thù hận thì họ sẽ thấy bình an. Tiếc rằng ai cũng chỉ nhìn thấy sự sai quấy nơi người khác nên mới có tình trạng ngày nay.

Hòa bình và thiện chí cần đi đôi với nhau nên không ai có thể thực hiện hòa bình khi lòng còn đầy oán thù, ghen ghét muốn bốc lột kẻ khác để mưu lợi cho cá nhân mình hay phe phái mình. Tất cả các hội nghị, các mưu tính để mang lại hòa bình cho nhân loại đều thất bại vì con người không chịu thực hiện hòa bình ở chính mình."

Babu mỉm cười nhìn tất cả mọi người một lúc rồi trầm giọng:

"Các ông đều biết Đại Đế Alexandre, người đã chinh phục thế giới. Trong việc xây dựng hòa bình cho Hy Lạp, ông đã càn quét, tiêu diệt tất cả những nước láng giềng có thể đe dọa xứ ông, rồi cứ thắng xong trận này lại phải lo đến trận khác và cuộc chiến tranh để mang lại hòa bình cứ thế kéo dài. Alexandre là một người thông minh theo học với hiền triết Aristotle.

Khi lên ngôi Hoàng Đế ông đã tâm sự với Thầy:

"Con sẽ chiến thắng Ai Cập và Thổ Nhĩ Kỳ."

Aristotle hỏi:

"Rồi sao nữa?"

Alexandre trả lời:

"Rồi con sẽ đem binh đánh Ba Tư nêu cao ngọn cờ Hy Lạp. Sau đó con sẽ đem quân chinh phục tất cả các quốc gia Trung Đông."

"Rồi sao nữa?"

Alexandre suy nghĩ:

"Sau đó thì con có thể ngủ một cách bình an."

(Ghi chú: Thời đó người Hy Lạp chỉ biết đến Ấn Độ mà thôi chưa biết đến các nước khác ở Á Châu)

Aristotle mỉm cười:

"Con hỡi, tại sao con không ngủ bình an ngay đêm nay có hơn không?"

Babu kết luận:

"Tôi nghĩ con người cần đặt cho mình một câu hỏi tương tự. Hãy quan sát lòng mình một cách thành thật xem mình muốn gì? Chúng ta muốn bình an hay kích động? Phải chăng chúng ta đều náo nức muốn cái gì? Mỗi buổi sáng, chúng ta vội vã cầm lấy tờ báo để tìm các tin tức sôi nổi nhất. Nếu không có tin gì về chiến tranh, thiên tai, xáo trộn, khó khăn kinh tế - thì chúng ta vứt tờ báo xuống đất và than rằng chả có gì đáng xem. Có phải thế không?

Chúng ta muốn sống yên ổn, không thích xáo trộn nhưng rất thích thú nghe nói về các sự xáo trộn của kẻ khác. Chúng ta dành nhiều giờ để bàn cãi sôi nổi về người này, người nọ, chê bai ông này, diễu cợt bà kia. Phải chăng chúng ta vẫn làm thế? Có bao giờ chúng ta đặt câu hỏi tại sao ta lại làm thế không?

Lòng ta còn ham tiền bạc, danh vọng, địa vị, sức khỏe và chỉ cầu bình an cho chính mình thôi nên chẳng bao giờ thỏa mãn. Nếu ai có hỏi thì ta cũng sẽ chối quanh như Đại Đế Alexandre chỉ xin một giấc ngủ bình an mà thôi.

Giấc ngủ bình an nào có khó, nào xa xôi diệu vợi, tốn công nhọc sức mới có. Làm sao ta có thể lao đầu vào vật chất phù du, xây dựng dang vọng địa vị, thỏa mãn cái phàm ngã hữu hình hữu hoại đồng thời tìm sự bình an, êm tĩnh? Chính các điều trên đã phá vỡ sự yên tĩnh xung mãn của nội tâm ta. Phiền não là do chính ta tạo nên chứ đâu phải hoàn cảnh phải không các bạn?

Ngày hôm nay chúng ta đã nói chuyện rất lâu rồi, các bạn sẽ còn trải qua một hành trình dài, gặp gỡ nhiều bậc danh sư, hiền triết. Tôi chúc các bạn tìm được niềm an tĩnh của tâm hồn."

Babu mỉm cười dơ tay tiễn khách, vầng trăng đã lên cao, lấp loáng phản chiếu trên sông Hằng.

Chương 3: Chương 3: Trên đường Thiên lý

Cuộc gặp gỡ Brahmananda và Sudeih Babu đã thay đổi tất cả. Cho đến lúc đó phái đoàn mới công nhận rằng đằng sau khu rừng mê tín dị đoan còn có những chân lý cao siêu đáng học hỏi và nghiên cứu. Sự hiện diện của một vị Chân Sư bí mật gửi thông điệp bằng tư tưởng cho Brahmananda và Sudeih Babu làm phái đoàn phấn khởi tin tưởng rằng cuộc khảo cứu sẽ còn vượt xa hơn điều họ dự tính.

Cuộc tiếp xúc với Sudeih Babu đã khiến mọi người bắt đầu cởi bỏ các thành kiến dị biệt, các quan niệm bảo thủ và lòng tự hào của người Âu để bắt đầu quan sát, học hỏi thêm về nền minh triết bí truyền của Á Châu.

Phái đoàn bắt đầu cuộc hành trình nhắm hướng Rishkesh trực chỉ. Lúc đầu, đường sá còn tốt nên sự di chuyển còn nhanh chóng nhưng về sau có những đoạn đường bị ngắt quảng, phái đoàn phải dùng lừa, ngựa hoặc đôi khi phải đi bộ qua các eo núi. Sự kiện một nhóm người Âu di chuyển trên những con đường độc đạo, hẻo lánh là một điều chưa hề xảy ra. Các sĩ quan quân lực Hoàng Gia đã hết sức ngăn cản vì lý do an ninh. Mặc dù Ấn Độ là thuộc địa của Anh nhưng nhiều địa phương vẫn không hợp tác với chính quyền. Di chuyển qua đây đòi hỏi sự hộ tống của lực lượng quân đội võ trang đầy đủ. Có nhiều vùng ngay cả dân địa phương cũng ít dám qua lại vì có những đảng cướp hoạt động mạnh mẽ. Để đề phòng, phái đoàn đã võ trang cẩn thận nhưng trong suốt thời gian di chuyển không hề có một sự kiện đáng tiếc nào xảy ra. Toàn thể mọi người có cảm tưởng như được che chở bởi một quyền năng mạnh mẽ vô hình.

Trên đường, phái đoàn đi qua một đền thờ của đạo Jain. Căn bản của tôn giáo này xây dựng trên chủ trương mở rộng lòng thương (Ahimsa). Tín đồ đạo Jain thực hành lý tưởng Ahimsa triệt để, đôi khi có vẻ quá khích:

Jainism được thành lập hơn 2000 năm do đức Mahavira, một vị hoàng tử đã từ bỏ cung vàng, điện ngọc vào rừng tu hành và đắc đạo. Ngay khi bước chân vào đền, người ta đã thấy ngay pho tượng đức Mahavira ngồi thiền, trên trán có gắn một viên kim cương lớn. Trước khi vào đây, du khách phải cởi thắt lưng, giầy dép, nghững vật gì làm bằng da thú, sừng, ngà voi, v.v... Tất cả các vật do sự giết chóc mà ra. Sở dĩ phải làm thế vì giáo lý Ahimsa dạy các tín đồ phái này không được sát sinh, ăn thịt cá mà ngay trong nhà cũng không được chứa một thứ gì do sự giết chóc. Các giáo sĩ đạo Jain mặc toàn đồ trắng trên mặt bịt một miếng vải thưa chỉ chừa đôi mắt. Họ làm thế để tránh loài ruồi, muỗi khỏi bay lọt vào mũi, miệng. Vì lòng bác ái Ahimsa bao trùm tất cả, lỡ có sâu bọ nào vô phúc bay lọt vào rồi nằm lì trong đó thì phạm tội sát sinh. Không những thế, các giáo sĩ đạo Jain mỗi năm phải nhập thất một lần trong suốt ba tháng hè vì thời gian đó côn trùng sinh sản nhiều, nếu di chuyển sợ dẫm lên chúng.

Đối với người Âu thì việc thực hành Ahimsa có vẻ quá khích và vô lý nhưng đa số phái này thực hành giới luật rất nghiêm chỉnh. Họ tin rằng nếu các giới luật mà không giữ được thì không hy vọng gì đi xa hơn trên đường tu học.

Một số giáo sĩ đạo Jain còn "quá khích" hơn nữa. Sau một thời gian tu ở trong đền, họ phát nguyện vào rừng tu và sống lõa thể. Họ chỉ uống nước suối, ăn trái cây và dành trọn thời giờ thiền định. Họ quan niệm rằng khi còn ăn cơm gạo, mặc y phục là còn mang nợ xã hội. Còn hưởng những vật dâng cúng của tín đồ là còn mang nợ loài người. Khi tu là phải ly khai với đời, từ bỏ tất cả, không bận tâm đến bất cứ chuyện gì của thế gian như của cải, vật chất và ngay cả mảnh vải che thân. Đạo Jain cho rằng xuất gia phải tuyệt tất cả ý niệm sở hữu vì bất cứ gì sở hữu là ràng buộc, níu kéo đưa đến sự quyến luyến gây chướng ngại cho việc tu hành giải thoát. Ngay cả các đền thờ đẹp đẽ cũng phải từ bỏ để vào rừng lấy đất làm giường, lấy trời làm nhà và thú rừng làm bạn. Họ dành tất cả thời giờ để thiền định về ý niệm mở rộng lòng thương đến muôn loài. Nhiều tu sĩ ngồi thiền mà thú rừng kéo đến quấn quít chung quanh, không hề sợ hãi. Các học giả người Âu đã gọi tôn giáo này là phái "Lõa thể" vì quan niệm từ bỏ triệt để này. Điều đáng tiếc là danh từ "Lõa thể" thường bị đồng hóa với các sự kiện xấu xa, mọi rợ, thiếu văn minh.

Khi người Anh đến cai trị xứ này, rất nhiều tu sĩ đạo Jain đã bị bắt giam vì tội xâm phạm thuần phong mỹ tục, mặc dù họ chỉ sống trong rừng không tiếp xúc với xã hội.

Khi gác bỏ các thành kiến dị biệt, phong tục và tập quán, phái đoàn thấy đạo Jain chủ trương rất thực tế: Giáo đồ phái này tin tưởng rằng sức mạnh của tình thương có thể san bằng mọi khó khăn, trở ngại. Tuy nhiên, tình thương phải hết sức tuyệt đối, mục đích của nó không giới hạn

vào một hạng người nào riêng biệt mà phải được ban rải đồng đều cho tất cả, không phân biệt giai cấp, chủng tộc hay tín ngưỡng. Đây là một cải cách hết sức lớn lao vì phong tục Ấn Độ vốn rất thiên vị và chủ trương dị biệt giai cấp. Tín đồ đạo Jain tin rằng con người dù mạnh hay yếu, sang hay hèn, trung lưu hay hạ lưu, bình dân hay vua chúa đều được thụ hưởng lòng thương như nhau. Lòng thương chẳng những phải bao la mà còn nồng nàn như tình mẹ con, không quản ngại khó khăn, nguy hiểm. Lòng thương phải chân thành, thâm thúy phát ra từ đáy lòng, không thể giả dối hay vị nể một hoàn cảnh nào. Sau khi ban rải tình thương khắp đồng loại còn phải ban rải đến loài vật từ con voi to lớn đến các côn trùng nhỏ nhen. Do đó, họ tránh sát sinh đã đành mà còn không sử dụng bất cứ vật dụng gì do sự giết chóc mà ra. Đạo Jain cho rằng chiến thắng kẻ thù bằng sức mạnh là một thú tánh cần loại trừ nhưng chinh phục bằng tình thương là đường lối duy nhất để giải quyết mọi việc.

Đạo Jain có khá đông tín đồ, phát triển mạnh tại miền bắc Ấn Độ nhưng không đi đến các nơi khác vì gặp phải sức chống đối của Ấn Độ Giáo và Hồi Giáo. Lịch sử Ấn Độ ghi nhận Hồi Giáo đã tiêu diệt Phật Giáo và đạo Jain một cách hết sức dã man. Hơn nữa, quy luật khắt khe của tôn giáo này không mấy ai theo nổi và các tu sĩ bịt mặt, lõa thể dễ bị người đời ngộ nhận. Có lẽ thế, tôn giáo này chỉ bành trướng trong các vùng hẻo lánh miền sơn cước.

Ashmah là một làng nhỏ, nằm sát chân núi. Phái đoàn dừng chân ở đây một thời gian cho lừa, ngựa nghỉ ngơi. Một lý do nữa là gần đó có một di tích lịch sử quan trọng: Ngôi đền yên lặng.

Đó là một ngôi đền kiến trúc bằng đá trắng, xây cất hơn 4000 năm nay. Trong đền không có hình tượng gì mà chỉ là một căn phòng to lớn, trang nghiêm. Bước vào ngôi đền yên tĩnh, tất cả mọi người đều thấy trong lòng bỗng lắng xuống một cảm giác bình an khôn tả. Tục truyền Hoàng đế Rapoor mang quân đi chinh phục các nước láng giềng đã gặp một vị đạo sĩ nơi đây. Đạo sĩ khuyên vua nên bỏ ý định chinh phục bằng sức mạnh mà chỉ nên lấy nhân nghĩa mà đối xử với người. Nhà vua nghe theo ra lệnh bãi binh, khuyến khích dân chúng sống theo đạo hạnh. Từ đó vương quốc Rapoor được hưởng một nền thái bình, tự trị.

Thời gian trôi qua, đến nay chẳng còn mấy ai biết đến thời đại của Hoàng Đế này nhưng ngôi đền xây cất để kỷ niệm sự tỉnh ngộ của nhà vua vẫn còn tồn tại. Khi bước chân vào đây, không ai được nói một lời nào mà phải tuyệt đối giữ yên lặng. Lý do ngôi đền không có hình tượng gì là để nói đến cái chân lý tuyệt đối vốn vô hình, vô tướng. Vị đạo sĩ giữ đền đã giải thích cho phái đoàn:

"Đền im lặng là nơi chỗ của quyền năng vì im lặng đồng nghĩa với quyền năng. Khi con người đạt đến chỗ im lặng trong tư tưởng thì họ đã đến chỗ mà tất cả đều là sự hợp nhất với quyền năng thiêng liêng. Con người có sức mạnh tư tưởng nhưng vì vô ý thức họ đã để cho nó hao tán. Quyền năng hao tán là Động còn tập trung là Tĩnh. Khi tập trung mọi sức mạnh tư tưởng vào một trung tâm sinh lực duy nhất, con người tiếp xúc với Thượng Đế. Khi hợp nhất với đấng thiêng liêng ta hợp nhất với mọi quyền năng và đó là di sản tâm linh tối hậu. Phương pháp duy nhất để hòa hợp với đấng thiêng liêng là tiếp xúc với ngài một cách ý thức, từ bỏ ngoại cảnh để quay về với nội giới vì đấng thiêng liêng ẩn tàng trong tâm con người. Khi con người từ bỏ ảo giác của kiêu mạn, bản ngã, nhận thức sự vô minh, hèn kém của mình và sẵn sàng học hỏi, sửa đổi đó là tu thân. Người ta không thể dạy bảo điều gì cho những cá nhân kiêu căng tự phụ vì chỉ có người khiêm tốn mới thấy được chân lý. Đấng thiêng liêng không nghe các lời cầu xin ồn ào, lập đi lập lại mà chỉ nghe những lời cầu nguyện chân thành của những kẻ đến với Ngài bằng trái tim, sùng kính Ngài bằng tâm hồn và yên lặng. Kẻ nào tiếp xúc với Ngài trong âm thầm sẽ nhận biết quyền năng của Ngài do sự thực hiện các điều mong muốn của họ."

"Nhưng nếu không cầu nguyện theo một sách vở, Thánh Kinh làm sao tín đồ có thể hiểu biết về tôn giáo mà họ đang theo đuổi?"

"Minh triết phát sanh từ yên lặng. Thượng Đế không cần ta phải tuyên dương Ngài một cách ồn ào hay bằng một ngôn ngữ gì. Khi một tín đồ thành tâm trong tĩnh lặng, y sẽ hòa hợp tư tưởng với ảnh hưởng thiêng liêng và ảnh hưởng này chỉ có thể nhận được khi lòng ta vắng lặng. Khi tâm hồn hoàn toàn an tĩnh, ta có thể tự phân tích mình, trau dồi phẩm hạnh và đón nhận những mặc khải từ cõi trên. Chỉ trong sự vắng lặng, con người mới ý thức năng lực trong mình và chung quanh mình. Chỉ trong yên lặng các quyền năng tiềm ẩn mới phát sinh và nẩy nở. Tâm có an thì việc bên ngoài mới không vọng động, dục vọng mới chịu yên tĩnh. Con người có giải thoát các ồn ào, náo nhiệt bên ngoài thì mới đón nhận các hòa âm tuyệt diệu đến từ cõi vô biên. Con người cần khám phá rằng hạnh phúc ở trong tâm mình. Hiện nay phần lớn đều tìm kiếm hạnh phúc bên ngoài nhưng ngoại cảnh chỉ đem lại các giải trí trong chốc lát thay vì hạnh phúc vô biên. Tất cả phương pháp tìm kiếm bên ngoài đều vô vọng. Con người phải biết quay về nội tâm

vì mọi hình tướng, nghi thức đều là sự áp chế."

"Nhưng làm sao tìm thấy điều gì khi ngồi yên lặng?"

"Con người sẽ dần dần ý thức được chính mình. Dĩ nhiên, điều này đòi hỏi một thời gian. Họ sẽ tìm thấy ở mình một thứ hạnh phúc không lệ thuộc ngoại vật cũng không lệ thuộc tha nhân. Một tâm trạng giải thoát không ai có thể cướp được, đó là tâm trạng "Tôn Giáo" kết tinh bởi sự nẩy nở, thăng hoa các ý thức sâu kín trong nội tâm. Con người sẽ tự mình tìm thấy câu giải đáp khi họ ý thức thực chất của chính mình và ảnh hưởng cao cả của Thượng Đế. Chỉ khi đó, mọi sự tìm kiếm ở ngoại cảnh sẽ chấm dứt."

"Những điều ông nói rất hay nhưng nếu không có sách vở chỉ dẫn làm sao con người biết đâu mà tìm để đạt đến trạng thái đó?"

"Đa số người Âu chỉ quen hoạt động và ỷ lại vào một phương pháp, giáo lý hướng dẫn cuộc đời; do đó, họ dễ bị hướng dẫn lầm lẫn, sai lạc. Phải tự mình suy gẫm và tìm lấy con đường cho chính mình mới là phương pháp đứng đắn.

Con đường giải thoát đòi hỏi can đảm và nỗ lực cá nhân vì không đường nào giống đường nào. Lịch sử cho thấy có biết bao Tôn Giáo rao truyền các chân lý cực kỳ tốt đẹp nhưng đã có mấy tín đồ nghiên cứu tường tận? Đa số đều ỷ lại vào các giáo sĩ chỉ dẫn. Chính các giáo sĩ còn chưa giải thoát chính mình thì còn cứu độ cho ai nữa? Đó là lý do Hoàng Đế Rapoor xây dựng ngôi đền im lặng mà trong đó không có một pho tượng, một hình ảnh hay ngôn ngữ nào để tránh đi vào con đường của các tông phái Ấn Giáo. Thượng Đế ở khắp mọi nơi và tuyệt đối, ngôn ngữ, hình ảnh không thể diễn tả được. Chỉ trong sự im lặng hoàn toàn phá bỏ tất cả hình tướng, nghi thức, con người mới tự do sống bình an với nhau, hiểu sự liên quan giữa y và những người đồng loại.

Con người thường suy tư về sự liên hệ giữa người với người nhưng sự suy tư này ít nhiều đều thiên vị. Nó luôn luôn sai lạc nếu nó khảo sát sự vật xuyên qua bản ngã. Tư tưởng con người chỉ chân chính khi họ giải thoát khỏi các thành kiến, điều kiện bao bọc bên ngoài. Tự do tư tưởng không phải chỉ là muốn nghĩ thế nào thì nghĩ mà còn là giải thoát ta ra khỏi các áp lực bắt ta phải suy nghĩ theo một lề lối riêng. Đây là một chân lý chỉ tìm thấy trong sự yên lặng, trong sự cởi bỏ mọi nghi thức, hình tướng, ngôn ngữ, các thành kiến dị biệt, các cưỡng bách tư tưởng, các sợ hãi bắt nguồn từ vô minh. Chỉ khi hoàn toàn tự do, con người mới thực sự bình an và giải thoát."

Phái đoàn từ giã vị giáo sĩ coi ngôi đền. Cuộc viếng thăm tuy ngắn ngủi nhưng đã gây một ấn tượng tốt đẹp với mọi người. Hình như có một luồng từ điện vô hình phảng phất quanh ngôi đền khiến ai cũng thấy trong lòng dào dạt một sự bình an khó tả. Lối tu trong yên lặng không còn là một vấn đề trừu tượng, vô ích như họ nghĩ. Quả thật xứ Ấn còn rất nhiều điều để cho người Âu học hỏi và suy nghĩ.

Chương 4: Chương 4: Thành Phố Linh Thiêng

Rishikesh! Một tên gọi linh thiêng, thành phố của các vị thánh. Từ lâu nay người ta đã coi thành phố này như một thánh địa mà tất cả những kẻ cầu đạo đều phải đến để đắm mình trong bầu không khí thiêng liêng. Rishikesh nằm ở một vị trí đặc biệt và là cánh cửa vào rặng Hy Mã Lạp Sơn. Từ đó đi lên hướng Bắc là rặng núi hùng vĩ, chứa đựng những điều huyền bí. Phía nam là con sông Hằng, dòng sông thiêng của Ấn Giáo. Một người Ấn bất kể giai cấp, trí thức, đều ít nhất một lần trầm mình trong dòng nước này để đón nhận những ân phước mà dòng sông mang lại.

Đúng như lời người Ấn bí mật thành Benares đã nói, khắp nơi đâu đâu cũng có các đạo sĩ và tín đồ hành hương. Có những đạo sĩ mình hạc, xương mai vừa đi vừa tụng niệm các câu thần chú. Có các đạo sĩ khổ hạnh chống gậy trầm tư bên dòng nước sông Hằng. Chen chúc bên các tín đồ huyên náo là các thuật sĩ quần áo sặc sỡ biểu diễn những trò lạ lùng. Một đạo sĩ to lớn, lực lưỡng, quấn khố bằng da cọp uốn mình trong tư thế Yoga bên cạnh một thuật sĩ gầy gò nằm lăn trên đất lâm râm cầu nguyện. Có các vị tăng sang sảng đọc kinh bên cạnh những giáo sĩ vừa đánh trống vừa nhẩy nhót, ca hát tên các vị thần. Có những tu sĩ thiền định trong những hang đá đục sâu vào núi, không màng thế sự bên cạnh những đạo sĩ râu tóc xồm xoàm, quấn mình trong những mãnh vải rách như một xác ướp. Có các tu sĩ nằm yên lặng, hơi thở thoi thóp như sắp chết bên cạnh những thuật sĩ say sưa gọi tên Thượng Đế một cách ồn ào. Trong làn khói hương nghi ngút, các tín đồ hành hương chen vai thích cánh, trên mặt ai cũng một niềm thành kính rõ rệt. Phái đoàn cảm tưởng như đang lạc vào một thế giới lạ lùng, huyền ảo, với những nhân vật kỳ dị, khác thường.

Bác sĩ Kavir, giám đốc viện nghiên cứu Phạn Ngữ của chính phủ là một học giả nổi tiếng, có một kiến thức rộng và đã sống ở Rishikesh nhiều năm. Theo ông ta thì Rishikesh không còn là một thành phố của các bậc chân tu đạo hạnh như xưa mà là một nơi quy tụ rất nhiều thành phần hỗn tạp. Đa số là các đạo sĩ, tu sĩ nghèo nàn từ hình thức đến tinh thần. Họ góp nhặt vài phép tu, vài phương pháp dưỡng sinh, vài câu thần chú rồi kiếm ăn qua sự mê tín của dân chúng. Phần lớn những tu sĩ này đều là những kẻ thất bại ngoài đời, lười biếng, không chịu làm việc. Đối với một quốc gia chậm tiến như Ấn Độ thì hình thức dễ nhất để có cơm ăn, áo mặc và một mái nhà là trở nên một tu sĩ, sống trên lòng sùng tín của dân chúng. Vì không có một tiêu chuẩn kiểm soát nào nên bất cứ ai cũng có thể trở thành tu sĩ, chỉ cần mặc áo tu sĩ, học thuộc vài câu kinh, vài hình thức lễ nghi, cúng tế là có thể tự xưng Đạo Sĩ, Thánh Nhân được rồi. Chính các tu sĩ, đạo sĩ giả mạo này là những kẻ đã làm hoen ố danh dự tôn giáo, lợi dụng đức tin để làm chuyện sằng bậy, ích kỷ, cá nhân. Đã thế, họ lại còn tụ tập phe nhóm, phong chức tước, ca tụng lẫn nhau và đả kích những tu sĩ không cùng phe nhóm.

Đượn tin có phái đoàn ngoại quốc đến nghiên cứu nền minh triết cổ truyền, rất đông đạo sĩ, giáo sĩ tìm đến để tiết lộ những pháp môn huyền bí, dĩ nhiên với một giá biểu. Khi bị từ chối lập tức họ sụt giá như người mua bán. Một đạo sĩ đòi bán một cuốn sách bí truyền với giá 50 đồng tiền vàng, sau nhiều lần sụt giá y bằng lòng để lại cuốn sách với giá một bữa ăn. Một nhóm tu sĩ danh xưng trọng vọng, chức tước đầy người đòi đến thảo luận triết lý với phái đoàn. Khi nghe họ giới thiệu về thành tích và đạo quả đạt được, phái đoàn cực kỳ ngẩn ngơ vì toàn các bậc thần thánh gì đâu chứ không phải người. Ai cũng tu cả trăm năm đủ các phép thuật thần thông biến hóa. Tuy nhiên, khi một viên cảnh sát ở đâu bước vào thì các bậc "thần tiên" mặt mày lơ láo, kéo nhau bỏ chạy hết.

Quanh các chợ búa, có rất nhiều các tu sĩ khổ hạnh phô trương thân thể tàn phế bị hủy hoại như một công trình vĩ đại. Phái đoàn không hiểu họ có thể đạt đến điều gì ngoài ít xu lẻ mà khách bộ hành ném cho.

Một số các đạo sĩ sử dụng tà thuật công khai. Với một giá biểu, họ sẵn sàng làm bùa chú, thư phù, nguyền rủa một kẻ thù của bạn, đem đến cho bạn một cô gái đẹp hoặc giúp bạn thành công trên thương trường. Đâu đâu cũng có các đạo sĩ rao bán bùa ngãi hoặc xưng là đấng này, đấng nọ. Một tu sĩ đến gặp phái đoàn xưng là hậu thân của đấng Krishna và đã từng là Phật Thích Ca trong một tiền kiếp. Bác sĩ Kavir nổi giận ra lệnh tống giam ngay tu sĩ này. Khi cảnh sát đến còng tay, tu sĩ thú nhận y chỉ là một học sinh thi rớt Tiểu Học, không sao kiếm được việc làm. Y đã lười biếng còn thích làm thầy kẻ khác nên làm gì một thời gian cũng gặp khó khăn. Sau cùng, y cạo

đầu, mặc áo tu và tự xưng là đấng Krishna giáng thế, một số dân quê tin những lời tuyên bố của y. Họ quyên góp, xây cho y một ngôi đền. Y sống trên phẩm vật dâng cúng của tín đồ một cách ung dung chẳng tu hành gì hết. Đã thế, y còn đòi hỏi này nọ, chê ngôi đền quá nhỏ bé không xứng với chức tước của y. Quen thói hống hách, lừa bịp, khi nghe tin có phái đoàn ngoại quốc đến thăm viếng, y dở trò bịp bợm để mong kiếm được món tiền nhỏ.

Lịch sử Ấn Độ cho thấy khi xưa Rishikesh là một thánh địa thiêng liêng, một nơi các tu sĩ thánh thiện đến để tu học. Sau này, khách hành hương quá đông, một số hành khất kéo nhau đến đây hành nghề. Thấy làm đạo sĩ coi bộ dễ kiếm ăn hơn nên nhiều hành khất đã "chuyển nghề" trở thành các đạo sư, giáo sĩ chuyên làm tiền các tín đồ ngây thơ nhẹ dạ.

Dĩ nhiên, Rishikesh vẫn còn các tu sĩ học thức, dành trọn đời cho việc đi tìm chân lý. Họ vẫn tu hành quanh đó không để ý đến sự kiện các tu sĩ giả lợi dụng sự có mặt của họ để mưu cầu lợi lộc. Đó cũng là một nét đặc thù của nền văn hóa xứ này. Một người Âu Mỹ chắc chắn không thể chấp nhận sự kiện như thế, họ sẽ nhờ luật pháp can thiệp hoặc cảnh cáo những tu sĩ bất lương. Nhưng Ấn Giáo không có một tổ chức chặt chẽ như Thiên Chúa Giáo. Các giáo sĩ quan niệm có nhiều đường tu khác nhau, ai tu nấy chịu và những kẻ mạo danh, lợi dụng sẽ phải chịu hậu quả ở một kiếp sau.

Giáo sư Kavir cho biết theo thời gian, khi nền văn hoá suy đồi, cuộc sống trở nên khó khăn, các bậc tu sĩ thánh thiện mỗi ngày mỗi hiếm thì các đạo sĩ, thuật sĩ giả mạo nổi lên mỗi ngày một nhiều. Hàng ngàn người dốt nát, vô học đi lang thang với các chức tước rất lớn như Đạo Sư (Guru), Giáo Sĩ (Yogi), Thánh Nhân (Bhagwan). Họ chỉ chờ những ngày hội, ngày lễ là xuất hiện quanh các đền, chùa lên mặt này nọ để quyên tiền. Dĩ nhiên họ là gáng nặng của xã hội vì chỉ thụ hưởng mà không làm lợi ích gì. Đó cũng là lý do nhiều người Âu Mỹ đã coi thường gia tài văn hóa xứ Ấn. Xét cho cùng, một phần lỗi cũng là do sự tôn sùng tôn giáo quá mạnh của dân chúng. Họ không phân biệt một đạo sư tu hành chân chính, gìn giữ giới luật trang nghiêm với những kẻ bịp đời. Lòng sùng tín khiến họ trở nên ngây thơ, nhẹ dạ sẵn sàng làm theo sự mách bảo của các bậc tu hành. Một lý do nữa là sự ỷ lại vào sức mạnh thần quyền, đa số các tín đồ mải mê với sinh kế, không có thì giờ lo việc tinh thần nên họ ủy thác cho các giáo sĩ cầu nguyện giùm và đồng hóa việc giải thoát với việc trung thành vào một bậc giáo sĩ. Đa số các giáo sĩ lợi dụng vấn đề này tối đa, hứa hẹn sẽ chăm lo tinh thần giáo dân bằng cách cầu nguyện cho họ. Các giáo sĩ này tự hào đã tu hành đắc đạo, đã có thể nói chuyện trực tiếp với Thượng Đế và là người trung gian giữa Trời và người. Họ sống trong các đền đài đẹp đẽ, hưởng thụ vật dân cúng và nhân danh Thượng Đế để đòi hỏi này nọ. Người Á Châu bản tính không thích hoài nghi, chấp nhận việc các tu sĩ nói ra như ý muốn của Thượng Đế và tuân theo triệt để. Cũng vì thế, các tài liệu tôn giáo Ấn Độ đã bị sửa đổi đi rất nhiều, không phân biệt điều có thật với những sự kiện huyền hoặc. Các tu sĩ tha hồ trích dẫn những câu nói bí ẩn và giảng ra theo ý nghĩa có lợi nhất cho họ. Xứ Ấn Độ phân biệt giai cấp rõ ràng, tu sĩ luôn đứng hàng đầu trên cả vua chúa, quý phái. Giai cấp tu sĩ không làn gì chỉ hưởng thụ và các giai cấp khác có bổn phận phải cung cấp các nhu cầu đòi hỏi cho tu sĩ. Cũng vì không làm gì, quá nhàn hạ, họ đâm ra chống báng, đả kích lẫn nhau. Mỗi người tự lập một giáo phái, môn phái, xưng hùng, xưng bá, giảng kinh điển theo quan niệm của mình từ cụ thể đến trừu tượng như Thời Gian Luận, Phương Hướng Luận, Đa Nguyên Luận... không ai chịu theo ai và còn tranh luận lung tung khiến các tín đồ không còn biết đâu mà tin.

Cũng vì xã hội nghèo đói, rối ren, tinh thần lại điên đảo bởi các tà thuyết nên từ bao năm nay, Ấn Độ không sao trở nên một quốc gia hùng cường, thịnh vượng như các xứ khác. Tuy thế, với gia tài minh triết lớn lao tiềm ẩn, vẫn có các bậc chân tu đạo hạnh, sống kín đáo để giữ cho ngọn lửa tâm linh luôn cháy sáng và vẫn có những người tha thiết mong cầu chân lý, sẵn sàng từ bỏ tất cả để đi tìm chân lý.

Sự kiện từ bỏ tất cả để đi tìm đạo cũng là một nét rất đặc biệt của Á Châu vì người Âu Mỹ khó có thể chấp nhận vấn đề từ bỏ của cải, vật chất để chạy theo một viễn ảnh trừu tượng, viễn vông, không thiết thực. Người Âu cả quyết rằng sự tìm kiếm chân lý là vô ích, hạnh phúc là hưởng thụ tất cả những gì cuộc đời có thể mang lại vì chết là hết. Tuy nhiên, vẫn có những người Âu đã tự đặt câu hỏi phải chăng chết là hết? Nếu như thế thì mục đích cuộc đời là gì? Tại sao chúng ta lại sinh ra để chết? Văn hóa Âu Tây đã không giải thích được vấn đề này một cách rốt ráo. Biết bao nhà triết học nổi danh đã nhứt óc về đề tài này nhưng đa số đều chỉ nói một cách quanh co, không đi đến một kết luận nào chắc chắn. Họ chỉ nói rằng có thể như thế này hay cũng có thể như thế khác mà thôi. Cho đến khi người Âu thực sự giao tiếp với người Á Châu thì họ bỗng bật ngửa vì tất cả những gì họ thắc mắc thì người Á đã có những câu trả lời từ nhiều ngàn

năm trước.

Lịch sử đã ghi nhận có những người Âu đến viếng thăm Á Châu và say mê nền minh triết xứ này đến nỗi quên cả mục đích chính của chuyến đi. Điển hình là Đại Đế Alexandre xứ Hy Lạp, vị hoàng đế bách chiến, bách thắng đã chinh phục thế giới, dẹp tan Ai Cập, quét sạch Ba Tư mở rộng bờ cõi đến tận Ấn Độ Dương.

Khi đến Ấn Độ, ông là một kẻ chinh phục oai danh lừng lẫy nhưng khi trở về nước, ông đã trở nên một triết gia khiêm tốn, nhã nhặn. Hoàng Đế Alexandre, học trò của hiền triết Aristotle đã bị các bậc hiền giả xứ Ấn chinh phục. Khi dẹp tan các đạo binh của Hoàng Đế Ấn Độ, Alexandre cho mang tất cả những tướng chỉ huy xứ Ấn đến hạch hỏi. Ông Vua kiêu căng lớn tiếng "Thua trận như vậy, các ngươi đã chịu phục ta chưa?"

Nếu là trường hợp các quốc gia khác, thì vua chúa đều quỳ mọp xin tha tội và xin thần phục trước sức mạnh của Hy Lạp. Nhà chỉ huy xứ Ấn đã dõng dạt trả lời: "Nhà ngươi chỉ là một kẻ vũ phu, tàn ác làm sao ta phục cho được. Ngươi có thể thắng bằng quân sự nhưng cai trị thế nào nổi dân của ta?" Alexandre nổi giận: "Ta đã cai trị toàn thể thế giới, có nước nào không phục tài ta, nơi nào làm phản ta giết trọn cả nước, ngươi không thấy các đại cường quốc như Ai Cập, Ba Tư còn xin thần phục huống chi Ấn Độ yếu đuối?" Vị chỉ huy xứ Ấn bật cười: "Chinh phục bằng sức mạnh quân sự thì dễ chứ chinh phục nhân tâm còn khó gấp trăm ngàn lần, một kẻ vũ phu như ngươi làm sao có thể cai trị được Ấn Độ?" Câu nói bất ngờ làm Đại Đế Alexadre giựt mình. Nên nhớ, ông là một hoàng đế văn võ toàn tài chứ không phải một kẻ chỉ ỷ vào sức mạnh. Từ nhỏ, ông đã được giáo dục bởi các bậc hiền triết Hy Lạp và năm 14 tuổi đã đem quân chinh phạt khắp Địa Trung Hải tạo các chiến công hiển hách. Ông theo học với triết gia Aristotle và lúc nào cũng có vài chục hiền giả chung quanh để thảo luận. Câu nói của vị tướng lãnh chỉ huy xứ Ấn làm ông suy nghĩ. Thay vì ra lệnh giết ngay viên tướng này để làm gương, ông đã không giận dữ lại còn mang ngay đề tài chinh phục nhân tâm ra thảo luận với y. Trong suốt lịch sử Âu Châu, chỉ có Alexandre là hoàng đế duy nhất đã tranh luận ôn tồn cho đến khi kẻ thù kính phục mới thôi.

Chi tiết cuộc thảo luận này ra sao không thấy lịch sử ghi chép nhưng chỉ ít lâu sau, Hoàng Đế Alexandre đã cho mời các bậc hiền triết xứ Ấn đến thảo luận với các học giả Hy Lạp vẫn tháp tùng theo đoàn quân viễn chinh. Chỉ một thời gian ngắn, Alexandre nhận thấy các triết gia Hy Lạp không thể sánh kịp với các hiền giả Ấn Độ. Nhà vua bèn đổi thái độ, lấy lễ nghĩa đối xử với các vị này. Thay vì cai trị bằng sức mạnh như vẫn làm với các quốc gia khác, ông ghi nhận những lời khuyên của các bậc hiền triết, tôn trọng quyền lợi dân chúng xứ này.

Đoàn quân viễn chinh ngưng lại không đi sâu vào nội địa xứ Ấn để ông có thì giờ học hỏi, đàm đạo với các bậc thánh nhân, hiền triết. Các cuộc thảo luận nhiều khi kéo dài đến cả tuần lễ, có khi cả tháng. Sau đó, ông đã ra lệnh rút binh trở về Hy Lạp vì giấc mộng bá vương không còn nữa. Ông dự định sẽ cải tổ lại guồng máy cai trị thế giới theo gương Ấn Độ. Tiếc thay, nhà vua lại chết sớm khi chưa đầy 30 tuổi. Một sử gia đã than: Nếu Alexandre sống lâu thêm ít năm nữa thì biết đâu lịch sử Tây Phương đã khác hẳn.

Trong các vị hiền triết nổi danh, Ramakrisna được coi như một vị Thánh của Ấn Giáo. Danh tiếng ông này đã vang sang tận Âu Châu. Phái đoàn tìm đến đức Mahayasa, môn đệ của ông này đang tu ở một ngôi đền gần đó.

Ngang qua một khoảng sân nhỏ đến một căn phòng kiến trúc kiểu xưa cổ kính, mọi người được mời ngồi xuống thảm. Khoảng vài phút sau, một tiếng chân người chậm rãi bước lại: đó là một ông lão khỏe mạnh, râu dài trắng phếu, dung mạo nghiêm trang và đôi mắt chói sáng tỏa ra một cái gì thánh thiện khiến mọi người có cảm giác rung động lạ thường.

Giáo sư Evans-Wentz lên tiếng bầy tỏ mục đích của phái đoàn, Mahayasa mỉm cười: "Ơn trên đã dẫn dắt các ông đến đây, các ông sẽ có dịp tiếp xúc nhiều với những bậc hiền triết xứ này. Ơn trên có một mục đích rõ ràng rồi các ông sẽ thấy."

"Chúng tôi nghe nói nhiều về đạo sư Ramakrishna, ông có thể cho chúng tôi biết thêm về ngài không?"

"Tôi rất thích nói về ngài, ngài mất đã nửa thế kỷ rồi nhưng vẫn còn lưu lại nhiều kỷ niệm linh động trong lòng tôi. Tôi gặp ngài hồi 27 tuổi và luôn luôn ở bên ngài cho đến những ngày cuối cùng. Nhờ ngài, tôi đã trở thành một con người mới và quan niệm của tôi đối với cuộc đời cũng thay đổi hẳn. Ảnh hưởng của ngài rất sâu đậm, ai đến với ngài cũng được cảm hóa như vậy kể cả những kẻ hoài nghi, chế nhạo..."

"Nhưng nếu người ta không tin, làm sao người ta có thể được cảm hóa?"

Đức Mahayasa mỉm cười:

"Trước ảnh hưởng an lành tỏa ra từ con người thánh thiện của đức Ramakrishna dù có hoài nghi thế nào, người ta cũng thấy thanh thoát."

Giáo sư Allen rụt rè:

"Chúng tôi được biết ngài rất ít học."

"Đúng thế, ngài là con người đơn giản, biết ít, học ít nhưng ngay cả những bậc học rộng, tài cao của Ấn Độ đều ngưỡng mộ ngài. Họ cúi đầu trước hào quang tâm linh của ngài. Ngài vẫn dạy rằng tiền bạc, chức tước, địa vị chẳng qua chỉ là phù vân, hư ảo trước các giá trị tâm linh..."

"Nhưng người Âu không thể hiểu tại sao những vua chúa, học giả nổi tiếng lại có thể cúi đầu trước một người không học hết bậc trung học..."

Đức Mahayasa mỉm cười:

"Sở dĩ họ không hiểu được vì họ quan niệm đạo sư phải là người có bằng cấp, tốt nghiệp những đại học nổi tiếng, có tài ăn nói hấp dẫn. Quan niệm người Ấn không như vậy, một đạo sư không nhất thiết phải tốt nghiệp trường học chuyên môn, viết những sách vở cao siêu, mà ở những điều ngài khêu gợi, thức tỉnh tâm thức được cho mình, có gần ngài mới hiểu thế nào là bình an. Những ngày bên ngài tốt đẹp biết bao, ngài thường đắm mình trong những cơn thiền định sâu xa khiến chúng tôi có cảm tưởng như tiếp xúc với một vị Thánh hơn một người phàm. Tôi xin kể cho các ông về cảm tưởng của tôi: Tôi được giáo dục theo phương pháp Âu Tây, tôi rất tự đắc được học nhiều biết rộng hơn những người chung quanh. Khi đó tôi là giáo sư dạy Anh Ngữ cho trường Trung Học ở Calcutta, đức Ramakrishna tu ở đạo viện Dakshinewar cách đó không xa. Một hôm, tôi theo các bạn đến nghe ngài thuyết giảng, thực ra tôi có ý muốn biện luận với một vị được dân chúng coi là Thánh Nhân hơn là nghe giảng nhưng một sự lạ lùng đã xảy ra. Khi vừa nghe những lời nói của ngài, tôi thấy trong lòng rộn rã một cảm giác lạ lùng, yên tĩnh. Ngài không nói bằng ngôn ngữ thông thường, sử dụng các danh từ bóng bẩy như tôi nghĩ mà bằng tiếng nói của trái tim. Tôi say mê uống những lời giảng giản dị, chân thành như người khát nước lâu ngày, sau đó, tuần nào tôi cũng đến nghe giảng. Một thời gian sau, tôi được ngài thu nhận làm đệ tử, chính ngài khuyên tôi:

"Xem tướng, thầy biết con sẽ trở nên một tu sĩ (Yogi). Con hãy làm tròn công việc hàng ngày của mình với đời, nhưng tâm hồn lúc nào cũng tưởng nhớ đến Thượng Đế."

"Chúng tôi nghe nói về Ramakrishna ngay từ khi còn ở Âu Châu nhưng dư luận người Anh có lẽ không hiểu rõ về ngài ngoại trừ việc ngài là một người không có học..."

Mahayasa gật đầu mỉm cười:

"Theo sự hiểu biết của tôi, sở dĩ ngài không thích học vì bản tánh ngài thiên hẳn về vấn đề tâm linh. Một người như thế tất nhiên không để ý đến những từ chương, bằng cấp hay quyền quí, danh lợi. Năm ngài bắt đầu vào tuổi thanh niên một sự lạ xảy ra: Tuổi 16, 17 là lúc đứa trẻ thường bị khủng hoảng hoặc thay dổi tâm tính nhất là trên phương diện tình ái. Đối với người cao thượng, đó là lúc mở màn cho một đời sống thật sự với sự phát triển các năng khiếu tâm linh siêu việt: sự mở màn ấy bắt đầu với sự hoảng hốt trước cái chết. Đa số con người ít nhiều cũng đã nghĩ đến sự chết nhưng họ chỉ nghĩ một lát rồi quên ngay ít ai chịu tìm hiểu sâu xa. Các bậc hiền triết thì khác, họ tận lực tìm hiểu thế nào là sự chết, đức Ramakrishna cũng phản ứng như vậy, ngài suy gẫm: Cái gì là Chết? Thể xác này chết nhưng còn tôi, tôi có chết không? Nếu tôi là thể xác này, tôi chết nhưng tôi có phải là thể xác này không? Nếu tôi không là thể xác này, tôi sẽ không chết nhưng làm sao tìm ra điều này? Chỉ có một cách là kinh nghiệm sự chết.

Sau đó, ngài quyết tâm tham thiền, suy gẫm về đề tài này, ngài tưởng tượng thân thể ngài đã chết, không còn thở, không còn cảm xúc. Với một ý chí mãnh liệt, ngài rút hết sinh lực ra khỏi thể xác và một ngày kia ngài thành công. Thân thể ngài cứng đơ, bất động như người chết nhưng ngay lúc đó một quyền lực khôn tả phát ra từ đáy lòng và tràn ngập tâm tư ngài. Chuyện gì xảy ra sau đó, không thấy ngài nói đến nhưng chúng ta có thể đoán ra, xuyên qua lời dạy bảo của ngài. Chúng ta có thể nghĩ rằng quyền lực ấy là cái mà ta gọi Ân Huệ và khi được mặc khải đó thì ta tiến sâu vào nguồn sống để hòa hợp với đấng vô cùng: ngài đã hợp nhất với chân ngã. Từ đó, ngài kinh nghiệm rằng chân ngã ngự sâu trong lòng nhưng ngài chưa kinh nghiệm được một chân lý khác: chân ngã là sự thật duy nhất, ngoài sự thật đó không có gì nữa cả. Khi tiến sâu vào nội tâm, ngài thấy sự bình an nhưng khi ngài tỉnh dậy ngài vẫn không thỏa mãn vì điều ngài mới đạt đến chỉ là sự bình an của các vị Thánh. Ngài ra tâm suy gẫm về cảm giác thiếu thốn này, thân thể ngài khi đó thường nóng hực kéo dài trong nhiều tháng.

Dĩ nhiên, những người chung quanh không hiểu và cho rằng ngài mắc bệnh. Ngài đắm mình trong trạng thái vô ngã rất lâu, không màng gì đến những việc chung quanh. Chú của ngài không hiểu nên thường trách mắng ngài lười biếng không chịu học hành. Một hôm, ngài nghe nói đến ngôi đền Dakshiniwar, danh từ này có một sức hấp dẫn lạ lùng thế là ngài quyết định đến đó. Đến nơi, ngài bước ngay đến trước tượng Shiva và nói: "Hỡi cha, cha đã gọi, nay con đến với cha." Ngay lúc đó các cảm giác nóng hực, thiếu thốn hoàn toàn biến mất. Ngài chứng nghiệm được một chân lý mới: cha ta và ta là một. Từ đó ngài không cần tĩnh tâm mới có cảm giác an lạc mà lúc nào cũng ở tràng thái này.

Ramakrishna bị rất nhiều thử thách. Bị trẻ con chọc phá và các tu sĩ khác dèm pha, gây hấn nhưng lòng ngài lúc nào cũng bình thản, lặng yên không một chút vọng động. Kinh Gita dạy rằng một khi đã đạt đến trạng thái vô ngã lòng người không còn bị xao động bởi các sự kiện bên ngoài dù khắc khe, đau khổ đến đâu. Một sự an lạc tràn ngập thân ngài lôi cuốn những người chung quanh khiến họ khâm phục, kính mến và số người này mỗi ngày một đông.

Một điều đặc biệt cần lưu ý là ngài không học hay đọc những sách vở gì về trạng thái vô ngã mà ngài đạt được lúc thanh xuân. Cũng không ai chỉ dẫn ngài về trạng thái siêu việt này. Nhưng mỗi khi tín đồ nhờ ngài giảng giải một đoạn kinh sách gì, ngài mới đọc và thông hiểu nó một cách đễ dàng. Các sách vở đó rất ư khó hiểu, nhưng ngài chỉ đọc lướt qua đã quán triệt được ngay vì ngài dã chứng nghiệm được những điều nói trong sách đó. Ngài dạy đạo bằng sự lặng thinh hơn là lời nói, nhiều người đến với ngài để chất vấn nhưng khi vừa gặp ngài thì mọi thắc mắc tự nhiên tiêu tan như đã được phúc đáp. Nếu một câu hỏi đặt ra ngài thường trả lời một cách dịu dàng, vắn tắc, dễ hiểu. Ngài không viết sách như những đạo sư khác mà chỉ dạy đạo qua cữ chỉ yên lặng hay vài câu nói giản dị. Môn đệ của ngài đến từ khắp xứ và tùy theo căn cơ lãnh hội ít hay nhiều. Ý kiến của họ về ngài tuy khác nhau nhưng ai cũng nhìn nhận ngài là một đạo sư vào bậc nhất và hết sức kính mến ngài. Vì đã đạt trạng thái vô ngã, Ramakrishna không phân biệt giữa ngài và những người khác, giữa người giàu, kẻ nghèo hay nam nữ. Đối với ngài tất cả đều bình đẳng tuyệt đối kể cả những loài thú cầm."

"Vì Ramakrishna không hề để lại sách vở, giáo lý nên người Âu không hiểu tại sao ngài lại nổi tiếng như vậy? Ông có thể cho chúng tôi biết một chút về giáo lý của ngài không?"

Mahayasa mỉm cười:

"Sau khi ngài qua đời, nhiều đệ tử đã xuất gia để truyền bá giáo lý, riêng tôi vẫn còn là cư sĩ, hàng ngày tôi vẫn đi làm nhưng sống giữa cõi đời mà tôi không còn tùy thuộc vào đời. Tôi còn nhớ rõ một lần ngài đã dạy như sau: Chúng ta xông pha trong cuộc đời với ý niệm cho rằng ta có thể tìm hạnh phúc trong cõi đời và nhờ cõi đời. Cho đến lúc gần đất, xa trời, nhiều người cũng không buồn hỏi rằng ý niệm đó có đúng không? Thật sự là chúng ta chả bao giờ chịu ngừng lại để suy nghĩ, lúc nào chúng ta cũng nghĩ rằng mình gần đạt được những điều mình mong mỏi. Chúng ta chỉ chịu dừng chân khi nào bị cuộc đời hắt hủi, giày vò.

Ramakrishna cho rằng đó là việc dĩ nhiên và giải thích bằng giấc mộng: Trong giấc mộng, nếu ta chỉ gặp những điều thích thú, chúng ta vẫn mơ mộng mãi và chỉ giật mình, tỉnh giấc khi gặp những chuyện đau buồn. Một cuộc đời êm đẹp không tiện cho sự suy tư về các vấn đề quan trọng nhưng nếu là mộng thì chắc chắn cũng phải có lúc tỉnh.

Trong nhiều năm ròng rã, chúng ta cố tìm hạnh phúc và nhiều lần tưởng đã đạt được nó để hưởng một cách lâu bền, nhưng lần nào ta cũng thất vọng. Sau đó ta lại tiếp tục chạy theo ảo ảnh đó như trước. Nếu biết dừng chân suy nghĩ, ta sẽ thấy chúng ta đuổi theo hạnh phúc nhưng không hề biết đến bản chất thật sự của nó và không biết phải dùng phương tiện nào để đạt nó. Hãy thử tìm hiểu thế nào là hạnh phúc. Ai cũng biết đặc tính của hạnh phúc là Thường Hằng nghĩa là nó phải ở mãi với ta, suốt đời ta lúc nào cũng vui sướng, tươi tắn. Nhưng tất cả những gì cuộc đời mang lại cho ta đều là vô thường, chỉ có những khoái cảm nhất thời chứ có gì lâu bền đâu. Vì khoái cảm nhiều và đến với ta như dòng nước chảy, chúng ta tưởng nó là hạnh phúc và kết luận rằng bao giờ giòng khoái cảm đó còn tiếp tục đến với ta, chúng ta được hưởng hạnh phúc. Suy gẫm kỹ khoái cảm chẳng qua chỉ là phản ứng của lòng ta trước sự vật bên ngoài, nó lôi cuốn chúng ta. Các sự vật này khi thì tạo vui, lúc thì gây khổ, hơn nữa cùng một sự vật mà có thể tạo vui hay gây khổ tùy lúc bởi thế ta phải nhận thức rằng Hạnh Phúc không có ở sự vật bên ngoài. Nếu nó là sự vật bên ngoài, chúng ta phải càng có hạnh phúc khi càng có nhiều sự vật mới đúng chứ.

Thật sự, người giàu có, lắm sự vật chưa chắc đã hạnh phúc hơn kẻ nghèo. Nói cách khác, kẻ nghèo ít của cải chưa chắc thiếu hạnh phúc hơn người giàu. Tóm lại, chúng ta hấy rõ rằng mình

theo đuổi hạnh phúc nhưng không biết thế nào là hạnh phúc và cũng chả biết phải dùng cách nào để đạt được nó.

Những người tìm hiểu một cách chân thành sớm muộn gì cũng thấy rằng hạnh phúc nằm ở ngay nội tâm ta. Các khoái cảm không có tính cách tư hữu mà chỉ là một tia nhỏ của hạnh phúc chân thật thuộc bản tính tự nhiên của con người và bị che lấp bởi vô minh. Một con chó gậm xương bị trầy miệng, chảy máu nó lại tưởng rằng máu phát xuất từ khúc xương, chúng ta cũng thế cứ tưởng sẽ được hạnh phúc khi chạy theo những vật ngoại giới.

Có lẽ các ông khó chấp nhận quan niệm này nhưng ít ra cũng tin rằng những nổi vui hay buồn tùy ở chúng ta nhiều hơn là sự vật bên ngoài. Dù sao, sự chấp nhận này chưa đủ đem lại cho ta hạnh phúc vì có hai nỗi de dọa: sự ham muốn và sợ hãi. Chúng ta càng ham muốn thì càng sợ hãi và càng sợ hãi lại càng đau khổ, thay vì diệt trừ những đe dọa này chúng ta lại quỵ lụy chúng. Khi ham muốn lên tiếng: Hãy đạt được vật dó đi rồi sẽ sung sướng thì chúng ta tin tưởng và tìm mọi cách đạt kỳ được vật đó, nếu chúng ta không đạt được thì chúng ta đau khổ mà nếu đạt được thì ham muốn lại thúc dục ta tìm đến một vật khác nữa. Thế mà chúng ta vẫn không thấy mình bị lừa gạt chút nào mới lạ, quả là ham muốn như lửa đỏ, càng cháy dữ khi càng đổ thêm dầu. Bao giờ chúng ta là nô lệ của dục vọng, chúng ta không sao đạt được hạnh phúc. Nếu đạt được lại sợ mất đi, càng có nhiều càng lo sợ nhiều, có đúng thế không?

Tóm lại, muốn có hạnh phúc thật sự phải vượt lên khỏi sợ hãi và ham muốn."

Đức Mahayasa im lặng như đắm chìm vào một quá khứ rồi tiếp tục:

"Đến đây chúng ta cần được một vị thầy hướng dẫn thêm. Người này phải hiểu rõ hạnh phúc ở đâu, phải theo đường lối nào. Người này phải thắng được các đe dọa như sợ hãi, ham muốn và thật sự đạt được đến niềm hạnh phúc vô biên đó mới có đủ kinh nghiệm dìu dắt chúng ta. Như con bệnh phải đi tìm danh y thì kẻ cầu đạo cần một vị thầy. Ramakrishna chính là vị thầy mà tôi gặp. Kinh sách xưa xác nhận sự minh triết có thể giúp con người thoát khỏi khổ đau nhưng ta không thể tìm nó bằng lý luận hay trong sách vở. Trong quá khứ đã có những bậc đạo sư như Đức Phật, Đức Christ đã tìm được hạnh phúc và hướng dẫn những kẻ khác, sau khi các ngài tịch diệt môn đệ có trình bày giáo lý của các ngài trong kinh sách nhưng dù sao chăng nữa, kinh sách cũng có những khiếm khuyết, ngôn ngữ làm sao diễn tả hết được, làm sao bằng lời những vị đạo sư hãy còn sống bên cạnh chúng ta.

Ramakrishna đã dạy rằng nguyên nhân các đau khổ đều ở trong ta chứ không phải ở bên ngoài. Có người hỏi thế giới chúng ta đang sống có điều gì xấu xa không thì ngài đã trả lời rằng nó rất tốt đẹp, có xấu xa chăng là lòng người, vì con người đã hiểu sai nó. Công việc của chúng ta hiện nay là phải đi ngược dòng tìm cho ra sự sai lầm nguyên thủy để diệt trừ nó thì mọi việc sẽ tốt đẹp...

Phát giác và trừ tuyệt cái sai lầm căn bản là phương thuốc chánh, tất cả phương tiện khác đều chỉ là tạm bợ, nhiều lắm là chúng giúp ta tìm ra phương thuốc nói trên. Đó là giá trị của các tôn giáo, các nghi lễ, tiếc thay tôn giáo hay gây sự chia rẽ, đôi khi còn làm cho tâm trí suy kém, cản trở bước tiến của giáo đồ.

Có người đã hỏi tại sao con người luôn luôn đau khổ, sợ hãi thì ngài trả lời rằng sự kiện đó là do lầm lạc phát sinh từ sự thiếu hiểu biết chính mình.

Có nhiều người họ biết mình rất rõ ràng hoặc lại cho rằng điều này không cần thiết vì trong đời sống hàng ngày đầy rẫy những phức tạp, điều ta cần khai thác là làm gì cho có lợi, kiếm được thật nhiều. Để khai thác, con người gán cho kiến thức một giá trị quá mức như bắt mọi người phải đến trường. Từ xưa đến nay nhân loại thu tập biết bao kiến thức nào là sử ký, địa dư, thiên văn, vật lý, triết học và siêu hình học nữa. Nếu những kiến thức này là sự hiểu biết đứng đắn thì nó phải đem lại hạnh phúc cho nhân loại chứ. Sự thật lại khác hẳn, chúng ta học cách chế ngự quyền lực thiên nhiên, đi ngược luật tạo hóa, khiến cho xã hội càng ngày càng đau khổ, bất mãn thêm. Sự chế ngự này, con đẻ của khoa học chỉ đem lại lợi ích cho một thiểu số thôi. Do đó, lắm kẻ giàu sang sung sướng nhưng vẫn không sao hạnh phúc được trước khổ đau của đa số. Tóm lại, khoa học đã tạo cho con người nhiều khó khăn hơn là giải quyết các điều kiện căn bản của cuộc sống.

Đức Mahayasa nhìn mọi người trong phái đoàn rồi tiếp tục:

"Đã có một giáo sư đại học hỏi Ramakrishna về bức tường vô minh mà khoa học không sao vượt qua được. Họ biết các vật vi tế như nguyên tử, điện tử nhưng đó cũng chỉ qua sự ức đoán thôi chứ không phải biết một cách trực tiếp. Họ cũng biết các vật vĩ đại như các giải thiên hà

nhưng cũng chỉ ngưng ở đây thôi. Ngài đã trả lời rằng ngoại cảnh chỉ đưa con người tới chỗ vô minh mà thôi. Theo ngài, nếu nhân loại cố tìm tòi những gì khác hơn là bản chất con người thì những kiến thức ấy không phải sự hiểu biết thật sự. Lời nói này có vẻ làm giảm giá trị của khoa học nhưng nếu suy nghĩ kỹ ta thấy ngài rất có lý. Sự hiểu biết về khoa học hiện nay còn nhiều điểm đáng nghi, các khoa học gia vẫn còn bất đồng ý kiến về nhiều vấn đề. Sự bất đồng ý kiến này ít ai biết đến vì khi đa số bác học đồng ý về một chuyện gì thì quần chúng đã lên tiếng ủng hộ, do đó những người bất đồng ý kiến cũng phải im, dù có thể họ rất có lý và số đông đã sai.

Trong phạm vi khoa học cũng như triết học và tôn giáo, ý kiến thường sai biệt nhiều tùy tâm trí nhà bac học. Sự tìm hiểu chân lý bắt buộc một học giả phải có những đức tính cao quý vì tâm trí học giả có một ảnh hưởng to lớn trong sự tìm hiểu và sự hiểu biết chỉ có thể xem như một chánh kiến khi người tìm kiếm có đủ tư cách vì thế khoa học đã vấp nhiều lỗi lầm khó sửa. Sự thất bại của khoa học phát sinh từ một lầm lỗi nguyên thủy là các bác học tưởng mình đã biết mình hay không cần sự tự biết mình. Trong cả hai trường hợp, họ bắt đầu cuộc đi tìm với những thành kiến sai lầm về bản chất họ do đó, những điều họ tìm ra dù có giá trị vẫn bắt đầu từ những sai lầm căn bản, hậu quả là khoa học ngày nay đã đưa nhân loại đến những hố thẳm thay vì chân trời sáng lạng.

Một hôm có tín đồ đến hỏi Ramakrishna về các thần tượng mà họ không thích. Họ muốn ngài chấp nhận ý kiến của họ là không nên thờ Thượng Đế dưới hình thức thần tượng. Một người hỏi ngài:

"Thượng Đế có sắc tướng không?"

Ngài đáp:

"Ai nói rằng Thượng Đế có sắc tướng?"

"Nếu Thượng Đế không có sắc tướng thì tại sao lại thờ ngài trong các hình tượng làm gì?"

"Chúng ta hãy để Thượng Đế sang một bên và xin anh cho tôi biết anh có sắc tướng không?"

"Dĩ nhiên là có chứ, hãy nhìn thân thể này..."

"Nhưng anh có phải cái xác thân đen xám, râu tóc xồm xoàm này không?"

"Dĩ nhiên tôi là xác thân này chớ còn gì nữa."

"Trong lúc ngủ say, không mơ mộng, anh có phải là nó không?"

"Có chứ, vì khi thức dậy tôi thấy tôi đâu thay đổi gì."

"Và rồi khi anh chết?"

"Thì tôi cũng còn là nó."

"Vậy tại sao khi người ta hỏa thiêu nó, nó không nói nó không chịu đi và muốn ở lại nhà?"

Khi đó người này ý thức rằng mình đã sai và đáp rằng:

"Tôi không phải là thể xác này mà là sự sống trong nó."

"Anh hãy suy gẫm kỹ điều này. Hồi nẫy anh nói rằng anh là thể xác này bây giờ anh lại nói rằng không phải. Cho mình là xác thân này là một lỗi lầm nguyên thủy. Bao giờ sự sai lầm này còn, dù anh nói Thượng Đế có sắc tướng hay không cũng không ăn thua gì. Khi sự sai lầm được đánh tan thì mọi việc sẽ sáng tỏ. Tóm lại, theo Ramakrishna thì nguyên nhân của sợ hãi, dục vọng, ham muốn là do sai lầm đầu tiên: tự cho mình là xác thân này vì sợ hãi hay ham muốn đều bắt đầu từ thể xác này. Dĩ nhiên, rất nhiều người cũng đồng ý như thế và tin rằng con gười không phải thể xác mà là một sự sống trường cửu. Sách vở cũng nói như thế rất nhiều nhưng trong đời sống thực tế, họ có làm gì khác đâu. Lúc đầu họ nghĩ rằng nhờ kiến thức thu tập, hiểu biết các chân lý cao siêu họ sẽ khác người thường nhưng tại sao họ vẫn hành động y như họ là thể xác nầy vậy? Nếu xác thân họ nhỏ bé, họ cho rằng mình bé nhỏ. Nếu xác thân họ to lớn, đẹp đẽ họ cho rằng mình lớn đẹp. Nếu xác thân họ ốm đau, họ cho rằng mình bệnh hoạn. Nếu tư tưởng họ phong phú, họ cho rằng mình thông minh... Tóm lại, sự sợ hãi và dục vọng vẫn y như xưa, có thể lại còn gia tăng hơn vì họ hãnh diện về mình hiểu hơn xưa. Nói một cách khác, sở dĩ họ làm thế vì chưa chứng nghiệm được con người thật của mình, sự sai lầm nguyên thủy vẫn còn tác động mạnh mẽ nơi họ. Kiến thức của họ chưa tạo một sự biến chuyển thật sự...

Ramakrishna đã dạy rằng kiến thức (về tâm linh) thu tập qua sách vở thường tai hại hơn là một người thất học, dốt nát. Những người kiến văn quảng bác, lịch thiệp, bằng cấp, danh vọng thường ích kỷ lại còn ngạo mạn, họ cho rằng mình biết nhiều, hiểu nhiều và không chịu tìm hiểu, thực hành đào sâu vào thêm nữa. Đó là sự hiểu biết hời hợt qua sách vở chứ đâu đâu phải là một

chứng nghiệm nội tâm. Sách vở chỉ là la bàn hướng dẫn chứ đâu phải minh triết thật sự. Sự thu tập kiến thức kiểu này tạo nên trình trạng hỗn độn trong triết lý và thần học. Các triết gia và nhà thần học đã thảo luận không ngừng về những vấn đề khó khăn như nguyên nhân đầu tiên, sự thật cuối cùng, bản chất thời gian, định mệnh con người, tự do, giải thoát v.v... và chả đạt đến một kết qủa gì hết. Các bậc hiền triết đứng bên ngoài cuộc thảo luận đó vì họ có lối giải quyết riêng, trái với các giải pháp trí thức. Thay vì thảo luận họ cố khám phá lấy sự thật và khi tìm ra sự thật, các vấn đề trên sẽ đương nhiên được giải quyết."

Nói đến đây Đức Mahayasa lặng yên chìm đắm trong một không khí êm đềm nào đó. Giáo sư Evanz-Wentz cố gắng:

"Nhưng con người không thể sống bằng đức tin mà còn phải thỏa mãn lý trí nữa chứ, đối với những người thiên về lý trí, không biết ngài nghĩ sao?"

Mahayasa mỉm cười:

"Nếu thầy tôi Ramakrishna còn sống có lẽ ngài sẽ khuyên ông nên cầu nguyện."

"Tại sao như vậy?"

"Cầu nguyện là phương tiện cuối cùng của con người. Khi nào lý luận tỏ ra bất lực thì sự cầu nguyện sẽ bổ sung, phù trì, cứu độ."

"Nhưng nếu tôi không thể cầu nguyện thì phải làm sao?"

Đức Mahayasa nhìn giáo sư Wentz, ánh mắt ngài long lanh một niềm ưu ái:

"Ông nên tiếp xúc với các bậc chân tu, các vị này sẽ hướng dẫn tâm hồn ông lên cõi thiêng liêng và thức động các khả năng thiêng liêng nhất của ông. Có lẽ ông cần một vị thầy."

Chương 5: Chương 5: Những Sự Kiện Huyền Bí

Bác sĩ Kavir cho biết nếu phái đoàn muốn nghiên cứu những sự kiện huyền bí, những phép thuật lạ lùng thì phải đến gặp pháp sư Vishudha.

Vị pháp sư này có lệ không bao giờ tiếp khách, ngay cả những tín đồ thuần hành sùng kính nhất. Ông sống trong một căn nhà nhỏ với một vài đệ tử thân tín và rất ít khi nào ra ngoài. Các đệ tử cho biết thầy họ không bao giờ biểu diễn phép thuật dù ở nơi kín đáo và không chịu cho phái đoàn vào. Bác sĩ Kavir mang hết tài dẫn dụ ngoại giao cũng như quyền lực hăm dọa nhưng họ vẫn khăng khăng.
Sự hiện diện của một nhóm người Âu gây nhiều chú ý của dân chúng và tín đồ hành hương nên chỉ một lúc, một đám đông đã vây kín phái đoàn. Có lẽ tiếng động ồn ào này tạo sự chú ý của vị pháp sư nên ông ra lệnh cho đệ tử mời Bác sĩ Kavir vào nói chuyện.

Một lúc sau, Kavir bước ra nét mặt hân hoan:

"Đạo sư Vishudha không tiếp khách lạ nhưng ngài đặc biệt tiếp phái đoàn như một ngoại lệ đấy."

Đó là một ông lão to lớn, tóc bạc trắng như cước ngồi trên tấm bồ đoàn kết bằng cỏ, nét mặt ông lạnh như băng và đôi mắt như nhìn vào khoảng không như không thèm chú ý gì đến phái đoàn. Một đệ tử lên tiếng:

"Các ông đến đây với mục đích gì?"

Giáo sư Allen lên tiếng:

"Chúng tôi được biết đạo sư có các quyền năng phi thường. Mục đích chuyến đi này của chúng tôi là nghiên cứu những sự kiện huyền bí, ghi nhận một cách khoa học những điều mắt thấy, tai nghe..."

"Như vậy các ông muốn xem một vài pháp thuật?"

"Nếu đạo sư vui lòng.."

Vishudha nghe thông ngôn xong mỉm cười yêu cầu giáo sư Olivers cho mượn một cái khăn tay và một chiếc kính loupe. Ông ta dơ chiếc kính lên ánh sáng mặt trời cho nó chiếu lên chiếc khăn tay và tuyên bố: "Tôi sẽ thu hút các mùi hương trong không khí, các ông thích mùi gì?"

"Tôi thích mùi hoa lài."

Vishudha mỉm cười trao trả chiếc khăn cho giáo sư Olivers, một mùi thơm phảng phất khắp phòng và ai cũng biết đó là mùi hoa lài. Mọi người quan sát kỹ chiếc khăn, nó không hề ướt hay có dấu hiệu gì rằng người ta đã nhỏ vào đó một chút dầu thơm. Như đoán được ý nghĩ mọi người, Vishudha yêu cầu giáo sư Mortimer đưa ra một chiếc khăn tay khác. Giáo sư Kavir thông dịch:

"Bây giờ các ông hãy chọn một mùi hoa gì đặc biệt của xứ các ông mà không hề có tại xứ Ấn Độ..."

"Được lắm, tôi muốn mùi hoa Tullip."

Vishudha mỉm cười dơ chiếc kính Loupe lên ánh sáng mặt trời cho nó chiếu vào chiếc khăn và lần này mùi hoa Tullip lại thơm nồng khắp phòng. Phái đoàn vội vã yêu cầu những mùi hương lạ lùng và lần nào ông cũng làm hài lòng. Thậm chí đến cả những mùi thuốc hóa học, những mùi acid trong phòng thí nghiệm ông cũng có thể làm được. Mọi người quan sát kỹ xem ông ta có dấu gì dưới lớp áo choàng không. Vishudha mỉm cười vén cao tay áo để chứng tỏ ông không hề làm trò ảo thuật hay cất dấu hương liệu gì đặc biệt trong người.

Giáo sư Mortimer buột miệng:

"Xin ông giải thích việc này?"

Mọi người giựt mình vì phong tục xứ Ấn, chất vấn một đạo sư là điều bất kính. Vishudha quay sang giáo sư Kavir nói vài lời, ông này thông dịch:

"Đó chỉ là một khoa học nhỏ gọi là Thái Dương Học. Ánh sáng mặt trời chứa đựng một năng lực rất mạnh, nếu biết chọn lựa và cô lập nó ta có thể tạo mọi vật theo ý muốn."

Giáo sư Mortimer giựt mình:

"Thái Dương Học, phải chăng nó là một khoa học của dân Atlantic?"

"Đó là một khoa học đã một thời thịnh hành tại châu Atlantic nhưng không phải riêng của giống dân Atlante."

"Như thế châu Atlantic là có thật... châu này đã chìm xuống biển từ lâu và chỉ có Plato ghi nhận lại trong tập sách của ông... chuyện này ra sao?"

Vishudha trầm ngâm:

"Tin hay không là tùy các ông, người Âu lúc nào cũng đòi hỏi bằng chứng nầy nọ, nếu các ông muốn gọi nó là truyền thuyết cũng chẳng sao... Khoa học nơi đâu cũng có nguồn gốc, khi tiến đến một trình độ cao xa thì thời gian hay không gian đâu có nghĩa lý gì nữa. Khoa Thái Dương Học thật ra xuất xứ từ Tây Tạng ở một thời đại xa xôi khi Ấn Độ còn là một hòn đảo và rặng Hy Mã Lạp Sơn còn là một bờ biển... nhưng điều này đâu có ích gì cho việc nghiên cứu của các ông?"

"Ông có thể làm gì với môn này?"

"Các ông còn muốn gì? Như vậy chưa thỏa mãn sao?"

Vishdha đứng dậy bước đến bên một chậu hoa gần đó. Mặc dù chậu nở đầy hoa nhưng trong đó cũng có một số bông đã tàn. Vishudha dơ chiếc kính loupe chiếu lên các bông hoa này. Trước cặp mắt kinh ngạc của mọi người, những bông hoa khô héo bỗng trở nên tươi tốt, thơm tho. Mọi người nín thở, không ai nói nên lời. Vishudha dơ chiếc kính lên chiếu vào lòng bàn tay ông. Một chùm nho tươi tốt bỗng xuất hiện. Nên nhớ Ấn Độ là xứ nhiệt đới đâu trồng được nho, hơn nữa lúc đó đang vào mùa Đông, các cây nho bên Âu Châu đều khô héo. Có được chùm nho tươi tốt là một việc vô lý, lạ lùng. Vishudha đưa chùm nho cho giáo sư Allen xem và thản nhiên tuyên bố:

"Đây là giống nho Pajouti chỉ mọc ở miền Nam nước Ý, không hề được xuất cảng. Mùi của nó thơm nhưng vị hơi chát."

Mọi người xúm lại xem chùm nho, có người ngắt vài quả bỏ vào miệng ăn như sợ rằng đó chỉ là một ảo tưởng. Chờ mọi người ăn xong, Vishudha trịnh trọng:

"Đây đâu phải lần đầu các ông thấy một sự lạ xuất hiện. Các ông đã nghe nói về chuyện này rồi đấy chứ. Các ông không nhớ chuyện đức Jesus hỏi thánh Philip ở thành Galilee: "Chúng ta sẽ mua bánh mì ở đâu?" Ngài biết rõ rằng bánh mì mà đám quần chúng đang cần dùng không phải mua ngoài chợ. Ngài muốn dịp đó để chỉ cho các tín đồ rằng người ta có thể tạo ra bánh mì bằng sức mạnh của tinh thần. Thông thường mọi người chỉ nghĩ rằng ta có bao nhiêu bánh mì hay bao nhiêu tiền bạc và chỉ giới hạn trong một khuôn khổ nào đó thôi. Điều đức Jesus muốn nói là khi ta đã sống với tâm thức của chân ngã thì người ta không còn thiếu sót hay gò bó vào một giới hạn nào nữa. Ngài nhìn về Thượng Đế là nguồn gốc sáng tạo ra muôn loài và tạ ơn ngài đã luôn luôn đặt vào tay loài người cái quyền năng và chất liệu cần thiết để thỏa mãn tất cả nhu cầu của họ.

Đức Jesus đã bẻ bánh mì và bảo tông đồ hãy phân phát cho mọi người. Khi tất cả ăn no rồi mà vẫn còn dư đến 10 rổ bánh. cũng bằng cách đó mà Elisee đã làm cho người quả phụ thành Jerusalem có dầu ăn thừa thãi không bao giờ hết. Ngài không hỏi đến kẻ có dư thừa dầu trong nhà vì như thế số dầu chỉ giới hạn mà thôi. Những câu chuyện trong Kinh Thánh đã dạy ta điều gì? Phải chăng các khoa học đời nay không thể giải thích vấn đề này? Phải chăng có kẻ cho đó chỉ là một chuyện thần thoại? Có lẽ các ông cho rằng những chuyện này được ghi chép từ lâu rồi nên có phần nào sai lạc đi?"

Mọi người trong phái đoàn giựt mình vì câu hỏi bất ngờ. Thánh Kinh đối với họ không phải quyển sách nào xa lạ. Phần lớn đều thuộc lòng nhưng ít ai suy nghĩ cặn kẽ về những sự kiện xảy ra trong đó.

Vishudha mỉm cười nhìn từng người rồi tiếp tục:

"Đức Jesus đã dạy rằng trong thiên nhiên có chất liệu để làm đủ mọi vật và người ta có thể tìm lương thực của mình trong đó. Chúng ta chỉ cần rút các chất liệu nầy để tạo ra mọi thứ cần dùng. Nhưng con người hèn nhát và thiếu đức tin đã không nghĩ rằng họ có thể thực hiện được những việc này. Nhu cầu phải chăng cũng là ý muốn sáng tạo? Thay vì vươn lên để thực hiện ý muốn, để sáng tạo thì con người lại thu hẹp mình lại và nghĩ rằng họ không thể làm được những việc đó. Vì thế con người càng ngày càng rời xa Thượng Đế. Đến nay con người tin rằng họ là một thực thể cách biệt với Thượng Đế. Họ đã đi lệch hẳn con đường toàn vẹn, bỏ lỡ cái mục đích cao đẹp. Họ đã không để Thượng Đế biểu lộ xuyên qua họ như ngài muốn. Chính đức Jesus đã nói rằng:

"Những gì mà ta làm được thì các ngươi cũng sẽ làm được và các ngươi sẽ còn làm được những việc lớn lao hơn nữa." Ngài muốn nói điều gì đây? Phải chăng con người trong cương vị chân thật chính là con của Thượng Đế? Sứ mạng đức Jesus trên thế gian chính là chứng tỏ rằng trong cương vị nào đó, con người cũng có thể sáng tạo một cách hoàn toàn tốt đẹp như Thượng Đế. Khi ngài ra lệnh cho người mù hãy ra ao Siloe rửa mắt phải chăng ngài đã chứng tỏ cho quần chúng biết rằng ngài được Thượng Đế gửi xuống để sáng tạo cũng như Thượng Đế vậy?"

Vishudha ngừng nói đưa tay ra, một ổ bánh mì to lớn bỗng xuất hiện trên tay y từ hồi nào. Tất cả mọi người im lặng, nín thở không ai thốt nên lời.

Sự kiện một đạo sư xứ Ấn không nói gì về truyền thống, tôn giáo xứ này mà lại nói về Thánh Kinh như một vị mục sư làm mọi người kinh ngạc. Bỗng nhiên ổ bánh mì biến mất như bị thiêu hủy. Vishudha mỉm cười thong thả:

"Các ông đã thấy, tôi đã lạm dụng các định luật huyền bí giúp tôi thực hiện ý muốn. Tôi vừa đốt cháy đồ vật mà tôi tạo nên. Làm như thế tôi đã lạm dụng một điều luật bất di bất dịch của thiên nhiên. Nếu tôi tiếp tục làm thế thì không những món đồ bị đốt cháy mà chính kẻ sáng tạo là tôi cũng chịu chung số phận. Các ông đã thấy mùi hương và việc tôi làm chậu hoa hồi sinh cũng như chùm nho xuất hiện... Tôi có thể sử dụng quyền năng này khi làm một việc có ích cho nhân loại hoặc với một lòng bác ái thanh cao vì đó là hợp với luật vũ trụ, hợp với thiên ý. Trái lại, chỉ với một ý định xấu xa như khoe trương bản ngã, tôi sẽ đi lệch đường và chịu trách nhiệm về việc làm của mình nghĩa là sẽ gặp ngay phản động về hành động của mình. Tôi đốt cháy một vật thì tôi cũng có thể cháy ra than tức khắc. Nếu con người phụng sự Thượng Đế, hành động đúng theo thiên ý, hợp luật trời thì y đã bước chân vào cõi trời rộng mở còn ngược lại thì y đang bước vào cánh cửa của địa ngục rồi đó..."

Vishudha nhìn thẳng vào mặt mọi người:

"Này các ông, những nhà thông thái, thế đã thỏa mãn các mong ước, hiếu kỳ của các ông chưa? Nếu các ông còn mê man trong các cuộc khảo cứu, ghi nhận các hiện tượng lạ lùng mà khoa học chưa giải thích được thì khắp thành phố này có hàng trăm đạo sĩ, pháp sư có thể làm những chuyện đó. Điều đáng tiếc rằng rất ít người hiểu biết về cái hậu quả họ sẽ phải gánh chịu. Các ông muốn ghi nhận những phép thuật thần thông để làm gì? Phải chăng ông sẽ công bố cho mọi người Âu Tây biết hay sao? Như thế có ích lợi gì? Liệu đã có mấy ai tin tưởng rằng những điều các ông nói không phải là một sự tưởng tượng? Có thể họ sẽ lên án các ông là đẳng khác. Có bao giờ các ông nghĩ rằng mình đang làm một chuyện vô ích hay không? Có lẽ các ông sẽ làm những phúc trình về các hiện tượng lạ lùng nhưng rồi sẽ đi đến đâu? Cuộc đời đâu phải chỉ quan sát ghi nhận rồi làm những thống kê, có phải không?

Này các nhà thông thái, các ông đã khám phá thế nào là mục đích cuộc đời chưa? Nếu các ông chưa tự hỏi mục đích cuộc đời mình để làm gì thì ghi nhận, nghiên cứu có ích lợi gì đâu? Khi chưa tìm được giải đáp cho chính mình thì các phúc trình, thống kê cũng vô ích thôi, có phải như thế không?"

Một sự im lặng bao trùm căn phòng. Vishudha thong thả ngồi trên tấm bồ đoàn không nói thêm điều gì nữa. Bác sĩ Kavir vội ra hiệu cho phái đoàn rút lui.

Rời khỏi căn nhà đá, toàn thể mọi người đều xúc động, không ai nói lên một lời nào. Những sự kiện xảy ra đã làm đảo lộn mọi quan niệm thông thường về vật lý, hóa học... Đúng như nhà đạo sĩ đã nói, làm sao chứng minh một phép lạ đây?

Làm sao có thể cho những người Âu đang bận rộn với mưu sinh tại New York hay Luân Đôn biết rằng ở phương Đông có những bí mật vô tận, những triết lý cao cả mà người Tây Phương không thể hiểu.

Tư tưởng Đông phương đã vượt xa, rất xa những tư tưởng tiến bộ nhất của Tây Phương. Có lẽ các nhà hiền triết xứ này đã mỉm cười trước những ngông cuồng, hỗn tạp của cái gọi là khoa học tiến bộ. Câu hỏi của Vishudha khiến mọi người suy nghĩ rất nhiều. Lúc đầu, ai cũng mong ghi nhận những điều lạ lùng để nghiên cứu nhưng trước những sự kiện mà khoa học không thể giải thích, toàn thể mọi người đâm ra bối rối không biết phải làm gì.

Giáo sư Spalding nhớ lại câu nói của người Ấn thành Benares: Nếu các ông chỉ muốn nghiên cứu các hiện tượng thần thông, các quyền năng lạ lùng thì hãy đến Rishikesh, các ông sẽ không thất vọng. Nhưng nếu các ông muốn đi xa hơn để có thể gặp các bậc Chân Sư thì các ông cần một thời gian nữa. Sự gặp gỡ các vị Chân Sư thánh triết có một sức hấp dẫn lạ lùng đối với phái đoàn nhưng tại sao phải chờ đợi thêm một thời gian nữa? Hình như có một nguyên nhân sâu xa

nào đó mà phái đoàn không thể giải thích, mọi người linh cảm như đã có những sự xếp đặt huyền bí cho việc du khảo tại phương Đông này.

Harishchandra là một đạo sĩ giòng tu Swami thường đi khắp nơi, ít khi nào ở một chỗ. Lần này ông ghé thăm bác sĩ Kavir ít hôm nên phái đoàn có cơ hội gặp gỡ. Ông trạc 60, thân hình cao lớn, có một đôi mắt sáng ngời. Sau vài câu xã giao ông cho phái đoàn biết tuổi thật của ông đã quá 100 và tin rằng ông sẽ còn sống ít ra vài chục năm nữa.

"Tại sao ông nghĩ mình sống lâu như thế?"

"Tại vì lúc này khả năng sáng tạo của tôi rất mạnh, tôi tin rằng với bộ óc còn linh hoạt như một thanh niên, tôi có thể sống khá lâu nữa."

Bác sĩ Kavir mỉm cười tiếp lời:

Harishchandra không những là một đạo sư Yoga mà còn là một nghệ sĩ. Ông ta có thể sử dụng tất cả nhạc khí cổ điển cũng như tân tiến, ông còn vẽ tranh, nặng tượng, làm thơ... Tóm lại, chả có bộ môn nghệ thuật nào mà ông ta không biết."

Bác sĩ Mortimer tò mò:

"Ông theo học ở đâu và làm sao có thể biết nhiều thứ như vậy?"
Hashichandra cười lớn:"Bác sĩ Kavir nói không đúng đâu, tôi chỉ biết chút đỉnh về vài bộ môn nghệ thuật. Tôi không hề được đi học nhưng Yoga đã giúp tôi..."

Bác sĩ Mortimer hấp tấp:

"Ông muốn nói đến phương pháp khí công hay các tư thế?"

Đạo sĩ bật cười lớn:

"Không phải thế, tôi ý thức được sự sáng tạo trong một buổi thiền định và từ đó tôi có thể làm được nhiều thứ. Đa số con người đều coi nghệ thuật như một phương tiện giải trí, họ sử dụng nghệ thuật như một cái gì giúp họ trốn thoát hoàn cảnh con người của họ. Nghe một bài ca, một câu hát họ quên đi các ưu phiền hiện tại... Đó không phải là sự thưởng thức cái Chân, Thiện, Mỹ của nghệ thuật. Nghệ thuật mà tách khỏi cuộc sống thì chỉ là một kỹ thuật phô diễn những cái gì hời hợt, các ước vọng nông cạn. Nguồn cảm hứng không phải mời gọi mà được mà là một rung động tự nhiên. Tất cả cố gắng chiếm đoạt cảm hứng qua bất cứ một hình thức nào chỉ là những ảo tưởng. Tài năng, thiên tư chỉ giúp ta nhận thấy bản ngã, giúp ta thỏa mãn các ước vọng thấp hèn và làm thui chột sự sáng tạo. Một nghệ sĩ chân chính là người thực sự vượt qua các hư ảo của bản ngã, của danh vọng và ý thức cái đẹp của nghệ thuật như một thực tại."

Nhìn thấy mọi người có vẻ ngơ ngác, Harishchandra mỉm cười giải thích:

"Nội tâm con người là một bãi chiến trường luôn luôn xung đột giữa các quan niệm, hình thức, lý thuyết, thực hành. Sự tranh chấp này thường gây lầm lỗi. Khi ta nghe một bản nhạc, thưởng thức một bức tranh ta rung động theo cảm nhận của ta. Rung cảm này mỗi cá nhân một khác vì nó dựa theo các quan niệm, thành kiến sẵn có. Nếu tôi thích nhạc Mozart thì tất cả các nhạc sĩ khác đều khó có thể so sánh với ông này. Dĩ nhiên người mê Beethoven không đồng ý như thế. Tóm lại, sự rung động của tôi đã có thành kiến vì như thế tôi mất đi nhạy cảm đối với sự sáng tạo. Một người nghệ sĩ sẽ trở nên một cái máy nếu y chỉ biết phục vụ cho bản ngã, làm việc để phô trương cá nhân, để thỏa mãn dục vọng thay vì để sáng tạo. Y chỉ biết "Tôi viết", "Tôi soạn nhạc", "Tôi vẽ", "Tôi sáng tác" v.v... Từ phút đó, y mất đi khả năng sáng tạo tuyệt vời mà chỉ còn một cái xác không hồn. Sự thành công, lời khen tặng làm căng phồng bản ngã của y và làm lu mờ sự rung động với cái đẹp thật sự. Cái tinh thần ham lợi, háo danh đó không phải là tinh thần yêu cái đẹp mà bắt nguồn từ sự khao khát dục vọng. Dục vọng đòi hỏi một sự bảo đảm an toàn do đó, người nghệ sĩ đâm ra sợ hãi. Từ đó, y xây một bức rào ngăn cách với mọi sự vật khác. Y không còn chiêm ngưỡng những cái đẹp nữa. Dĩ nhiên, cái đẹp vẫn còn đó nhưng lòng y đã khô héo vì thành kiến và xu hướng biệt lập. Thay vì nhìn sự vật như một thực tại, y lại nhìn nó qua một hình thức sưu tập, chiếm hữu biến nó thành một đồ vật.

Người nghệ sĩ chân chính chỉ biết sáng tạo, chúng ta chỉ biết thưởng thức.

Chúng ta đọc sách, nghe nhạc, ngắm các tác phẩm nghệ thuật nhưng chúng ta không hề có cái rung động sâu xa của người sáng tạo. Muốn ca hát ta cần có một bản nhạc nhưng vì không có bản nhạc tuyệt diệu chúng ta đâm ra theo đuổi ca sĩ. Thiếu sự trung gian này, ta thấy mất mát. Trước một vẻ đẹp ta lại có ý so sánh nó với một bức tranh, trước một âm thanh nthiên nhiên ta lại chỉ tưởng tượng đến một bản nhạc nào đó. Ta chỉ còn biết rung động qua sự rung động của kẻ khác. Đó không phải là sáng tạo..."

Giáo sư Mortimer lắc đầu:

"Muốn sáng tạo, ta cần một tài năng, thiên tư chứ đâu phải ai cũng có thể sáng tạo, đâu phải ai cũng có tài..."

Harishchandra lắc đầu:

"Không phải thế, ai cũng có thể sáng tạo mà không cần tài năng đặc biệt vì sự sáng tạo là trạng thái tuyệt vời của nghệ thuật, không bị ảnh hưởng của bản ngã. Sáng tạo không có nghĩa là "soạn nhạc", "làm thơ", "vẽ tranh" nhưng là một trạng thái mà trong đó Sự Thật có thể biểu hiện. Sự Thật chỉ có thể biểu hiện khi tư tưởng ngưng đọng lại và tư tưởng chỉ ngưng lại khi bản ngã vắng mặt. Khi tâm hồn hoàn toàn tĩnh lặng không bị thôi thúc bởi dục vọng, khả năng sáng tạo sẽ tự biểu lộ. Khi "cái ta" không còn nữa thì tất cả là một sự hợp nhất thiêng liêng. Cái đẹp có thể được diễn tả trong một bài thơ, bản nhạc, nụ cười hay trong sự im lặng. Phần lớn con người không có khuynh hướng yên lặng. Chúng ta không có thời giờ quan sát đám mây trời, buổi hoàng hôn, một ngọn núi hùng vĩ, một bông hoa hé nở vì đầu óc chúng ta quá bận rộn, quay cuồng.

Mắt ta nhìn thấy những cảnh đó nhưng lòng ta không rung động chút nào vì còn mãi mê theo đuổi những ảo ảnh. Đôi khi ta cũng có cảm giác rung động khi nghe một bản nhạc hay, nhưng nếu ta cứ nghe đi, nghe lại bản nhạc đó để tìm lại cảm giác ban đầu thì ta đã vô tình giết chết sự sáng tạo. Người nghệ sĩ chân chính là người mở rộng tấm lòng để cảm hứng đến một cách tự nhiên, là người nhìn thấy Chân, Thiện, Mỹ ở khắp tất cả mọi nơi chứ không phải qua khả năng hồi tưởng hoặc qua một chất kích thích. Người nghệ sĩ chân chính sáng tạo vì lòng yêu cái đẹp chứ không phải vì tác phẩm sẽ đem lại cho y tên tuổi, tiền bạc, địa vị. Làm thế là đồng hoá cá nhân mình vào đối tượng. Bất cứ ai biết rung động trước cái đẹp đều là nghệ sĩ, đều là người sáng tạo vì cái cảm giác chân thật, tuyệt vời đó chính là một sự "giác ngộ", một sự hợp nhất. Cái cảm giác đó không thể tự tạo hay tìm được mà đến và đi một cách tự nhiên...

"Phải chăng ông đã có kinh nghiệm đó?"

"Trong một buổi tham thiền, tôi ý thức được điều này và từ đó tôi nhìn thấy cái đẹp ở bất cứ mọi nơi. Tôi sống trong tâm thức này và có thể sáng tạo mãnh liệt qua bất cứ một phương diện hay hình thức nào... âm nhạc, hội họa, thơ phú v.v...

"Ông có thể cho chúng tôi nghe một bài nhạc không?"

Harishchandra mỉm cười rút trong áo ra một cây sáo trúc rất dài, y đưa sáo lên miệng nhưng rất lâu không một âm thanh nào phát ra. Giáo sư Mortimer sốt ruột:

"Chúng tôi không nghe thấy gì cả, ông có thổi sáo hay không đó?"

Đạo sĩ ung dung:

"Các ông chưa biết thưởng thức âm nhạc vì lòng các ông còn đầy thành kiến, hãy im lặng vì âm thanh của tôi là sự bình an..."

Giáo sư Mortiner toan cãi nhưng đạo sĩ đã đưa một ngón tay lên miệng làm hiệu để ông im lặng. Bất chợt giáo sư Mortimer rùng mình, một âm thanh kỳ lạ ở đâu bỗng phát ra. Một cảm giác bình an từ từ thấm nhẹ trong cơ thể và ông thấy mình đắm chìm trong một niềm hoan lạc khó tả, trong một thế giới lạ lùng của âm thanh.

Âm thanh thật chậm, thật êm, nhỏ như tiếng gió thì thào các ngọn cây, như tiếng nước róc rách qua khe suối. Thời gian như ngưng đọng lại.

Khi giáo sư Mortimer giựt mình tỉnh lại thì âm thanh đã chấm dứt từ lâu. Đạo sĩ vẫn ngồi yên khẻ mỉm cười, cây sáo trúc đặt trước mặt. Toàn thể phái đoàn ngây ngô nhìn nhau không nói nên lời. Giáo sư Mortimer lắc đầu thắc mắc:

"Âm thanh gì kỳ vậy? Liệu ông có thể giải thích được không?"

Đạo sĩ mỉm cười:

"Các ông nên biết con người có nhiều thể bao quanh xác thân như thể Phách, thể Vía, thể Trí... Các thể này được cấu tạo bằng những nguyên tử rất nhẹ rất thanh gần như vô hình. Âm nhạc tự nó đã có các rung động cùng nhịp với sự rung động của các thể nên ảnh hưởng rất nhiều đến con người. Âm thanh vừa qua căn bản trên "Phần tư Âm" (Quart de Ton) có tác động lên thể Trí các ông. Các loại âm thanh dựa trên "Phần ba Âm" (Tiers de Ton) tác động lên thể Vía và "Phân nửa Âm" tác động lên thể xác. Điều này cũng dễ hiểu thôi vì Phần tư Âm thanh hơn nên ảnh hưởng đến các thể nhẹ hơn. Con người chỉ biết tác động của âm nhạc ở cõi vật chất nhưng không hiểu

ảnh hưởng của chúng ở các cõi trên. Âm nhạc lưu một dấu vết trên thân thể con người và trực tiếp ảnh hưởng đến tính tình, hành động. Điều này có thể ví như khi ta ném một hòn đá xuống ao. Khi hòn đá chìm nhưng làn sóng vẫn gợn và lan rộng ra. Một cái lá nổi trên mặt nước chắc chắn sẽ chịu nhiều ảnh hưởng. Hậu quả của âm nhạc còn mạnh hơn như vậy. Do đó, việc chọn nhạc để nghe rất quan trọng. Kinh Veda đã nói: "Vũ trụ tạo lập do sự phối hợp các âm thanh". Thánh Kinh cũng ghi nhận: "Huyền âm xuất hiện trước nhất và huyền âm ở với Thượng Đế, Huyền âm là Thượng Đế."

Phái đoàn nhìn nhau, một lần nữa tu sĩ Ấn Giáo đã giải thích một đề tài mới lạ và trích dẫn Thánh Kinh, quyển sách không xa lạ với người Âu.

"Nhờ âm thanh mà các sinh vật thông cảm với nhau. Quyền năng này rất đơn giản ở loại thú cầm và dần dần trở nên phức tạp ở loài người. Từ ngôn ngữ đến tiếng hát thô sơ chỉ có vài bước và bước này tạo nên âm nhạc.

Âm nhạc là một công thức tế nhị, kín đáo để truyền thông nhưng có một tác dụng cực mạnh có thể làm thay đổi quốc gia, xã hội, truyền thống. Nó còn mạnh mẽ hơn các giáo điều, triết lý vì nó ảnh hưởng đến các thể vô hình. Con người chỉ hiểu rằng khi nghe nhạc buồn lâu ngày ta sẽ trở nên u sầu. Khi nghe nhạc vui lòng ta thấy phấn khởi. Thật sự lòng ta chỉ phản ảnh một cách vô thức những đổi thay trong các thể. Từ ngàn xưa, âm nhạc đã giữ một địa vị quan trọng và ảnh hưởng rất lớn từ vua chúa đến thứ dân. Các ông không thấy thời đại nào âm nhạc càng thay đổi, biến chuyển nhiều thì thuần phong, mỹ tục càng suy giảm và xã hội càng đảo lộn hay sao? Trái lại khi âm nhạc bị hạn chế thì xã hội đâm ra bảo thủ.

Các ông cho rằng âm nhạc là sản phẩm văn hóa, tiêu biểu cho từng thời kỳ. Điều này không đúng lắm vì lịch sử cho thấy mỗi khi âm nhạc thay đổi là chính trị, văn hóa thay đổi theo sau. Âm nhạc có tính cách xây dựng cũng như hủy hoại, chỉ có các âm thanh tinh vi do sự sáng tạo chân thành của lòng vô ngã mới đưa ta trở về quê hương của linh hồn. Muốn sáng tạo các loại nhạc này con người cần phải để cho chân ngã sáng chói, cần trau dồi cho tâm hồn tĩnh lặng để hòa đồng với vũ trụ. Vì âm thanh của vũ trụ lúc nào cũng vang lừng cho những người thức tỉnh, những kẻ biết thưởng thức, biết yêu cái đẹp, biết nghe những huyền âm cao cả trong yên tĩnh vô biên. Hãy yên lặng, các ông sẽ học hỏi nhiều điều mới lạ. Hãy cố gắng nhìn mọi vật như một thực tại, các ông sẽ sáng tạo và khi sống trong tâm thức sáng tạo các ông đều là những nghệ sĩ, những người biết yêu cái đẹp, biết rung động với Chân, Thiện, Mỹ.

***

Bác sĩ Bandyo, cựu giám đốc bệnh viện Calcutta, một giáo sư đại học nổi tiếng về khoa giải phẩu. Ông là một bác học Ấn Độ đã được đề nghị trao giải thưởng Nobel về y học. Sau một biến cố, ông từ chức, lui về ẩn cư tại một làng nhỏ gần Rishikesh để săn sóc sức khỏe cho dân chúng tại đây. Ông là người thương gia Keysmaker ca tụng và hết sức giới thiệu nên phái đoàn tìm đến gặp.

Sau vài câu chuyện xã giao, giáo sư Mortimer lên tiếng:

"Chúng tôi nghe nói ông đã từ chức trong trường hợp hết sức đặc biệt. Thương gia Keysmaker dặn chúng tôi nên hỏi ông về việc này. Xin ông vui lòng cho biết lý do."

Bác sĩ Bandyo im lặng một lúc và trả lời:

"Đây là một câu chuyện đáng lý không bao giờ tôi nói cho ai biết nhưng vì có lời giới thiệu của Keysmaker nên tôi sẵn sàng: Như các ông biết, tôi là một khoa học gia nổi tiếng, trọn đời hiến dâng cho khoa học. Tôi không biết gì về Yoga cũng như không hề tin tưởng các sự kiện vô hình, huyền bí mà chỉ tin những gì khoa học có thể chứng minh một cách rõ ràng thôi.

Là một bác sĩ chuyên nghiên cứu bệnh tật miền nhiệt đới, tôi có thói quen là rất thích nghiên cứu các chứng bệnh lạ lùng, khó chữa. Tôi đã điều trị hơn 100 trường hợp lạ lùng mà bác sĩ khác đã bó tay. Tôi ghi nhận rất kỹ triệu chứng bệnh lý cũng như phương pháp chữa trị và viết vào tài liệu y học để giảng dạy trong các trường y khoa thế giới. Tôi đã nhiều lần đi diễn thuyết về bệnh miền nhiệt đới và được đề nghị trao giải thưởng Nobel. Dĩ nhiên đó là một vinh dự lớn cho cá nhân tôi và xứ Ấn Độ.

Một hôm, người ta đưa vào bệnh viện một cô bé chừng mười ba, mười bốn tuổi gì đó. Cô bé mắc một chứng bệnh hết sức lạ lùng, chưa từng nghe nói đến. Tôi rất thích thú, dành trọn thời gian nghiên cứu căn bệnh này. Một hội đồng Y khoa gồm các bác sĩ danh tiếng nhất được thành lập để nghiên cứu, suốt mấy tháng liền chúng tôi ra công chữa trị nhưng bệnh nhân vẫn không thuyên giảm. Cuối cùng thì mọi người đành bó tay. Tôi tuyệt vọng ngồi cạnh bệnh nhân chờ em

bé trút hơi thở cuối cùng. Chưa bao giờ tôi thấy mình bất lực trước sự sống chết vô thường như vậy. Bất chợt trong giây phút đó, tôi bỗng ý thức một điều lạ lùng là sự hiện diện của một bầu không khí tươi mát và êm ái không thể tả.

Khắp phòng bỗng rực rỡ một mầu sắc chói sáng và tôi thấy một người đàn bà hiện ra ngay bên cạnh giường cô bé. Thân thể ngài sáng chói hào quang như giòng nước lấp lánh dưới ánh mặt trời.

Trong giây phút đó, tôi bỗng nhận thức ra ngài là đức Mẹ thế gian. Ngài mang nhiều danh hiệu khác nhau như Đức Mẹ Maria của Thiên Chúa Giáo, đức Quán Thế Âm Bồ Tát của Phật Giáo, Đức Avalokiteshvara của Ấn Giáo. Ngài thuộc ngôi hai của Thượng Đế và biểu hiệu cho lòng Từ bi, Bác ái, luôn luôn đáp lại những lời cầu sinh của chúng sanh.

Trong giây phút, lòng tôi bỗng hoàn toàn thay đổi. Tôi quỳ sụp xuống đất mặc dù suốt đời tôi chưa bao giờ biết cầu nguyện là gì. Tôi cầu xin với tất cả lòng thành kính xin đức Mẹ cứu chữa cho bệnh nhân. Tôi phát nguyện trọn đời tôn vinh hoạt động của đức Mẹ và theo ngài vĩnh viễn.

Bác sĩ Bandyo im lặng như ôn lại quá khứ. Giáo sư Mortimer sốt ruột:

"Rồi sao nữa, cô bé đó ra sao?"

"Các bạn mến, còn sao nữa khi đức Mẹ hành động thì có bệnh gì mà không khỏi. Ngày hôm sau, cả bệnh viện xôn xao vì tôi đã chữa khỏi bệnh cho cô bé. Tất cả bạn hữu xúm vào trách tôi đã tìm ra cách chữa nhưng dấu kỹ, chờ mọi người bó tay rồi mới trổ tài. Trường Y khoa yêu cầu tôi công bố phương pháp chữa trị và đòi đặt tên tôi vào căn bệnh đó. Họ tin rằng với phát minh này, chắc chắn giải Nobel sẽ về tay tôi. Các công ty thuốc cũng ồn ào đòi tôi công bố loại thần dược, chẳng những công ty xứ Ấn mà ngay các công ty ngoại quốc cũng nhất định đòi mua trọn bản quyền. Dĩ nhiên tôi không thể trả lời và dù có nói cũng không ai tin. Hội đồng Y khoa cực kỳ giận dữ tin rằng tôi dấu nghề, các bạn thân cũng nhất định chất vấn kỳ được phương pháp chữa trị và kịch liệt công kích thái độ bất hợp tác của tôi. Bộ trưởng Y tế tiếp xúc với tôi và cho biết có mười bác sĩ khắp thế giới được đề nghị lãnh giải Nobel nhưng chỉ một người trúng giải, nếu phát minh của tôi được công bố thì chắc chắn tôi sẽ lãnh giải này. Tôi trả lời rằng chính đức Mẹ hiện ra và chữa cho bệnh nhân, tất cả đều cho rằng tôi điên. Sau cùng, giải Nobel năm đó được trao tặng cho một bác sĩ quốc gia khác. Hội đồng Y khoa Ấn Độ vô cùng tức giận đòi trục xuất tôi, các bạn đồng nghiệp cũng xa lánh và báo chí xúm vào chỉ trích tôi như một "thầy phù thủy". Các ông thử tưởng tượng đang là một bác sĩ danh giá nhất xứ, bỗng trở nên một "lang băm hạ cấp" ra sao? Lúc đó tôi hiểu thế nào là vô thường. Tôi không biết phải làm gì hơn là cầu nguyện đức Mẹ giúp cho tôi đủ can đảm để chịu đựng sự bất hạnh này. Tất cả mọi người đều nguyền rủa, chế diễu, chỉ có một người duy nhất tin ở tôi đó là thương gia Keysmakers. Ông này dùng thế lực bênh vực cho tôi, áp lực Hội đồng Y khoa phải phục hồi danh dự cho một bác sĩ bị vu cáo oan ức. Nhờ ông tung tiền mua chuộc báo chí nên dư luận lắng dịu dần và rồi người ta không còn chú ý đến tôi nữa.

Trong suốt thời gian khủng hoảng, tôi tin rằng sự kiện này ắt phải có lý do nên hết lòng cầu nguyện đức Mẹ. Trong một buổi cầu nguyện, câu trả lời đã đến với tôi qua một linh ảnh: Trong một tiền kiếp xa xôi, tôi là một y sĩ rất có tài nhưng tôi đã phủ nhận các quyền năng huyền bí và chê bai những kẻ có đức tin hay cầu nguyện đức Mẹ, đó là hậu quả mà tôi phải trả ngày nay...

Kể từ hôm nhìn thấy đức Mẹ, một sự thay đổi lớn đã diễn ra trong tâm hồn tôi. Từ nhỏ tôi không hề biết đến tôn giáo, tôi hấp thụ nền giáo dục Tây Phương nên tin tưởng tuyệt đối ở khoa học. Sự chứng kiến phép lạ thay đổi tất cả, như người mù bỗng sáng mắt, tâm hồn tôi hoàn toàn khác trước, tôi thấy thanh thản vô cùng và đủ sức chịu đựng sự chế diễu của mọi người. Tôi dành trọn thời giờ để cầu nguyện và phát nguyện đời đời, kiếp kiếp theo chân đức Mẹ, cứu giúp tất cả chúng sanh. Một hôm trong lúc cầu nguyện ngài bỗng hiện ra mỉm cười và từ đó tôi thấy mình ngụp lặn trong một thế giới mới lạ. Tôi ý thức được các điều mà từ trước không bao giờ nghĩ đến, tôi chứng kiến rõ ràng các cõi giới khác cũng như sự hoạt động, tiến hóa không ngừng của muôn loài. Nói một cách giản dị hơn khả năng Thần Nhãn của tôi bỗng khai mở. Từ đó, tôi quan sát, học hỏi các cõi giới của Thiên Thần."

Diễn tả cõi giới vô hình bằng lời lẽ thông thường, không thêm bớt là điều rất khó vì lời nói chỉ có thể diễn tả những gì hữu hình. Diễn tả những điều không thể diễn tả, dĩ nhiên rất vụng về nhưng bác sĩ Bandyo đã lưu loát, hoạt bát diễn tả thế giới này như một sự kiện khoa học và hiển nhiên.

Bác sĩ Bandyo nhìn toàn thể mọi người thản nhiên:

"Có lẽ các bạn không tin tưởng lắm, điều này không quan trọng. Tin hay không là quyền của các bạn. Tôi chỉ muốn chia sẽ với các bạn kinh nghiệm tâm linh này thôi. Nhờ khai mở Thần Nhãn, tôi biết chung quanh chúng ta có một thế giới vô hình rộng lớn và có những sinh vật khác sinh sống. Sở dĩ tôi gọi là vô hình vì mắt thường không thể nhìn thấy được nhưng một ngày nào đó khoa học sẽ chứng minh được thế giới này. Các sinh vật vô hình thường được chúng ta gọi bằng danh từ như Ma, Quỷ, Tinh linh v.v... Vì không có một kiến thức rõ rệt về các sinh vật này, chúng ta đã gán ghép cho chúng nhiều điều không đúng. Thật ra, các sinh vật này cũng có thứ tốt, thứ xấu cũng như loài người cũng có kẻ xấu người tốt vậy. Một trong các sinh vật này hợp tác chặt chẽ với đức Mẹ trong các công việc của ngài. Danh từ đứng đắn nhất có lẽ là Thiên thần (Deva). Có nhiều loại Thiên thần, một loại phụ trách một công việc riêng. Vì lý do nghề nghiệp, tôi thường tiếp xúc với các Thiên thần chăm lo sức khỏe. Tôi xin thuật lại thế giới này cho các bạn:

Các thiên thần lo về sức khỏe thường liên lạc chặt chẽ với những người có trách nhiệm trong việc chăm sóc, chữa bệnh. Điển hình là các bác sĩ, y tá; một y sĩ có lương tâm chức nghiệp, làm việc để giúp đỡ người khác luôn luôn được một vị thiên thần hộ mạng. Vị này thường theo dõi, bao trùm chung quanh y sĩ bằng một hào quang sáng rõ và tác động vào trực giác ông này khi điều trị bệnh nhân.

Ngài trấn tĩnh vị y sĩ và không ngớt tuôn trào các hào quang mịn màng như tơ để chuyển sinh khí đến người bệnh. Công việc vị thiên thần hình như dung hòa, pha trộn các sinh lực vô hình trong cõi siêu nhiên và sử dụng tư tưởng biến nó thành các sợi tơ ánh sáng tuôn trào vào bệnh nhân. Một bác sĩ tận tâm sẽ có các rung động cộng hưởng với ảnh hưởng này một cách vô hình, tự nhiên thu hút các từ điện tinh vi này vào mình để nó toát ra ở mười đầu ngón tay và có thể hàn gắn vết thương một cách dễ dàng, mầu nhiệm. Người ta không giải thích tại sao một bác sĩ này lại giỏi hơn một bác sĩ nọ mặc dù họ cùng hấp thụ một nền giáo dục như nhau? Ta gọi là một bác sĩ "mát tay" nhưng thật ra đó là do tư tưởng vị y sĩ thanh cao, rung động với các luồng thần lực vũ trụ và trở thành một trung tâm vận hà các sinh lực này đến bệnh nhân.

Mặc dù y học tự hào đã chữa được nhiều thứ bệnh nhưng thực ra, trên địa hạt siêu hình còn nhiều vấn đề mà y giới phải bó tay. Một bác sĩ có thể ví như một công cụ của Thượng Đế cứu giúp chúng sinh nhưng nếu viên y sĩ không ý thức điều này mà làm các hành động bất nhân thì y sẽ chịu các hậu quả rất nặng. Lẽ dĩ nhiên, ân phước dồi dào không thể đến với ông và vì thế, các ảnh hưởng bất hảo sẽ kéo đến ảnh hưởng đến đời sống, chức nghiệp, khả năng vị này.

Nhờ có thần nhãn, tôi thấy các bác sĩ chuyên phá thai chẳng hạn, lúc nào quanh ông ta cũng có các oan hồn bu kín. Một bác sĩ bất cẩn cũng thế, ông đã lạm dụng quyền năng Thượng Đế ban cho làm thương tổn đến bệnh nhân thì chắc chắn sẽ gặp những điều vô cùng bất hạnh. Từ ngàn xưa, người ta đã biết điều này nên mới đặt ra lời thề của Hippocrates, đến nay không mấy ai để ý đến chi tiết này.

Họ hành nghề như tất cả những nghề nghiệp thông thường khác, không ý thức chức vụ thiêng liêng của mình. Là một bác sĩ chuyên về giải phẫu, tôi có thể lấy kinh nghiệm của mình ra nói: trong cuộc giải phẫu, mạng sống của bệnh nhân hoàn toàn nằm trong tay viên y sĩ và các thiên thần hộ mạng. Một sơ ý, bất cẩn cũng có thể gây những hậu quả đáng tiếc. Do đó, việc hành nghề y sĩ là một bổn phận, chức vụ thiêng liêng, đòi hỏi một lương tâm, một lòng bác ái và hy sinh lớn lao chứ không thể coi như một nghề nghiệp kiếm sống thông thường."

"Xin ông nói thêm về thế giới Thiên Thần, ông đã thấy những gì?"

"Vì nghề nghiệp, tôi thường quan sát các hoạt động của thiên thần trong bệnh viện: thí dụ như phòng hộ sinh, nơi các sản phụ chờ giây phút lâm bồn. Nơi đây có một không khí bình an, mát mẻ do các thiên thần tạo ra để chào đón linh hồn nhập thế. Đối với cõi vô hình, giờ phút này có tính cách vô cùng trang nghiêm như một cuộc lễ. Vị thiên thần trị bệnh bao trùm y sĩ, y tá trong hào quang và không ngớt di chuyển các sinh khí đến người mẹ để giúp bà trong lúc đau đớn. Mọi nghi thức diễn ra thật chính xác, rõ ràng cho đến khi đứa bé lọt lòng. Khi linh hồn tái sinh, nó có cảm giác bỡ ngỡ như người mê mới tỉnh, linh hồn thấy ngộp thở, tối tăm, nặng nề. Nó cần được trấn an nên khi tiếng khóc chào đời vừa phát ra thì trong cõi vô hình một ảnh hưởng thanh thoát cũng rung động vào tâm thức đứa bé khiến nó bình tĩnh hơn.

Vị thiên thần trông coi buổi lễ có một khuôn mặt uy nghi, tâm thức vị này luôn luôn liên kết chặt chẽ với trái tim Đức Mẹ. Một niềm ưu ái đối với sản phụ tỏa ra từ khuôn mặt ngài và chuyển cho sản phụ dưới hình thức một ân huệ để tán dương chức vụ sinh sản cao cả của bà. Lúc đó, tâm thức sản phụ được nâng lên cao hòa với ân phước Đức Mẹ vinh quang...

Bác sĩ Bandyo ngưng nói một lúc rồi thong thả:

"Các ông đều thuộc nam phái nên không thể hiểu tâm trạng người mẹ lúc sinh con. Dù hoàn cảnh có khó khăn, đau đớn thế nào khi vừa nghe con khóc, tất cả người mẹ nào cũng thấy sung sướng vô biên vì khi đó tâm thức họ đang hòa hợp với ân phước của Đức Mẹ. Trong tim họ đang phản chiếu sự hiện diện linh động của ngài, chói ngời lòng bác ái, yêu thương vô tả. Vào giờ phút đó, chính vị thiên thần trông coi buổi lễ cũng nhận được một luồng hào quang. trong ánh sáng đó, người ta thấy một cái gì vinh quang, tươi đẹp, một nguồn an lạc tuyệt vời tuôn trào đến sản phụ và hài nhi. Khi đó vị thiên thần hộ mạng bắt đầu làm công việc giúp đỡ đứa bé, giúp nó điều sự sống đang bị xáo trộn. Ngài phát ra các từ điện bao quanh đứa nhỏ giống như các bọt xà bông để bảo vệ nó chống lại sự ồn ào bên ngoài. Nhờ đó, đứa bé sẽ thiếp đi trong giây lát, lúc đó vị thiên thần chú tâm điều hòa tâm thức đứa nhỏ để nó thích hợp với hoàn cảnh mới.

Bác sĩ Bandyo im lặng như đắm chìm vào một tư tưởng nào đó, sau cùng ông nói:

"Đối với một đứa bé vừa ra đời, khoa học chỉ lo cho chúng ăn uống, dinh dưỡng đầy đủ mà thôi chứ không hiểu chúng cần một yếu tố vô cùng quan trọng đó là tình thương. Khi thể xác được chăm sóc thế nào thì các thể khác cũng phải được chăm lo y như vậy và món ăn cần thiết của các thể này là tình thương. Thiếu tình thương, đứa trẻ khó lòng sống sót vì nhu cầu tình cảm đôi lúc còn quan trọng hơn các nhu cầu khác. Tình thương là một yếu tố dinh dưỡng cần thiết để trẻ em nẩy nở tâm lý, tinh thần và chính vì cha mẹ không lo đủ nhu cầu này mà các đứa bé chậm lớn, thiếu phát triển. Các bệnh tâm lý, thần kinh đều trực tiếp phát nguồn từ đây. Lý do nầy cũng giản dị thôi, đứa bé hình dung vũ trụ theo lối cư xử của cha mẹ đối với nó. Tùy theo nó được yêu hay ghét mà cuộc đời hiện ra đáng ghét hay đáng yêu. Từ lúc sơ sinh, nó nhận được tiềm lực yêu thương từ Đức Mẹ và nếu được yêu thương, năng lực này sẽ phát động mạnh mẽ và nó sẽ trở thành một trung tâm ban rải tình thương. Trái lại, nếu bị hất hủi nó sẽ trở nên hung hãn vì mầm yêu thương đã bị dập tắt rồi. Bổn phận làm cha mẹ là một điều vô cùng thiêng liêng, một trách nhiệm vô cùng quan trọng hơn là việc chỉ lo cho nó đủ ăn, đủ mặc. Tình thương là một năng lực sáng tạo khiến người thương và kẻ được thương đều trở nên phong phú. Trên thế gian này, tình thương là một thứ mà ai cũng có thể cho mà không sợ phung phí. Một tình thương chân thật có giá trị giao hòa, không gì có thể thay thế được. Nó không bao giờ gây hư hại mà chỉ tạo ảnh hưởng tốt lành. Tình thương là một sinh lực có thể chữa trị tất cả mọi bệnh tật và đây là điều khoa học cần chú trọng đến.

Bác sĩ Bandyo dẫn chứng:

"Sách Journal of Medecine có đề cập đến cuộc nghiên cứu của bác sĩ Rene Spitz thuộc đại học New York: Hai nhóm trẻ sơ sinh được nuôi dưỡng khác nhau. Nhóm thứ nhất được nuôi dưỡng bởi chính cha mẹ chúng, nhóm thứ hai được giao cho các cô y tá. Tất cả đều được nuôi nấng, ăn uống như nhau chỉ khác ở sự yêu thương. Chỉ vài tháng, nhóm trẻ thứ nhất phát triển mạnh mẽ, lên cân, khỏe mạnh khi nhóm thứ hai chậm ăn, chậm lớn và đau ốm lung tung. Bác sĩ Spitz kết luận rằng trẻ con cần tình thương để có thể phát triển bình thường.

Khoa học thực nghiệm đã chứng minh như thế nhưng bậc làm cha mẹ đâu mấy ai dành nhiều thời giờ cho các con? Họ chỉ lo cho chúng ăn mặc đầy đủ là cảm thấy đã làm tròn bổn phận rồi. Cũng vì thế, xã hội Âu Mỹ tuy vật chất đầy đủ, nền giáo dục rất cao mà lại phát sinh đủ các hiện tượng tội ác, thần kinh, vi phạm luật pháp một cách kỳ dị khác các xứ chậm tiến. Tại sao những nhà thông thái không đặt câu hỏi phải chăng bậc cha mẹ đã không dành đủ thời giờ cho con trẻ để nó phát triển bình thường?"

Phái đoàn im lặng, họ thấy bác sĩ Bandyo quả rất có lý trong vấn đề này. Giáo sư Mortimer lên tiếng:

"Hãy trở lại vấn đề các thiên thần, họ còn ảnh hưởng gì đến đời sống con người nữa không?"

"Các thiên thần ít khi nào can thiệp vào đời sống con người. Thật ra, họ vô cùng bận rộn với các sinh hoạt riêng biệt. Thế giới của họ cấu tạo bằng các nguyên tử thanh, nhẹ có sức rung động rất nhanh nên họ không thích dính dáng vào thế giới hữu hình vốn có các rung động thô kệch. Điều này có thể ví như các ông đang sống ở một nơi mát mẻ, sạch sẽ không lý nào lại chui vào chỗ hôi hám, nóng bức làm gì."

Bác sĩ Allen tò mò:

"Ông có thể sử dụng khả năng thần nhãn vào các việc khác như thế giới bên kia cửa tử được không?"

Bác sĩ Bandyo mỉm cười:

"Bạn mến, trước hết tôi xin xác định rằng chết không phải là hết mà chỉ là một giai đoạn di chuyển từ kiếp sống này qua kiếp sống khác. Con người chỉ rời bỏ thể xác này thôi. Sự chết không có gì đáng sợ như người ta vẫn nghĩ."

"Như thế người chết có thấy chúng ta không?"

"Họ nhìn thấy chúng ta qua thể vía mà thôi. Do đó, họ biết được tình cảm hoặc ý nghĩ, cảm xúc của ta mặc dù họ không còn nghe được lời nói, âm thanh cõi trần nữa."

"Như vậy họ vẫn ở gần người sống?"

"Lúc mới từ trần còn quyến luyến, họ vẫn ở nguyên chốn cũ gần nhà cửa, gia đình, những người thân. Theo thời gian, họ ý thức được cõi giới mới rồi siêu thoát nghĩa là hòa nhập với cõi giới mới, không quanh quẩn ở cõi trần nữa.

Sự quyến luyến rất có hại cho người chết, nhất là những người chết bất đắc kỳ tử, họ còn nhiều dục vọng, ham muốn nên cứ quanh quẩn ở cõi trần, không chịu đi đâu hết."

"Số phận trẻ em khi chết ra sao?"

"Chúng ít ham muốn, dục vọng nên thảnh thơi, tự tại hơn. Lúc đầu chúng vẫn quanh quẩn, nô đùa quanh cha mẹ và không ý thức sự chết của mình. Chúng tái sinh rất mau lẹ và thường hay trở lại gia đình cũ vì các nhân duyên từ trước. Thí dụ như một bà mẹ xẩy thai do sự bất cẩn của bác sĩ chẳng hạn. Đứa bé vẫn tiếp tục quanh quẩn bên mẹ chúng và sẽ đầu thai trở lại khi có dịp. Trong trường hợp phá thai lại khác, đứa bé không hiểu tại sao mẹ chúng lại ghét chúng và làm hại chúng như thế? Nó quanh quẩn gần đó một cách rất đáng thương và tìm cách hỏi mẹ chúng nhưng dĩ nhiên không tìm được câu trả lời."

"Người Á Châu thường tin rằng các vong linh thân nhân có thể giúp đở người sống và có các quyền năng đặc biệt do đó, có tục lệ thờ cúng tổ tiên. Theo ông thì điều này ra sao?"

Bác sĩ Bandyo cười lớn:

"Theo sự hiểu biết của tôi, con người khi sống ra sao thì chết cũng thế thôi, không có gì thay đổi hết. Họ không thông minh hơn, hiểu biết hơn. Hơn nữa, âm dương cách trở, họ khó có thể giúp gì cho người cõi trần. Dĩ nhiên, họ rất muốn tiếp xúc với thân nhân còn sống nhưng người sống đâu ý thức gì đến sự hiện diện của họ. Đó cũng là lý do người chết rất đau khổ. Hơn nữa, người chết đọc được tư tưởng người sống qua thể vía và đôi lúc biết rõ sự thật còn làm họ đau khổ hơn nữa. Thử tưởng tượng cha mẹ đọc được tư tưởng đứa con mừng rỡ khi cha mẹ chết vì được hưởng gia tài. Người chồng mừng rỡ vì vợ chết từ nay tha hồ tự do, muốn làm gì thì làm. Người chồng thấy vợ mừng chồng chết vì đã trút được gánh nặng. Các ông nên biết, người đau khổ nhiều phần lớn là người chết chứ không phải người sống, do đó, họ cần an ủi, chỉ dẫn."

"Nhưng làm sao an ủi họ được? Ông vừa nói âm dương cách trở kia mà."

Bác sĩ Bandyo mỉm cười:

"Có nhiều cách giúp đỡ người chết, một cách tiêu cực và một cách tích cực. Đối với thân nhân người chết họ có thể làm một cách tiêu cực như giúp cho người chết thấy thoải mái, nhẹ nhàng để họ mau siêu thoát. Việc thứ nhất nên tránh than khóc, kêu gào, để người chết khỏi xúc động, thương tiếc và quyến luyến khó rời cõi trần được. Việc thứ hai là tránh cỗ bàn, mổ gà, làm thịt vì như thế chỉ kêu gọi các vong linh bất hảo, các cô hồn đói khát kéo đến đầy nhà gây ảnh hưởng xấu đến người chết. Nên cầu nguyện trong suốt 49 ngày liền vì đây là lúc người chết đang ở trong trạng thái quan trọng, sự cầu nguyện khiến đầu óc họ trở nên sáng suốt, hiểu biết dễ siêu thoát. Nên thiêu xác thay vì chôn cất để người chết không thấy đau khổ khi nhìn thể xác mình hư thúi, bị dòi bọ đục khoét, khi không còn lưu luyến thể xác họ dễ siêu thoát hơn. Tại Ấn Độ, tất cả người chết đều được hỏa táng, đó là phong tục rất tốt vì không còn các vong hồn quanh quẩn các nghĩa địa nữa.

Việc tích cực giúp đỡ thường do các tu sĩ đảm trách, họ xuất vía sang cõi chết để an ủi, hướng dẫn vong linh. Tu sĩ đảm nhiệm việc này phải phát nguyện phụng sự hoàn toàn, trải qua một thời gian huấn luyện để giữ tâm trí luôn sáng suốt vì cõi chết có nhiều cảnh ghê rợn với các sinh vật lạ lùng, một người thiếu kiến thức, hiểu biết có thể kinh hoàng ghê rợn. Chỉ khi nào có thể tự chủ hoàn hoàn, không bị ảnh hưởng bên ngoài làm giao động, tâm hồn luôn yên tĩnh không lo âu, sợ sệt và có một tình thương rộng rãi hoàn toàn đến tất cả, không còn phân biệt thì sự giúp đỡ mới kín đáo, vô tư và có hiệu quả. Các ông nên nhớ, qua cõi này, sinh vật có thể đọc được tư tưởng lẫn nhau nên một lời nói không chân thật, tinh khiết có thể mang đến các hậu quả không thể lường trước.

"Tại sao ông biết rõ như thế?"

Bác sĩ Bandyo mỉm cười:

"Tại vì tôi đang được huấn luyện để làm việc này. Sự khai mở thần nhãn giúp tôi thu tập kiến thức về cõi giới vô hình và từ đó, tôi nhận thức sứ mạng Đức Mẹ đã giao cho tôi. Tôi đã phát nguyện dành trọn đời để thực hiện thiên ý, đó là lý do tôi từ bỏ đời sống quay cuồng của đô thị để đến đây. Ban ngày, tôi là một bác sĩ chăm lo săn sóc những người bệnh. Thời giờ còn lại tôi phục vụ Đức Mẹ qua các công việc ngài giao phó. Các bạn thân mến, trọn cuộc đời, chưa lúc nào tôi sống thật trọn vẹn như bây giờ."

Chương 6: Chương 6: Vị Đạo Sĩ Có Thể Chữa Mọi Thứ Bệnh

Ram Gopal Mukundar là một đạo sĩ nổi tiếng có thể chữa trị mọi bệnh tật. Ông thành lập một đạo viện (Ashram) ở ngoại ô Rishikesh và có khá đông môn đệ.

Qua sự giới thiệu của bác sĩ Kavir, ông bằng lòng tiếp xúc với phái đoàn. Ram Gopal có một thân thể cực kỳ tráng kiện trông như một lực sĩ, bước đi của ông vững chắc và uyển chuyển như một mãnh hổ. Giọng nói của ông hùng tráng như một tiếng cồng. Hàng ngày, ông dành riêng một thời gian để tiếp xúc với bệnh nhân. Ông yêu cầu phái đoàn ngồi đó xem ông trị bệnh. Bệnh nhân gồm đủ hạng người, từ các bậc thượng lưu, quý phái ngồi trên kiệu đến các loại bình dân nghèo đói, lê lết. Họ mang đủ thứ bệnh từ các loại bất trị như ung thư, cùi hủi đến các chứng đau tim, phong thấp, tiểu đường v.v...

Một bệnh nhân ăn mặc sang trọng, khuôn mặt tái nhợt cho biết y là một phú ông giàu có tại Madras bị đau tim đã đến thời kỳ trầm trọng. Bác sĩ cho biết nếu lên cơn một lần nữa chắc chắn y không thể sống.

Ram Gopal yên lặng nghe bệnh nhân kể lể rồi cho biết:

"Hơi thở của ông bị đứt quảng nhiều, tôi nghĩ cơn đau tim sẽ tái phát trong một thời gian không lâu nữa."

Bệnh nhân xanh mặt quỳ mọp xin cứu mạng. Ram Gopal thong thả cho biết:

"Ông có thể sống thêm nhiều năm nữa nếu chịu khó điều trị. Chắc hẳn ông đã biết cách trị bệnh của tôi?"

Bệnh nhân im lặng suy nghĩ. Ram Gopal giải thích cho phái đoàn:

"Bệnh tật là kết quả của những gì trái với thiên nhiên. Sống thuận theo thiên nhiên không thể có bệnh. Con người bẩm sinh đều khỏe mạnh, họ mắc bệnh vì các thói quen, các lối sống không hợp tự nhiên rồi theo thời gian tiêm nhiễm vào cơ thể làm suy nhược. Khi bệnh mới phát ra, con người ỷ lại vào thuốc men các phát minh khoa học. Tiếc thay, lối này chỉ có thể tạm thời cầm giữ bệnh tật cho nó không phát lên chứ không trừ tuyệt căn. Y khoa Tây Phương chỉ ngăn chặn bệnh tật không làm nguy đến tính mạng được một thời gian rồi sau đó cũng bó tay.

Muốn trừ bệnh hoàn toàn chỉ có một cách duy nhất là cương quyết trừ tuyệt gốc và người duy nhất có thể chữa được là "chính mình" mà thôi, ngoài ra không có ai khác. Một khi bệnh nhân ý thức được điều này, nhất định theo đuổi cách trị đến cùng thì hầu như bệnh gì cũng có thể chữa khỏi.

Giáo sư Mortimer lên tiếng:

"Xin ông giải thích rõ ràng hơn nữa."

"Cách chữa cũng rất giản dị, việc đầu tiên bệnh nhân phải làm là quyết định xem có theo phương pháp này được không? Nếu nhất quyết thì y lập tức từ bỏ tức khắc tất cả gia tài, sự nghiệp, hoàn cảnh gia đình bên ngoài để gia nhập đạo viện cho đến khi hết bệnh."

"Ông muốn nói y phải trở nên một tu sĩ hay sao?"

Ram Gopal bật cười:

"Không phải thế, đây không phải là một đạo viện có tính cách tôn giáo. Tôi không bao giờ bắt buộc ai phải học giáo lý, tin tưởng một giáo điều, nghi thức hay sùng kính một đấng vô hình nào hết. Đạo viện (Ashram) này chỉ có mục đích chữa bệnh. Điều tôi muốn thực hiện là để bệnh nhân phải rời bỏ cái nếp sống cũ, cái hoàn cảnh, nguyên nhân đã khiến y mắc phải căn bệnh đó. Lo nghĩ, phiền não, dinh dưỡng không đúng cách là nguyên nhân chính của hầu hết các thứ bệnh. Phải dẹp bỏ, dứt sạch tất cả cho tâm hồn thật thảnh thơi, thoải mái rồi mới có thể chữa trị được. Đó là điều kiện quan trọng nhất của phương pháp này."

"Nhưng việc gì phải từ bỏ tất cả, đi dưỡng bệnh một nơi xa cũng có hiệu quả tương tự vậy."

Ram Gopal bật cười:

"Điều này không thể chữa tận gốc được, hoàn cảnh tuy có khác nhưng đầu óc bệnh nhân vẫn còn cố chấp, suy nghĩ, lo lắng thì làm sao dứt được phiền não? Chỉ có hoàn toàn dứt bỏ, để đầu óc không còn bận tâm một chút gì nữa, để trở nên một con người hoàn toàn mới thì may ra mới

có thể chữa hết bệnh được."

"Từ bỏ gia tài, nhà cửa, gia đình đâu phải dễ dàng, mấy ai đã làm được như thế? Nói thì thật giản dị nhưng nó là cả một vấn đề..."

"Này ông bạn, nếu chết ông có mang mấy thứ đó đi theo được không? Ông cứ việc ôm chặt lấy những thứ giả tạo vật chất rồi để đau đớn dầy vò và cái chết quanh quẩn ám ảnh chăng? Trước sau cũng mất nó thì thà bỏ quách đi có hơn không? Cách chữa này có thể coi như ta dã chết rồi, đã mất tất cả rồi và đi tìm cái sống trong cái chết. Nguyên lý của bệnh tật như sau: con người chìm dắm trong danh lợi, lo quanh nghĩ quẩn, tích trữ tài sản mà quên sự vô thường ở đời. Họ chỉ thấy lợi nhỏ mà quên hại lớn. Lo làm giàu vật chất mà quên tu dưỡng tinh thần vì thế thân thể suy đồi, tâm trí đảo điên, thần trí bất nhất lại thêm tửu sắc quá độ, hỉ nộ bất thường, dinh dưỡng coi thường, bệnh tật do đó sinh ra.

Khi bệnh còn nhẹ, ta không để ý chữa trị đến khi nó phát ra đe dọa trực tiếp vào đời sống, ta mới hoảng hốt tin tưởng vào các phát minh khoa học chữa trị. Thuốc men chỉ tạm thời ngăn chặn khiến cho bệnh chậm tái phát, kéo dài thêm cuộc sống để ta tiếp tục đắm chìm trong dục vọng, phiền toái một thời gian nữa. Đến khi thuốc men trở nên vô hiệu, bệnh tái phát thật mạnh thì khoa học bó tay và con người chấp nhận sự phải đến sẽ đến và coi như đó là số mạng. Đây là một lầm lẫn rất lớn mà ít ai để ý. Nguyên chính các bệnh là do sự bận rộn với đời sống hàng ngày, nếp sống càng tiện nghi thì họ lại càng hết sức lao tâm, lao lực để đạt đến cái tiện nghi hơn nữa. Thêm vào lòng tham lam muốn chiếm đoạt, đua tranh để thỏa mãn cái dục vọng nhất thời khiến cơ thể trở nên mất quân bình, phá hoại cơ quan thần kinh. Cơ quan nầy là đầu mối của mọi thứ bệnh nên theo thời gian, bệnh từ từ ngấm vào tạng phủ khiến con người càng ngày càng lệch lạc, sống ngược với thiên nhiên, mất đi sự an lạc sẵn có, nói một cách khác họ mất đi chính mình.

Sự xả ly, dứt bỏ tất cả là bước đầu để trở lại cái tinh thần nguyên thủy, nó là điều kiện cần thiết để dứt căn bệnh trầm kha của loài người. Có thế đầu óc mới lấy lại sự thăng bằng để họ có thể điều trị..."

"Nhưng bệnh tật có nhiều nguyên nhân chứ, ông nghĩ sao về các bệnh do vi trùng gây ra?"

Ram Gopal lắc đầu:

"Trong người khỏe mạnh, vi trùng xâm nhập thế nào được? Người sống theo thiên nhiên không thể có bệnh. Vi trùng thì chỗ nào chả có nhưng đâu phải ai cũng mắc bệnh như nhau. Nếu vi trùng là nguyên nhân chính thì tại sao có kẻ mắc bệnh và có người lại không mắc bệnh? Ngay cả những lúc có bệnh thời khí khiến hàng trăm, hàng ngàn người lăn ra chết nhưng vẫn có những kẻ sống sót đấy chứ, tóm lại, thân thể khỏe mạnh có thể chống mọi thứ bệnh."

Ngay lúc đó bệnh nhân ngửng mặt nói vài câu, Ram Gopal lắc đầu và quay sang phái đoàn cho biết:

"Bệnh nhân này muốn trở về nhà thu xếp công việc khoảng vài tháng đến một năm rồi sau đó mới đến đây chữa bệnh. Lúc này đang là mùa dệt sợi mà y lại là chủ nhân nhiều hãng dệt. Tôi cho y biết không chịu chữa trị y khó lòng sống qua một tháng nữa."

Giáo sư Allen kêu lên:

"Nhưng nếu bắt từ bỏ tất cả ngay thì làm sao y có thể thu xếp kịp?"

"Chữa bệnh không phải việc đi chơi. Tôi quan sát thần sắc bệnh nhân rất kỹ và thấy y khó sống lắm rồi. Nếu y mê muội trở về lo thu xếp công việc thì đầu óc đã lệch lạc lại càng lo âu thêm, thế nào cũng lên cơn đau tim mà chết. Như các ông thấy điều kiện tiên quyết để chữa bệnh là trị tận gốc và đây là giây phút quyết định sự sống chết. Chỉ có y mới tự chữa lấy cho mình mà thôi. Con người phải hiểu biết để đoạn tuyệt với quá khứ, không thể có lối chữa trị lưng chừng kéo dài thời gian được. Thật ra khoa học đã làm việc này, kéo dài thêm thời gian rồi bó tay. Đây không phải là lối chữa của tôi."

Bệnh nhân đắn đo suy nghĩ một lúc, y ngập ngừng nói vài câu rồi đứng lên bước vội ra khỏi cửa không dám nhìn ai. Giây phút quyết định đã trôi qua, Ram Gopal thở dài rồi gọi một bệnh nhân khác vào. Sau buổi khám bệnh, chỉ có một số chấp nhận theo lối chữa lạ lùng này và được các đệ tử của đạo sĩ đưa vào đạo viện.

Ram Gopal cho phái đoàn biết bệnh nhân chỉ được mang theo một bộ quần áo và tuyệt đối không được tiếp xúc với ai trong thời gian điều trị. Dĩ nhiên, khi hoàn tất việc chữa trị, y có thể rời nơi này theo ý muốn. Một số người sau khi vào đây không từ bỏ việc đời lại bỏ ra về và số này không phải ít.

Giáo sư Allen thắc mắc:

"Nhưng sau khi vào đây họ sẽ phải làm gì? Ông chữa trị ra sao?"

"Như các ông đã biết, yếu tố đầu tiên là cương quyết chữa bệnh cho đến khi tuyệt căn mới thôi. Yếu tố này đòi hỏi việc xả ly, dứt bỏ tất cả mọi sự. Yếu tố thứ hai là tự mình chữa trị lấy cho mình vì không ai có thể chữa bệnh cho ai cả. Yếu tố này đòi hỏi việc làm chủ các cảm giác của mình để chữa bệnh. Tại đây, bệnh nhân ăn rất ít, thời gian đầu y chỉ uống nước suối và ăn cơm nhạt thôi. Phương pháp này nhằm việc tẩy uế các chất độc trong cơ thể. Một lý do quan trọng gây nên nhiều chứng bệnh là sự ăn uống bừa bãi, không tiết độ. Để giúp cơ thể loại bỏ các độc tố đã nhiễm từ lâu, bệnh nhân chỉ ăn thật nhạt nghĩa là không một chút gia vị, đường hay muối nào (Ghi chú: Người Ấn ăn rất nhiều gia vị và rất mặn). Mỗi ngày, bệnh nhân chỉ ăn một lần trước buổi trưa và uống nước vài lần thôi. Uống ít nước giúp cho tim đập chậm lại vì dung lượng nước qua tim sẽ ít đi. Tim và thận được nghĩ ngơi sẽ giúp cơ thể lấy lại quân bình mau chóng, đây là hai cơ quan thiết yếu giữ các vai trò quan trọng cho việc phục hồi sức khỏe. Ăn nhạt khiến gan và dạ dày thải bỏ các độc tố tích tụ trong đó, cứ thế trong khoảng hai tuần lễ là đa số độc tố đã bị khu trục cả. Nếu muốn các ông cứ thử ăn nhạt ít tuần lễ là thấy cơ thể đổi khác ngay.
Ngoài việc dưỡng sinh đúng cách, bệnh nhân dành trọn thời giờ tập Yoga để lấy lại quân bình cho cơ quan thần kinh, khối óc. Tư thế đầu phải tập là cách ngồi cho ngay ngắn, lưng thật thẳng để luồng hỏa hầu di chuyển không gặp khó khăn. Hai tay buông thõng trên đầu gối và thở thật tự nhiên không cố gắng thái quá. Trong khi tập tư thế này, không để tâm xáo động, lo nghĩ việc gì, phải "vô cầu, vô niệm" mới là đúng cách. Không sử dụng thần chú hay xin xỏ một đấng thần linh gì mà chỉ cần hết sức tự nhiên, theo thời gian bệnh sẽ từ từ thuyên giảm."

Giáo sư Mortimer thốt lên:

"Chỉ có thế thôi ư? Như vậy giản dị quá có khó gì đâu?"

Ram Gopal thản nhiên:

"Dĩ nhiên, nhưng phải làm thật chuyên cần không gián đoạn trong suốt thời gian tại đây cho đến khi khỏi bệnh."

Mọi người nhìn nhau, họ nghĩ đạo sĩ này phải có một phương pháp gì ghê gớm hoặc sử dụng thuốc men gì đó để chữa trị chứ phương pháp ông nói thật tầm thường và có vẻ hoang đường khó tin.

Ram Gopal hiểu ý:

"Khi trở về với chính mình, với con người nguyên thủy, hòa hợp với thiên nhiên thì bệnh tật và sức khỏe chỉ là những gì tương đối, không còn tranh chấp nữa. Con người thật của ta vốn sẵn có kia mà việc gì phải gò bó, khó khăn mới tìm được. Khi dứt bỏ tất cả, ta trút được một gánh nặng ở tâm hồn. Khi ăn uống đúng cách, ta loại bỏ yếu tố gây nên bệnh tật và cách tập yoga giúp ta lấy lại quân bình nguyên thủy, trở về với con người thật của mình như thế là "tự mình chữa cho mình" không ỷ lại vào một tha lực hay một yếu tố bên ngoài nào hết."

"Nhưng ngoài ra còn phải uống thuốc men gì nữa chứ?"

Ram Gopal lắc đầu:

"Phương pháp này không sử dụng thuốc men gì cả, đó là một phương pháp hết sức tự nhiên và khoa học. Dĩ nhiên, nếu ông chở đến một người bệnh sắp chết hay một kẻ gẫy chân, gẫy tay thì tôi không thể chữa như thế được. Nói khác đi nếu một kẻ mắc bệnh thời khí hay các bệnh thông thường thì họ đã đi kiếm các bác sĩ chữa trị chứ việc gì phải đến đây? Hầu hết các bệnh nhân đến tận rừng hoang núi thẳm này chỉ là những kẻ đã tuyệt vọng hoặc gặp các chứng nan y mà y sĩ đã bó tay. Các ông nên biết cơ thể con người có khả năng làm hồi phục rất mầu nhiệm. Sở dĩ cơ thể suy yếu, bệnh hoạn vì họ sống không tự nhiên có thế thôi. Sống tự nhiên không những giúp thể xác kháng kiện mà còn mục đích tối hậu đó là sự dẹp bỏ cái "phàm ngã" trở về cái "chân ngã" của mình. Khi từ bỏ được bản ngã thấp hèn thì ta ung dung, tự tại, thảnh thơi, tiêu diêu cùng trời đất, thiên nhiên còn lo lắng chi nữa? Trên lý thuyết thì thật dễ dàng nhưng thực hành lại là cả một vấn đề. Con người quen sống bừa bãi, nô lệ dục vọng, xác thân quá lâu, đến nổi sinh bệnh rồi, muốn cởi bỏ tất cả đâu có dễ. Quen ăn ngon, mặc đẹp bây giờ ăn vài nắm cơm nhạt, uống vài gáo nước suối đâu phải ai cũng làm được ngay lập tức. Khốn nỗi muốn trừ tận gốc phải uống thuốc đắng và thuốc đắng chính là lối sống tự nhiên này."

"Nhưng đã có những bằng chứng gì về phương pháp này? Làm sao biết được nhờ thực hành như vậy mà bệnh nhân khỏi bệnh, kéo dài đời sống?"

Ram Gopal không tỏ vẻ giận dữ về câu nói bất kính:

"Tôi có hơn ba ngàn môn đệ, tất cả đều là người mắc bệnh nan y sống tại đây. Đa số đã bị các bệnh viện từ chối vì không chữa được nữa. Họ vẫn sống nhiều năm nay, hàng ngày cả trăm người đến xin gia nhập đạo viện và chỉ một thiểu số cương quyết mới được chấp nhận. Đã thế, nhiều người không qua kỳ thử thách cũng bỏ đi rất nhiều nhưng trong số những người ở lại, tất cả đều hết bệnh, tuyệt căn. Các ông nên nhớ tôi không nhận một thù lao hay đòi hỏi một ân huệ gì, tôi cũng không tự xưng một danh vọng, chức tước nào hết. Đời sống ở đây hoàn toàn tự túc và kẻ khỏe mạnh phải lo trồng tỉa, gặt hái thực phẩm. Quy luật đạo viện không nhận tặng vật dù bất cứ thứ gì, nhiều kẻ tỏ ý muốn dâng tài sản, sự nhgiệp khi đến đây với hy vọng sẽ được đối xử đặc biệt. Tôi yêu cầu một khi đã dứt bỏ tất cả thì hãy bố thí cho gười nghèo hoặc để lại cho con cháu, thân nhân rồi đến đây với bộ quần áo trên người. Dù bệnh nhân là Tiểu Vương hay kẻ hành khất tôi cũng coi như nhau, mục đích của họ là chữa bệnh và chỉ có họ mới có thể chữa cho mình. Đạo viện thành lập ra chỉ để thực hành việc chữa bệnh mà thôi chứ không phải một nơi giam cầm hay có tính cách tôn giáo. Muốn gia nhập phải tuân theo các điều kiện nhưng muốn rời đây thì tùy ý, không hề có sự ngăn cản."

"Nhưng ông có dạy các phương pháp yoga?"

"Đúng thế, nhưng Yoga là một khoa học, không phải tôn giáo như nhiều người đã hiểu lầm. Ngoài ra tôi chủ trương một lối tu thân cho những người muốn vào cửa đạo nhưng đây cũng không phải là một tôn giáo."

"Xin ông vui lòng giải thích phương pháp tu hành này."

Ram Gopal mỉm cười:

" Như các ông thấy, phương pháp dưỡng sinh và tập Yoga có thể giúp con người vượt qua các bệnh tật. Cũng như thế, phương pháp tu thân sẽ giúp con người vượt qua các trở ngại để tiến vào cửa đạo. Có rất nhiều phương pháp tu hành tùy theo quan niện cá nhân, hoàn cảnh xã hội chung quanh, tôn giáo... nhưng tất cả đều nhằm một mục đích chung là giải thoát. Tôi không quan niệm một phương pháp nào mà để mỗi cá nhân tùy theo sở thích lựa chọn. Tôi chỉ khuyên họ nên sáng suốt kiểm soát cách thức tu hành để tránh các sai lầm thông thường.

Như các ông thấy, trên các con tầu lướt sóng ngoài biển khơi bao la, cứ khoảng nửa giờ, vị thuyền trưởng phải nhìn vào bản đồ, xem địa bàn, đo phương hướng để xác định vị trí con tàu. Biết mình ở đâu và đi đến đâu là câu hỏi quan trọng của mọi người trên đường đạo. Công việc tu hành cũng thế, người tu lúc nào cũng phải luôn luôn tự hỏi về mình để kịp thời sửa sai các lỗi lầm thông thường vì sai một ly đi một dặm. Khi con tàu rời bến, một lỗi lầm nhỏ từ khởi điểm có thể làm con tàu đi xa mục tiêu vài chục hải lý. Đường tu cũng thế, một ý niệm sai lầm có thể khiến ta đi vào tà đạo lú nào không hay.

Phương pháp tại đạo viện đây không chú trọng đến hình thức mà chỉ nhằm kiểm soát thường xuyên quan niệm của người tu đối với bản thân mình, với mọi người chung quanh. Phải tự xét mình, kiểm soát tư tưởng của mình từng ngày, từng giờ, rồi suy ngẫm về bản ngã, chân ngã. Kinh Veda đã dạy: "Ta không phải là xác thân vật chất này mà là một linh hồn cao quý, trường tồn, một điểm linh quang của Thượng Đế." Nói một cách khác, con người là một linh hồn bất diệt còn thể xác chỉ là một dụng cụ thô sơ, tạm thời. Người hiểu đạo là người ân cần lo lắng cho linh hồn hơn là cái xác thân tạm bợ. Chân lý này giúp cho người tu tránh các tội ác, các phiền não vì đa số người đời đều lầm tưởng mình là xác thân nên lo lắng, chiều chuộng nó đủ điều. Để cho xác thân được sung sướng họ đã không ngần ngại giết nhau, làm hại nhau, lừa bịp lẫn nhau, tóm lại tất cả những gì xấu xa, tồi bại.

Nếu ý thức được chân lý này thì ai lại còn vơ vét của cải, vật chất làm gì vì các thứ đó đâu có ích lợi gì cho linh hồn. Người hiểu biết đường đạo ý thức linh hồn là ta, là người làm chủ, còn xác thân chỉ là con ngựa để ta cưỡi đi trên đường. Người chưa hiểu biết nhận mình làm con ngựa và cố gắng thỏa mãn các nhu cầu của họ. Họ không ý thức mình là tay kỵ mã kiêu hùng bất diệt mà cam chịu thân phận con vật yếu hèn chịu sự chi phối của thời gian và không gian. Căn bản đầu tiên của người đi trên đường đạo là ý thức mình, duyệt xét đường đi của mình để tìm một lối tu thân hợp lý.

Kinh Veda lại dạy rằng: "Ta và người tuy bề ngoài khác biệt nhưng thực sự bên trong lại như nhau, bởi tất cả đều cùng chung một nguồn gốc mà ra." Chân lý này cho thấy chúng ta đều là hoa lá trái của một cái cây, cùng chung một gốc, bề ngoài tuy khác nhưng bề trong tất cả đều là con của Thượng Đế.

Nếu ý thức được chân lý này thì ai lại còn giận hờn, oán thù, ghen ghét nhau. Có khi nào tay mặt lại cầm dao chém tay trái, có khi nào anh em lại thù nghịch hãm hại lẫn nhau. Sự khác biệt giữa con người là do mức tiến hoá khác nhau qua các kiếp sống. Có khi nào ta thù ghét một kẻ kém ta đâu? Suy luận rằng "vạn vật đồng nhất thể" ta sẵn sàng tha thứ cho kẻ khác vì họ không hiểu biết, không ý thức hành động của mình, vả lại họ và ta nào có khác nhau đâu. Khi hiểu rằng "nhất bổn tám vạn thù" ta nhìn vạn vật như chính mình, từ loài người qua loài thú, thảo mộc, kim thạch và ý thức rằng mội vật đều có sự sống, đều có Thượng Đế ngự ở trong. Ta sẽ cởi bỏ thành kiến, mở rộng lòng thương đến muôn loài.

Người tu là người sống thuận hòa với mình và mọi người, sống an lạc với vạn vật trong vũ trụ, sống hòa hợp với thiên nhiên một cách ung dung tự tại. Đó là con đường tu đứng đắn nhất theo sự hiểu biết của tôi."

Ram Gopal nhìn mọi người rồi mỉm cười:

"Nếu chúng ta tu một thời gian mà thấy lòng không vui vẻ, phấn khởi, gương mặt không thoải mái, cử chỉ không dịu dàng, lời nói không ôn tồn, tâm hồn không thương mến thì chắc là ta đã không sống thuận lẽ đạo. Có lẽ ta đã đi vào tà đạo lúc nào mà không hay. Khi tu hành mà tâm thần rối loạn, thần trí đảo điên, tham lam, sân hận, oán thù thì đó là triệu chứng đã đi lạc đường rồi. Nếu biết thế phải lập tức kiểm điểm lại phương pháp tu hành để sửa đổi và quyết tâm trở lại khởi điểm để bắt đầu lại con đường đạo. Nếu không làm như thế thì vô phương cứu chữa, cũng như bệnh đã nhập tâm mà còn mê say luyến tiếc vật chất, không cương quyết dứt bỏ thì làm sao còn chữa trị được.

Này các bạn, giáo lý nào cũng dạy phải thương yêu, tha thứ và giúp đỡ đồng loại nhưng tại sao xã hội lại không như vậy? Tại sao giữa cái tri và hành lại có sự trái ngược? Phải chăng lòng con người còn ham mê vật chất, tuy nghe điều hay lẽ thiệt nhưng ta vẫn để đó, tiếp tục làm các điều càn rỡ. Người bệnh cũng thế, khi mới mắc bệnh không lo chạy chữa mà chờ khi mạng sống bị đe dọa mới cuống lên thuốc gì cũng uống, ai nói gì cũng làm, cố sao kéo dài đời sống. Tại sao lại có các điểm tương đồng như thế?

Khoa học công nhận rằng ăn uống điều độ có thể tránh bệnh tật nhưng biết rồi để đó chứ có mấy ai theo? Hình như chúng ta vẫn thèm miếng ngon, vật lạ dù biết nó là chất độc. Nếu chúng ta chấp nhận tất cả đều là con Thượng Đế tại sao ta vẫn đâm chém, làm hại lẫn nhau? Nếu chúng ta chấp nhận các loài cầm thú là đàn em bé bỏng thì ta phải tránh sát sinh chứ. Tại sao ta vẫn giết hại "đàn em" qua các bữa ăn thịnh soạn? Phải chăng miếng ăn, vị béo đã làm ta quên hết rồi?

Vấn đề của cải cũng thế, ta biết chúng chỉ là vật tạm bợ, vô thường khi chết nào có mang theo được nhưng thực tế, hễ đâu có của cải là đó có tranh chấp lẫn nhau. Hãy nhìn đàn gà trong sân, chúng đang vui vẻ nô đùa nhưng hễ có ném cho nắm thóc là có xô xát ngay. Hãy nhìn bầy chó cùng cha, cùng mẹ âu yếm liếm nhau kia nhưng chủ ném cho cục xương là cắn nhau tức thì. Loài người thông minh hơn loài vật nhưng của cải, danh vọng, vật chất đã làm họ bất hòa có khác chi loài thú?

Từ mấy ngàn năm nay, con người luôn được hướng dẫn bởi các chân lý cao đẹp. Tôn giáo nào cũng dạy những điều thật tốt lành nhưng tại sao vẫn không thấy có sự tiến bộ mấy? Phải chăng chúng ta chỉ nói chân lý ở đầu môi, chót lưỡi? Ta đến các thánh đường tôn nghiêm với y phục sang trọng nhất, các lễ vật đẹp đẽ nhất, đọc thuộc lòng các lời răn chân chính nhất nhưng chúng ta vẫn làm các điều xấu xa, bỉ ổi nhất. Có bao giờ các ông nghĩ về những điều này không?

Mọi người im lặng nhìn nhau không ai thốt lên lời nào, Ram Gopal mỉm cười:

"Hãy dở Thánh Kinh mà xem, đức Jesus đã dạy: "Các người đừng quá lo về y phục hay thức ăn. Đời sống không quý báu hơn thức ăn và thân thể không quý báu hơn y phục hay sao? Các người hãy nhìn loài chim bay trên trời, chúng không hề gieo cũng không hề gặt, không chứa chấp thực phẩm trong bồ nhưng cha của các ngươi trên trời vẫn lo cho chúng chu đáo. Các ngươi không quý hơn chim muông hay sao?" Lời dạy thật rõ ràng, giản dị và chắc chắn các ông đã nghe nói qua nhiều lần rồi nhưng có lẽ không mấy người hoàn toàn tin tưởng nên thế giới mới có những cảnh chém giết vì miếng ăn, manh áo."

Một lần nữa, phái đoàn lại ngạc nhiên vì một tu sĩ Ấn Độ sống nơi hoang vu, hẻo lánh dưới chân núi Tuyết Sơn lại trích dẫn Thánh Kinh một cách rành mạch cho thính giả người Âu.

Ram Gopal im lặng như suy nghĩ một điều gì sau cùng ông lên tiếng:

"Vì biết rằng của cải, vật chất là nguồn gốc của tội lỗi, cám dỗ nên tại đạo viện này mọi người chỉ được giữ một bộ quần áo trên mình và phải đoạn tuyệt với vật chất hoàn toàn. Còn lo giữ của

tức là còn lo mất, quyến luyến vật chất như vậy thì làm sao giải thoát được. Giữ tiền bạc, của cải hay danh vọng có thể ví như đeo gông vào người rồi nhẩy xuống sông, chắc chắn sẽ chìm chứ làm sao bơi lội cho được. Phải như thế không các bạn?

Giáo sư Mortimer lên tiếng:

"Ông nói cũng có lý nhưng không hẳn tôn giáo nào cũng lánh xa của cải, vật chất. Đôi lúc họ cần những thứ này để làm các công việc như mua thực phẩm, xây cất thánh đường v.v... Tiền bạc có công dụng riêng của nó."

Ram Gopal gật đầu:

"Sử dụng tiền bạc đúng cách là một vấn đề còn để nó cám dỗ lại là một vấn đề khác. Chính đức Jesus đã dạy: "Kẻ giàu có tu hành chẳng khác con lạc đà chui qua lỗ kim, một người không thể thờ hai vua, hoặc ngươi thờ Chúa hay thờ tiền bạc." Một người tu hành chân chính không thể nô lệ bạc tiền dưới bất cứ một hình thức nào. Các ông chắc thắc mắc tại sao tôi cương quyết chủ thương tuyệt sở hữu, gặp nhau hôm nay cũng là một nhân duyên tôi xin kể một câu chuyện để các ông hiểu tại sao con đường tu hành cho rằng tiền bạc, vật chất là trở lực lớn cho người tu. Câu chuyện như sau:

Một đệ tử quyết tâm cầu đạo, xin học với một vị đạo sư. Sau thời gian học hành chăm chỉ, một hôm sư phụ có việc phải đi xa nên dặn học trò ở lại chăm lo tu hành. Học trò nghe theo lời thầy, thiền định sớm hôm không hề bê trễ. Vì nếp sống tu hành thanh bần, tu sĩ chỉ có độc một miếng khố che thân, nhưng chiếc khố cứ bị chuột cắn rách hoài nên vị tu sĩ cứ lâu lâu lại phải đi xin một mảnh vải che thân khác. Dân làng thấy vậy bèn biếu tu sĩ một con mèo để trừ lũ chuột.
Tu sĩ đem con mèo về nuôi, từ đó chuột không dám lộng hành nữa nhưng tu sĩ lại phải lo thêm một phần ăn. Ngoài thực phẩm chay tịnh, tu sĩ phải xin sữa để nuôi con mèo. Một ín đồ thấy vậy bèn tình nguyện dâng cúng tu sĩ một con bò cái để vắt sữa nuôi mèo. Tu sĩ vui vẻ nhận con bò nhưng nuôi được mèo lại không có rơm cho bò ăn. Do đó, ngoài đồ ăn khất thực tu sĩ lại phải đi xin rơm nuôi bò. Dân làng thấy vậy bèn biếu tu sĩ một mảnh đất và dụng cụ canh nông để tu sĩ trồng rau, nuôi bò. Tu sĩ ra công cầy cấy nên rau trổ thật nhiều, bò ăn hoài không hết phải mang bán ngoài chợ. Miếng đất thật mầu mỡ sinh hoa lợi quá nhiều, tu sĩ làm không xuể phải gọi người đến làm giúp. Lạ thay, miếng đất cứ thế sinh sôi nẩy nở, trồng gì cũng tươi tốt và chả mấy chốc trở nên một đồn điền trù phú. Tu sĩ có nhiều hoa lợi bèn xây một đền thờ to lớn, đẹp dẽ, thuê thợ khắc tượng, đúc chuông thật vĩ đại nhưng thời gian tu hành không còn là bao vì tu sĩ phải lo trông nom đồn điền, lo sổ sách giao dịch buôn bán, kiểm soát nhân công trồng tỉa và rồi có tiền bạc phải lo đầu tư, bỏ vốn mua thêm đất đai, khai khẩn thêm nữa.

Một hôm, sư phụ trở về không trông thấy túp lều đơn sơ nữa mà thay vào đó là một ngôi đền tráng lệ, nô nức khách hành hương, trong đền ồn ào những tín đồ vừa cúng bái vừa buôn bán. Trông thấy sư phụ, tu sĩ mừng rỡ chạy ra chào. Sư phụ ôn tồn hỏi tạo sao lại có sự thay đổi như thế. Tu sĩ trả lời: "Thưa thầy thật tâm con muốn tu hành nhưng tại lũ chuột cứ cắn rách áo hoài. Để bảo vệ cái áo con nuôi mèo. Để có sữa cho mèo ăn, con phải nuôi bò và để có rau nuôi bò con phải trồng rau. Rồi thì trúng mùa liên tiếp, sức con làm không xuể nên phải gọi thêm người làm giúp rồi thì buôn bán thành công, tiền bạc nhiều không xuể. Con phải đích thân trông nom mọi việc. Sau đó con cho xây cất đền thờ to tát, đúc tượng thật vĩ đại, con còn mướn người lo việc cúng vái, nhang đèn cẩn thận."

Sư phụ thở dài: "Xây cất đền thờ thật to chỉ là trói buộc, nào phải giải thoát. Tụ tập tín đồ cho đông, ồn ào phức tạp chỉ gây trở ngại cho việc thanh tu. Chỉ vì một cái khố rách mà con đã đi thật xa, xa hẳn con đường mà ta đã chỉ dạy nhằm việc giải thoát. Con chỉ lầm lẫn một chút mà đã đi lệch lúc nào không hay, trói buộc vào các thứ đó rồi làm sao có thể thoát được?"

Ram Gopal yên lặng như đắm chìm vào quá khứ, một lúc sau ông nói thật khẽ:

"Các ông thấy câu chuyện thật khôi hài không? Nhưng đó là chuyện thật, vì tôi chính là vị tu sĩ trẻ đó. Sau khi nghe thầy nói xong, tôi tỉnh ngộ và hiểu con đường tu hành giải thoát chân chính là thế nào. Tôi lập tức rời bỏ tất cả để theo thầy lên Tuyết Sơn học đạo. Suốt mấy chục năm tu hành tinh tấn, sư phụ mới sai tôi đến đây thành lập đạo viện này để chữa bệnh và chỉ dạy đệ tử phương pháp tu thân. Vì kinh nghiệm quá khứ, tôi cương quyết chủ trương kẻ đã tu hành phải tuyệt sở hữu và lúc nào cũng phải tự mình kiểm thảo hàng giờ, hàng phút vì sai một ly là đi một dặm."

Mọi người ngồi yên tưởng tượng ra cảnh một đạo sĩ trẻ tuổi trước sự cám dỗ của thành công vật chất, giáo sư Mortimer lên tiếng:

"Theo ông thì ngoài vấn đề vật chất, người tu còn gặp những khó khăn gì nữa? Từ bỏ vật chất có đem lại giải thoát không?"

"Bất cứ một sự cởi bỏ nào cũng làm nhẹ gánh chứ, vật chất là một nô bộc tốt nhưng là một chủ nhân rất xấu. Nhiều người tu vô tình quá chú trọng đến tiền bạc mà quên rằng đồng tiền có hai mặt. Nhiều người cho rằng sử dụng vật chất là để phát huy tôn giáo, giúp đỡ các tín đồ có nơi tu học. Dĩ nhiên, mục đích rất tốt đẹp nhưng nếu quá chú trọng vào các hình tướng sẽ đưa đến sự xao lãng vấn đề tinh thần. Một tu sĩ cần phải ý thức rằng mình vẫn là kẻ đang đi trên đường, đang cố gắng tìm kiếm chân lý hòng giải thoát chứ chưa đi trọn con đường mà đòi làm những việc to lớn. Họ chỉ nên làm việc một cách nhiệt thành nhưng không nên làm nô lệ cho những công việc này. Một trở ngại lớn trên đường đạo là sự thiếu nhiệt thành, đa số chúng ta đều quen buông thả, do dự, không đủ cương quyết nên sẽ phải trải qua những kinh nghiệm chua cay, khổ sở để học hỏi các bài học quý giá này. Tất cả chúng ta vẫn đồng ý rằng cuộc đời là ảo mộng, phù du, vô thường, giả tạo chỉ có con đường tu hành mới là giải thoát thế nhưng tại sao chúng ta vẫn chạy theo vật chất, chả chịu tu tâm dưỡng tánh?"

Giáo sư Mortimer phản đối:

"Người tu hành và kẻ thường khác nhau nhiều chứ, chúng tôi còn phải lo sinh kế, kiếm ăn..."

Ram Gopal mỉm cười:

"Một ngày có 24 giờ, có lý nào vì sinh kế mà các ông phải dành trọn để lo việc kiếm ăn. Tại đạo viện này, mọi người chỉ bỏ ra một giờ để trồng trọt các thực phẩm mà vẫn đủ kia mà. Ta dư ăn thì lại muốn ăn ngon, đủ sống thì lại muốn sống cho sang giàu, được giàu sang lại muốn hơn thế nữa, rồi ta lại ngụy biện rằng phải lo kiếm ăn, sinh kế có phải thế không? Người Âu Mỹ hoạt động không ngừng, coi sự làm việc là nguồn vui do đó mới sinh lắm bệnh tật, phiền não, thần kinh suy nhược vì nhu cầu tâm linh không thỏa mãn. Tại sao ta không hoạt động như thế cho nhu cầu tâm linh?"

"Người âu không thể chấp nhận vấn đề làm việc cho một cái gì mơ hồ, cho một viễn ảnh tâm linh không thực tế."

Ram Gopal lắc đầu:

"Khi nào đời sống vật chất trở nên cực kỳ phức tạp, phiền não thì con người sẽ ý thức đến vấn đề tâm linh. Đã có nhiều vị tiểu vương, triệu phú từ bỏ tất cả tài sản để vào đây tu hành khi mạng sống của họ bị đe dọa bởi bệnh tật vì họ biết không thể ôm lấy tài sản rồi chết. Sau khi từ bỏ tất cả, đầu óc thoải mái thanh thản, họ lại thấy việc trau dồi tâm linh là quý, thế là họ phát nguyện tu hành, sống một cuộc đời trong sạch, ung dung, tự tại. Nếu chỉ là miếng ăn thì chỉ cần làm việc khoảng một giờ là đủ rồi nhưng vì không biết an phận nên mới có các trói buộc vào vật chất, không lối thoát. Các ông cho rằng tu hành chỉ cần ăn mặc đẹp đẽ, đi đến các đền thờ dâng cúng phẩm vật, tiền bạc, đọc vài câu kinh là đã đủ hay sao? Những cái đó chỉ là hình tướng bên ngoài, không có nghĩa chi hết. Ngay cả việc trở nên một tu sĩ mà không chịu tu thân, trau dồi tâm linh cũng vô ích thôi vì các phiền muộn, đau khổ vẫn còn kia mà."quot;

"Như thế thì thế nào mới là tu hành thật sự?"

"Bước vào con đường đạo là tự sửa mình, thấy gì ác không làm, thấy gì thiện thì nhất định làm cho đến cùng. Luôn luôn tự giác, kiểm thảo lấy mình và quan sát, học hỏi không ngừng. Nếu các ông buôn bán, thấy có lợi các ông có dồn sức ra buôn bán nữa không? Dĩ nhiên là có thì việc tu hành cũng thế, tại sao ta không lo cho nhu cầu tinh thần như ta đã lo cho vật chất? Tại sao ta cứ hứa hẹn nay mai sẽ sửa tánh, tu thân như người khất nợ vậy? Tu hành không phải một việc chơi mà làm một cách cẩu thả được, đó là một quyết định quan trọng vô cùng. Đừng nghĩ bộ áo có thể làm nên nhà tu, đừng nghĩ mình sẽ được một đấng nào giúp đở, đó là một sự hiểu lầm tai hại. Đa số các tín đồ đều mong chờ sự giúp đở của đấng mình tôn thờ. Họ cho rằng thuộc lòng các câu kinh, thi hành vài nghi lễ, dâng cúng các phẩm vật là đã làm tròn bổn phận và sẽ được cứu rỗi. Nếu điều này đúng thì các bậc vua chúa đã lên Thiên Đàng hết cả vì họ dâng cúng nhiều hơn mọi người kia mà. Tu hành đòi hỏi sự tận tâm, tận lực cải thiện con người của mình để xứng đáng là con của Thượng Đế chứ không phải dựa vào vài hình thức bên ngoài. Đa số tín đồ coi việc tu như đi xe bus, muốn đến đâu chỉ việc mua vé rồi leo lên xe ngồi, ngắm cảnh vật hai bên đường, ung dung cho tài xế lái. Khi đến nơi là họ xuống xe không chút mệt nhọc gì hết.

Tu hành chân chính là tự mình cất bước, Thiên Đàng không phải nơi mà ta có thể mua vé đến, cũng không thể mong dâng cúng vài thứ mà được các vị thần linh che chở. Giải thoát chỉ đến với sự tinh tấn riêng của từng người. Khi hiểu như thế ta cần lập tức lên đường không chậm trễ. Hãy

lấy niềm tin làm bạn đồng hành tận dụng các cơ hội sẵn có để sửa mình hầu giải thoát cho chính mình.

Con đường tu có trăm nẻo đi, không nẻo nào giống nẻo nào nhưng tất cả đều đưa đến mục đích. Sự chọn lựa con đường hoàn toàn do cá nhân nhưng họ cần suy gẫm cẩn thận để khỏi lầm đường, lạc nẻo. Tu hành chân chính dựa trên căn bản "tự biết mình" vì trên đường đạo không có vấn đề vinh hay nhục mà chỉ có sự tiến bộ, do đó, người tu phải dẹp bỏ tự ái, ngã mãn, mặc cảm, không hổ thẹn, ngã lòng để tinh tấn tiến bước. Nếu sa ngã lại đứng dậy và tiếp tục, lúc nào cũng định hướng không để cho lầm đường, lạc lối. Những kẻ tự cao, tự đại không chịu tu thân sửa mình thật đáng thương vì họ giống như người bệnh sắp chết mà không chịu uống thuốc xả ly, dứt bỏ cho khỏi bệnh."

Ram Gopal ngừng nói, chiều xuống đã lâu chỉ còn vài tia nắng vương vấn trên thân thể cực kỳ lực lưỡng của vị đạo sĩ xứ Ấn. Phái đoàn yên lặng bái phục sự giải thích chân lý thật giản dị, khiêm tốn của người mà dân chúng coi là "vị đạo sĩ có thể chữa mọi thứ bệnh".

Chương 7: Chương 7: Đời Sống Siêu Nhân Loại

Cuộc gặp gỡ những đạo sư đại diện cho nền minh triết cổ truyền xứ Ấn đã làm cho phái đoàn phấn khởi nhưng còn các bậc Chân Sư (Rishi), những vị này như thế nào? Tại sao một vị chân sư bí mật gửi thông điệp cho các đạo sư yêu cầu giúp đỡ phái đoàn? Đây là một dấu hỏi lớn mà mọi người hết sức thắc mắc.

Liệu chúng tôi có thể gặp các bậc chân sư không? Những vị này ở đâu? Giáo sư Mortimer đã hỏi giáo sư Kavir. Ông này cho biết có quen một đạo sĩ tu hành tên Akila Bakhtir vốn thường qua lại nhiều trong dẫy Tuyết Sơn và có kiến thức rộng về những hiền triết ẩn tu nơi đây. Phái đoàn bèn tìm đến đạo sĩ này, đó là một ông lão gầy như hạc, vẻ mặt lúc nào cũng tươi cười.

Giáo sư Mortimer nôn nóng:

"Theo lời truyền tụng thì ông đã có dịp tiếp xúc với các đạo sĩ Tuyết Sơn?"

Đạo sĩ xác nhận:

"Đúng thế, tôi đã có dịp gặp gỡ các bậc thánh nhân đó."

"Ông tin rằng họ là những thánh nhân?"

"Dĩ nhiên, không những tôi tin mà còn biết rõ họ là những bậc hiền giả."

"Dựa vào tiêu chuẩn nào mà ông quả quyết như vậy? Họ có biểu diễn quyền năng hay làm gì khác người không? Liệu có thể có những bậc siêu nhân như vậy không?"

Đạo sĩ gật đầu:

"Sự có mặt trên thế gian của những bậc thánh nhân là điều hợp lý nếu ta tin các luật như Luân Hồi, Quả Báo, Tiến Hóa và Nhân Quả. Nếu quan sát, ta sẽ thấy con người đều có các trình độ khác nhau. Có người kém ta rất xa, có người lại hơn ta rõ rệt. Nếu nhân loại tuần tự tiến hóa thì trải qua nhiều kiếp sống và thời gian tất phải có những người đã tiến bộ rất xa chứ.

Theo tôi biết thì đã có những người tiến xa hơn hàng ngũ nhân loại hiện nay, đã khai mở một vài giác quan thượng đẳng, quyền năng siêu việt mà ta gọi là bậc Thánh Nhân. Sự thực, các quyền năng này đều tiềm tàng trong mọi người chúng ta, chờ đợi cơ hội khai mở. Khi khai mở các quyền năng này, ta sẽ thấy rõ các nấc thang tiến hóa của nhân loại và nhận định rằng ở mỗi nấc thang đều đã có kẻ đạt đến. Lịch sử các quốc gia đều chứa đựng công trình vĩ đại của các bậc vĩ nhân trên mọi lãnh vực hoạt động. Những người này, trong phạm vi riêng biệt của họ đã vượt xa quần chúng và tầm hiểu biết của những người đương thời. Thí dụ như các bác học, các nhà tư tưởng lớn. Sự tiến hoá chẳng qua chỉ là biểu lộ của sự sống thiêng liêng, con người càng ngày càng trở nên tốt đẹp, tế nhị vì sự sống vô cùng cần biểu lộ qua hình thể đó. Một bậc toàn thiện là việc tự nhiên, hợp lý do sự kết tinh đến mức tuyệt đích của một con đường tiến hoá dài và liên tục. Tất cả kinh điển mọi tôn giáo đều chứng minh sự hiện diện của các bậc siêu nhân.

Mọi tôn giáo khi thành lập đều có các bậc thánh nhân xuất hiện. Người Ấn có các thần linh như Brahma, Vishnu, Shiva hoặc các đấng cao cả như Krishna, Sancharacharya, tín đồ Phật giáo có đấng Thích Ca, đức Quan Thế Âm, tín đồ Thiên Chúa có đấng Jesus, các nhà tiên tri, các bậc thánh, các bộ lạc man dã cũng có các thần linh riêng của họ."

"Xin ông giải thích rõ hơn về sự tiến hoá này"

"Luật tiến hoá vũ trụ định rằng mọi vật đều thay đổi theo thời gian để tiến trên những con đường định sẵn. Dĩ nhiên, đi nhanh hay chậm còn tùy cá nhân và hoàn cảnh chung quanh. Loài thảo mộc là kết tinh của loài kim thạch, loài cầm thú sau thảo mộc và loài người tiếp theo loài cầm thú. Cũng như thế, loài người có một cứu cánh nhất định, một giới hạn mà khi họ vượt qua thì họ sẽ bước vào một giai đoạn mới. Nói một cách khác, trên loài người là đời sống Siêu Nhân Loại.

Trong mỗi con người có ba phần chính: Xác thân, linh hồn và tinh thần. Tinh thần là điểm linh quang tiềm tàng trong mọi con người mà ta gọi bằng nhiều danh từ khác nhau như Phật tính, Chân ngã, Thần tính v.v..."

"Bằng chứng vào đâu mà ông đưa ra thuyết này?"

"Đây không phải là một giả thuyết, trong sự tu luyện tôi ý thức được điều này. Các tôn giáo lớn

cũng nói như thế. Đức Phật đã nói: "Mọi chúng sanh đều có Phật Tính". Thánh Paul định nghĩa con người gồm ba phần: Xác (Body), Hồn (Soul) và Thần (Spirit)... Sự tiến hóa là sự trở về với Thượng Đế, trở về với con người thật của mình, phát triển Phật tính của mình trọn vẹn để giác ngộ. Danh từ tuy khác nhưng nội dung đều giống nhau, tôi cố gắng giải thích theo quan niệm mà người Âu có thể hiểu được, sự hợp nhất với Thượng Đế nghĩa là trở về với ngài vì chúng ta đều là một phần của ngài.

Theo sự hiểu biết của tôi về luật tiến hóa thì với con người, thể xác họ đã phát triển khá hoàn hảo nhưng đa số vẫn chưa chủ trị được xác thân. Một người tiến cao là người đã chủ trị được xác thân, đặt nó dưới sự kiểm soát của lý trí và linh hồn. Một người kém tiến hóa là người còn nhều thú tánh, chỉ lo nghĩ đến các đòi hỏi của thể xác như ăn uống, ngủ nghê, dục tính. Chính vì thế họ sẽ gặp nhiều đau khổ để học lấy sự chủ trị xác thân. Thế gian là một trường học mà trong đó có yếu tố đau khổ. Sau khi chủ trị được xác thân là việc kiềm chế thể Vía. Thể Vía hay tư tưởng là điều rất khó kiểm soát, chinh phục. Ta thấy nhiều người tuy đã kiểm soát hành động của xác thân nhưng vẫn còn để tư tưởng chạy lung tung như ngựa bất kham, không theo một đường hướng nào nhất định. Sự định trí, bắt tư tưởng phải theo một đường lối suy nghĩ sẽ đưa ta đến sự kiểm soát thể Vía. Sau đó là sự kiểm soát thể Trí nghĩa là sử dụng trí tuệ để suy nghĩ, phân biệt, phá tan các tà kiến, các màng che phủ của vô minh. Định trí suy nghĩ là một việc nhưng suy nghĩ chân chính, đứng đắn lại là một việc khác. Chỉ khi nào cả ba thể Xác, Vía và Trí hoàn toàn được kiểm soát thì ta sẽ hòa hợp với Chân ngã. Từ đó, phàm nhân và Chân nhân hòa hợp làm một và con người sẽ tiến đến một giai đoạn mới, trở nên một bậc chân tiên. Khi đó, con người bước vào một đời sống trường cửu của tinh thần, đời sống của đấng "Christ". Đó là một đời sống huy hoàng, tốt đẹp, vượt ngoài tầm hiểu biết của chúng ta và không thể diễn tả bằng ngôn ngữ."

"Nhưng ông tin rằng tất cả đều tiến đến đời sống đó?"

"Dĩ nhiên, tiến hóa là một định luật vũ trụ và rồi ai cũng sẽ phải đi trọn con đường đó. Ta có thể làm ác, ích kỷ, đi ngược dòng tiến hóa nhưng làm thế ta chỉ làm chậm trễ sự tiến bộ của mình nhưng không thể chặn đứng được dòng tiến hóa của nhân loại. Vấn đề đặt ra là thời gian, con người có thể đi đến mục đích trong thời gian ngắn nhất hoặc dài nhất. Thí dụ như ta có thể bơi xuôi dòng, ngược dòng hay chơi vơi ở một chỗ nhưng dòng nước vẫn chảy và dù muốn hay không trước sau ta cũng trôi từ nguồn đến biển cả. Sống thuận theo Thiên Ý là bơi xuôi dòng, nghịch thiên ý là ngược dòng. Đa số con người thường chơi vơi, không nhất quyết, lúc chìm đắm, khi nổi trôi, có lúc ngược dòng, có khi lại xuôi dòng vì chưa ý thức sáng suốt để nhận định con đường phải theo."

"Nhưng làm sao biết đường nào là đường phải theo?"

"Chính vì con người bơ vơ, lạc lối nên mới có các bậc Thánh Nhân chỉ bảo hướng dẫn. Sự hiện diên của các bậc như đức Phật, đức Chúa, đức Krishna... và các vị giáo chủ khác là để hướng dẫn cho nhân loại. Tiếc thay, con người chỉ thích ai nói gì thuận ý mình, đúng với điều mình mong ước chứ không thích những điều "Đúng sự thật", không thích bị đánh thức..."

"Làm sao mình có thể biết được đâu là "Đúng sự thật"?"

"Con người có trí khôn, có óc phân biệt để làm gì? Tại sao không chịu sử dụng chúng để lựa chọn một con đường tốt đẹp?"

"Ông muốn nói đến con đường đạo? Làm sao ta có thể bước vào cửa đạo?"

Đạo sĩ vuốt bộ râu mỉm cười:

"Có bốn nhân duyên đưa ta đến cửa đạo. Nhân duyên thứ nhất là gần gủi, tiếp xúc, thân cận với những bậc Thiện Trí Thức, những người đang đi trên đường đạo. Thí dụ như trong một tiền kiếp ta có dịp tiếp xúc với một vị đạo sư, giám mục, một mẹ bề trên đã có kinh nghiệm tâm linh sâu xa. Chúng ta hết sức khâm phục và thiết tha mong rằng ta sẽ có các kinh nghiệm như vậy. Một hoài bão như thế chắc chắn sẽ giúp ta gặp đạo trong kiếp sau. Nhân duyên thứ hai là nghiên cứu các sách vở, nghe giảng giải về đạo lý. Càng ham nghiên cứu ta càng muốn tìm hiểu và đi sâu vào đạo nhiều hơn và dĩ nhiên khi hiểu biết ta sẽ thay đổi đời sống để cho nó có ý nghĩa hơn và đó là bước chân vào đường đạo. Nhân duyên thứ ba là sự mở mang trí tuệ, vì một lý do gì đó, ta nhận thức những sự việc xảy ra rồi phân vân, đặt câu hỏi tại sao nó lại xảy ra như vậy? Từ sự hoài nghi ta suy gẫm, quan sát, học hỏi bằng sức mạnh của tư tưởng và có thể khám phá ra chìa khóa mầu nhiệm, các nguyên tắc đạo lý. Đây là con đường tu Thiền Định mà các ông đã nghe nói đến. Nhân duyên thứ tư là sự trau dồi hạnh kiểm, tu thân, làm các việc thiện, mở rộng lòng bác ái, quên mình để giúp đỡ mọi người và dần dần ánh sáng tâm linh sẽ soi sáng hồn ta."

"Xin ông cho biết thêm về các bậc siêu nhân mà ông đã từng tiếp xúc."

Bakhir mỉm cười vuốt nhẹ chùm râu bạc:

"Tôi đã gặp nhiều đạo sư có quyền năng siêu việt, có vị đã sống nhiều thế kỷ và đạt quả vị rất cao. Điều đặc biệt là các ngài xét mọi sự vật với một quan niệm khác hẳn chúng ta vì trong tư tưởng các ngài không còn một chút ích kỷ như đa số chúng ta. Các ngài đã loại trừ bản ngã thấp hèn, không còn sống cho mình mà cho tất cả. Ngoài đặc tính đó, các ngài còn phát triển hoàn toàn về mọi phương diện. Đa số chúng ta đều bất toàn, không mấy ai đạt đến trình độ cao tột. Ngay cả các nhà thông thái, bác học cũng chỉ đạt đến trình độ cao tột trên một phương diện nào đó thôi và còn nhiều khía cạnh khác chưa hoàn toàn. Chúng ta đều có mầm mống của mọi đặc tính, nhưng chỉ một vài phần thức động và phát triển không đồng đều. Các bậc siêu nhân là người đã phát triển toàn vẹn mọi đặc tính trên một phương diện ngoài tầm hiểu biết của chúng ta.

Phần lớn các vị siêu nhân đều có hình dáng bề ngoài tốt đẹp. Xác thân các ngài đều hoàn toàn về mọi phương diện và ít chịu ảnh hưởng của thời gian, có vị đã sống nhiều thế kỷ mà trông vẫn khỏe mạnh như một người ngũ tuần. Tôi đã gặp một vị đạo sư sống hơn 2000 năm nay, ngài cai quản một viện cổ tàng trong lòng núi. Viện cổ tàng này chứa đựng rất nhiều tài liệu dồi dào, phong phú dường như để ghi lại đấu tích toàn thể lịch sử tiến hóa của nhân loại. Trong đó có chứa đựng các hình thể của nhiều giống người đã sống trên mặt địa cầu, từ giống dân Lemurians đến các loài người khổng lồ từ thời xa bây giờ nhiều lắm. Có các mô hình diễn tả sự biến đổi của lớp vỏ địa cầu sau các thiên tai cũng như sự di chuyển của các giống dân trên các lục địa. Có các bản thảo bút tự rất cổ của các bậc đạo sư, giáo chủ như một bản viết của chính đức Phật khi ngài còn là thái tử Tất Đạt Đa. Có các ngăn tủ bằng gỗ lim kiên cố chứa các tài liệu giáo lý nhiệm mầu, có thứ viết bằng các văn tự lạ lùng của những nền văn minh đã biến mất từ lâu. Ngoài ra còn có các bản đồ, mô hình các thành phố cổ xưa của quá khứ cũng như các di tích động vật rất xưa..."

Giáo sư Mortimer lên tiếng:

"Ông có nhớ chỗ đó không? Làm sao có thể đến nơi đó được?"

Đạo sĩ nghiêm nghị:

"Dãy Hy Mã Lạp Sơn không phải nơi ai muốn đi, muốn đến dễ dàng được vì nó chứa đựng nhiều bí mật huyền bí và có các Tinh Linh canh giữ, phải có một nhân duyên lớn mới có thể đến các thánh địa đó được."

"Nhưng tại sao các bậc siêu nhân lại cứ ẩn lánh, không ra mặt giúp đỡ nhân loại, không công bố các tài liệu mầu nhiệm đó cho mọi người? Cất dấu như thế có lợi gì đâu?

"Các ngài lúc nào cũng giúp đỡ nhân loại bằng cách ban rải các luồng thần lực xuống trần gian để muôn loài có thể hưởng thụ chả khác nào ánh sáng mặt trời đối với cây cỏ. Sự giúp đỡ của các ngài hết sức rộng lớn, ngoài sự tưởng tượng và tầm hiểu biết của con người. Việc công bố hay cất dấu các tài liệu đó đều có lý do mà ta không thể nghĩ bàn được..."

"Theo thuyết tiến hóa ông vừa trình bày thì trên con người có một đời sống siêu nhân loại và như thế nữa hẳn còn các bậc cao cấp nữa?"

Bakhir bật cười một hồi rồi mới trả lời:

"Các ông vẫn còn quan niệm cấp bậc, hơn kém, chức tước... Một khi đã giải thoát khỏi luân hồi, sinh tử trở nên một bậc chân tiên (Asekha) thì Thánh đạo chia ra làm bảy con đường cho các ngài chọn lựa. Dĩ nhiên, sự hiểu biết của tôi còn nông cạn và thiếu sót nên tôi chỉ có thể cắt nghĩa một cách sơ lược:

Các ngài có thể bước vào những cảnh giới vượt xa tầm hiểu biết của chúng ta, các cảnh giới này có tên gọi như: Thượng Thiên, Phi tưởng phi phi tưởng xứ hay Niết bàn...v.v... Sau khi bước vào các cõi này, một ngày nào đó các ngài sẽ chuyển kiếp xuống trần trong bầu thế giới tương lai như một bậc giáo chủ. Đây là con đường Dharmakaya.

Các ngài có thể bước vào "Trạng thái tâm linh" với một ý nghĩa huyền bí mà tôi không biết rõ, đây là con đường Sambhogakya.Các ngài có thể hòa hợp với kho thần lực vũ trụ để làm các ông việc hợp với các định luật vũ trụ, đây là con đường Nirmanakya.

Các ngài có thể ở lại thế gian, giúp đỡ nhân loại, dưới hình tức một vị Bồ Tát đây là con đường Bồ Tát Đạo (Boshivartakya).

Ngoài những con đường khác ra sao tôi không được biết rõ. Theo sự hiểu biết của tôi thì số người giải thoát đã ít mà số người ở lại để giúp đỡ thế gian còn ít hơn. Hiện nay, tất cả đang

chuẩn bị cho một vận hội mới, đó là sự lâm phàm của một đức chưởng giáo tương lai mà danh từ chính xác nhất gọi là Di Lặc Bồ Tát.

Bakhir im lặng một hồi rồi tuyên bố:

"Một ngày nào đó các ông sẽ hiểu biết rõ hơn điều tôi muốn nói. Thật ra các điều này đã được tiên doán từ lâu và lưu trữ trong một viện cổ tàng ngầm dưới lòng núi xứ Tây Tạng. Các tài liệu này được các đức Lạt Ma giữ gìn rất cẩn thận."

"Làm sao chúng tôi có thể xem các tài liệu vô giá đó. Xứ Tây Tạng vẫn có chính sách bế môn tỏa cảng, không giá tiếp với ai, nhất là người da trắng."

Bakhir mỉm cười bí mật:

"Này các ông bạn, tôi chỉ có thể nói như thế này thôi: Sự hiện diện của các ông tại xứ Ấn Độ không phải một việc ngẫu nhiên. Các ông tốn suốt mấy năm đi sưu tầm chân lý mà có thấy gì đâu, có đúng không? Đó chẳng qua chỉ là một thử thách mà thôi. Các ông không thấy chỉ một thời gian ngắn mà các ông đã tiếp xúc các đạo sư minh triết nổi tiếng nhất Ấn Độ và được tiết lộ những điều chưa từng công bố cho một người Âu nào hay sao? Nếu không có thông điệp của một vị Chân Sư thì là sao các đạo sư đó tiếp đãi các ông? Tại sao họ lại sẵn sàng chỉ bảo, giải đáp các thắc mắc một cách tận tình như thế? Nếu không có một sắp đặt huyền bí thì dễ gì các ông gặp được những người mà ngay cả các tín đồ thuần hành nhất xứ Ấn cũng không dễ gì tìm gặp được. Trong một xã hội đầy dị đoan, mê tín, hình bóng chân lý gần như phai mờ, người dân xứ này muốn có còn phải mất công thế mà các ông được chỉ dẫn những điều vô giá một cách dễ dàng không chút mệt mỏi. Có bao giờ các ông tự hỏi tại sao không? Một người Âu chả bao giờ chịu ngồi chung chiếu với người Ấn vì hệ thống dị biệt, nhưng các ông đã gác bỏ thành kiến đó, dẹp bỏ tự hào dân tộc để ngồi cạnh những đạo sư rách rưới, đó là một cố gắng không nhỏ. Các ông đã vạch qua rừng người mê tín, các đạo sĩ giả mạo, bịp bợm, các tu sĩ không chân chính để tìm gặp những người đáng gặp gỡ và chăm chú nghe dạy bảo. Đó không phải một việc dễ dàng, có thể các ông không biết nhưng các ông đã vượt qua những thử thách phi thường. Tây tạng không bao giờ đón nhận một du khách bên ngoài, nhưng với các ông sẽ là một ngoại lệ vì các ông đã được che chở của một vị chân sư. Các ông sẽ lãnh một sứ mạng lớn là kêu gọi thế giới bên ngoài hãy quay về phương đông, với quê hương tinh thần của họ. Quay về không phải để tìm kiếm một chân lý mới, một tôn giáo mới hay một kiến thức gì mới lạ nhưng để hiểu biết rằng chân lý luôn luôn ẩn tàng khắp nơi, tôn giáo chỉ là những con đường khác nhau đưa đến chân lý và không một tôn giáo nào qua chân lý."

Toàn thể phái đoàn yên lặng nhìn nhau, quả thế chỉ một thời gian ngắn họ đã gặp biết bao đạo sư, được chỉ dạy những chân lý quý báu. Đó không phải một may mắn tình cờ mà như có sự sắp đặt trước.

"Ông biết rằng có một vị chân sư muốn giúp đỡ chúng tôi?"

"Đúng thế, tôi biết rõ chuyện này nên các ông mói có thể gặp tôi hôm nay. Tôi biết các ông đang khao khát sự hiểu biết, thật ra một số trong các ông đã từng học đạo từ tiền kiếp, nay trở lại Ấn Độ dưới bộ da người ngoại quốc. Tuy nhiên các ông không nhớ những điều đã học. Nhưng khi nhân duyên đến, các ông sẽ phục hồi ký ức. Định mạng đã dẫn dắt các ông trở lại Á Châu để hoàn tất một sứ mạng cao cả..."

Toàn thể mọi người ngạc nhiên và xúc động vô cùng. Lòng ao ước gặp vị chân sư bí mật gia tăng, giáo sư Mortimer cố gắng thốt lên vài câu:

"Nhưng đến bao giờ chúng tôi mới có thể gặp ngài?"

"Thời gian không còn lâu nữa đến khi đó các ông sẽ biết. Tôi chỉ có thể nói đến đây thôi."

Phái đoàn im lặng hồi lâu, sau cùng giáo sư Wentz lên tiếng:

"Chúng tôi nghe nói ông biết thuật khinh công?"

Đạo sĩ bật cười:

"Điều này đâu có gì lạ, đó chỉ là một phương tiện di chuyển tầm thường, nhỏ mọn mà thôi."

"Nhưng điều này phản khoa học, làm sao có thể chứng minh được?"

Bakhir mỉm cười gõ nhẹ lên chiếc gậy trúc, bất ngờ thân hình ông ta nhấc bổng lên không trung như có một sợi dây vô hình kéo lên. Ông ta vẫn ngồi yên trong tư thế liên hoa không cử động. Toàn thể mọi người sửng sốt, tuy họ đã chứng kiến nhiều phép lạ nhưng sự kiện bay bổng lên không trung (levitation) là một điều lạ lùng, ngoài sự tưởng tượng. Đạo sĩ bỗng xoay mình, thân thể ông bỗng như một cơn lốc bay vọt ra xa với một tốc độ rất nhanh, chỉ trong chớp mắt ông đã

xa cách phái đoàn đến mấy chục thước.

Đạo sĩ nói vọng lại:

"Này các ông, tại sao con người lại phải bò lết trên mặt đất? Nếu loài người có quyền năng hơn loài thú thì y phải bay cao hơn chim, lội nhanh hơn cá chứ? Tại sao y không làm được như vậy? Phải chăng đó là quan niệm duy vật về bản chất của mình? Tư tưởng y chỉ nghĩ rằng mình chỉ có thể đi được mà thôi. Tùy cảm nghĩ mà con người bị giới hạn hay không giới hạn, tự do hay nô lệ. Nếu biết rõ mình và phát triển khả năng của mình một cách đứng đắn, họ có thể làm hầu như mọi chuyện..."

Đạo sĩ lao mình vùn vụt trên con đường đất ngoằn ngoèo, chỉ mấy phút ông đã mất hút chỉ để lại phía sau một đám bụi mờ. Tất cả mọi người xúc động, không ai nói nên lời, giáo sư Mortimer cầm máy ảnh nhưng không sao chụp được.

Chương 8: Chương 8: Cõi Giới Vô Hình

Hamoud là một pháp sư có kiến thức rất rộng vè cõi vô hình. Khác với những đạo sĩ phái đoàn đã gặp, ông này không phải người Ấn mà là một người Ai Cập.

Ông ta sống một mình trong căn nhà nhỏ, xây dựa vào vách núi. Hamoud không hề tiếp khách nhưng trước sự giới thiệu của bác sĩ Kavir, ông bằng lòng tiếp phái đoàn trong một thời gian ngắn. Vị pháp sư có khuôn mặt gầy gò, khắc khổ và một thân hình mảnh mai. Ông ta khoác áo choàng rộng và quấn khăn theo kiểu Ai Cập.

Giáo sư Evans-Wentz vào đề:

"Chúng tôi được biết ông chuyên nghiên cứu các hiện tượng huyền bí..."

Pháp sư thản nhiên:

"Đúng thế, tôi chuyên nghiên cứu về cõi vô hình."

"Như thế ông tin rằng có ma..."

Vị pháp sư nói bằng một giọng chắc chắn, quả quyết:

"Đó là một sự thật không những ma quỷ hiện hữu mà chúng còn là đối tượng nghiên cứu của tôi."

"Bằng cớ nào ông tin rằng ma quỷ có thật?"

"Khắp nơi trên thế giới đều có các giai thoại về ma. Vì con người sợ hãi một cái gì mà họ không thể nhận thức bằng các giác quan thông thường nên họ đã phủ nhận nó. Sự phủ nhận này mang đến niềm sợ hãi, từ đó họ thêu dệt các giai thoại rùng rợn, ly kỳ, không đúng sự thật. Nếu chúng ta chấp nhận ma quỷ hiện hữu như một con voi hay con ngựa thì có lẽ ta sẽ không còn sợ hãi. Các ông đòi hỏi một chứng minh cụ thể chăng?"

"Dĩ nhiên, chúng tôi cần một bằng chứng hiển nhiên..."

"Được lắm, các ông hãy nhìn đây."

Vị pháp sư mở ngăn kéo lấy ra một cặp que đan áo, một bó len và mang ra góc phòng để xuống đất. Ông ta thong thả:

"Chúng ta tiếp tục nói chuyện rồi các ông sẽ thấy."

Mọi người ngơ ngác, không hiểu ông muốn nói gì, giáo sư Mortimer nóng nảy:

"Nếu ông nghiên cứu về cõi vô hình xin ông giải thích về quan niệm Thiên Đàng Địa ngục cũng như đời sống sau khi chết ra sao?"

Vị pháp sư nghiêm giọng:

"Đó là một quan niệm không đúng, sự chết chỉ là một giai đoạn chuyển tiếp chứ không phải là hết. Vũ trụ có rất nhiều cõi giới chứ không phải chỉ có một cõi này.

"Khi chết, ta bước qua cõi trung giới và cõi này gồm có bảy cảnh khác nhau: Mỗi cảnh được cấu tạo bằng những nguyên tử rất thanh mà ta gọi là chất "Dĩ thái." Tùy theo sự rung động (vibration) khác nhau mà mỗi cảnh giới (Astral plane) một khác. Tùy theo vía con người có sự rung động thanh cao hay chậm đặc mà mỗi người thích hợp với một cảnh giới, đây là hiện tượng "Đồng thanh tương ứng" mà thôi. Khi vừa chết, thể chất cấu tạo cái vía được sắp xếp lại, lớp thanh nhẹ nằm trong và lớp nặng trọc bọc phía ngoài, điều này cũng giống như một người mặc nhiều áo khác nhau vào mùa lạnh, áo lót mặc ở trong, áo choàng dầy khoác ngoài.

Vì lớp vỏ bọc bên ngoài cấu tạo bằng những nguyên tử rung động chậm và nặng nề, nó thích hợp với các cảnh giới tương ứng ở cõi âm và con người sẽ đến với cảnh giới này. Sau khi ở đây một thời gian, lớp vỏ bao bọc bên ngoài dần dần tan rã giống như con người trút bỏ áo khoác bên ngoài ra, tùy theo các lớp nguyên tử bên trong mà họ thích ứng với một cảnh giới khác. Cứ như thế, theo thời gian khi các áp lực vật chất tan rã hết thì con người tuần tự tiến lên những cảnh giới cao hơn. Điều này cũng giống như một quả bóng bay bị cột vào đó những bao cát mỗi lần cởi bỏ được một bao thì quả bóng lại bay cao hơn một chút cho đến khi không còn bao cát nào thì nó sẽ tự do bay bổng. Trong bảy cảnh giới của cõi âm thì cảnh thứ bảy có rung động nặng nề, âm u nhất, nó là nơi chứa các vong linh bất hảo, những kẻ sát nhân, người mổ sẻ súc vật, những cặn bả xã hội, những kẻ tư tưởng xấu xa, còn đầy thú tánh. Vì ở cõi âm, không có thể xác, hình dáng thường biến đổi theo tư tưởng nên những kẻ thú tánh mạnh mẽ thường mang

các hình dáng rất ghê rợn, nửa người, nửa thú. Những người thiếu kiến thức rõ rệt về cõi này cho rằng đó là những quỷ sứ. Điều này cũng không sai sự thật là bao nhiêu vì đa số những vong linh này luôn oán hận, ham muốn, thù hằn và thường tìm cách trở về cõi trần. Tùy theo dục vọng riêng tư mà chúng tụ tập quanh các nơi thích ứng, dĩ nhiên người cõi trần không nhìn thấy chúng được.

Những loài ma đói khát quanh quẩn bên các chốn trà đình tửu quán, các nơi mổ sẻ thú vật để tìm cách rung động theo những khoái lạc vật chất tại đây. Khi một người ăn uống ngon lành họ có các rung động, khoái lạc và loài ma tìm cách hưởng thụ theo tư tưởng này. Đôi khi chúng cũng tìm cách ảnh hưởng, xúi dục con người nếu họ có tinh thần yếu đuối, non nớt. Những loài ma dục tình thì quanh quẩn nơi buôn hương bán phấn rung động theo những khoái lạc của người chốn đó và tìm cách ảnh hưởng họ. Nếu người sống sử dụng rượu, các chất kích thích thì ngay trong giây phút mà họ không còn tự chủ được nữa, các loài ma tìm cách nhập vào trong thoáng giây để hưởng một chút khoái lạc vật chất dư thừa.

Vì không được thỏa mãn nên theo thời gian các dục vọng cũng giảm dần, các nguyên tử nặng trọc cũng tan theo, vong linh sẽ có các rung động thích hợp với một cảnh giới cao hơn và y sẽ thăng lên cõi giới tương ứng.

Dĩ nhiên, một người có đời sống trong sạch, tinh khiết sẽ không lưu ở cõi này mà thức tỉnh ở một cõi giới tương ứng khác. Tùy theo lối sống, tư tưởng khi ta còn ở cõi trần mà khi chết ta đến những cảnh giới tương ứng, đây chính là định luật "Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu."

Toàn thể phái đoàn im lặng nhìn nhau, vị pháp sư Ai Cập đã diễn tả bằng những danh từ hết sức khoa học, chính xác chứ không mơ hồ, viễn vông. Dù sao đây vẫn là một lý thuyết rất hay nhưng chưa chứng minh được. Có thể đó là một giả thuyết của những dân tộc nhiều tưởng tượng như người Á Châu chăng?

Hamoud mỉm cười như đọc được tư tưởng mọi người:

"Nếu các ông biết rằng tôi cũng là một tiến sĩ Vật Lý Học (Physics) tốt nghiệp tại Đại học Oxford..."

Giáo sư Harding giựt mình kêu lên:

Oxford ư? Ông đã từng du học bên xứ chúng tôi sao?

"Chính thế, tôi tốt nghiệp năm 1864 và là người Ai Cập đầu tiên tốt nghiệp về ngành này.

(Ghi chú của giáo sư Spalding: Phái đoàn đã phối kiểm chi tiết này và hồ sơ Đại học Oxford ghi nhận một Tiến sĩ người Ai Cập tên Hamoud El Sarim nhập học năm 1856 và tốt nghiệp năm 1864 với bằng Tiến Sĩ Vật Lý).

"Nhưng làm sao ông biết rõ được cõi giới này? Ông đã đọc sách vở hay dựa trên những bằng chứng ở đâu?"

"Tôi đã khai mở các giác quan thể Vía nhờ công phu tu hành trong nhiều năm. Ngay khi còn là sinh viên tôi đã say mê môn Vật Lý Siêu Hình (Metaphysics).

Tôi dành nhiều thời giờ nghiên cứu sách vở khoa học nhưng đến một lúc thì khoa học phải bó tay. Sự nghiên cứu dẫn dắt tôi đến khoa Huyền Bí Học, tôi học hỏi rất kỹ về môn này, khi trở về Ai Cập tôi may mắn gặp được các vị đạo sư uyên bác nên sự nghiên cứu càng ngày càng tiến bộ. Sự nghiên cứu dẫn dắt tôi sang Ấn Độ và Tây Tạng, tại đây tôi gặp một Lạt Ma chuyên nghiên cứu về cõi âm. Tôi đã học hỏi rất nhiều với vị này, sau đó, tôi tu nhập thất trong 10 năm liền và khai mở được một vài giác quan đặc biệt. Từ đó, tôi tha hồ nghiên cứu cõi âm vì tôi có thể sang tận đây học hỏi và cõi nầy trở nên quen thuộc, tôi kết bạn với rất nhiều sinh vật siêu hình, chúng giúp đỡ tôi rất nhiều..."

Giáo sư Evans-Wentz ngập ngừng:

"Ông muốn nói rằng ông kết bạn với ma?"

"Dĩ nhiên, vì tôi dành trọn thời giờ hoạt động bên cõi này nên tôi có rất đông bạn bè, phần lớn là vong linh người quá cố nhưng cũng có một vài sinh vật có đường tiến hóa riêng, khác hẳn loài người, có loài khôn hơn người và có loại không thông minh hơn loài vật là bao..."

"Giao thiệp với chúng có lợi ích gì không?"

"Các ông nên biết cõi âm là một thế giới lạ lùng, phức tạp với những luật thiên nhiên khác hẳn cõi trần. Sự đi lại giao thiệp giúp ta thêm kiến thức rõ ràng..."

Như thế có nguy hiểm không?"

"Dĩ nhiên, có nhiều sinh vật hay vong linh hung ác, dữ tợn... Một số các Thầy phù thủy thường liên lạc với nhóm này để mưu cầu lợi lộc, chữa bệnh hoặc thư phù, nguyền rủa..."

"Ông có thể làm như vậy không?"

Vị pháp sư nghiêm mặt:

"Tất cả những việc gì có tính cách phản thiên nhiên, ngược luật tạo hóa đều mang lại hậu quả không tốt. Mưu cầu lợi lộc cho cá nhân là điều tối kỵ của ai đi trên đường đạo. Tôi không giao thiệp với những loại vong linh này vì chúng rất nguy hiểm, hay phản phúc và thường giết chết kẻ lợi dụng chúng bất cứ lúc nào. Các ông nên nhớ tôi là một khoa học gia chứ không phải một thầy pháp hạ cấp hay một phù thủy chữa bệnh."

"Xin ông nói rõ hơn về những cảnh giới cõi âm."

"Các ông nên biết dù ở cõi nào, tất cả cũng không ra ngoài các định luật khoa học. Thí dụ như vật chất có ba thể: Thể lỏng, thể đặc và thể hơi thì bên cõi này cũng có những thể tương tự. Luật thiên nhiên cho thấy vật nặng sẽ chìm xuống dưới và vật nhẹ nổi lên trên thì cõi vô hình cũng thế. Nguyên tử cõi âm rung động với một nhịp độ khác với cõi trần, các nguyên tử rung động thật nhanh dĩ nhiên phải nhẹ hơn các nguyên tử nặng trọc. Tóm lại, tùy theo nhịp độ rung động mà tạo ra những cảnh giới khác nhau, có bảy loại rung động nên có bảy cõi giới. Các nguyên tử rung động chậm chạp phải chìm xuống dưới vì nếu ta mang nó lên cao, sức ép sẽ làm nó tan vỡ ngay. Thí dụ như ta đặt một quả bóng xuống nước nếu đến một độ sâu nào đó sức ép của nước sẽ làm nó vỡ tan. Loài cá cũng thế, có loại sống gần mặt nước, có loại sống tận đáy đại dương. Nếu loại sống gần mặt biển bị mang xuống đáy nó sẽ bị sức ép mà chết, ngược lại loài sống ở dưới đáy cũng không thể lên sát mặt nước vì đã quen với sức ép khác nhau. Cảnh giới thứ bảy lúc nào cũng tối tăm, nặng nề với các vong linh hình dáng ghê rợn nhưng hoàn toàn không có vụ quỷ sứ tra tấn tội nhân. Bị lưu đầy ở đây đã là khổ sở lắm rồi, các ông hãy thử tưởng tượng bị dục vọng hành hạ mà không thể thỏa mãn thì còn khổ gấp trăm lần bị tra tấn. Vong linh thèm muốn nhưng không sao thỏa mãn được, như đói mà không thể ăn, khát nhưng không thể uống do đó, theo thời gian y sẽ học bài học chịu đựng, nhẫn nhục cho đến khi dục vọng giảm bớt và tan ra thì y sẽ thăng lên cảnh giới thứ sáu.

Cõi giới thứ sáu có sự rung động rất giống như cõi trần, tại đây các vong linh ít còn thèm muốn vật chất như ăn uống, dục tình nhưng bận tâm với những nhỏ nhen của cuộc sống như thỏa mãn bản ngã, ích kỷ, ghen tuông, hờn giận v.v...

Đa số có hình dáng giống như người cõi trần nhưng lờ mờ không rõ. Vì sự rung động của nguyên tử gần giống như cõi trần nên họ hay trở về cõi này, họ thường nhập vào đồng cốt, các buổi cầu cơ, cầu hồn để chỉ dẫn bậy bạ, nó chuyện vu vơ nhằm thỏa mãn tự ái, bản ngã cá nhân. Vì đa số vong linh khi còn sống rất ham mê danh vọng, chức tước, uy quyền nên khi họ nhập vào đồng cốt họ thường tự xưng là các đấng nầy, đấng nọ. Theo thời gian, các rung động ham muốn, các cố chấp về bản ngã, danh vọng cũng tan biến nên họ thăng lên cảnh giới thứ năm.

Cõi thứ năm có sự rung động thanh nhẹ hơn cõi trần nên vong linh có thể biến đổi sắc tướng rất nhanh chóng. Đây là một thế giới với những âm thanh màu sắc lạ lùng dễ bị mê hoặc. Các vong linh ở đây đã bớt ham muốn về cá nhân nhưng còn ham muốn về tư tưởng, kiến thức. Đây là nơi cư ngụ của những kẻ đạo đức giả, những kẻ bảo thủ nhiều thành kiến, những người trí thức tự phụ v.v...

Đây cũng là cõi có những sinh hoạt của loài Tinh Linh: Những sinh vật vô hình có hình dáng hao hao giống như người mà ta thường gọi là Thiên Tinh (Sylphes), Thổ Địa (Gnomes), Phong Tinh (Elfs).v.v... Một số bị thu phục bởi các phù thủy, pháp sư để làm ảo thuật hay luyện phép. Cõi này còn có sự hiện diện của những "Hình tư tưởng" (Artificial Elements).

Các ông nên biết, khi một tư tưởng hay dục vọng phát sinh thì chúng sử dụng tinh chất (Essence) cõi này tạo nên một hình tư tưởng thích hợp. Đời sống của chúng tùy theo sức mạnh của tư ưởng mạnh hay yếu. Vì đa số tư tưởng con người còn mơ hồ nên hình tư tưởng chỉ tạo ra ít lâu là tan rã ngay. Một người tập trung tư tưởng có thể tạo ra một hình tư tưởng sống lâu trong vài giờ hay vài ngày. Một pháp sư cao tay có thể tạo ra các hình tư tưởng sống đến cả năm hay thế kỷ, không những thế hình tư tưởng này còn chịu sự sai khiến của ông ta. Các phù thủy luyện thần thông đều dựa trên nguyên tắc cấu tạo một sinh vật vô hình để sai khiến. Hình tư tưởng không chỉ phát sinh từ một cá nhân mà còn từ một nhóm người hay một quốc gia, dân tộc. Khi một đoàn thể, dân tộc cùng một ý nghĩ, họ sẽ tạo ra một hình tư tưởng của đoàn thể,

quốc gia đó. Hình tư tưởng này sẽ tạo một ảnh hưởng vô cùng rộng lớn đối với tình cảm, phong tục, thành kiến của quấc gia, dân tộc. Ta có thể gọi đó là "Hồn thiêng sông núi" hay "dân tộc tính".

Khi sinh ra tại một quốc gia, ta ít nhiều chịu ảnh hưởng của hình tư tưởng này, dĩ nhiên chúng chỉ ảnh hưởng lên thể vía nghĩa là tình cảm của dân tộc đó chứ không ảnh hưởng đến lý trí. Một người sống nhiều bằng lý trí sẽ ít chịu ảnh hưởng như người bình thường. Điều này giải thích tại sao một dân tộc có tâm hồn mơ mộng như thi sĩ khi dân tộc khác lại có đầu óc thực tế mặc dù trên phương diện địa lý, họ không ở cách xa nhau mấy và ít nhiều chia sẻ một số quan niệm về tôn giáo, phong tục, tập quán.

Cảnh giới cõi thứ tư sáng sủa hơn và dĩ nhiên nguyên tử cõi này rung động rất nhanh. Phần lớn những vong linh tiến hoá, thánh thiện, những nhà trí thức trầm mặc nhưng còn quyến luyến một ít dục vọng khi chết đều thức tỉnh ở cảnh giới này.

Đa số đều ý thức ít nhiều nên họ bắt đầu cởi bỏ những ham muốn, quyến luyến. Đây cũng là chỗ họ học hỏi và ảnh hưởng lẫn nhau và đôi khi kết những liên hệ để cùng nhau tái sinh trong một gia đình hay quốc gia.

Cõi gới thứ ba chói sáng, có những rung động nhẹ nhàng, tại đây có những linh hồn từ tâm nhưng vụng về, những tu sĩ thành tâm nhưng thiếu trí tuệ, những nhà lãnh đạo anh minh nhưng thành kiến. Đây cũng là một cảnh giới của một số thần linh (Devas) như Cảm-dục thiên thần (Kamadeva), Hữu sắc thiên thần (Roupadeva) và Vô sắc thiên thần (Aroupadeva). Các thần linh này có đời sống và tiến hóa cao hơn trình độ của nhân loại.

Cõi giới thứ hai và thứ nhất cấu tạo bằng những nguyên tử hết sức thanh thoát rung động rất nhanh và tràn đầy ánh sáng. Đây là cõi giới mà những người tiến hóa rất cao, rất tế nhị không còn dục vọng, ham muốn lưu lại để học hỏi, trao đổi kinh nghiệm, phát triển các đức tính riêng trước khi siêu thoát lên cảnh giới cao hơn."

"Như thế người chết thường lưu lại ở cõi Trung giới bao nhiêu lâu?"

"Thời gian lưu lại đây hoàn toàn tùy thuộc vào dục vọng con người, có người chỉ ghé lại đây vài giờ lập tức đầu thai trở lại. Có kẻ ở đây hàng năm và có kẻ lưu lại đây hàng thế kỷ... Để siêu thoát, thể Vía phải hoàn toàn tan rã hết thì mới lên đến cõi Thượng Thiên (Devakhan) hay siêu thoát. Giống như một quả bóng bay bị cột vào đó nhiều bao cát, chỉ khi nào cởi bỏ tất cả bao cát thì nó mới tự do tung bay được. Tóm lại danh từ như Thiên đàng hay Địa ngục chỉ là những biểu tượng của những cảnh ở cõi Trung Giới (Kamaloka). Tùy theo sự sắp xếp của thể Vía khi chết mà ta thức tỉnh trong một cảnh giới tương ứng..."

Mọi người im lặng nhìn nhau, những điều Hamoud giải thích hoàn toàn hợp lý và hết sức khoa học, không hoang đường chút nào. Nhưng làm sao chứng minh những điều mà khoa học thực nghiệm không thể nhìn thấy được? Dù sao Hamoud cũng là một Tiến sĩ Vật Lý tốt nghiệp tại Đại Học nổi tiếng nhất Âu Châu chứ không phải một phù thủy vô học chốn hoang vu, ít nhiều ông ta cũng có một tinh thần khách quan vô tư của một khoa học gia chứ không mê tín dễ chấp nhận một lý thuyết vu vơ, không kiểm chứng. Nhưng làm sao có thể thuyết phục những người Âu Mỹ vốn rất tự hào, nhiều thành kiến và tin tưởng tuyệt đối ở khoa học?

Hamoud mỉm cười tiếp tục:

"Sự hiểu biết về cõi vô hình rất quan trọng vì khi hiểu rõ những điều xảy ra sau khi chết, ta sẽ không sợ chết nữa. Nếu có chết chỉ là hình hài, xác thân chứ không phải sự sống, và hình hài có chết đi thì sự sống mới tiếp tục tiến hóa ở một thể khác tinh vi hơn. Đây là một vấn đề hết sức hợp lý và khoa học cho ta thấy rõ sự công bình của vũ trụ. Khi còn sống, con người có dục vọng nầy nọ, khi dục vọng được thỏa mãn nó sẽ gia tăng mạnh mẽ đồng thời các chất thô kệch, các rung động nặng nề sẽ bị thu hút vào thể vía. Sau khi chết, dục vọng này trở nên mạnh mẽ vì không còn lý trí kiểm soát nữa, chính thế nó sẽ đốt cháy con người của ta. Sự nung đốt của dục vọng chẳng phải địa ngục là gì?

Giống như đức tính, phẩm hạnh khi còn trẻ quyết định điều kiện sinh sống lúc tuổi già, đời sống cõi trần quyết định đời sống bên kia cửa tử. Luật này hết sức hợp lý và dễ chứng minh: Khi còn trẻ ta tập thể thao, giữ thân thể khỏe mạnh thì khi về già ta sẽ ít bệnh tật, khi còn trẻ ta chịu khó học hỏi, có một nghề nghiệp vững chắc thì khi về già đời sống được bảo đảm hơn, có đúng thế không?

Những người nào chế ngự được dục vọng thấp hèn, làm chủ được đòi hỏi thể xác, thì các dục vọng này không thể hành hạ khi ta chết. Luật thiên nhiên định rằng khi về già thể xác yếu dần,

đau ốm khiến cho ta bớt đi các ham muốn và nhờ thế, dục vọng cũng giảm bớt rất nhiều nên thể Vía cũng thanh lọc bớt các chất nặng nề, ô trược để khi chết sẽ thức tỉnh ở cảnh giới cao thượng hơn. Trái lại những người còn trẻ, lòng ham muốn còn mạnh mẽ nếu chết bất đắc kỳ tử thường đau khổ rất nhiều và phải lưu lại cõi Trung giới lâu hơn. Nếu hiểu biết như thế ta cần phải duyệt xét lại đời sống của mình ở cõi trần để khỏi lưu lại những cảnh giới thấp thỏi, nặng nề bên cõi âm. Những người lớn tuổi cần chuẩn bị để dứt bỏ các quyến luyến, ràng buộc, các lo lắng ưu phiền, các tranh chấp, giận hờn, phải biết xả ly, dứt bỏ mọi phiền não để mau chóng siêu thoát.

Một sự chuẩn bị ở cõi trần sẽ rút ngắn thời gian bên cõi âm và chóng thúc đẩy thời gian lên cõi thương giới."

"Nhưng còn các ma quỷ thì sao?"

"Các ông cứ cho rằng ma quỷ là một thực thể nào đó khác hẳn loài người, thật ra phần lớn chúng là những vong linh sống ở cảnh giới thứ bảy, thứ sáu mà thôi. Chúng còn lưu luyến cõi trần, còn say mê dục vọng không sao thoát ra khỏi cảnh giới này... Luật thiên nhiên không cho phép chúng trở lại cõi trần nhưng cũng có những trường hợp đặc biệt khiến người cõi trần trong một thoáng giây có thể nhìn thấy chúng... Khoan đã, các ông hãy xem kìa, người bạn của tôi đã làm xong việc."

Hamoud chỉ vào góc phòng nơi ông ta để bó len và cây kim đan áo. Mọi người bước đến gần và thấy một chiếc áo len đan bằng tay đã thành hình từ lúc nào không ai rõ. Chiếc áo đan tay rất vụng, không khéo léo nhưng trên ngực có thêu tên giáo sư Mortimer. Vị pháp sư giải thích:

"Con Ma này rất nghịch và thường quanh quẩn ở đây, tôi yêu cầu hắn đan chiếc áo len cho các ông để làm bằng chứng. Để tránh việc các ông cho rằng tôi đã làm trò ảo thuật, tráo vào đó một chiếc áo len khác, tôi yêu cầu hắn thêu tên người nào trong phái đoàn có nhiều nghi ngờ nhất. Các ông đều biết rằng từ khi gặp gỡ tôi không hề hỏi tên các ông và nếu chiếc áo này không đan riêng cho các ông thì còn ai nữa?"

Quả thế, vị pháp sư gầy gò không thể mặc chiếc áo đan to tướng, rất vừa vặn cho giáo sư Mortimer, một người Âu mà kích thước đã rất ư quá khổ so với những người Âu khác, đó là chưa kể vòng bụng khổng lồ rất hiếm có của ông này. Hơn nữa, áo này cũng không thể may sẵn để bán vì đường kim, mũi chỉ rất ư vụng về nếu có bán cũng chả ai mua. Tại nơi hoang vu, không có ai ngoài vị Pháp sư và phái đoàn sự kiện này quả thật rất lạ lùng.

Giáo sư Evans-Wentz thắc mắc:

"Như vậy ông có thể sai khiến ma quỷ hay sao?"

"Tôi không phải là một phù thủy, lợi dụng quyền năng cho tư lợi mà chỉ là một người có rất nhiều bạn hữu vô hình bên cõi âm. Tôi hiểu rõ các luật thiên nhiên như Luân Hồi, Nhân Quả và hậu quả việc thờ cúng ma quỷ để mưu cầu một cái gì.

Tôi chỉ là một khoa học gia nghiên cứu cõi vô hình một cách đứng đắn. Sự nghiên cứu những hiện tượng siêu hình là một khoa học hết sức đứng đắn chứ không phải mê tín dị đoan. Nhiều người thường tỏ ý chê cười khi nói đến vấn đề ma quỷ nên những ai có gặp ma cũng chả dám nói vì sợ bị chê cười hay cho là loạn trí. Nếu người nào không tin hãy nghiên cứu và chứng minh một cách khoa học rằng ma quỷ chỉ là những giả thuyết tưởng tượng, còn như phủ nhận không dám chứng minh chỉ là một cái cớ che dấu sự sợ hãi. Điều khoa học chưa chứng minh được không có nghĩa điều này không có thật, vì một ngày nào đó khoa học sẽ tiến đến mức mà họ có thể chứng minh. Những phương pháp thông thường như cầu cơ, đồng cốt thường gặp nhiều sai lầm vì như tôi đã trình bày, các vong linh nhập vào phần lớn cũng có các kiến thức giới hạn ở cảnh giới nào đó. Đôi khi họ cũng trích dẫn vài câu trong "Thánh Kinh" hoặc sách vở, kinh điển để nâng cao giá trị lời nói, điều này có khác nào những nhà chính trị khi diễn thuyết. Phương pháp khoa học chính xác nhất là phải tự mình qua hẳn thế giới đó nghiên cứu.

Các ông nên biết thân thể chúng ta không phải môi trường duy nhất của linh hồn và giác quan của nó cũng không phải phương tiện duy nhất để nghiên cứu ngoại cảnh.

Nếu ta chấp nhận rằng vũ trụ có nhiều cõi giới khác nhau và mỗi thể con người tương ứng với một cõi thì ta thấy ngay rằng thể xác cấu tạo bằng nguyên tử cõi trần nên chỉ giới hạn trong cõi này được thôi. Các thể khác cũng có giác quan riêng của nó và khi giác quan thể Vía được khai mở ta có thể quan sát các cõi giới vô hình dễ dàng. Khi từ trần, thể xác tiêu hao, các giác quan không còn sử dụng được nữa thì linh hồn sẽ tập phát triển các giác quan thể Vía ngay. Nếu biết cách khai mở các giác quan này khi còn sống, ta có thể nhìn thấy cõi âm một cách dễ dàng."

Giáo sư Allen ngập ngừng:

"Nhưng có một quan niệm lại cho rằng sau khi chết linh hồn sẽ lên Thiên Đàng hay xuống địa ngục vĩnh viễn, điều này ra sao?"

Hamoud lắc đầu:

"Đó là một quan niệm không hợp lý vì điều này cho rằng khi chết linh hồn sẽ đổi thay toàn diện: Sau khi chết, linh hồn sẽ mất hết tính xấu để trở nên toàn thiện, trở nên một vị thiên thần vào cõi thiên đàng hoặc là linh hồn có thể mất hết các tính tốt để trở nên xấu xa, trở nên một thứ ma quỷ bị đẩy vào địa ngục. Điều này vô lý vì sự tiến hóa phải từ từ chứ không thể đột ngột được, trên thế gian này không ai toàn thiện hay toàn ác. Trong mỗi chúng ta đều có các chủng tử xấu, tốt do các duyên, nghiệp từ tiền kiếp để lại. Tùy theo điều kiện bên ngoài mà những chủng tử này nẩy mầm, phát triển hay thui chột, không thể phát triển. Một người tu thân là một người biết mình, lo vun xới tinh thần để các nhân tốt phát triển giống như một người làm vườn lo trồng hoa và nhổ đi cỏ dại.

Thực ra khi sống và chết, con người không thay đổi bao nhiêu. Nếu khi sống họ ăn tham thì khi chết họ vẫn tham ăn, chỉ có khác ở chỗ điều này sẽ không còn được thỏa mãn vì thể xác đã hư thối, tan rã mất rồi. Sau khi chết, tìm về nhà thấy con cháu ăn uống linh đình mà họ thì không sao ăn được, lòng ham muốn gia tăng cực độ như lửa đốt gan, đốt ruột, đau khổ không sao tả dược."

"Như ông đã nói loài ma đói thường rung động theo không khí quanh đó như thế họ có thỏa mãn không?"

"Khi người sống ăn ngon có các tư tưởng khoái lạc thì loài ma đói xúm quanh cũng tìm cách rung động theo tư tưởng đó nhưng không làm sao thỏa mãn cho được. Điều này ví như khi đói, nghĩ đến món ăn ngon ta thấy khoan khoái, ứa nước bọt nhưng điều này đâu có thỏa mãn nhu cầu bao tử đâu. Các loại ma hung dữ, khát máu thường tụ tập nơi mổ sẻ súc vật, lò sát sinh để rung động theo những không khí thô bạo ở đó. Những người giết súc vật trong nhà vô tình mời gọi các vong linh này đến, sự có mặt của chúng nó có thể gây nhiều ảnh hưởng xấu, nhất là cho những người dễ thụ cảm."

"Đa số mọi người đều cho rằng ma quỷ thường xuất hiện ở nghĩa địa, điều này ra sao?"

"Sự hiện hình ở nghĩa địa chỉ là hình thể của thể Phách đang tan rã chứ không phải ma quỷ, vong linh. Khi ta chết, thể xác hư thối thì thể phách vốn là thể trung gian giữa thể xác và thể vía cũng tan rã theo. Thể phách được cấu tạo bằng những nguyên tử tương đồng với nguyên tử cõi trần nhưng trong đó có nhiều nguyên tử Dĩ Thái nên nhẹ hơn, nó thu thập các sinh lực còn rơi rớt trong thể xác để cố gắng kéo dài sự sống thêm một thời gia nữa, vì đang tan rã nên thể Phách không hoàn toàn, do đó, đôi khi ta thấy trên nghĩa địa có những hình ảnh người cụt đầu, cụt chân, bay là là trên các nấm mồ. Người không hiểu gọi đó là ma.

Theo sự hiểu biết của tôi thì việc Thiêu xác tốt đẹp hơn việc chôn cất vì để thể xác tan rã từ từ làm cho linh hồn đau khổ không ít và thường ở trong một giai đoạn hôn mê, bất động một thời gian rất lâu. Thiêu xác khiến vong linh thấy mình không còn gì quyến luyến nữa nên siêu thoát nhanh hơn nhiều."

"Ma quỷ thường thuộc thành phần gì trong xã hội?"

"Chúng thuộc đủ mọi thành phần, tùy theo dục vọng khi còn sống. Người chết bất đắc kỳ tử thường lưu lại cõi âm lâu hơn người chết già vì còn nhiều ham muốn hơn. Những kẻ sát nhân bị hành quyết vẫn sống trong cảnh tù tội, giận hờn và xó ý định trả thù. Một người tự tử để trốn nợ đời cũng thế, y sẽ hôn mê trong trạng thái khổ sở lúc tự tử rất lâu. Định luật cõi âm xác nhận rằng: Chính cái dục vọng của ta quyết định cảnh giới ta sẽ đến và lưu lại ở đó lâu hay mau."

"Số phận của những người quân nhân tử trận thì ra sao?"

"Họ cũng không ra ngoài luật lệ đó, tùy theo dục vọng từng cá nhân. Tuy nhiên, người hy sinh tính mạng cho một lý tưởng có một tương lai tốt đẹp hơn vì cái chết cao đẹp là một bức thang lớn trong cuộc tíen hóa. Họ đã quên mình để chết và sống cho lý tưởng thì cái chết đó có khác nào những vị Thánh tử đạo. Dĩ nhiên không phải quân nhân nào cũng sống cho lý tưởng và những kẻ giết chóc oán thù và chết trong oán thù lại khác hẳn."

"Như ông nói thì người chết vẫn thấy người sống?"

"Thật ra phải nói như thế này, khi chết các giác quan thể xác đều không sử dụng được nữa nhưng người chết vẫn theo dõi mọi sự dễ dàng vì các giác quan thể vía. Không những thế họ còn

biết rất rõ tư tưởng, tình cảm liên hệ là đằng khác mặc dù họ không còn nghe thấy, nhìn thấy như chúng ta. Nhờ đọc được tư tưởng họ vẫn hiểu điều chúng ta muốn diễn tả."

"Như vậy thì họ ở gần hay ở xa chúng ta?"

"Khi mới từ trần, người chết luôn quanh quẩn bên gia đình, bên những người thân nhưng theo thời gian, khi ý thức hoàn cảnh mới họ sẽ tách rời các ràng buộc gia đình để sống hẳn ở cõi giới của họ."

"Như thế có cách nào người sống tiếp xúc được với thân nhân quá cố không?"

"Điều này không có gì khó, hãy nghĩ đến họ trong giấc ngủ. Thật ra nếu hiểu biết thì ta không nên quấy rầy, vì làm thế chỉ gây trở ngại cho sự siêu thoát.

Sự chết là bước vào một đời sống mới, các sinh lực từ trước vẫn hướng ra ngoài thì nay quay vào trong, linh hồn từ từ rút khỏi thể xác bằng một bí huyệt trên đỉnh đầu. Do đó, hai chân từ từ lạnh dần rồi đến tay và sau cùng là trái tim. Lúc này người chết thấy rất an tĩnh, nhẹ nhàng không còn bị ảnh hưởng vật chất. Khi linh hồn rút lên óc, nó sẽ khơi động các ký ức, cả cuộc đời sẽ diễn lại như cuốn phim. Hiện tượng này gọi là "Hồi qang phản chiếu" (Memory Projection) đây là một giây phút hết sức quan trọng vì nó ảnh hưởng rất lớn đến đời sống cõi bên kia. Sợi dây từ điện liên hệ giữa thể xác và thể Phách sẽ đứt hẳn. Đây là lúc người chết hoàn toàn hôn mê, vô ý thức để linh hồn rút khỏi thể Phách và thể Vía bắt đầu lo bảo vệ sự sống của nó bằng cách xếp lại từng lớp nguyên tử, lớp nặng bọc ngoài và lớp thanh nhẹ ở trong. Sự thu xếp này ấn định cõi giới nào vong linh sẽ đến."

"Ông du hành sang cõi âm thế nào?"

"Nói như thế không đúng lắm vì ám chỉ một sự di chuyển từ nơi này đến nơi khác. Các cõi thật ra ở cùng một nơi chỉ khác nhau ở chiều không gian và thời gian (Time, Space dimension). Sang cõi âm là sự chuyển tâm thức, sử dụng giác quan thể Vía để nhận thức chứ không phải đi đến một nơi nào hết. Sở dĩ cõi trần không thấy cõi âm vì nguyên tử cấu tạo nó quá nặng nề, rung động quá chậm không thể đáp ứng với sự rung động nhanh của cõi âm. Quan niệm về không gian cũng khác vì đây là cõi tư tưởng, nghĩ đến đâu là ta đến đó liền, muốn gặp ai chỉ cần giữ hình ảnh người đó trong tư tưởng ta sẽ gặp người đó ngay. Khi di chuyển ta có cảm giác như lướt trôi, bay bổng vì không còn đi bằng hai chân như thể xác."

"Những người chết nhận thức về đời sống mới ra sao?"

"Trừ những kẻ cực kỳ hung dữ, ghê gớm đa số mọi người thức tỉnh trong cảng giới thứ năm hoặc thứ sáu vốn có rung động không khác cõi trần là bao. Lúc đầu họ còn bỡ ngỡ, hoang mang nhưng sau sẽ quen đi. Tùy theo tình cảm, dục vọng mà họ hành động. Tôi đã gặp vong linh của một Thương gia giàu có, ông này cứ quanh quẩn trong ngôi nhà cũ nhiều năm, ông cho tôi biết rằng ông rất cô đơn và đau khổ. Ông không có bạn và cũng chả cần ai, ông trở về căn nhà để sống với kỷ niệm xưa nhưng ông buồn vì vợ con ông vẫn còn đó nhưng chả ai để ý đến ông. Họ tin rằng ông đã lên Thiên Đàng vì họ đã bỏ ra những số tiền, tổ chức các nghi lễ tôn giáo rất lớn, một tu sĩ đã xác nhận thế nào ông cũng được lên Thiên Đàng. Tôi khuyên ông ta nên cởi bỏ các quyến luyến để siêu thoát nhưng ông ta từ chối. Một vài người thân đã qua đời cũng đến tìm gặp nhưng ông cũng không nghe họ. Có lẽ ông ta sẽ còn ở đó một thời gian lâu cho đến khi các lưu luyến phai nhạt hết. Tôi đã gặp những vong linh quanh quẩn bên cạnh cơ sở mà họ gây dựng nên, họ vô cùng đau khổ và tức giận vì không còn ảnh hưởng được gì, họ rất khổ sở khi người nối nghiệp, con cháu có quyết định sai lầm, tiêu phá cơ nghiệp.

Tôi đã gặp những người chôn cất của cải, phập phồng lo sợ có kẻ tìm ra, họ vẫn quanh quẩn gần đó và đôi khi tìm cách hiện về dọa nạt những người bén mảng đến gần nơi chôn dấu. Vong linh ghen tuông còn khổ sở hơn nữa, họ không muốn người họ yêu mến chia sẻ tình yêu với kẻ khác. Đôi khi họ điên lên khi chứng kiến sự âu yếm của người họ yêu mến và người khác. Dĩ nhiên họ không thể làm gì được nên vô cùng khổ sở. Những nhà lãnh đạo, những vua chúa, những người hống hách quyền uy thì cảm thấy bất lực khi không còn ảnh hưởng gì được nữa, họ hết sức đau khổ.

Đôi lúc tư tưởng oán hờn có thể tạo nên những hình tư tưởng có sự sống riêng biệt và có tác dụng mạnh mẽ ở cõi vô hình. Cách đây vài năm, một người bạn ở Calcutta cho tôi biết có một con dao cán ngà rất đẹp mà hễ ai cầm lên cũng có ý định giết người. Tôi bèn tìm đến và cầm thử thì quả nhiên trong người bị kích động lạ thường. Nhờ đã mở giác quan thể Vía nên tôi thấy một vonh linh hung tợn đang giận dữ vì tôi chống lại y, nhờ các bạn bè cõi âm tôi tiếp xúc được với tư tưởng vong linh đó: Vợ y đã ngoại tình với người bạn thân nên y sử dụng con dao này đâm chết

cả hai. Sau đó y còn đâm chết hai người em vợ và bị một người khác dùng chính con dao đó đâm chết y. Sau khi chết, lòng oán hận khôn nguôi nên y quanh quẩn bên con dao này và ảnh hưởng đến bất cứ ai sử dụng nó. Nhiều người đã bị y súi dục giết người, y rất thành công cho đến khi gặp tôi. Phải mất một thời gian lâu tôi mới thuyết phục được y, tôi bèn bẻ gẫy con dao đó đem chôn.

Một trường hợp khác tôi gặp một vong linh say rượu bị xe đụng chết. Y rất oán hận nên cứ vẩn vơ nơi ngã tư đường, hướng dẫn những người lái xe cho họ gặp tai nạn. Rất nhiều người bị chết ở đó. Tôi mất nhiều thời gian khuyên giải nên y mới bỏ đi nơi khác. Dĩ nhiên, sớm muộn gì các vong linh cũng tỉnh ngộ nhưng việc làm của y là nhưng nguyên nhân xấu sẽ tạo những nghiệp quả mà y sẽ phải trả vì ở bất cứ cõi nào, luật thiên nhiên cũng không thay đổi.

Trong một trường hợp khác, có hai người bạn rất thân thiết nhưng cùng yêu một cô gái. Để chiếm đoạt cô này, một người đã âm mưu khiến bạn mình bị tình nghi có dính dáng vào một tổ chức chính trị, anh này bị bắt và bị thủ tiêu. Người kia chinh phục cô gái nhưng không thành công và ít lâu sau cô này lấy chồng khác. Anh đau khổ bèn tự tử. Thế là cả hai người bạn đều sang cõi bên kia nhưng người bị thủ tiêu không biết mình là nạn nhân của bạn, vẫn mến bạn nên đi tìm gặp. Trái lại, anh kia lúc nào cũng bị lương tâm dằn vặt, thường trốn tránh, ẩn náu. Sự tìm gặp này kéo dài rất lâu khiến người bạn tội lỗi lúc nào cũng đau khổ, hối hận.

Hamoud lắc đầu: "Các ông nên biết, ở cõi trần có thể trốn tránh được chứ ở cõi âm làm sao trốn đi đâu? Đây là cõi của tư tưởng chỉ cần nghĩ đến nhau là đã gặp nhau rồi..."

Mọi người im lặng, cảm thấy thấm thía điều vị pháp sư Ai Cập diễn tả. Giáo sư Mortimer lên tiếng:

"Xin ông giải thích thêm về hình tư tưởng..."

"Khi ta phát ra một tư tưởng thì ở cõi trung giới một hình tư tưởng được tạo ra. Nếu tư tưởng đó có tính cách cá nhân thì chúng bay vơ vẩn quanh ta, dĩ nhiên khi còn sống, ta không ý thức điều này nhưng khi ta chết ta thấy nó rõ ràng. Nhờ thế ta có thể biết tư tưởng của mình tốt đẹp hay xấu xa. Cũng như thế, khi ghen ghét oán hận ai, ta cũng tạo các hình tư tưởng bao quanh người đó. Vì khả năng tập trung tư tưởng của con người rất yếu nên hình tư tưởng cũng chỉ phất phơ rồi tan biến, không để lại dấu vết. Tuy nhiên, khi đã có thành kiến với ai, ta tạo nên một hình tư tưởng có thể sống lâu hơn và tư tưởng này bao quanh kẻ đó. Luật thiên nhiên đã định "Đồng thanh tương ứng" nghĩa là tư tưởng chỉ có tác dụng khi đối tượng có rung động tương tự. Một kẻ xấu xa sẽ trở nên xấu xa hơn, nhưng tư tưởng xấu không thể hại người lương thiện. Do đó, vấn đề kiểm soát tư tưởng, tránh các thành kiến là một vấn đề quan trọng vì ta có trách nhiệm với tư tưởng của mình.

Tôi đã gặp một thiếu nữ nhan sắc diễm lệ, cô này rất kiêu căng thường quyến rủ các thanh niên háo sắc rồi phụ bạc họ. Nhiều người đã tán gia, bại sản về tay cô, có kẻ đau khổ tự tử. Các tư tưởng giận hờn, oán ghét của nhiều người cấu tạo nên một hình tư tưởng hết sức dữ tợn. Khi cô này vừa chết, hình tư tưởng này bám cô bén gót, cô càng chạy trốn, nó càng theo đến cùng. Các bạn hãy tưởng tượng một quái vật theo mình như bóng với hình thì sao?"

Hamoud ngưng nói đưa mắt nhìn mọi người. Phái đoàn im lặng nhìn nhau, họ đã nghe nói về cõi âm nhưng chưa ai giải thích rõ rệt, khoa học và cụ thể như vị pháp sư này. Có nên tin hay không? Làm sao kiểm chứng đây? Việc chứng minh bằng chiếc áo len đã làm mọi người kinh ngạc nhưng cả một thế giới vô hình lại là một đề tài quá rộng rãi, bao quát, vượt khỏi tầm hiểu biết của mọi người. Phải chăng đó chỉ là một sự tưởng tượng hết sức dồi dào và chu đáo? Dù cho Hamoud là một Tiến sĩ, tốt nghiệp Oxford nhưng không có nghĩa ông ta có đủ thẩm quyền để trình bày sự kiện không chứng minh.

Hamoud mỉm cười như đọc tưởng mọi người:

"Nhờ khai mở các giác quan đặc biệt, tôi có thể thấy cõi vô hình trực tiếp mà không phải qua bất cứ trung gian nào. Thay vì nói rằng sách vở này nói thế hoặc tài liệu kia chỉ dẫn vậy. Tôi dám quả quyết rằng điều trình bày là kinh nghiệm mà tôi đã trải qua, đã nghiên cứu trong nhiều năm. Dĩ nhiên, tôi không mong các ông chấp nhận, tôi mong các ông hãy suy nghĩ cẩn thận, hãy tìm hiểu và nếu còn thắc mắc hãy đặt vấn đề thảo luận. Tôi mong các ông lấy tinh thần khoa học suy xét, lấy lý luận làm căn bản để cùng nhau đặt lại vấn đề. Sự nghiên cứu không thể giản dị, dễ dàng được mà còn rất nhiều khúc mắc, rắc rối nhưng có thế thì mới có những thích thú..."

Mọi người nhìn nhau, nhà Pháp sư này đã dám đưa một vấn đề trừu tượng như cõi siêu hình ra để thảo luận. Giáo sư Allen lên tiếng:

"Từ trước đến nay, người Âu không bao giờ chấp nhận sự hiện hữu của một thế giới bên kia cửa tử. Họ chỉ có thể nhìn nhận điều ông nói như một "Tin tưởng" nào thôi thay vì một dữ kiện khoa học có thể kiểm chứng."

Vị pháp sư mỉm cười:

"Các ông gọi nó là tin tưởng cũng được, thật ra sự hiện hữu về cõi vô hình đã được truyền dạy từ lâu trong các giáo điều, kinh điển nhưng nó được nói đến dưới hình thức biểu tượng hay ý nghĩa bóng bẩy mà theo thời gian các giáo sĩ thiếu kinh nghiệm tâm linh không thể hiểu thấu đáo. Do đó, họ đã nói sai lạc đi nhiều. Dần dần, những điều này trở nên mê tín dưới ánh sáng khoa học. Đây là một điều hết sức đáng tiếc, khoa học thật ra chỉ là một phần rất nhỏ của Huyền Bí Học đã được truyền bá rộng rãi mà thôi. Nếu các ông muốn có một chứng minh cụ thể cũng được, tôi sẵn sàng tiết lộ một chìa khóa vào cõi âm. Điều tôi sắp trình bầy là căn bản môn Hình Học Ai Cập hiện đã thất truyền:

Ở cõi trần, tâm thức con người bị giới hạn bởi ba chiều không gian. Thật ra có nhiều chiều nữa mà ta không nhìn thấy. Khối óc của ta chỉ chấp nhận chiều dài, chiều ngang và chiều đứng mà thôi. Dĩ nhiên, mọi sự đi đứng, di chuyển cũng chỉ giới hạn trong ba chiều này. Nếu tôi nói có một chiều đo thứ tư thẳng góc với ba chiều này thì các ông sẽ không thể tưởng tượng nổi. Nhưng không thấy được đâu có nghĩa là nó không hiện hữu có phải không? Muốn tìm hiểu chiều đo thứ tư này ta cần dùng đến sự so sánh. Thí dụ có một con kiến đang bò trên một tờ giấy phẳng. Giả thuyết rằng con kiến không thể rời khỏi tờ giấy này được nên thế giới của nó chỉ là một mặt phẳng giới hạn trong hai bề đo. Dù nó biết suy luận nó cũng không thể quan niệm được bề đo thứ ba tức là bề đứng. Từ không gian ba chiều của chúng ta, ta có thể làm nhiều điều tầm thường mà con kiến cho là một phép lạ thí dụ như ta để một hạt thóc lên tờ giấy. Con kiến không thể hiểu hạt thóc từ đâu xuất hiện vì giới hạn trong hai bề đo của tờ giấy, nó nghĩ rằng mọi vật phải đến từ tờ giấy chứ không thể ở một cõi nào đó. Nếu con kiến muốn đi từ đầu giấy đến cuối, nó phải bò suốt chiều dài tấm giấy. Đối với chúng ta, vì biết chiều đo thứ ba, ta có thể gấp tờ giấy lại để hai góc tờ giấy chạm vào nhau, con kiến chỉ cần nhúc nhích đã đi đến cuối tờ giấy. Nó không thể hiểu tại sao quãng đường dài bỗng biến mất, dĩ nhiên đối với ta việc này đâu có gì lạ. Vấn đề này có thể dùng để diễn tả thuật "Rút đất" của các Lạt Ma Tây Tạng. Một khi đã hiểu chiều đo thứ tư, mọi hiện tượng cõi âm đều có thể giải thích hết sức dễ dàng, khoa học."

Phái đoàn nhìn nhau thán phục vị Pháp sư Ai Cập đã diễn tả một ý niệm phức tạp bằng một thí dụ giản dị, dễ hiểu. Nhưng còn bề đo thứ tư?

Hamoud mỉm cười:

"Các ông đều biết đường thẳng được tạo ra bởi một điểm kéo dài theo một chiều nhất định. Nếu ta di chuyển một cái chấm khoảng 2 thước thì ta có đường thẳng dài 2 thước. Nếu ta tiếp tục di chuyển chấm ấy một khoảng cách 2 thước nhưng thẳng góc với đường cũ cho đến khi trở về khởi điểm thì ta sẽ có một hình vuông có đúng không? Hình vuông có thể diễn tả bằng con số 2 bình phương theo toán học. Đây là hình học mặt phẳng chứ không có gì lạ. Nếu ta tiếp tục di chuyển theo chiều đứng, thẳng góc với hình vuông cũ thì ta sẽ có một khối vuông (Cubic). Khối vuông có thể diễn tả bằng con số 2 tam thừa. Tóm lại ta có 3 hình: Đường thẳng, hình vuông và khối vuông tương ứng với số 2, 2 bình phương, 2 tam thừa.

Hình học không gian ngừng ở đây, không đi xa nữa vì ta chỉ biết có 3 chiều mà thôi, nhưng toán học cho biết có thể có 2 tứ thừa, 2 lũy thừa năm, 2 lũy thừa sáu và nhiều nữa. Các con số toán học này đều có hình tương ứng trên phương diện hình học và tương ứng với 2 lũy thừa bốn hay bề đo thứ tư là chìa khóa vào cõi âm. Khoa Hình học cổ của Ai Cập không những chứng minh được mà còn có các dụng cụ để đo lường chiều thứ tư này. Trở về hình học phẳng, ta sử dụng thước kẻ để đo chiều dài. Để đo hình vuông ta sử dụng một thước khác gọi là thước vuông vì loại thước kẻ không thể đo góc vuông được. Cũng thế khi bước sang hình học không gian ta không thể dùng thước vuông vì hình vuông theo định nghĩa không có bề đứng, không thể đo hình khối được. Nếu di chuyển hình khối theo chiều đo thứ tư ta sẽ có hình gì? Dĩ nhiên ta không tưởng tượng được. Hình học Ai Cập cho biết nó là một hình bốn bề, có 16 góc, 32 cạnh và 24 mặt được giới hạn bởi 8 hình khối (Hình khối chỉ có 6 mặt 12 cạnh và 8 góc). Ngày nào khoa học chứng minh được hình này là họ mở cửa vào được chiều đo thứ tư. Toán học cho biết 2 lũy thừa bốn rất dễ chứng minh và từ toán học áp dụng để xây Kim Tự Tháp, đem các tảng đá vạn cân lên cao. Môn học này đã thất truyền trong quá khứ nhưng di tích của nó vẫn được ghi khắc trên những biểu tượng tại Kim Tự Tháp đấy chứ."

Hamoud im lặng như thả hồn vào một ký ức xa xăm rồi nói tiếp:

"Khi vén màn vào chiều đo thứ tư, sự phát minh khoa học ngày nay chỉ là mảnh vụn, không đáng kể. Con người có thể du lịch khắp không gian và có quyền năng ngoài sự hiểu biết của người hiện tại. Trong thời buổi vàng son, dân Ai Cập đã đi khắp không gian, đến những giải ngân hà xa lạ nhưng tiếc thay sự giao tiếp với cõi âm của chiều đo thứ tư đem lại các hiểm nguy mà họ không biết. Chính vì thế nền văn minh này đã sụp đổ, biến mất trên mặt địa cầu chỉ vì thiếu một nền tảng trí tuệ sáng suốt, không biết phân biệt chân giả. Từ ngàn xưa, các bậc trưởng lão đã nhắn nhủ rằng sự tiến bộ phải song song với trí tuệ và chỉ khi trí tuệ khai mở con người mới đủ khả năng phân biệt hư thực, xé bỏ các mê lầm của vô minh. Tiếc thay các nhà lãnh đạo Ai Cập không nhận thức điều này nên mới xảy ra những điều đáng tiếc."

"Ông muốn nói rằng dân Ai Cập đã tiến bộ như vậy sao?"

"Dĩ nhiên, khoảng 8 ngàn năm trước họ đã ở những xã hội hơn hẳn những xã hội tân tiến, văn minh nhất bây giờ bằng cớ là ngày nay, đã ai xây nổi Kim Tự Tháp chưa? Còn nhiều vấn đề thần bí khác mà một ngày nào đó các ông sẽ hiểu.

Này các ông bạn, Ai Cập đã để lại những Kim Tự Tháp hùng vĩ, kiến thức vĩ đại vào mục đích gì? Đa số người Âu cho rằng đó là một tàng trữ thi hài những vua Pharaoh, có như vậy chăng? Tại sao triều đại Pharaoh có cả trăm vua chúa mà chỉ có vài vị cho xây Kim Tự Tháp? Nhưng người ta đâu có tìm thấy thi thể vua chúa nào trong Kim Tự Tháp đâu? Hơn nữa, trong Kim Tự Tháp làm gì có ám tự hay tranh ảnh nói về một cá nhân ông vua nào đâu? Chỉ có những nấm mồ đào được chôn sâu dưới đất mới có các xác ướp và tranh vẽ thôi, điều này thế nào? Tại sao các nấm mồ trong lòng đất có khắc ký hiệu, ám tự, hình vẽ mà trong Kim Tự Tháp lại trống trơn? Dĩ nhiên quan niệm thông thường không thể hiểu nổi, nếu các ông hiểu chiều đo thứ tư thì các ông sẽ không nhìn Kim Tự Tháp như một hình khối ba chiều."

"Ông muốn nói là nó còn chiều đo nữa hay sao?"

"Đúng thế nhưng đó là bí mật của Kim Tự Tháp, đây không phải một vấn đề ta có thể dem ra bàn luận trong một thời gian giới hạn. Các ông đang muốn chứng minh về thế giới vô hình kia mà. Tôi hy vọng dẫn chứng về Toán học vừa qua sẽ giúp các ông một chìa khóa, một căn bản mới trong tiến trình nghiên cứu..."

Giáo sư Evans-Wentz rụt rè:

"Nhưng chúng tôi vẫn chưa có bằng chứng nào rằng sự chết không phải là chấm dứt..."

Hamoud bật cười:

"Từ bao lâu nay, chết vẫn là một điều mơ hồ, đáng sợ ám ảnh mọi người. Dù ai cũng trước sau phải chết nhưng hầu như tất cả đều cố gắng không nghĩ đến nó. Ngay cả những người già yếu, liệt giường, liệt chiếu, đầy bệnh hoạn đớn đau cũng hãi hùng khi giáp mặt tử thần. Tất cả tựu chung vì họ không hiểu sự chết, không biết chuẩn bị, không biết đối đầu hay chấp nhận nó. Trong cuộc đời đầy rẫy vô thường, sự chết có thể đến bất cứ lúc nào, thế mà con người cứ lẫn tránh nó như khất nợ vậy. Sự hiểu biết về cõi vô hình giúp ta chấp nhận sự thật hiển nhiên này. Hãy đặt câu hỏi nếu sự chết là hết thì cuộc đời có ý nghĩa gì? Tại sao ta lại sinh ra đời, có mặt trên trái đất này? Tại sao có sự khác biệt giữa các cá nhân dù cùng huyết thống, điều kiện sinh sống, có kẻ khôn, người dại, kẻ thông minh tuyệt đỉnh, người ngu xuẩn khù khờ? Từ chối sự chết là từ chối một sự thật tại sao ta cứ phải trốn tránh một sự thật? Tại sao không tìm hiểu nó và chuẩn bị khi nó đến có hơn không?"

"Phải chuẩn bị như thế nào? Làm sao có thể giải thích cho những người Âu vốn hết sức đa nghi và không chấp nhận những gì viễn vông rằng có một đời sống khác bên kia cửa tử"

"Thì đó là việc của họ, tin tưởng hay phủ nhận hoàn toàn tùy theo cá nhân, việc gì các ông cứ phải thắc mắc về vấn đề giải thích. Điều quan trọng là tự các ông có tin hay không mà thôi. Nếu các ông tin rằng sự chết chỉ là việc cởi bỏ một cái áo cũ, khi còn sống ra sao thì khi chết cũng thế thôi, vấn đề thiên thần trên thiên đường hay ác quỷ dưới địa ngục hoàn toàn vô lý thì mọi việc sẽ khác hẳn. Nếu nói một cách hết sức khoa học, lý luận thì tùy theo dục vọng, tư tưởng của con người ra sao mà họ đến những cõi giới tương ứng, ta sẽ thấy rõ rằng con người có toàn quyền định đoạt số phận của họ khi sống cũng như khi chết. Đó không phải là một vinh dự lớn cho loài người hay sao? Nếu ta chấp nhận rằng các dục vọng tư tưởng khi còn sống tạo ra sẽ bay vẩn vơ tác động lên vong linh cho đến khi sinh lực chúng hao mòn, tan rã thì ta thấy vấn đề chuẩn bị tư tưởng cũng như lối sống hết sức cần thiết, quan trọng. Nếu các tư tưởng này hoàn toàn nhắm về vật chất thì dĩ nhiên hoàn cảnh cá nhân hết sức bi đát vì vong linh không còn thỏa mãn chúng được nữa. Vong linh sẽ đau khổ và sẽ học được bài học về sự chế ngự dục vọng để áp dụng

trong một kiếp sống tương lai. Dĩ nhiên khi dục vọng trên tiêu tan hết thì y mới siêu thoát được.

Nếu trong đời sống hàng ngày, con người không có một đời sống tinh thần thì khi chết họ sẽ ở một cảnh giới hết sức buồn nản, vô tri bất động rất lâu cho đến khi họ ý thức sự thiếu hoạt động này và có những tâm nguyện hăng hái hơn ở một kiếp khác. Thảm kịch lớn nhất là khi con người chết đột ngột, không chấp nhận rằng mình đã chết nên cố gắng bám lấy sự sống. Vì không chấp nhận rằng mình đã chết nên họ cứ ở nguyên tình trạng khi còn sống nghĩa là tình trạng chuyển tiếp, không có gì rõ ràng hết. Hồn ở cõi âm nhưng đầu óc tư tưởng vẫn ở cõi trần, họ cần được hướng dẫn, khuyên bảo.

Hãy lấy trường hợp một vong linh chết đuối, vì y không tin mình đã chết nên cứ ở trong trình trạng lúc chết nghĩa là ngộp nước. Vì đầu óc hôn mê nên y không nhìn thấy cõi âm mà giữ nguyên hình ảnh cõi trần, dĩ nhiên nó chỉ nằm trong tư tưởng của y mà thôi. Nói một cách khác, thời gian như ngừng lại, y cứ thế hôn mê trong nhiều năm. Tôi đã cố gắng thuyết phục nhưng nói gì y cũng không nghe, tôi bèn yêu cầu y trở về nhà, đầu óc y hôn mê quá rồi nên cũng không sao trở về được. Nhờ các bạn bè cõi vô hình, tôi tìm được tên tuổi và địa chỉ thân nhân vong linh. Tôi tiếp xúc với họ và yêu cầu lập một nghi lễ cầu siêu để cảnh tỉnh vong linh. Nhờ sức chú nguyện mãnh lực của buổi cầu siêu, tôi thấy vong linh từ từ tỉnh táo ra, nghe được lời kinh. Y trở về nhà và chứng kiến buổi cầu siêu của con cháu gần 60 năm sau khi y qua đời. Sau đó y chấp nhận việc mình đã chết và siêu thoát..."

"Ông cho rằng sự cầu nguyện có lợi ích đến thế sao?"

"Cầu siêu cho vong linh là một điều hết sức quan trọng và ích lợi vì nó chứa đựng một sức mạnh tư tưởng vô cùng mãnh liệt. Oai lực lời kinh và âm hưởng của nó thật là vô cùng ở cõi âm nếu người ta tụng niệm chú tâm, sử dụng hết cả tinh thần. Tiếc thay, người đời chỉ coi tụng niệm như một hình thức. Họ chỉ biết đọc các câu kinh trên đầu môi, chót lưỡi chứ không biết tập trung tinh thần nên mất đi phần nào hiệu nghiệm. Sự cầu nguyện có một sức mạnh kinh khủng, có thể dời núi lấp sông, đó là bí quyết khoa "Mật Tông" Tây Tạng."

"Như ông nói thì tôn giáo Tây Tạng có hiệu nghiệm nhiều hay sao?"

"Vấn đề cầu nguyện cho người chết không phân biệt tôn giáo và cũng không cần theo một nghi thức, nghi lễ nào nhất định mà chỉ cần tập trung tư tưởng, hết sức chú tâm cầu nguyện. Theo sự hiểu biết của tôi thì tôn giáo nào cũng có những nghi lễ riêng và nghi lễ nào cũng tốt nếu người thực hành thành tâm."

"Như vậy nghi lễ rửa tội trước khi chết có ích lợi gì không?"

"Một số người tin rằng hạnh phúc vĩnh cửu của con người tùy thuộc tâm trạng y lúc từ trần. Nếu lúc đó y tin rằng mình được cứu rỗi thì như được một vé phi cơ lên Thiên Đàng còn không y sẽ xuống địa ngục. Điều này gây nhiều sợ hãi, lo âu vô ích. Nếu một người chết thình lình thì sao? Phải chăng họ sẽ xuống địa ngục? Nếu một tín đồ hết sức ngoan đạo nhưng chết ngoài trận mạc thì sao? Họ đâu được hưởng nghi lễ rửa tội? Sự chuẩn bị hữu hiệu nhất là có một đời sống thanh cao, nếu ta đã có một đời sống cao đẹp thì tâm trạng khi chết không quan trọng. Trái lại, ta không thể ao ước một tương lai tốt đẹp dù khi chết được cử hành bằng các nghi lễ to lớn, linh đình nhất. Dù sao, tư tưởng chót trước khi lìa đời cũng rất hữu ích cho cuộc sống mới bên kia cửa tử, nó giúp vong linh tỉnh táo, dễ thích hợp với hoàn cảnh mới hơn. Một cái chết thoải mái, ung dung phải hơn một cái chết quằn quoại, chết không nhắm mắt được. Theo tôi thì sự hiểu biết về cõi vô hình, sự chuẩn bị cho sự chết là điều hết sức quan trọng, cần được phổ biến rộng rãi nhưng tiếc là ít ai chú ý đến việc này."

"Vậy theo ông chúng ta cần có thái độ gì?"

"Đối với người Âu Tây, đời sống bắt đầu khi lọt lòng mẹ và chấm dứt lúc chết đó là một quan niệm cần thay đổi. Đời sống cõi trần chỉ là một phần nhỏ của chu kỳ kiếp sống. Chu kỳ này được biểu hiện bằng một vòng tròn mà sự sống và chết là những nhịp cầu chuyển tiếp giữa hai cõi âm và dương, giữa thế giới hữu hình và vô hình. Trên con đường tiến hóa còn hằng hà sa số các chu kỳ, các kiếp sống cho mỗi cá nhân. Linh hồn từ cõi Thượng giới chuyển kiếp xuống cõi Hạ giới qua cõi Trung giới và sau đó trở về Thượng giới cũng phải qua cõi Trung giới. Phần ở cõi trần chỉ là một phần nhỏ của một kiếp sống mà thôi. Trong chu kỳ này phần quan trọng ở chỗ vòng tròn tiến sâu vào cõi trần và bắt đầu chuyển ngược trở lên đó là lúc linh hồn hết tha thiết với vật chất mà có ý hướng về tâm linh. Các cổ thư đã vạch ra một đời sống ở cõi trần như sau: 25 năm đầu để học hỏi, 25 năm sau để lo cho gia đình đây là giai đoạn tiến sâu vào trần thế, 25 năm sau nữa phải từ bỏ việc đời để lo cho tâm linh, đó là thời điểm quan trọng để đi ngược lên, hướng về tâm

linh và 25 năm chót phải từ bỏ tất cả, chỉ tham thiền, quán tưởng ở nơi rừng sâu, núi thẳm. Đối với người Á châu thì 50 tuổi là lúc từ bỏ vật chất để hướng về tâm linh nhưng người Âu châu lại khác hẳn, họ ham mê làm việc đến độ mù quáng, cho đến già vẫn tranh đấu hết sức vất vả, cho dục vọng, cho bản ngã, cho sự sống còn, cho sự thụ hưởng do đó, đa số mất quân bình và khi chết hay gặp các nghịch cảnh không tốt. Theo ý tôi, chính vì sự thiếu hiểu biết về cõi âm nên con người gây nhiều tai hại ở cõi trần. Chính vì không nhìn rõ mọi sự một cách tổng quát, nên họ mới gây lầm lỗi chứ nếu biết tỷ lệ đời sống cõi trần đối với toàn kiếp người thì không ai dồn sức để lo cho 1/3 kiếp sống mà sao lãng các cõi trên. Nếu con người hiểu rằng quãng đời ở cõi trần rất ngắn ngủi đối với trọn kiếp người và đời sống các cõi khác còn gần với chân lý, sự thật hơn thì có thể họ đã hành động khác đi chăng? Có lẽ vì quá tin tưởng vào giác quan phàm tục nên đa số coi thế giới hư ảo này là thật và cõi khác là không có thật..."

"Nhưng nếu ông cho rằng các cõi kia còn gần với sự thật hơn thì tại sao ta lại kéo lê kiếp sống thừa ở cõi trần làm gì? Tại sao không rủ nhau đi sang cõi khác có tốt hơn không?"

Chương 9: Chương 9: Hành trình về Phương Đông

Hamoud mỉm cười:

"Tuy cõi trần hư ảo nhưng nó có những lợi ích của nó vì con người chỉ có thể tìm hiểu, phát triển xuyên qua các rung động thô thiển này thôi. Cõi trần có các bài học mà ta không tìm thấy ở đâu được. Chính các bậc chân tiên, Bồ Tát trước khi đắc quả vị đều phải chuyển kiếp xuống trần, làm các công việc vĩ đại như một thử thách cuối cùng. Muốn khai mở quyền năng, con người phải tiếp nhận các bài học ở cõi trần mà thôi, nhờ học hỏi những bài học này họ mới trở nên nhạy cảm với các rung động cõi trên."

"Ông muốn nói sự nhạy cảm thế nào?"

"Sự mở mang trí tuệ giống như một máy thu thanh (Radio) và các rung động ví như các tần sóng. Một người không hiểu biết ví như máy thu thanh không bắt trúng đài, không thay đổi băng tần. Họ sinh ra sao thì chết cũng vậy, chả học được điều gì vì như máy không bắt trúng đài chỉ kêu rè rè. Một người hiểu biết là người biết thay đổi con người của mình để bắt trúng những làn sóng, dĩ nhiên có nhiều làn sóng, băng tầng khác nhau và con người sẽ bị tràn ngập bởi các làn sóng này cho đến khi họ điều hòa, phân biệt điều hay, lẽ dở để chọn những băng tầng thích hợp. Khi đó họ bắt trúng những đài phát thanh, nghe được điệu nhạc họ muốn. Huyền âm của Thượng Đế lúc nào cũng vang lừng vũ trụ cho những ai muốn nghe, biết chuyển tâm thức để nghe, biết thay đổi tâm hồn để bắt được làn sóng thanh cao, tế nhị đó."

Mọi người gật đầu thán phục vị pháp sư Ai Cập đã dùng những thí dụ cụ thể để giải thích một điều phức tạp. Giáo sư Mortimer thắc mắc:

"Ngoài việc khai mở giác quan để nghiên cứu cõi âm ông còn làm gì nữa?"

"Việc nghiên cứu sẽ không có ý nghĩa gì nếu ta chỉ quan sát như một khách bàng quang, đứng ngoài nhìn ngắm. Con người cần học hỏi những điều gì xảy ra khi họ từ trần để thay đổi, thích hợp với cuộc sống mới, không những cho họ mà còn cho những người thân. Càng hiểu biết bên kia cửa Tử họ càng dễ dàng hướng dẫn các vong linh khác."

"Nói một cách khác ông hay giúp đỡ những vong linh vừa từ trần?"

"Chính thế, đó là công việc của tôi. Phần lớn người chết thường xúc động và không chấp nhận rằng họ đã chết, họ muốn bám víu lấy cõi trần và trở nên các loài ma vất vưởng. Công việc của tôi là trấn an họ, giải thích cho họ rằng ở cõi âm nếu muốn siêu thoát cần thay đổi trọn vẹn lối sống. Việc này dĩ nhiên rất khó vì các vong linh không chịu nghe, hơn nữa nhiều người luyến tiếc cõi trần vì họ có những việc chưa giải quyết xong, tâm hồn họ chưa được an để siêu thoát. Vì thế sự hiện diện của một người còn sống như tôi rất hữu ích, tôi có thể giúp họ hoàn tất các tâm nguyện để họ siêu thoát..."

"Công việc này có kết quả gì không?"

"Đây là một việc hết sức khó khăn nên tôi phải kết thân với một số bạn bè bên cõi âm. Nếu vong linh u mê nhất định không nghe thì tôi phải nhờ những bạn bè, người thân của họ thuyết phục, giúp đỡ. Thí dụ như một vong linh bị chết trong một trận hỏa hoạn tại Luân-Đôn. Y bị kẹt trong tòa nhà ba từng, không sao thoát nên chết ngộp bởi khói. Y không tin mình đã chết nên thần thức vẫn vùng vẫy, tìm chỗ thoát thân. Tôi khuyên bảo nhưng y quá lo sợ chết cháy nên không chịu tin lời tôi. Sau tôi phải nhờ mẹ y đã từ trần nhiều năm trước đến khuyên bảo thì y mới chấp nhận và siêu thoát."

"Ông muốn nói rằng thân quyến có thể làm việc đó dù họ chết đã lâu?"

"Dĩ nhiên, sự liên hệ giữa con người với nhau đâu phải tình cờ mà do nhiều duyên nghiệp từ trước. Nếu sợi dây thân ái vẫn còn thì dù qua đời họ vẫn để ý lưu tâm đến những người họ yêu mến nhau. Dù đã siêu thoát lên cảnh giới trên nhưng họ vẫn sẵn sàng trở lại khuyên bảo, giúp đỡ con cháu của họ."

"Như vậy sau khi chết ta có thể gặp lại cha mẹ, ông bà, họ hàng thân thích hay sao?"

"Dĩ nhiên, như tôi vẫn nói con người khi sống ra sao thì chết vẫn vậy, đâu có đổi thay gì nhiều. Nếu tình cảm vẫn còn thì họ vẫn tìm đến gặp nhau là thường. Thật ra nếu ta xem sự chết như đi du lịch qua một thế giới mới, quang đãng, sáng sủa hơn thì chúng ta sẽ không có cảm tưởng như

xa người quá cố. Sự thật là không có điều gì chia cách linh hồn cả, khi ta yêu mến ai bằng những rung động chân thành, ta yêu mến họ qua linh hồn của họ chứ đâu phải chỉ xác thân. Xác tuy hư hại nhưng hồn họ vẫn ở quanh ta, tuy ta không thấy họ nhưng họ vẫn cảm xúc được tình thương của ta. Họ còn biết các đau buồn, cảm giác của ta vì họ đọc được tư tưởng. Dĩ nhiên, nếu họ vẫn theo dõi thì khi ta chết đi, họ sẽ đón tiếp để trấn an ta là đẳng khác. Đây là một vấn đề cần được lãnh hội cẩn thận vì khi hiểu biết ta sẽ không còn sợ hãi, ta chấp nhận sự chết như một việc hiển nhiên. Bên kia cửa tử cũng như cõi trần, luật thiên nhiên luôn luôn biểu hiện và hết sức công bằng."

"Làm sao chúng tôi có thể biết chắc rằng khi chết ta sẽ gặp người thân?"

"Như tôi đã trình bày, có bảy cảnh ở cõi Trung giới và sự thức tỉnh ở cảnh nào hoàn toàn tùy theo tâm thức con người rung động với nhịp rung của cảnh đó. Con người chỉ có thể tiếp xúc với vong linh ở cảnh đó hoặc cảnh thấp hơn mà thôi. Đa số những người qua đời đã lâu, thể Vía đã được thanh lọc nên thường sống ở cảnh giới cao hơn, do đó họ có thể tiếp xúc với những người ở cảnh giới thấp hơn nếu họ muốn. Ngược lại những kẻ thức tỉnh ở cảnh giới thấp rất ít khi biết đến các cảnh giới cao hơn, những kẻ thức tỉnh ở cảnh thứ bảy hay thứ sáu chỉ muốn tìm về cõi trần mà thôi ít khi ý thức cảnh giới khác. Có nhiều vong linh sau khi đã lên đến cảnh giới cao lại tìm về những cảnh thấp hơn, không phải họ ham mê gì cõi này nhưng vì lòng thương người, bác ái mà họ muốn giúp đỡ những người cùng cảnh ngộ, những kẻ lạc lỏng, bơ vơ không ý thức gì."

Hamoud im lặng một lúc rồi thong thả:

"Cứu trợ, giúp đỡ các vong linh bên kia cửa tử là một điều hết sức cần thiết vì người chết thì nhiều mà người hiểu biết lại chẳng có là bao nhiêu..."

"Nhưng đâu phải ai cũng làm được việc này, phải có các quang năng đặc biệt như ông hay đợi lúc chết mới giúp đỡ được chứ..."

Hamoud lắc đầu:

"Không phải khi từ trần mới làm được việc này, khi còn sống ta vẫn có thể làm được mà cũng không cần phải khai mở quang năng nào cả. Bất cứ ai biết suy nghĩ đều có thể làm được. Các ông nên hiểu rằng khi ngủ, thể Vía của ta được tự do có thể hoạt động bên cõi âm. Nếu ta tập trung tư tưởng trước khi ngủ vào một sự giúp đỡ, an ủi nhằm mục đích hướng dẫn, cứu trợ tất cả mọi người không phân biệt thì điều này sẽ được thực hiện."

"Chỉ thế thôi ư? Như vậy ai làm chả được."

"Dĩ nhiên, điều này không nguy hiểm gì hết vì tư tưởng có một sức mạnh thần giao đặc biệt và có một mãnh lực phi thường ở cõi âm. Nếu ta tập làm những việc này khi còn sống, ta sẽ không bỡ ngỡ, ngạc nhiên khi qua cõi bên kia vì ta đã quen thuộc với nó rồi. Ta còn gặp những người nhờ tư tưởng của ta mà được giúp đỡ là đẳng khác, dĩ nhiên họ sẽ đón tiếp ta nồng hậu và từ đó sẽ tiếp tục làm những công việc này..."

"Làm sao có thể dễ dàng như thế được?..."

Hamoud mỉm cười:

"Nghe thì dễ thật nhưng nó đòi hỏi một sự quyết tâm. Thứ nhất việc làm của ta phải bất vụ lợi, vị tha, vô tư vì cõi âm là cõi tư tưởng. Nếu ta có ý định mưu đồ một việc gì, những người khác biết ngay và hậu quả lại chưa biết thế nào mà lượng được. Thứ hai, đa số các vong linh đều u mê, ngoan cố rất khó thuyết phục vì các nghiệp quả trói buộc hoặc lưu luyến cõi trần vì con cháu khóc than, thương tiếc quá họ đâm ra xúc động khó siêu thoát. Do đó, công việc này đòi hỏi sự tế nhị, khéo léo và một tâm hồn an tĩnh, không bối rối, xúc động. Nhưng khi ta đã phát tâm thì tư tưởng này sẽ là một khí cụ rất tốt giúp đỡ ta rất nhiều. Theo ý kiến của tôi thì việc có một kiến thức rộng rãi về cõi âm là căn bản đầu tiên..."

Giáo sư Allen lắc đầu:

"Nếu nói rằng khi ngủ ta qua cõi âm, tại sao tôi không ý thức một tí gì cả? Phải có một bằng chứng nào rõ rệt mới tin như vậy được."

"Các ông nên hiểu về sự cấu tạo của con người: Trong lúc thức tỉnh, thể Vía là cây cầu cho tâm thức. Mọi sự va chạm, rung động, cảm xúc bên ngoài do hệ thần kinh giao cảm được thể Vía chuyển vào tâm thức sau đó mới ghi nhận ở khối óc. Bằng chứng là ta suy nghĩ trước khi ta hành động có phải không? Nguyên nhân giấc ngủ là sự mệt mỏi của thể xác, nó cần phục hồi sức khỏe nên nằm yên nhưng thể Vía lại khác, nó vẫn hoạt động vì bằng chứng là đôi khi ngủ say nhưng ta vẫn ý thức mọi việc xảy ra chung quanh có đúng như thế không? Thể Vía luôn rung động để đáp

ứng với hoàn cảnh chung quanh, vì tính chất này nó rất mẫn cảm với các rung động của bản năng, ham muốn, dục vọng. Các tính xấu như giận hờn, oán ghét chẳng qua là sự cô đọng của tư tưởng mà thôi. Sự cô đọng này tạo thành một lớp vỏ bao trùm lên thể Vía và ảnh hưởng của nó. Do đó, tính tình con người chỉ là một thói quen của tư tưởng. Như tôi đã trình bày, tư tưởng thanh cao cũng như hèn hạ đều bị thu hút vào thể vía và trực tiếp ảnh hưởng đến tình cảm con người. Bằng chứng là một người có tâm hồn thanh khiết không thể hợp với những nơi ồn ào náo nhiệt, ngược lại kẻ có tâm hồn náo động không thể chịu nơi vắng vẻ, êm đềm. Có người tự hỏi tại sao họ không thể ngồi yên một chỗ, không thể tu tập các pháp môn thiền quán? Ấy vì thể Vía họ lao chao, muốn động. Họ cần biết cách chủ trị tình cảm, thanh lọc thể vía. Các món đồ ăn nặng trọc như thịt cá, rượu các chất kích thích cũng đem vào thể Vía các đối phần nặng trọc. Người tu phải triệt để từ bỏ các món ăn này vì nó rất có hại cho việc tham thiền, quán tưởng. Thể xác và thể vía liên lạc với nhau qua bảy trung tâm giao điểm sinh lực gọi là Luân Xa, tại đây có một tấm màn cấu tạo bằng nguyên tử cõi trần để ngăn chặn ảnh hưởng cõi âm. Vì thế, ký ức và sinh hoạt lúc ngủ không chuyển sang khối óc vật chất tuy nhiên, đôi khi ngủ dậy ta vẫn mường tượng có một cái gì mà không sao nhớ được. Đối với một người bình thường thì luân xa không thức động nên tấm màn này khép chặt nhưng rượu, thịt, các chất kích thích có thể phá hoại tấm màn này khiến nó bị rách và ảnh hưởng cõi âm có thể chuyển qua cõi trần khiến y bị điên khùng hay rối loạn hệ thần kinh. Có khi cá nhân mất tự chủ, bị các loài ma quỷ nhập vào sai khiến."

Giáo sư Allen lên tiếng:

"Những điều ông trình bày rất lạ lùng, nhưng cũng có lý. Tuy nhiên, theo sự hiểu biết của chúng tôi thì khoa học không thể chứng minh điều này. Liệu có cách nào khiến chúng tôi cũng khai mở các quang năng để nghiên cứu cõi giới vô hình như ông không?"

Hamoud gật đầu:

"Sự khai mở quyền năng thuộc phạm vi tâm thức, trước khi mở tâm phải tinh luyện các thể đã. Nếu chưa thanh lọc được các thể thì đừng nói đến khai mở bất cứ một giác quan nào."

"Vậy ta phải luyện các thể bằng cách nào?"

"Tinh luyện thể Trí bằng sự suy tư chân chính. Trí tưởng tượng con người là một công cụ sáng tạo hữu hiệu, khi ta suy tư, tưởng tượng ta vô tình xây dựng thể Trí. Nếu ta chỉ suy tư những điều tốt lành, cao thượng thì ta đã luyện trí rồi. Sau thể Trí là thể Vía, thể này chỉ luyện bằng các ham muốn chân chính. Hãy ham mê các điều cao thượng thì tự khắc thể Vía sẽ phát triển."

"Ông nói nghe thật dễ dàng. Tư tưởng cao thượng và ham muốn chân chính là những điều trừu tượng, làm sao có thể làm được..."

"Đa số mọi người quan niệm như thế nên chả khi nào tiến bộ được. Con người muốn quyền năng, giải thoát nhưng chỉ chờ đợi một phép lạ, một tha lực ngoại giới chứ không tự tin rằng mình có khả năng làm những việc đó."

"Dù tôi muốn thanh lọc các thể thì cũng phải có một phương pháp, một sự hướng dẫn, một kỹ thuật nào đó chứ nói một cách trừu tượng thì ai nói chả được."

"Theo sự hiểu biết của tôi thì Tôn giáo nào cũng dạy những điều cao đẹp và áp dụng những lời dạy này chả phải một phương pháp, kỹ thuật thanh lọc các thể hay sao?"

"Như vậy ông theo phương pháp nào? Hãy nói về kinh nghiệm của ông đã..."

Hamoud trầm ngâm rồi gật đầu:

"Được lắm, tôi được truyền thụ phương pháp này tại một tu viện ở Tây Tạng nên chịu ảnh hưởng Phật Giáo rất nhiều: Thứ nhứt là luyện thể xác, phải biết cách kiểm soát, kiềm chế thể xác hoàn toàn, quy định mọi hoạt động như ăn, uống, ngủ cho thật đúng. Thức ăn được phân làm ba loại: Tĩnh, Động và Điều Hoà, người tập phải tránh đồ ăn "Tĩnh" vì nó làm thể xác hôn mê, lười biếng, bất động. Các thức ăn có đặc tính "Tĩnh" là các món đang lên men, các thứ đồ khô, các loại rượu. Các món ăn có đặc tính "Động" như thịt, cá thường đem lại các kích thích hăng hái nhất thời, xác chết thú vật gồm nhiều nguyên tử nặng nề bởi các thú tính thấp hèn không thích hợp cho việc tu hành, thanh lọc. Chỉ có các món ăn "Điều Hòa" như các thứ có khả năng tăng trưởng, chứa nhiều sự sống như ngũ cốc vì nó sắp đâm mầm, nẩy lộc, các loại trái cây vốn tràn đầy nhựa sống, các loại rau cỏ vốn hấp thụ khí thái dương cần thiết cho một thể xác cường tráng, nhạy cảm.

Sau việc ăn uống còn phải thở hít, hô hấp cho đúng cách. Khoa học chứng minh con người sống được là nhờ hơi thở nhưng thật ra đó là nhờ Sinh khí (Prana).

Chính các sinh khí này thấm nhuần khắp cơ thể, mang sự sống đến khắp tế bào. Prana xuất phát từ ánh sáng mặt trời, nó rung động và pha trộn trong không khí. Bằng cách hô hấp thật sâu, thong thả, Prana sẽ thấm vào thần kinh hệ và lưu thông khắp châu thân mang sự sống khắp xác thể. Chính các Prana tích tụ trong hệ thần kinh tạo ra luồng "Nhân điện" một yếu tố quan trọng của sự sống.

Tóm lại, dinh dưỡng đúng cách bằng các món ăn có đặc tính điều hòa, tập thở hít đúng cách là phương pháp tinh luyện thể xác vô cùng quan trọng. Như các ông thấy, phương pháp này không có gì trái với khoa học hiện tại, cách thực hành có thể khác nhau tùy cá nhân, người gọi nó là thể dục, người gọi nó là thiền định điều này không quan trọng vì căn bản chính chỉ nhằm đem lại một thể xác lành mạnh, cường tráng. Người luyện thể xác cần sống nơi thoáng khí, nhiều ánh sáng mặt trời để đón nhận các sinh lực prana nhằm bổ túc luồng nhân điện. Các món ăn như thịt cá mang lại các rung động thô bạo khiến luồng nhân điện này chạy loạn lên khó kiểm soát gây nên các bệnh tật hoặc phá hoại hệ thần kinh. Các món ăn Tĩnh như rượu làm tê liệt bộ thần kinh khiến luồng nhân điện bị ngắt quãng không đều ngăn trở các sinh khí prana lưu thông mang sinh lực nuôi thể xác gây nên nhiều hậu quả không tốt.

Sau khi thanh lọc thể xác ta bắt đầu luyện đến thể Vía: Thể Vía là trung tâm của tình cảm, một khi tình cảm trong sạch, vị tha, bác ái đương nhiên các chất thanh nhẹ sẽ được hấp thụ vào và các chất nặng trọc, xấu xa sẽ bị đào thải ra ngoài theo một nguyên lý giống như sự thẩm máu (Osmosis). Khi thể Vía thanh cao nó sẽ rung động với các tư tưởng cao thượng mang tâm thức lên một bình điện cao hơn. Khi sự rung động (Vibration) đến một chu kỳ nào đó (In-phase) các giác quan thể vía bắt đầu khai mở và tự nhiên con người sẽ bắt đầu có quyền năng đặc biệt. Nói một cách khoa học hơn, các giác quan thể Vía chỉ hoạt động ở một chu kỳ và chỉ khi thể Vía rung động đúng chu kỳ này nó mới được đánh thức để hoạt động. Thể vía chỉ có thể rung động ở chu kỳ này khi nó được cấu tạo bằng những nguyên tử thật thanh, nhẹ khi những nguyên tử nặng trọc bị khu trục hết, điều này chỉ xảy ra khi con người chỉ có các tình cảm cao thượng lòng bác ái tốt lành bao trùm mọi vật. Đó là bí quyết cách luyện thể Vía.

Khi bảy giác quan của thể vía hoạt động, nó sẽ khai mở một số bí huyệt để luồng hỏa hầu Kundalini thức giấc, khi luồng hỏa hầu này chạy dọc theo xương sống lên đỉnh đầu, nó sẽ thúc đẩy, khai mở thể trí khiến nó khai triển để hợp nhất với chơn thần. Khi thể trí khai triển, mở lớn ra nó sẽ khởi sự tiêu diệt cái phàm ngã ích kỷ của con người để hướng lên các điều thánh thiện. Đây là một giai đoạn vô cùng khó khăn, rất ít ai vượt qua nổi: Danh từ Phật giáo gọi là Phật tánh biểu lộ, danh từ Thiên Chúa Giáo gọi là sự quên mình để hòa nhập với đấng Cứu Thế, danh từ Ấn Giáo gọi là sự hợp nhất với Chân Ngã. Nói một cách giản dị thì đây là lúc trí tuệ quy kết các tư tưởng và hoạt động về tình huynh đệ, bác ái nhu thuận, từ bi, trí tuệ, vị tha, hỷ xả để kết tinh thành chân ngã. Khi phàm ngã hoàn toàn bị hủy diệt, các thể cũng hoàn toàn được thanh lọc thì không còn sự phân biệt giữa ta và tha nhân, giữa chủ thể và đối tượng mà tất cả đều là một. Thể trí không còn tính cách cá nhân mà đã thành "Đại Trí" hay trí tuệ "Bát nhã". Tâm thức cũng không còn là tâm cá nhân mà thành tâm thức "Bồ Đề" hòa hợp hoàn toàn với tâm thức vũ trụ. Cả tâm lẫn trí mở rộng đón nhận ánh sáng chân lý mà không còn phải học hỏi, lý luận gì nữa. Đây chính là giai đoạn giác ngộ của người tu. Họ trở nên một đấng siêu nhân, một vị Tổ, một vị Thánh..."

Giáo sư Evans-Wentz thắc mắc:

"Căn cứ vào đâu ta biết được như vậy? Phải có bằng chứng gì chứ?"

Hamoud lắc đầu:

"Các kinh nghiệm quý báu, thiêng liêng đó chỉ có các bậc giác ngộ rồi mới hiểu được. Không một vị thánh nào vỗ ngực tự xưng đã đạt quả vị này hay quyền năng nọ. Khi đã giác ngộ thì chức tước, danh vọng, địa vị đâu có nghĩa lý gì nữa vì họ đâu còn bản ngã thấp hèn như chúng ta để phân biệt. Chỉ có các "bậc lừa bịp", các tu sĩ giả mạo mới thích danh vọng, chức tước vì bản ngã họ còn to lớn và cần các danh xưng, địa vị để lừa bịp tín đồ nhẹ dạ."

"Trên nguyên tắc thì như vậy nhưng còn phương pháp, kỹ thuật thì ra sao?"

"Phương pháp, kỹ thuật thì rất nhiều, con đường đến chân lý cũng thế tùy theo nhân duyên, căn cơ cá nhân không thể áp dụng một kỹ thuật nào cứng nhắc được. Phương pháp, kỹ thuật có thể khác nhau nhưng nguyên tắc chỉ có một. Sự thật là chân lý luôn luôn được truyền dạy dưới hình thức này hay hình thức khác tùy theo điều kiện, hoàn cảnh và phương tiện. Phương pháp tuy khác nhưng chân lý vẫn là một giống như nước suối hay nước sông thì vẫn là nước mà thôi (Tùy duyên bất biến).

Chân lý có thể được truyền dạy bởi những thầy phù thủy trong các bộ lạc man dã hoặc các bậc giáo chủ trong kinh điển tôn giáo. Kinh điển hay tôn giáo có thể khác nhau về hình thức nhưng vẫn có những điểm tương đồng mà ta phải chấp nhận."

"Chấp nhận phải chăng là một hình thức của tin tưởng?"

"Con đường đạo đòi hỏi một đức tin nhưng không phải nhắm mắt tin tưởng bừa bãi. Đức tin chỉ đến sau khi người tìm đạo tự mình nhận thức rõ ràng, sau khi hiểu biết chứng nghiệm nó một cách rốt ráo. Các ông là những khoa học gia, không đời nào các ông tin tưởng một sự kiện gì nếu không kiểm chứng rõ ràng, sự nghi ngờ là một điều cần thiết nhưng nếu có những sự kiện mà khoa học không thể chứng minh hay chưa thể chứng minh được các ông sẽ phải làm gì? Phủ nhận chăng? Nếu phủ nhận các ông đã bỏ qua một cơ hội tìm hiểu nghiên cứu. Nếu chấp nhận mà không kiểm chứng thì các ông đã mù quáng tin tưởng bừa bãi. Tôi không mong các ông phải tin tưởng những điều tôi trình bày, nhưng mong các ông hãy suy gẫm, nghiên cứu nó, nếu chưa thể sử dụng các dụng cụ khoa học thực nghiệm để chứng minh thì hãy sử dụng lý trí, trực giác vì sự nghiên cứu cõi âm là một khoa học chứ không phải một sự tin tưởng bừa bãi. Kiến thức về cõi giới này sẽ giúp đỡ nhiều người, tôi tin rằng trong một ngày không xa sẽ có nhiều cuộc nghiên cứu về đối tượng này."

"Tại sao ông không công bố những điều tìm được cho mọi người? Tại sao ông lại ẩn thân một nơi hoang vu như thế này? Nếu ông muốn kiến thức về cõi giới này được nghiên cứu rộng rãi thì ông phải là người khởi xướng nó lên để mọi người được biết và biết đâu chẳng có những cuộc nghiên cứu theo sau?"

Hamoud mỉm cười:

"Khi trình độ con người chưa đến lúc, có những điều chưa thể công bố được. Các bậc giáo chủ ngày trước chẳng giảng dạy chân lý ra làm hai phần Công truyền và Bí truyền hay sao? Tại sao các ngài lại dạy riêng cho một thiểu số môn đồ môn giáo lý bí truyền? Phải chăng các ngài biết chỉ một thiểu số người có thể lĩnh hội những điều ngài giảng dạy. Khoa học nghiên cứu về cõi âm cũng có những sự nguy hiểm riêng của nó, không thể truyền dạy bừa bãi cho tất cả mọi người."

"Xin ông giải thích rõ hơn về việc này, tại sao lại nguy hiểm?"

"Tôi vừa trình bày cho các ông một phương pháp tinh luyện các thể như tôi đã được truyền dạy. Dĩ nhiên, còn có nhiều phương pháp khác cũng mang lại các kết quả tương tự nhưng cứu cánh lại khác hẳn. Có hàng trăm phương pháp phát triển năng khiếu thần thông nhưng người tu phải hiểu rằng quyền năng chỉ là những phương tiện thấp thỏi, giúp ta mở rộng kiến thức. Quyền năng không bao giờ là một cứu cánh, một mục đích. Sự tham luyến, vọng tưởng sẽ đưa người có quyền năng vào ma đạo. Người tu hành cần ý thức rõ rệt rằng chỉ khi nào phàm ngã hoàn toàn bị tiêu diệt thì con người mới thoát khỏi ảo ảnh của màn vô minh và thực sự chứng nghiệm chân lý. Quyền năng càng cao ta càng phải lập hạnh, nghiêm khắc giữ gìn đề cao cảnh giác các ảo ảnh của vô minh..."

"Ông nói đến vô minh như một cái gì trừu tượng, liệu ông có thể lấy một thí dụ dễ hiểu hơn không vì danh từ này còn xa lạ với chúng tôi?"

"Hãy lấy thí dụ một người tu hành công phu khổ luyện đã bắt đầu khai mở vài quyền năng thô thiển như Thần Nhãn chẳng hạn. Vì số người có quyền năng này ở cõi trần rất ít, người đó đã tưởng mình tiến bộ vượt bực, đã trở nên một đấng này, đấng nọ. Lòng kiêu căng phát triển xúi dục họ nghĩ rằng mình đã đắc quả vị lớn lao, đã được giao phó các sứ mạng cao cả. Họ tự phong cho mình những chức tước, danh vọng hoặc đôi khi tín đồ xưng tụng cho họ là đấng này, đấng nọ thì họ cũng chấp nhận tuốt, họ nghĩ mình đã sáng suốt, cao cả thì còn lầm lạc thế nào được nữa... Họ đâu hiểu rằng trong cõi âm có rất nhiều vong linh bất hảo hay tìm cách hướng dẫn sai lạc những người non nớt vừa bắt đầu khai mở quyền năng. Dĩ nhiên với trí tuệ nông cạn, họ không có một tiêu chuẩn nào để xét đoán, hiểu biết những hiện tượng, những điều họ nhìn thấy và trắc nghiệm xem điều đó có hợp với chân lý hay không? Bởi thế họ dễ bị lung lạc để trở nên một tay sai đắc lực của các vông linh, ma quỷ, các sinh vật vô hình. Như các ông đã thấy những pháp sư, thầy phù thủy, các tu sĩ thiếu sáng suốt, thiếu công phu tu hành, thiếu trì giới đều rơi vào cạm bẫy của vô minh cả. Họ có một vài quyền năng thật nhưng không sử dụng nó vào mục đích giúp đời mà sử dụng vào các việc ích kỷ hại nhân..."

"Nhưng làm sao tránh được các điều này? Làm sao một người mới bắt đầu có quyền năng biết được những điều mình nhìn thấy không phải là một ảo ảnh của vô minh, những điều mình chứng nghiệm không phải một sự truyền dạy vu vơ của loài sinh vật vô hình?"

Hamoud nghiêm trang tuyên bố:

"Người nào sống một đời tinh khiết về tư tưởng và hành động, không bị ô nhiểm bởi ích kỷ thì sẽ được che chở. Vì các rung động thanh cao, các ảnh hưởng xấu không thể xâm nhập, các vong linh bất hảo thấy người đó không có gì để chúng lợi dụng được. Trái lại, một người còn nhiều tham vọng, thiếu công phu trì giới thì chính sự rung động bất thiện phát xuất từ nội tâm người đó sẽ hấp dẫn các vong linh, ma quái đến quanh. Trong họ còn đầy đủ các khí cụ như Tham, Sân, Si hay ích kỷ, mê muội thì quá dễ dàng để các vong linh lợi dụng. Một tu sĩ bất cứ tôn giáo nào cũng đều phải giữ giới, tuân các điều răn vì các bậc giáo chủ sáng lập tôn giáo đã đi qua con đường đó, đã biết các hiểm nguy và đặt ra cấm điều để cho người theo sau biết đường mà tránh."

"Nhưng các lối tu luyện thần thông vào mục đích nhất định như chữa bệnh thì sao?"

"Điều này tùy tâm thức người luyện nhưng theo sự hiểu biết của tôi bất cứ lối tập luyện nào thiếu sự đứng đắn đều đưa vào con đường nguy hiểm. Các ông nên biết một khi có quyền năng, dù là một quyền năng hạ cấp rất thô thiển, kẻ sử dụng nó đều có thể làm nhiều việc mà người bình thường cho là "Phi thường" vì đa số nhân loại chưa có khả năng đó. Điều này khiến kẻ luyện dễ trở nên kiêu căng và nếu không trong sạch, y có thể sử dụng quyền năng vào các điều tà muội."

Giáo sư Allen lắc đầu:

"Ông nói điều xấu, điều tốt như có một tiêu chuẩn rõ ràng vậy. Tại sao ông không nghĩ xấu hay tốt chỉ là những điều tương đối, một điều người Âu cho là vô lý có thể người Á lại chấp nhận như một sự kiện hữu lý..."

Hamoud gật đầu:

"Đúng thế, quan niệm xấu tốt, thiện ác ít nhiều chịu ảnh hưởng xã hội nhưng vượt lên cao hơn nữa chúng ta vẫn có luật vũ trụ kia mà. Theo sự hiểu biết của tôi thì có hai con đường: Chính đạo và Tà đạo.

Con người làm chuyện tà đạo là khi y dùng quyền năng tiềm tàng của mình để mưu lợi riêng cho sự phát triển cá nhân và sẵn sàng hy sinh hạnh phúc của kẻ khác. Phát triển cá nhân ở đây có nghĩa là sự bành trướng về giác quan, cảm xúc hay tri thức của cá nhân mà không đếm xỉa đến sự thiệt hại cho kẻ khác. Một người lợi dụng sự ngu dốt, yếu đuối của kẻ khác để thu lấy ít lợi lộc về tiền bạc hay thỏa mãn tham vọng cá nhân tức là đang đi trên con đường tà đạo. Nếu y có chút quyền năng y sẽ trở nên ghê gớm như thế nào?

Chánh đạo cũng là việc sử dụng những quyền năng của mình nhưng để phụng sự nhân loại. Trong khi phụng sự, con người sẵn sàng hy sinh mọi tiện nghi, tham vọng cá nhân mình để làm việc hữu ích cho kẻ khác. Kẻ phụng sự dứt tuyệt các thú vui về giác quan, từ bỏ mọi tôn kính chính đáng mà y có quyền hưởng thụ, dẹp bỏ cái phàm ngã cá nhân mà chỉ chú trọng đến mục đích là đạt đến sự toàn thiện.

Tà đạo là sử dụng quyền năng qua các hình thức lễ nghi, cúng bái trợ lực để tạo nên các đoàn thể, hình thức, các hình thức này có thể là vật chất hay một tổ chức mà công cụ của nó không phải lo cho đời sống chúng hay một lý tưởng cao thượng mà chỉ là một hình thức cho quan niệm riêng của mình phát biểu.

Chánh đạo là sử dụng các quyền năng cố hữu của bản chất con người để vượt qua mọi hạn định của hình thức, để giải thoát tâm hồn khỏi các trói buộc của cảm giác, sự tưởng tượng hay xu hướng nhất thời, để tránh các cám dỗ, lừa gạt của vô minh để phục vụ cái phần bất tử thiêng liêng của bản thể, chân như.

Một người nghiên cứu huyền môn có thể đi trên đường chính cũng như tà, họ có thể tìm cách phát triển cá nhân qua sự tự chủ gắt gao để khai mở các quyền năng, thu thập kiến thức. Họ cũng có thể ao ước cõi thiên đàng mở rộng trong lòng mọi người và chính trong họ qua các hành động bác ái, vị tha. Trong hai trường hợp, hạng đầu cầu mong kiến thức, quyền năng khi hạng sau muốn trở nên người hữu dụng. Càng đi xa thì sự tiến bộ càng khác biệt. Người sử dụng kiến thức, quyền năng để phụng sự, sẽ trở nên một bậc "Bồ Tát" và chỉ có trái tim Bồ Tát mới là ánh sáng soi đường, chỉ lối giúp họ đi trọn vẹn con đường đạo. Người cầu trí thức cho mình chỉ quanh quẩn trong phạm trù cá nhân một lúc, thiếu từ bi trí tuệ y rất dễ bị sa ngã vào ma đạo lúc nào không hay. Không có trí tuệ bát nhã soi đường y dễ trở thành nạn nhân của vô minh. Điều này cũng như một người đi biển mà không có bản đồ, la bàn định hướng mà đi bừa bãi thì làm sao đến nơi được. Đường đạo cũng thế, một tu sĩ phải trì giới nghiêm minh để tu thân nhưng thế vẫn

chưa đủ mà còn phải lập những hạnh nguyện, xác định mục đích rõ ràng để hành động, có tu thì phải có hành, phải biết đem kiến thức của mình ra để giúp ích cho những người khác. Trí tuệ phải đi đôi với Bác ái, có "Trí" mà thiếu cái "Tâm" chỉ là mớ kiến thức vô dụng, một cái xác không hồn. Có "Tâm" mà thiếu "Trí" cũng không được vì sẽ dễ sa ngã, đi lầm vào tà đạo. Đó là điều đã xảy ra trong quá khứ, các tu sĩ thiếu kiến thức, trí tuệ đã bị vô minh che phủ, họ coi Thượng Đế như một đấng thần linh để thờ phụng, tách ngài ra khỏi tín đồ và dạy bảo rằng ngài cao siêu quá, không thể nói chuyện với những người tầm thường được mà phải qua sự trung gian của giới tăng lữ. Họ đặt đủ các ngôn từ hoa mỹ, thêu gấm dệt hoa vào giáo điều để tín đồ quay cuồng trong ngôn ngữ mà xa lánh chân lý thực tế. Dần dần các chân lý cao đẹp bị bao phủ bằng các hình thức mê tín dị đoan, các điều sằng bậy và đưa nó vào chỗ suy tàn... Đó là điều đã xảy ra cho tôn giáo Ai Cập."

Giáo sư Wentz ngắt lời:

"Xin ông nói rõ hơn về sự suy tàn của nền văn minh Ai Cập, lịch sử vẫn chưa hiểu tại sao nền văn minh này lại suy tàn nhanh chóng như vậy?"

Hamoud im lặng như hồi tưởng một ký ức xa xôi nào đó, một lúc sau y gật đầu:

"Có nhiều giả thuyết về sự suy tàn của nền văn minh Ai Cập, đa số đổ lỗi cho chiến tranh, bệnh dịch, thiên tai nhưng ít ai biết rõ nguyên nhân sâu xa. Tôi không có ý muốn tiết lộ những điều này vì mục đích buổi tiếp xúc hôm nay là nói chuyện, tham khảo về cõi giới vô hình. Tuy nhiên, tôi sẵn sàng tiết lộ những điều thầm kín như một nhân duyên đặc biệt với các ông, điều này không phải tự ý tôi nhưng do một thông điệp tư tưởng của một vị chân sư chuyển giao. Tôi muốn tiết lộ những điều này như một cảnh cáo đối với thế giới ngày nay để họ không đi vào vết xe những việc xảy ra trong qua khứ..."

Một lần nữa, sự hiện diện của một vị chân sư bí mật lại được nhắc đến khiến mọi người vô cùng cảm kích. Vị pháp sư Ai Cập ngửa mặt nhìn lên trời như ôn lại dĩ vãng:

"Trong thời buổi vàng son, nền văn minh Ai Cập đến lúc cực thịnh. Các đạo viện với những minh sư truyền dạy khoa học huyền môn, đưa dân trí đến một mức tiến bộ vượt xa thời buổi hiện nay. Tuy nhiên, theo thời gian nhiều tu sĩ đã không giữ gìn giới luật khắc khe hoặc thấu hiểu các giáo điều cao siêu. Họ bèn tìm một lối đi ngắn hơn và dễ hơn, chú trọng về phương pháp kỹ thuật (techniques) để đạt đến quyền năng. Thần thông trở nên mục đích chứ không phải phương tiện nữa. Để đạt mục đích, họ không ngần ngại hy sinh quyền lợi tôn giáo, quốc gia... Thiếu sáng suốt nên họ đi vào ma đạo và chịu sự sai khiến của các động lực bất hảo. Các tăng lữ này lập thành phe nhóm, liên kết lẫn nhau để tạo một ảnh hưởng cực mạnh đến nỗi các vua Pharaoh hách dịch cũng phải kiêng dè. Họ lạm dụng danh từ tôn giáo, thần linh, truyền bá các tà thuật, phù phép, thần chú hắc ám để lôi cuốn tín đồ. Dĩ nhiên với các tà thuật, họ có thể làm mọi thứ mà một người bình thường vô phương chống lại. Chỉ một thời gian ngắn, dân chúng đều trở nên nạn nhân của một thứ Tà giáo. Các vị pháp sư trở nên sứ giả của cõi âm, một thứ quỷ sống đội lốt người, họ còn kêu gọi những âm binh hung ác nhất đến giúp họ đạt các mục đích tà muội.

Trong đền thờ, khoa phù thủy thay thế sinh hoạt tâm linh và các tu sĩ chân chính bị loại trừ, đào thải nhanh chóng. Cũng vì thế, khoa huyền môn chân chính trở nên thất truyền vì không người tu học, nghiên cứu. Các tu sĩ chân chính phải trốn tránh, từ bỏ các giáo đường uy nghiêm. Nền văn minh đặt căn bản trên kiến thức huyền môn cũng tàn lụi khi cánh cửa huyền môn chân chính khép chặt. Các ông nên rõ, trong thời cổ, hầu hết các khoa học gia, y sĩ, các nhà toán học kiến trúc đều xuất thân từ giới tu sĩ hoặc học hỏi trong các tu viện vì thời đó không có trường học hay một nền giáo dục như bây giờ. Khi bùa chú, phép thuật mê hoặc nhân tâm, thúc đẩy con người tư bỏ Thượng Đế để tôn thờ các loài ma quái thì các thứ như Chiêm tinh, Toán học, Kiến trúc không còn lý do để tồn tại.

Thời gian trôi qua, nền văn minh Ai Cập huy hoàng đã xuống dốc cực kỳ thảm hại. Chính các tu sĩ lầm lạc, ích kỷ đầy tham vọng đã là nguyên nhân gây nên hoàn cảnh trên, họ lợi dụng danh nghĩa "Tôn giáo", một thứ tôn giáo ma quái, xa lìa Thượng Đế để đưa Ai Cập vào con đường thoái hóa. Thay vì lo giải thoát cho chính mình khỏi mê lầm thì họ lại hướng dẫn quần chúng vào ma đạo. Thay vì tuân theo các giới luật thì họ lại phá giới, ngụy biện bằng các danh từ hoa mỹ, tốt đẹp. Thay vì kiểm thảo nội tâm họ lại lập phe nhóm bênh vực lẫn nhau để che dấu các hành vi tà muội. Khoa nghi thức hành lễ mất hết các tính cách thiêng liêng mà chỉ còn hình thức bề ngoài, kêu gọi một năng lực ngoại giới đến trợ giúp quyền uy giáo sĩ. Sự hiến dâng biến thành hối lộ, tu sĩ lựa chọn các thứ mình thích nhất như món ăn, thiếu nữ xinh đẹp để Tế Thần và sau đó đem chia chác lẫn nhau cùng hưởng thụ. Thượng Đế nhân từ bác ái bỗng biến thành một thần linh

toàn lực, toàn uy, trọn quyền thưởng phạt mà giới giáo sĩ là trung gian. Để lung lạc nhân tâm, khoa bùa chú, thôi miên được sử dụng tối đa như một phương tiện cần thiết để thỏa mãn tham vọng cá nhân.

Để tránh các tinh túy huyền môn không lọt vào tay giới bàn môn tà đạo, các tu sĩ chân chính đã sử dụng khoa Ám Tự (Hierograph). Đây là một văn tự huyền bí ẩn dấu nhiều ý nghĩa tâm linh mà chỉ các tu sĩ chân chính sau khi vượt qua các thử thách mới được tiết lộ. Sự sử dụng ý nghĩa tượng trưng (Symbol) hoặc tỷ dụ (Parapol) được sử dụng tối đa. Chính Moses về sau đã sử dụng ngôn ngữ này trong các cuốn sách của Do Thái (Bộ sách Pentateuque).

Sự bành trướng của nhóm Tà đạo quá mạnh, các tu sĩ chân chính phải rút vào rừng sâu núi thẳm và cuối cùng thì khoa Huyền môn chân chính cũng thất truyền. Một số giáo sĩ, khoa học gia, các nhà Toán học, kiến trúc trốn sang Hy Lạp và truyền dạy các khoa này tại đây, mở đầu cho một nền văn minh mới. Trong khi đó, để lôi cuốn phe đảng, vấn đề truyền giáo được đặt ra và giới tăng lữ buộc các vua Pharaoh phải gây chiến tranh truyền bá tôn giáo. Các cuộc "Thánh Chiến" này đã đem lại một giai cấp mới: Nô lệ."

Giáo sư Mortimer ngạc nhiên:

"Như vậy trước đó không có nô lệ hay sao?"

Hamoud lắc đầu:

"Nền văn minh cổ đặt căn bản trên sự bác ái, hoàn hảo của từng cá nhân làm gì có vấn đề nô lệ. Hiện tượng nô lệ chỉ bắt đầu khi văn hóa suy đồi, giới tu sĩ lộng hành và sau các cuộc chiến tranh. Lúc đầu họ là tù binh chiến tranh về sau họ trở thành nô lệ. Sau đó các giáo sĩ đặt ra luật những ai không cùng tôn giáo đều bị coi là nô lệ. Dân Do Thái vì khác tôn giáo nên trở thành nạn nhân đầu tiên. Tình trạng nô lệ thay đổi xã hội rất nhiều, các giáo sĩ không cần sử dụng bùa chú, thôi miên để thỏa mãn dục vọng nữa, các nô lệ đương nhiên phải làm tất cả những gì giới chủ nhân muốn. Theo thời gian, pháp môn phù thủy, bùa chú cũng thất truyền vì giới tu sĩ không cần đến nó nữa. Khi các phép thuật biến mất thì uy tín các giáo sĩ cũng giảm theo và các vua Pharaoh bắt đầu hạn chế quyền lực các giáo sĩ. Khi nền văn minh xuống dốc, các chân lý tốt đẹp biến mất, đời sống hưởng thụ của tiện nghi vật chất khiến các vua chúa trở nên ích kỷ, chỉ muốn kéo dài đời sống nên phong tục xây cất nhà mồ, ướp xác trở nên thịnh hành vì nó hứa hẹn một đời sống vĩnh cửu. Công cuộc xây cất những ngôi mộ vĩ đại đã khánh kiệt tài sản quốc gia, đưa xã hội Ai Cập vào một tình trạng suy thoái... Do đó, Ai Cập trở nên một miếng mồi ngon cho Ba Tư và Hy Lạp... Lịch sử đã ghi chép khá rõ ràng từ lúc này, tôi chắc các ông đã biết rõ..."

Phái đoàn im lặng nhìn nhau, sự suy yếu của Ai Cập sau khi bị Ba Tư, Hy Lạp cai trị không phải là một điều xa lạ gì, nhưng tại sao một nền văn minh như Ai Cập đã xây cất những Kim Tự Tháp hùng vĩ, đã sản xuất biết bao nhân tài, ảnh hưởng rộng đến toàn cõi Trung Đông lại suy sụp mau chóng vẫn còn là một câu hỏi lịch sử. Lời giải thích của Hamoud là một chìa khóa vô giá về lịch sử xứ này.

Nhà pháp sư Ai Cập mỉm cười nhìn tất cả mọi người:

"Lịch sử nhân loại luôn luôn biến đổi theo chu kỳ, nhiều việc xảy ra trong quá khứ sẽ tiếp diễn lại. Có sống trong thời buổi đen tối, hỗn loạn, đầy đau khổ hoang mang nhân loại mới ao ước cõi tâm linh cao thượng. Nhu cầu này sẽ được đáp ứng và một đấng thánh nhân sẽ chuyển kiếp xuống trần, mở rộng cánh cửa tâm linh, hướng dẫn nhân loại thoát khỏi dưới một hình thức, phương tiện thích hợp với hoàn cảnh thời gian và không gian khi đó.

Điều này đã xảy ra nhiều lần tại các nơi khác nhau trên thế giới từ Trung Hoa qua Ấn Độ và đến Trung Đông. Các bậc thánh nhân đều rao truyền những chân lý cao siêu, đẹp đẽ nhưng vì nhân loại cứ u mê, thiếu hiểu biết nên chỉ ít lâu sau tất cả lại quay cuồng vào vết xe cũ. Các chân lý cao đẹp bị xuyên tạc, sửa đổi, giảng giải sai lạc bởi các giáo sĩ mê tín, thành kiến đầy cuồng tín.

Dù sao chăng nữa bánh xe tiến hóa vẫn quay đều và trong mọi hoàn cảnh, thời đại nào cũng có các cá nhân cố gắng vượt mức để tự giải thoát ra khỏi ảo ảnh của màn vô minh để nhận định chân lý..."

Hamoud im lặng một lúc rồi thong thả:

"Tôi muốn các ông ghi nhận một điều này, các ông có thể coi đó như một lời tiên đoán hay cảnh cáo trước cũng được:

Thời gian sắp đến sẽ là một giai đoạn cực kỳ tiến bộ về tri thức nhưng thoái bộ về tâm linh. Mọi sự hiểu biết chỉ nhằm vào hiện tượng (Phenomenon) thay vì nguyên nhân, bản chất do đó, nền

khoa học tương lai không thể chuyển biến được lòng người hoặc giúp cho họ một cái nhìn sáng suốt, một tâm hồn bình an.

Nền "khoa học hiện tượng" chỉ kích thích giác quan, cảm xúc hướng ngoại sẽ khiến con người cực kỳ bất mãn, lo âu và trở nên hoang mang phiêu bạt. Thêm vào đó nữa, sự khai quật các ngôi cổ mộ Ai Cập sẽ tháo cũi sổ lồng cho vô số âm binh, các động lực cực kỳ hung dữ. Như tôi vừa kể cho các ông, thời kỳ chót của nền văn minh Ai Cập các giáo sĩ đã thực hành tà thuật tối đa mà khoa ướp xác là một bí thuật mang sự liên lạc của cõi vô hình vào cõi trần. Tất cả ngôi cổ mộ đều là nơi giam giữ các động lực vô hình để canh giữ, duy trì ảnh hưởng tà môn.

Khi được tháo cũi, chúng sẽ mang nền Tà giáo cổ Ai Cập trở lại thế kỷ này, dĩ nhiên dưới một hình thức nào nó hợp thời hơn. Một số pháp sư vốn là sứ giả cõi âm sẽ đầu thai trở lại hoặc nhập xác để tác oai, tác quái tái tạo một xã hội tối tăm, sa đọa đi ngược trào lưu tiến hóa của Thượng Đế. Thế giới sẽ trở thành nạn nhân của thứ Tôn giáo ma quái này... Chiến tranh, đau khổ, bất an cùng các kích thích cảm giác mới lạ do nền "khoa học hiện tượng" mang lại sẽ thúc đẩy con người vào các cùng cực của cuộc sống.

Trong thời buổi này, khối óc lý trí không giúp được gì mà chỉ có sự hiểu biết và ý thức bản chất thầm lặng của nội tâm mới đáp ứng được. Đó là lối thoát duy nhất mà thôi."

Giáo sư Allen ngắt lời:

"Nhưng đã có bằng chứng gì về sự hiện diện của các động lực vô hình này, làm sao có thể cảnh cáo mọi người về sự trở lại của các pháp sư thời cổ?

Người Âu Mỹ sẽ chả bao giờ chấp nhận một điều hoang đường, vô lý nếu không có bằng chứng rõ rệt."

Hamoud mỉm cười bí mật:

"Cõi âm là đối tượng nghiên cứu của tôi nên tôi có thể trình bày một vài dữ kiện để các ông suy nghiệm như một bằng chứng. Chuyện xảy ra đã bắt đầu xảy ra, theo thời gian các ông sẽ thấy. Dù các pháp sư tà đạo thời cổ này có khéo léo dẫn dụ con người bằng những danh từ hoa mỹ, những chủ thuyết đẹp đẽ thế đâu đi nữa thì họ vẫn chỉ có thể sống như một con người. Dù thế nào họ cũng không thể bỏ qua các thói quen cũ của quá khứ, họ sẽ đội lốt tôn giáo, họ sẽ kêu gọi sự hợp tác của Thần quyền, họ sẽ đặt ra các giáo điều mới thay thế các chân lý cao đẹp để lôi kéo con người từ bỏ Thượng Đế. Họ sẽ sử dụng danh từ, ngôn ngữ để đánh lạc hướng mọi người, tuy nhiên trước sau gì họ cũng phải chết và trước khi chết họ sẽ di chúc yêu cầu ướp xác họ và xây dựng những nhà mồ vĩ đại bằng đá như họ đã từng làm trong quá khứ..."

Giáo sư Allen bật cười:

"Như vậy thì nhận diện họ quá dễ, nhưng tôi không tin thời buổi này còn ai ướp xác, xây cất nhà mồ như vậy, ông nên nhớ chúng ta đã bắt đầu vào thế kỷ hai mươi, không phải tám ngàn năm trước..."

Hamoud mỉm cười:

"Rồi các ông sẽ thấy, tôi mong các ông ghi chép những điều này cẩn thận rồi đúng hay sai thời gian sẽ trả lời."

"Yêu cầu chấm dứt cuộc du khảo. Mọi tài trợ cắt đứt. Trở về Luân Đôn ngay." Bức điện tín đến bất ngờ làm phái đoàn hết sức sửng sốt, Bác sĩ Kavir cho biết một tờ báo ở Luân Đôn đã ghi nhận rằng phái đoàn Khoa học gia ưu tú nhất Anh quốc đã quỳ mọp bên cạnh những đạo sĩ "Trần Truồng" xứ Ấn để nghe dạy bảo.

Dư luận quần chúng hết sức phẫn nộ, đòi Đại Học Oxford phải ngưng ngay các cuộc du khảo và triệu hồi phái đoàn trở về để giải thích. Phái đoàn lập tức lấy xe lửa trở về Bombay.

(Ghi chú: Khi đó Ấn Độ còn là thuộc địa của Anh và vấn đề kỳ thị chủng tộc, giai cấp còn mạnh).

Nhật ký của giáo sư Spalding:

"Thật là bất ngờ khi chúng tôi nhận được bức điện tín, kèm theo đó là một bức thư của Lãnh sự quán Bombay cùng những mẩu báo nói về những Giáo sư Đại học của Hoàng Gia "quỳ mọp" bên cạnh những Phù Thủy Ấn man rợ nghe dạy bảo. Lời tường thuật đầy thành kiến, ác ý của một ký giả thiếu sáng suốt đã phá hoại công trình sưu tầm, nghiên cứu đang diễn ra tốt đẹp. Làm sao có thể giải thích cho quần chúng hiểu rằng ngoài các phong tục, tôn giáo hỗn độn, phức tạp, hoang đường, mê tín dị đoan còn ẩn dấu các chân lý cao đẹp mà người Âu cần nghiên cứu. Đành rằng Ấn Độ đã ngủ say trong bao thế kỷ nay, nhưng trong sự suy đồi vật chất vẫn tiềm

tàng một sinh lực tâm linh mãnh liệt đang chờ đợi được đánh thức.

Chúng tôi đã học hỏi nhiều trong cuộc du khảo này, bài học đầu tiên do một người Anh, thương gia Keymakers đã dạy:

"Để nghiên cứu một cách vô tư và khoa học, người Âu cần gạt bỏ lòng tự kiêu, thành kiến văn hóa chỉ giữ gìn một đầu óc khoa học, phê bình chặt chẽ để có thể xuyên qua rừng người mê tín tìm đến sự thật." Như một viên ngọc quý cần phải được mài dũa, cuộc đi tìm chân lý cũng thế, chúng tôi đã mất mấy năm trời tìm tòi, gạn lọc mới gặp được các vị đạo sư tiêu biểu cho đời sống tâm linh thực sự của xứ Ấn. Nhờ những may mắn tình cờ, chúng tôi đã gặp các sinh hoạt tâm linh cao thượng mà ít người Âu nào có diễm phúc khám phá. Tất cả những chân lý từ trước đến nay chỉ được truyền bá một cách hết sức bí mật, thận trọng, đã được tiết lộ cho chúng tôi. Là một phái đoàn khoa học, chúng tôi đã phân tích kỹ lưỡng, kiểm soát cẩn thận, phê bình chặt chẽ và đặt câu hỏi cho đến khi thật rõ ràng.
Mỗi người chúng tôi đều ghi chép vào sổ tay cá nhân riêng những sự kiện quan sát, sau đó chúng tôi cùng nhau kiểm điểm, bàn luận và kiểm chứng lại tài liệu này cho đến khi tất cả đồng ý là chính xác mới ghi vào hồ sơ chính. Nhờ phương thức này, chúng tôi quả quyết rằng tài liệu ghi nhận hoàn toàn đặt căn bản trên nền tảng khoa học chứ không phải sự tin tưởng hay hiểu biết của một cá nhân.

Chúng tôi hy vọng khi công bố các kết quả này, nó sẽ là một nhịp cầu thông cảm giữa hai văn hóa và thúc đẩy những cuộc nghiên cứu sâu rộng hơn. Sự kiện vừa qua đã thay đổi tất cả và làm sụp đổ mọi kỳ vọng khiêm tốn nhất. Giáo sư Allen tin rằng nếu chúng tôi trở lại Luân Đôn tuyên bố những điều khám phá và giải thích lý do một cách rõ ràng có thể quần chúng sẽ có thiện cảm hơn chăng? Tôi không nghĩ như thế, hiện tại còn quá sớm để thay đổi một dư luận bắt nguồn từ những quan niệm hẹp hòi, những thành kiến và tự hào mù quáng.

Người Âu chỉ nhìn Ấn Độ như một xứ chậm tiến, một thuộc địa dốt nát, mê tín đầy những kẻ thất học, chứ nào thấy được những giá trị tinh vi, những khoa học tiến bộ được che dấu cẩn thận dưới ánh nắng thiêu đốt miền nhiệt đới.

Giáo sư Mortimer và nhóm khoa học gia Hoa Kỳ có ý muốn tách riêng và tiếp tục cuộc nghiên cứu vì xứ Hoa Kỳ dù sao cũng ít thành kiến hơn. Đại học Yale và Harvard sẵn sàng bảo trợ cuộc du khảo, nhất là khi nó đã có kết quả. Với tư cách Trưởng phái đoàn, tôi không muốn thấy công trình tốt đẹp bị gián đoạn nhưng cũng không muốn đại học Hoa Kỳ hưởng kết quả, dù sao tôi cũng là một người Anh với mọi tự hào về truyền thống, Oxford đã đào tạo ra chúng tôi và chúng tôi muốn tên tuổi nó trong cuộc khảo cứu tiền phong này."
Viên lãnh sự lạnh nhạt tiếp đãi phái đoàn trong căn phòng nhỏ. Y chỉ mẫu báo nói về cuộc nghiên cứu đang trở nên một đề tài hấp dẫn, được báo chí khai thác triệt để:

"Các ông nên biết điều một chút, dù sao các ông cũng là những Khoa học gia, giáo sư đại học lừng lẫy, có chân trong hội Khoa Học Hoàng Gia. Các ông là đại diện cho thành phần danh dự, ưu tú nhất nước Anh... Các ông đã làm mất uy tín Hoàng Đế, tại sao các ông không chịu ngồi yên ở Oxford? Cái xứ nóng bức này có gì đâu để khảo cứu..."

Giáo sư Oliver nổi nóng:

"Đó là việc riêng của chúng tôi, anh biết gì mà nói..."

Viên lãnh sự nhếch miệng cười nhạt:

"Đó không phải việc riêng của các ông nữa, nó liên quan đến danh dự Hoàng Gia, danh dự Oxford. Các ông nên biết tôi cũng xuất thân từ Oxford..."

Giáo sư Oliver buột miệng:

"Nếu anh xuất thân từ Oxford thì anh phải biết cuộc khảo cứu này sẽ làm rạng danh đại học của chúng ta, một ngày nào đó người ta sẽ nói rằng chính Oxford đã tiền phong trong việc khảo cứu các hiện tượng huyền bí, các môn Yoga..."

"Yoga? Yoga là cái gì? Ông muốn nói đến một loài thú nào chăng?"

Giáo sư Oliver há hốc miệng không nói thêm lời nào, một sự ngờ nghệch như vậy có thể tha thứ được đối với một công dân tầm thường, vô học, chỉ quanh quẩn nơi xó nhà, chưa hề ra khỏi tầm chuông nhà thờ Westminster... Đằng này y là một lãnh sự, đại diện cho Hoàng Gia, xuất thân từ Oxford và đã sống ở Ấn Độ hơn 6 năm nay. Viên Lãnh sự xem xét thông hành và cho biết Phái đoàn phải rời Ấn Độ ngay trong tuần lễ sau.

****

Nhật ký của giáo sư Spalding:

Trong khi mọi người trở về khách sạn, chờ đợi ngày lên tàu trở về Luân Đôn. Tôi vẫn linh cảm sẽ có một chuyện gì xảy ra, tôi lang thang trong khu phố Bombay đông đúc, đầu óc mơ hồ, không biết phải làm gì. Tôi cố ôn lại những việc xảy ra trong vòng nửa năm qua. Quả thế, từ hôm thất vọng đi lang thang như thế này trong thành Benares, tôi gặp một người Ấn cao lớn, khác thường đã chuyển giao thông điệp của một Chân Sư. Từ đó khắp nơi, phái đoàn luôn luôn được che chở và may mắn gặp gỡ những người dành trọn đời cho việc đi tìm chân lý, những người đã thắng đoạt thiên nhiên, đã chinh phục được các sức mạnh vô hình trong trời đất, đã có quyền năng phi thường... Đúng như lời người đó nói, sự nghiên cứu đã vén mở được những điều phái đoàn muốn tìm kiếm nhưng mọi người vẫn chưa hài lòng. Chúng tôi ao ước được gặp vị chân sư bí mật, một người mà tôi có cảm giác đã quen, đã biết từ một tiềm thức xa xôi nào. Trong giây phút đó, tôi bỗng có một ý tưởng lạ lùng, bằng tất cả sức mạnh tư tưởng tôi ao ước vị chân sư bí mật này hãy giúp đỡ chúng tôi, hay cho chúng tôi gặp mặt.

Đang đắm chìm trong dòng tư tưởng triền miên bỗng tôi giật mình, một cảm giác lạ lùng như một luồng điện chạy dọc theo xương sống khiến tôi mở choàng mắt ra:

Dưới chân một cây cổ thụ cao lớn, cành lá xum xuê, một người Ấn Độ khuôn mặt phương phi, quai hàm rộng, trán cao, một con mắt tinh anh có khả năng thu hút người khác. Còn ai vào đây nữa, chính người Ấn lúc đầu mà tôi đã gặp tại thành Benares, chính người này đã mang thông điệp đầu tiên cho phái đoàn. Tôi vội vã chạy đến mừng như gặp bạn cố tri. Người Ấn mỉm cười:

"Thế nào? Việc nghiên cứu của các ông tốt đẹp chứ? Tôi hy vọng Brahmananda, Sudeih Babu, Mahasaya, Harishinanda, Hamoud El Sari... Không làm các ông thất vọng."

Tôi há hốc miệng, không nói được câu nào. Tại sao người này dường như biết tất cả? Người Ấn mỉm cười:

"Bạn mến, cách đây nửa năm bạn có hỏi tôi rằng các bậc chân sư có thật hay không? Nếu có thật tại sao các ngài không xuất hiện dậy dỗ quần chúng? Sự ẩn dật đâu có lợi ích gì? Lúc đó, trong lòng bạn thật sự không lấy gì tin tưởng về sự hiện hữu của những cá nhân đã tiến xa trên con đường đạo. Tôi đã trả lời rằng, vì không biết rõ các ngài nên quan niệm thông thường không thể xét đoán các ngài một cách đứng đắn. Thực ra các bậc toàn thiện luôn luôn xuất hiện để giúp đỡ thế gian một cách lặng lẽ, âm thầm. Đa số mọi người tin rằng các ngài phải hiện ra trong hào quang rực rỡ, với các phép thần thông biến cõi trần đau khổ này thành một cõi thiên đàng. Điều này sẽ không bao giờ xảy ra...

Khi đó bạn không hoàn toàn đồng ý, là một người Công Giáo bạn vẫn nghĩ rằng đức "Christ" vẫn hứa sẽ trở lại để cứu rỗi tất cả... Thực ra đức "Christ" (Chúa) có bao giờ rời bỏ chúng ta đâu, lúc nào ngài chả luôn luôn bên cạnh ta, giúp đỡ chúng ta. Sự tin tưởng rằng ngài sẽ trở về trong một vầng hào quang sáng chói là một điều không đúng. Chúng ta chỉ quen tìm kiếm Thượng Đế bên ngoài như một đấng toàn năng có thể giúp ta thỏa mãn những điều mong ước chứ không chịu tìm kiếm ở nội tâm, nơi ngài luôn ngự trị. Tôi hy vọng sự tiếp xúc với các đạo sĩ trong thời gian qua sẽ giúp bạn một căn bản vững chắc, một niềm tin mãnh liệt để có thể tiếp tục việc nghiên cứu.

Tôi kinh ngạc đến sững người, không những người Ấn này biết rõ tất cả mà dường như còn đọc được tư tưởng người khác. Người Ấn mỉm cười hiểu ý:

"Các bạn đã được chỉ dẫn về khoa Yoga, các phương pháp dưỡng sinh, cõi giới vô hình, môn chiêm tinh bí truyền, các luật vũ trụ, quan niệm về Phàm Ngã và Chân Ngã... Các bạn đã tỏ ra say mê, thích thú vì đó là điều khao khát bấy lâu nay, có đúng không?

"Tại sao... Tại sao ông lại biết rõ như vậy?

Người Ấn dịu dàng:

"Vì tôi là người được chỉ thị phải giúp đỡ các bạn. Chính tôi đã theo dõi tư tưởng các bạn từ khi phái đoàn vừa đặt chân đến xứ này. Tôi hết sức thông cảm sự bất mãn, buồn phiền, chán nản suốt hai năm đầu khi các bạn đến thăm các đền đài nguy nga, tiếp xúc với các đạo sĩ nổi tiếng nhưng không học hỏi được điều gì mới lạ. Thay vì gặp các bậc hiền triết, các bạn gặp toàn những kẻ bịp đời, những người chức tước, địa vị thật cao mà công phu tu hành, trì giới lại thật thấp. Thay vì gặp những đạo sư có kinh nghiệm tâm linh, các bạn gặp những tu sĩ miệng nói thao thao như nước chảy mà chả biết mình đang nói gì, hình như chân lý cao siêu mà y trích dẫn từ kinh điển không dính dáng gì đến đời sống an nhàn, sung sướng trong các đền chùa đồ sộ của y cả. Tất cả đều là những thử thách cho sự nghiên cứu của các bạn. Một chân lý có giá trị thực sự phải

chịu nổi các thử thách của thời gian. Cuộc đi tìm chân lý cũng thế, nó đòi hỏi một sự cố gắng và một tinh thần khoa học, suy xét để gạt bỏ các điều mê tín, các thành kiến. Các bạn đã xứng đáng được truyền dạy những chân lý cao đẹp đó, tôi mới đến gặp bạn tại Benares và chuyển giao thông điệp của một vị chân sư. Nhờ thế các bạn mới thực sự gặp được những người tiêu biểu cho nền minh triết của Á Châu. Tuy nhiên, như tôi đã nói nếu bạn muốn đi xa hơn để gặp các bậc chân sư thì lại khác..."

"Ông tin rằng chúng tôi có thể gặp các ngài?"

"Dĩ nhiên, nếu các bạn chọn con đường này, nó sẽ là một cuộc hành trình khác hẳn cuộc hành trình vừa qua. Các bạn sẽ không thể đứng bên ngoài mà nhìn vào, để nghiên cứu, ghi nhận như một khách bàng quang.

Cuộc hành trình này phải là một kinh nghiệm cá nhân. Một sự hiểu biết mà không do mình tìm ra, kinh nghiệm ra chỉ là một hiểu biết hời hợt, nông cạn.

Một sự hiểu biết do người khác bằng bất cứ phương tiện nào mang lại cũng chỉ là kinh nghiệm của người đó. Ta không thể trông đợi một chân lý đến từ bên ngoài mà phải biết thế nào là đủ để dừng lại, để trở về. Đi xa tức là trở về, đó mới là con đường đứng đắn.

Cuộc hành trình này không như lần trước "đi ra ngoài", tiếp xúc với các đạo sư, ghi nhận những tinh hoa, soạn thảo tài liệu mà phải là một cuộc hành trình "trở về", một cuộc hành trình "về" phương đông. Các bạn không thể nhân danh phái đoàn đi quan sát, ghi nhận nữa mà phải là một nhóm người đi tìm chân lý và sống với chân lý đã học được. Trong cuộc hành trình này, các bạn sẽ không được công nhận bởi các đại học, dư luận quần chúng. Danh vọng của bạn có thể bị xuyên tạc, điều bạn học hỏi có thể bị chế nhạo, nghi ngờ. Các bạn sẽ hết sức cô đơn, nản lòng, thối chí, có lúc bạn sẽ sợ hãi và đâm ra nghi ngờ những điều đã xảy ra.

Tóm lại, các bạn cần suy nghĩ cho kỹ trước khi quyết định. Nếu trở về Luân Đôn một thời gian, đợi dư luận lắng dịu, các bạn có thể công bố những điều ghi nhận, nhưng mọi người có tin hay không lại là chuyện khác. Nếu muốn tiếp tục, các bạn phải rời bỏ tất cả để làm một cuộc hành trình lên Tuyết Sơn. Đây chính là giây phút quyết định."

"Nếu chúng tôi muốn tiếp tục cuộc hành trình thì phải làm thế nào?"

Người Ấn mỉm cười:

"Tại sao bạn cứ hỏi tôi phải làm gì? Tôi phải làm thế nào? Nếu muốn các bạn chỉ việc lên đường, có thế thôi."

Định mệnh con người luôn luôn có những thay đổi lớn, mặc dù không thấy rõ nhưng chúng ta vẫn vô tình tiến đến mục tiêu đã vạch sẵn. Không đầy hai tuần lễ sau, chúng tôi đã đứng trong làng Potar, ngay sát chân dẫy Hy Mã Lạp Sơn hùng vĩ. Chúng tôi đã bỏ lại tất cả, danh vọng, địa vị, đoạn tuyệt với thành kiến, tự ái cố hữu của người Tây Phương.

Cuộc hành trình về phương Đông của chúng tôi bắt đầu...

HẾT

Ở thời đại mà thiết bị di động đang dần thay thế sách truyện truyền thống, hàng trăm trang "web truyện" được xây dựng với tốc độ chóng mặt. Chính vì thế chọn lựa được thật là khó. Luôn cập nhật những đầu truyện, chương truyện mới nhất.

- Chính vì thế chọn lựa được thật là khó. Luôn cập nhật những đầu truyện, chương truyện mới nhất. Xây dựng một "vũ đài" thỏa mãn đam mê viết truyện của bạn. Chém gió, luận bàn đã có hệ thống diễn đàn và Fan page.Với hệ thống file Ebook phong phú, đầy đủ, bạn có thể nhàn nhã ngồi đọc ở bất cứ nơi đâu. Giao diện đơn giản, phân chia từng mục- từng thể loại hợp lý, chức năng tìm kiếm tối ưu mà không trang web truyện nào có được...

- Đó là những gì bạn cần? www.dtv-ebook.com sẽ đáp ứng tất cả. Hơn thế nữa, www.dtv-ebook.com được xây dựng bởi những người có lòng đam mê nhiệt tình với sách truyện, đội ngũ kỹ thuật viên hùng hậu luôn đột phá về ý tưởng, tự làm mới chính mình.

-Được gọi là " sinh sau đẻ muộn" nhưng với tiềm năng và sức mạnh của mình, trong tương lai ngắn, www.dtv-ebook.com chắc chắn sẽ làm hài lòng tất cả các bạn Hoan nghênh bạn đến với www.dtv-ebook.com!